

TRẦN VIỆT NGŨ

HÁT XẨM



NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC
HÀ NỘI - 2002

HÁT XẤM

TRẦN VIỆT NGŨ
Sưu tầm - Tuyển chọn - Giới thiệu

HÁT XÃM



NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC
HÀ NỘI - 2002

**SÁCH ĐƯỢC XUẤT BẢN VỚI SỰ TÀI TRỢ
CỦA QUỸ ĐAN MẠCH PHÁT TRIỂN, HỢP TÁC, TRAO ĐỔI
VĂN HÓA GIỮA VIỆT NAM VÀ ĐAN MẠCH.**

Mã số: $\frac{78 - 781}{AN - 2002}$ 194/1-2002

Lời nói đầu

Hát xẩm loại ca nhạc đặc biệt của lớp người mù lòà trước đây rất được nhân dân ta ưa thích, chẳng kể nông thôn hay thành thị. Bất cứ ai nghe Xẩm hát một lần, đều giữ lại ấn tượng sâu sắc với cảm nghĩ đậm đà.

Trên các bến đò quán chợ, nơi đông người qua lại, bác Xẩm mù lòà cùng vợ (hoặc con, đôi khi cả vợ và con) ngồi trên manh chiếu nát, đem hết tâm trí phả vào câu hát ngón đàn, mong làm vui lòng thích tai những người nghe, xem đứng vây quanh, chờ họ thưởng cho đồng tiền bát gạo tùy lòng. Trong điều kiện xã hội khi ấy, Xẩm là người phổ biến truyền lan tốt nhất những tục ngữ dân dao qua những chuyện sinh hoạt, những cảnh bất công xã hội, cả những truyện cổ, truyện nôm hay cổ tích, thần thoại. Đáng quý ở chỗ, Xẩm không y vào tặt nguyên để chìa tay xin thập phương bố thí, mà lo trau dồi câu cú ngón đàn để làm vui cho mọi người, đổi lấy miếng cơm manh áo hàng ngày.

Tiếc thay, trước nay có quá ít trang viết nói đến loại ca nhạc này. Đôi cuốn nhắc sơ qua và trích dẫn đôi ba bài *xẩm nhà trò* rồi đánh giá lệch lạc, với con mắt khinh khi.

Sau ngót hai chục năm làm việc với một số làng Xẩm và số Trùm Xẩm, Trưởng Xẩm, nhất là thời kỳ huy động Xẩm đi tham gia Chống di cư

ở vùng Duyên hải phía Bắc cuối năm 1954 đầu năm 1955, chúng tôi chọn lọc ghi chép trực tiếp từ các nghệ nhân từng hành nghề vài chục năm, sưu tập và giới thiệu với đồng đảo bạn đọc một phần của kho tàng ca nhạc đáng quý này.

Đây là công lao bảo tồn gìn giữ sáng tạo có thể nói của lớp lớp nghệ nhân Xẩm phía Bắc đọc lại cho chúng tôi ghi, qua các Bác Trùm (Nguyễn Văn) Nguyên (Hà Nội), Trùm (Nguyễn Văn) Khoản (Hải Phòng), Trưởng (Nguyễn Phong) Sắc (Hải Dương), Trưởng (Trần Thị) Thìn (Sơn Tây), Trưởng (Trần Thị) Nhón (Nam Định), Trưởng (Đình Văn) Quới (Yên Bái), Hai Cầu (Ninh Bình), Trùm Sỹ (Thanh Hoá), Năm Kinh (Nghệ An).

Mấy năm 1996, 1997 làm việc với Nghệ nhân Xẩm sáng, từng theo chồng Xẩm phục vụ Đợt Chống di cư 54 ở Kim Sơn (Ninh Bình) là Hà Thị Cầu, chúng tôi có dịp soát lại những gì đã thu thập từ trước, đồng thời bổ sung 2 bài "mới" vào tuyển tập, có ý giúp bạn đọc so chiếu với bài sau tám thời kỳ 50, 60 để thấy mức độ chuyển hoá thích nghi cả nhớ sót bài bản của Hát Xẩm.

Suốt mấy chục năm làm công trình này, chúng tôi còn được Cố Thi Sĩ Tú Mỡ, Cố Văn sỹ Triều Dương và Nhà Nghiên cứu văn hoá Vũ Xuân Quang cung cấp, hiệu đính cho một số bài.

Xin các Lão nghệ nhân Xẩm và các Vị nhận cho lòng chân thành biết ơn của chúng tôi.

Công trình **Hát Xẩm** hoàn tất nhân kỷ niệm **30 Năm Thành lập Hội Người mù Việt Nam** và được **Quỹ Đan Mạch phát triển, hợp tác và trao đổi văn hoá giữa Việt Nam và Đan Mạch** tài trợ.

Hà Nội, tháng 10 năm 1997

TRẦN VIỆT NGŨ

mấy nét về

HÁT XẨM

Hát Xẩm, loại ca nhạc truyền đời của những người mù loà đói nghèo ở Việt Nam. Xưa kia, *hát xẩm* rất được dân lao động ở nông thôn và thành thị ưa thích.

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, ở những tụ điểm dân cư đông đảo, người ta thường gặp từng tốp nhỏ, chồng xẩm theo vợ (hoặc con), dắt đi hát kiếm ăn. Xẩm quờ quạng kẹp nách cây đàn (*bầu, nhị* hoặc *hố*), tay cầm khẩu *trống mảnh*; vợ xẩm cắp chiếc chiếu nát, giắt lưng đôi senh cặp kè, tay cầm chiếc chậu thau bẹ, tay nắm đầu gậy dẫn chồng đi. Ban ngày họ lang thang tìm chỗ kiếm sống, khuya đến lại lần về cội cây, quán lều bỏ trống ngả lưng. Xẩm thường làm nghề cạnh những quán nước, cổng chợ, các bến tàu xe, các chuyến dò ngang, dò dọc; đặc biệt là những dịp hội hè đình đám nơi thôn xóm.

Chọn được địa điểm ưng ý, xẩm trải chiếu, dạo nhạc, hát vài câu động khách. Chừng người đến đã đông đông, xẩm ước hỏi khách thích nghe câu nào, điệu nào để đàn hát trúng ý thích của khách. Qua vài bài hát thờ, vui có, buồn có, xẩm nhắc khéo khách "thương dăm ba xu khuyến khích nhà nghề". Hát dăm bảy bài mà vẫn chưa nghe tiếng tiền

thường ném vào chậu, xem chừng khó khăn, xẩm lạng lẽ cuốn chiếu, bảo vợ con dắt đến nơi khác...

Đôi khi gặp người cao hứng muốn nhờ xẩm hát để "tò tình bóng gió" với "ai" kia, hoặc có đám thanh niên kéo nhau ra dốc đê, gốc đa, đòi xẩm hát cho nghe những câu trao duyên hò hẹn, thì xẩm liền hào hứng đáp ứng, tạo thành đám hát vui vẻ nhộn nhạo. Gặp làng kéo hội mà có vài ba tốp xẩm cùng đến, thì chỉ thoáng chốc, họ đã kết hợp thành một đám rôm rả, đủ cả *nhị, bầu, hổ, trống mảnh, cặp kè*, có giọng nam (rè), giọng nữ, giọng trẻ con hát đồng thanh, lạnh lót nghe dễ thương.

Xẩm sống cực khổ rách rưới, hàng ngày theo vợ con dắt đi đàn hát giúp vui mọi người kiếm miếng. Tuy bản thân bị tàn tật, song nhờ có chút năng khiếu nghệ thuật, xẩm không cam phận ăn mày bố thí, mà cố đem tài riêng làm vui mọi người đổi lấy lưng cơm. Ban đầu, có thể xẩm chỉ cốt lấy ăn sống qua ngày. Sau thấy được nhiều người trân trọng ưa thích, cảm thương cảnh ngộ giúp đỡ thật tình, xẩm dần tự hào về tài mình, về công việc mình làm, và càng chú ý trau dồi nghề nghiệp, tạo nên số ngón riêng, nét riêng ngày mỗi đậm đà.

Xẩm hành nghề theo sinh hoạt thời vụ của đồng bào ở xã hội nông nghiệp: 3 tháng Xuân xẩm đi *hát chúc* các gia đình khá giả hoặc theo các đám hội làng; tháng 5, tháng 10 gặt hái, xẩm đi hát trên các chặng nghỉ, bến đò, bến xe, cổng chợ...; tháng Một, tháng Chạp xẩm đi theo các đò dọc bè xuôi, trên tàu xe đường dài...

Ở một số tỉnh phía Bắc, nghệ nhân tập hợp tổ chức nhau thành *làng xẩm, hội xẩm* theo đơn vị tỉnh, thành. Đứng đầu làng, hội có các *Bô*, phân ra *Bô nhất* (trên 70 tuổi), *Bô nhì* (trên 62 tuổi) và *Bô ba* (trên 56 tuổi). Trực tiếp điều hành công việc của làng, hội là *Trưởng nhất* trông coi mọi việc chung, có *Trưởng nhì, Trưởng ba* giúp đỡ đôn đốc các tốp lớp nhỏ.

Một thời, xã Hà Nội, rồi Hải Phòng đặt thêm lệ mua Trưởng. Danh vị *Bô* thì là từ tuổi đời với trình độ nghề nghiệp và đạo đức nhất định. Nhưng "lên" chức *Trưởng* (thường gọi là *Trùm*) thì phải do làng hội bầu hai năm một lần, và dịp giỗ Tổ, do các Tốp đề cử. Cũng đôi khi có nghệ nhân tự xin ứng cử. Tiêu chuẩn đòi ở người Trưởng là trình độ "đàn ngọt, hát chín", làm ăn đứng đắn, đạo đức, giao tiếp tốt. Do phải giao thiệp với các quan đám nhiều nơi, cũng có phần do tư tưởng phong kiến hẹp hòi, nhiều nữ nghệ nhân giỏi nghề được bà con nể vì mền chuộng mà vẫn không được làng hội bầu làm *Trưởng nhất*; như bà Trùm Nhón ở Nam Định, đàn hát sắc sảo là thế mà chỉ được bầu là *Trưởng ba*; nữ xã Hai Thìn ở Sơn Tây tuy cả làng tín nhiệm cũng chỉ dám nhận chức *Trưởng nhì*, và nhường nhiệm vụ *Trưởng nhất* cho một nam nhân ít người tin cậy hơn.

Trưởng bầu 2 năm một lần, vào kỳ giỗ Tổ đầu năm. Hết hạn không được bầu lại thì về làm *Trưởng cựu*. Do quan niệm để đàn em tập làm cho quen việc, do làm Trưởng phải quán xuyến nhiều việc của làng hội, mà có về làm Trưởng cựu vẫn được ưu tiên khi phân nơi hành nghề, nên ít nghệ nhân muốn làm Trưởng liên hai nhiệm kỳ. Vậy nhưng nghệ nhân nào cũng mong được bà con đề cử ra làm Trưởng. Vì đây vừa là chức vị cao nhất trong làng xã, hội xã, vừa là dịp mọi người nghề công nhận trình độ đàn hát và đạo đức của mình.

Trưởng thường gọi là *ông Trùm*, *bà Trùm* có nhiệm vụ dàn xếp các cuộc tranh chấp làm ăn, chia khu hành nghề cho từng tốp, trợ giúp kẻ ốm yếu, bị tai nạn khi hành nghề, tổ chức họp làng vào các dịp tết nhất, tổ chức đánh giá các cuộc *hát thờ* mỗi lần giỗ Tổ, tổ chức dạy đàn hát cho con em các tốp... Các Trưởng được chu cấp theo mức cho phép đã thông qua hội làng.

Làng Xãm thường có khu đất riêng làm Trụ sở, lấy chỗ họp thường kỳ. Thông thường là chỗ bãi đất hoang, ông bà Trùm vận động xin xỏ lý

dịch sở tại "lờ" đi cho, rồi tập trung bà con các tổp dọn dẹp, dựng lều, làm nơi hội họp. Như Hội xẩm Hà Nội có trụ sở tại bãi Thuốc lá Yên Phụ, Hội xẩm Hải Phòng ở đầu xóm Cầu Đá; làng xẩm Nam Định ở cuối Đường Goòng đầu phố Cổng hậu; làng xẩm Bắc Giang ở Thùng dậu; ... Hàng năm xuân thu hai lần, bà con làng xẩm, hội xẩm lại tập trung làm lễ giỗ Tổ vào hạ tuần tháng Hai và hạ tuần tháng Tám âm lịch: Hà Nội lấy ngày 22 tổ chức lễ hội kéo đám trong vùng quy định, mà không phải do tục hèm nào của nghề xẩm chi phối: miễn sao đây là mấy ngày rỗi rãi, nắng ráo.

Lễ giỗ tùy nơi, tùy lúc tiến hành trong 3 ngày hoặc 2 ngày; năm nào làm ăn 'khó khăn chỉ tổ chức 1 ngày. Khi nào có điều kiện tổ chức "quy mô" đủ 3 ngày, thì ngày đầu tiên, gọi là *túc yết*, Ban Điều hành phân công các tổp, cả vợ con nhà xẩm, lo dựng rạp, trang hoàng ban thờ, sắp xếp bàn ghế, chuẩn bị rượu chè hương hoa oản quả, trưa các tổp ăn cơm thường; tối đến đèn nhang để *Bô nhất* hoặc *Trưởng nhất* áo khăn chỉnh tề khăn vái Thánh sư, có đồng đạo nhà nghề và bà con dự bái cầu xin; tiếp đó là *hát thờ* do số nghệ nhân "lành nghề" tấu nhạc và hát số bài "ruột" của tổp mình, có các Bô, các Trưởng và bà con ngồi nghe, bình phẩm học tập.

Ngày thứ hai gọi là *thường yết* thì làm lợn, đồ xôi với lễ vật hương đèn đầy đủ, thấp sáng liên tục; các Bô, Trưởng, nghệ nhân luân lưu vào khăn vái; tối đến các tổp lại sân sư nhau tấu nhạc và hát thờ. Ngày thứ ba gọi là *chính yết* thì từ cuối giờ mao đầu giờ thìn có cuộc tế lễ long trọng: toàn thể nghệ nhân và bà con ăn mặc sạch sẽ túc trực ngồi nghiêm trước bàn thờ giữa đặt bài linh Trấn Thánh sư, có đỉnh trầm nghi ngút xông hương, hai bên đặt đôi đèn hạc thấp sáng, đôi lọ hoa ngũ sắc cùng vật phẩm của làng, của các tổp, cả của các nhóm bên ngoài hành hương tạt qua. Có ý cho rằng vật phẩm càng nhiều càng chứng tỏ kết quả làm ăn của bà con, càng làm vui lòng Thánh sư, do đó sẽ được Thánh sư ban lộc đủ đầy.

Ba hồi trống cái đình đặc tể cáo Trời Đất, Thánh Thần, xua đuổi tà ma ngỗ nghịch và nhắc mọi người yên vị chú tâm. *Bộ nhất* ăn vận chỉnh tề, có 2 em nhỏ trợ giúp, bước vào, bắt theo tiếng nhạc hát cúng hương hoa (có khi hát cúng thêm dâng trà quả thực). Tiếp đến *Trường nhất* đàn tay đưa cao ngang trán bước vào giữa chiếu hướng lên ban thờ bái lạy 3 lần, rồi thông thả xuống khấn bản văn nôm, có trống nhạc điểm câu phụ họa. Văn khấn của làng xã Hà Nội, do ông Trùm Nguyễn đọc mấy năm nửa đầu thập niên 50 như sau:

"Năm... tháng... ngày... Nhân ngày lành tháng tốt, Chúng đệ tử thuộc bản hội Trung ca (chỉ Hát Xẩm - TVN) ở Hà Nội tâm thành khấn nguyện Trần Thánh sư lễ mọn gọi là... Kính thỉnh Thánh sư lai lâm chứng giám phù hộ độ trì anh chị em và bà con trong làng hội bên chân đẽo tay, đàn ngọt hát chín, đến đâu làm ăn đều được các đám xóm bên bãi cảm thương, đón đỡ tận tình, để cháu con hành nghề suôn sẻ, ngày một phấn phát hanh thông. Cẩn cáo".

Khấn xong, chủ tế hoá văn, quỳ lạy 3 lần, đoạn đứng dạy bước lùi về mé phải, để đàn em lần lượt theo chức sắc và tuổi nghề bước lên khấn vái xin Tổ phù hộ ban lộc. Khi hành lễ, nhạc cử theo các điệu chính thống của nghề, vừa có ý tri ân Thánh sư, vừa gảy, không khí bằng âm hưởng loại hình. Những kẻ sáng mắt (như vợ con đi theo chồng, cha làm nghề) không phải hành lễ, tuy sau đó, vẫn thể lễ bái khấn Tổ tùy tâm. Buổi trưa, mọi người cùng hưởng cỗ Làng, không phân biệt vợ con trong ngoài. Nghề nhân nơi khác gặp ngày giỗ Tổ, có chè cau, chai rượu và hương hoa trình làng cũng được chung vui với mọi người.

Buổi chiều, làng họp, dưới sự điều khiển của Trường Nhất để bà con, sau khi nghe Trường Nhì "báo cáo" tình hình, có nhận xét các việc trong làng thời gian qua, nêu lên những ưu điểm và những thiếu sót của Ban Điều hành, góp ý giải quyết những vụ tranh giành điểm hát giữa các

tổp nhà, thậm chí các vụ xô xát của xẩm nhà với xẩm tỉnh ngoài,... Hai lỗi bị coi là nặng nhất đối với nghề xẩm là tội thông gian giữa các tổp xẩm và tội ăn cắp chẳng kể giữa xẩm với nhau hoặc với dân xóm bên ngoài. Kẻ tái phạm có thể bị đuổi khỏi phạm vi hành nghề của làng.

Buổi tối lễ tất, có hát thờ, song nghiêng về giáo dục nội bộ. Đêm này thường là do tổp của ông Trùm vừa được bầu đem ra phô tài có ý hầu Thánh xin Thánh ban lộc, song cũng muốn khoe với bè bạn tài nghệ của mình. Đôi khi có tổp xin được hát hầu Thánh ngấm ý tự giới thiệu mức nghệ với bà con, hy vọng năm sau ứng cử chức Trưởng sẽ được mọi người chấp thuận.

Nghệ nhân xẩm rất coi trọng các cuộc *hát thờ*, không chỉ để nhà nghệ tỏ lòng tri ân thánh sư, khoe tài trở ngón với bạn nghề, mà còn là dịp hiếm quý cho mọi người học tập lẫn nhau bài hát mới, làn điệu mới, ngón đàn mới; từ đấy, trình độ nghệ nghiệp ngày mỗi nâng cao, nội dung đề cập ngày mỗi mở rộng, ngõ hầu đáp ứng kịp ước muốn thưởng thức của người nghe, xem.

Về cơ cấu tổ chức và cung cách hành nghề, các làng hội xẩm từ Nghệ An, Thanh Hoá trở ra đều cơ bản giống nhau. Chưa nghe nói xẩm ở Huế họp thành "làng", tuy nghệ nhân cũng có những tổp kiếm ăn "tự do"; họ có làn hát mang nhiều âm hưởng của ca Huế, hò Huế, gọi là *xẩm Huế* và điệu *ba bức* gần giống *xẩm nhà trò*; họ thường hát xen *ca Huế* cùng các điệu dân ca Trị Thiên,... Từ Quảng Nam trở vào, hay gặp những người mù loà đi *hát rong*, *hát dạo* với cây nhị, cặp sênh, thường dùng các loại dân ca bản địa như *kể vè*, *hó thai*, *hát nhân ngãi*,... Đôi người hát *điệu hành khất* mượn bên nhạc Tuồng,... Ở Nam Bộ những người mù loà cũng đi hát rong lẻ tẻ, dùng *nói thơ*, *nói lô tô*, *ca vọng cổ*, *ca nhạc tài tử*, cả *lý hò*, với cây *ghita*, cây *nhị* kèm theo bộ tăng âm... Không thấy xẩm phía Nam hát số điệu xẩm thông dụng truyền thống ở phía Bắc, cũng chưa nghe nói trong đó có làng xẩm, hội xẩm.

Phải chăng việc tổ chức làng xẩm hội xẩm trước đây chỉ có ở mấy tỉnh phía Bắc? Cách tổ chức nghề nghiệp ấy mang tính phường hội rõ rệt, tuy có chịu một phần ảnh hưởng của cơ cấu hương đảng ở nông thôn đương thời, song vẫn nổi rõ tính cộng đồng dân chủ nhất định.

Vấn đề đặt ra là liệu trong xã hội cũ, những người mù loà làm nghề xẩm không được học hành gì, không nhìn thấy thực tiễn mà chỉ cảm nhận xã hội trước mắt, mọi việc đi lại ăn ở đều phải nhờ vợ con dẫn dắt giúp đỡ, thì làm sao tự tìm nhau mà họp lại tổ chức thành làng, thành hội? Có thể chăng phong kiến thực dân thống trị đã sai người đứng ra tổ chức họ lại, vừa để khai thác hoạt động văn hoá của họ cho dẫu không bao nhiêu, vừa giải quyết một thực trạng xã hội không mấy "tốt đẹp" cho bộ mặt đương thời?

Về loại hình, nghệ nhân tự đặt nghề hát xẩm vào hàng *trung ca* cùng dạng với *hát chèo*, và phân biệt *hát tuồng* thuộc hàng *vô ca*, *ca trù* thuộc hàng *văn ca*. Ông Trưởng Nguyên, ông Bô Nguồn giải nghĩa: gọi xẩm là *trung ca* do nội dung các bài ca của nó nói nhiều đến lòng trung thực và đức hiếu nghĩa của con người. Các ông Trưởng Quới, Trùm Khoản lại nghiêng về nghệ thuật, cho rằng vì xẩm không dùng hát múa và diễn xuất "mạnh mẽ" như bên *tuồng*, cũng như không dựa theo đàn hát để nhằm thưởng văn, khoe giọng như bên *ca trù*, mà trái lại, nó có tạo nên số nét riêng, thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh sinh hoạt của lớp người mù loà có năng khiếu văn nghệ nhất định.

Nghệ nhân xẩm ở các làng hội đều truyền tụng cho nhau sự tích về vị Thánh sư họ Trần, Tổ nghề. Truyện kể rằng;

"Vua Trần Thánh Tông sinh được 2 hoàng tử, đặt tên là Trần Quốc Toản và Trần Quốc Đĩnh. Toản là anh, tính tình hung bạo, học hành biếng nhác, chỉ ham chơi lêu lổng. Đĩnh trái lại tính nết lành hiền, cần kiệm chăm chỉ, được Vua cha và mọi người yêu mến. Toản thấy vậy sinh đố kỵ, ganh ghét với em. Một hôm, 2 anh em vào rừng săn bắn, Đĩnh may

mắn nhất được viên ngọc. Toán nổi lòng tham, lấy dao chọc mù mắt em, đánh em chết ngất rồi đoạt ngọc đem về. Fiễn tâu với Vua cha là Đĩnh đã bị hổ lang ăn thịt và dâng cha viên ngọc quý”.

“Ở trong rừng, Đĩnh được những người đi kiếm củi cứu mang cứu chữa. Thời gian sau, chàng khoẻ lại, nhưng hai mắt không còn. Thấy rõ tâm địa anh, Đĩnh chán ngán, không muốn trở về cung. Rồi rồi, chàng kiếm khúc song mây, đoạn cước, chế ra cây đàn và tự soạn những khúc hát làm vui mọi người chung quanh. Những câu hát, điệu nhạc ấy được xóm làng ưa thích, nhanh chóng lan truyền khắp nơi...”

“Ở kinh thành, Vua vì hành được nghe, lấy làm vừa lòng mới sai quân đòi người hát vào cung kể lại ngọn ngành. Biết ra, Vua cho tìm người đặt ra những khúc hát ấy về châu để ban thưởng. Đĩnh về triều tâu Vua cha đầu đuôi câu chuyện. Vua nổi giận, sai quân chém Toán, nhưng Đĩnh nhân từ, xin cha tha cho anh. Vua ưng thuận, giáng Toán xuống làm thứ dân, đuổi khỏi kinh thành. Song Toán vẫn không tu sửa tính nết, sinh trộm cắp, đi đâu cũng bị người người phi nhổ”.

“Còn Đĩnh nhờ mài ngọc quý pha nước suối rửa mà 2 mắt sáng trở lại như xưa. Những người mù loà trong nước bảo nhau học tập các câu ca ngón đàn ấy, lấy làm nghề sinh sống và truyền cho người sau đời đời ghi ơn Thánh Tổ”.

Các nghệ nhân cao tuổi ở làng hội xẩm Hà Nội và các tỉnh đều ghi nhớ và trân trọng kể lại truyền thuyết này, tựu trung căn bản giống nhau trên mấy điểm: xuất thân của Thánh Tổ, lý do Tổ bị mù mắt, nguồn gốc cây đàn xẩm (đàn song, đàn bầu), ngọc chữa sáng mắt... Không thấy sử sách nào chép lại chuyện Quốc Toán, Quốc Đĩnh như trên. Quả rằng vua Trần Thánh Tông có 2 con trai, nhưng sử ghi rõ tên Thái Tử Khâm, sau là vua Trần Nhân Tông, và một nữa là Tả Thiên Vương Đức Việp tư cách rất đáng kính. Đừng quên, nền ca nhạc đời Trần khá phát triển, nhiều vua quan chẳng những thích nghe nhạc, chơi nhạc mà còn không ít vị sáng

tạo cả cây đàn, bài hát đời sau vẫn truyền tụng, như các vua Trần Thánh Tông, Trần Nghệ Tông, Trần Dụ Tông,..., các quan Trần Nhật Duật, Nguyễn Sĩ Cố, Dư Nhuận Chi,... Đến mấy công chúa về địa phương hướng dân khai hoang lập trang ấp, cũng sáng tạo điệu múa "lạ" cho mọi người chơi vui, như điệu múa *Giáo cờ giáo quạt* đúng chủ thể ở Hội làng Giăng (Thái Thụy, Thái Bình) ghi rõ do công chúa Quý Minh và công chúa Bảo Hoa, con gái vua Trần Anh Tông nghĩ ra, khả dĩ cho phép xuất hiện loại ca nhạc "riêng" cho những kẻ tàn tật đôi mắt?

Dẫu sao câu chuyện về vị Tổ nghề xẩm cũng chứng minh (và tự hào, ở xã hội cũ) nguồn gốc và dòng dõi cao quý, rằng những câu ca ngôn dân của xẩm là rất hay, nảy sinh từ gan ruột và tâm linh con người đến vua chúa cũng thích nghe; đồng thời nó còn bộc lộ tinh thần lạc quan yêu đời của lớp người mù loà, cố vượt qua cảnh ngộ khó khăn mà ngoi lên kiếm sống bằng lao động nghệ thuật của chính mình, cùng đồng viên nhau yêu nghề, bảo vệ nghề và tin vào tiền đồ của nghề.

*

* *

Nội dung các bài hát câu chuyện của Xẩm khá phong phú. Ngót 400 bài và tuyển xẩm thu thập được hầu hết là những sáng tác truyền miệng, không ai nhớ tên "tác giả", đã phần nào phản ánh nhiều mặt sinh hoạt của nhân dân trong từng thời điểm nhất định, biểu lộ phần nào tâm tư ước vọng của tầng lớp lao động, nông dân và thị dân, nói lên khá rõ ý thức của đa số người nghèo trước những biến thiên xã hội đương thời.

Số lớn nghệ nhân xẩm chịu thất học vì tàn tật từ bé. Họ học bài học điệu tập đàn trong khi theo cha anh đi làm nghề. Tối lúc khả năng hát được một mình, họ phải nghe ngóng "thị hiệu" xung quanh, rồi vận dụng hết mức tài nghệ để kịp đáp ứng yêu cầu sớt dèo tại chỗ của thính giả. Điều đó rèn cho nghệ nhân sự cảm ứng nhạy bén mà uốn câu nắn điệu thích hợp; đồng thời nâng dần giá trị nội dung và hình thức cốt sao thoả mãn nỗi số đông khách nghe.

Nổi lên trong nhiều bài nhiều câu là một tinh thần chống đối khôn khéo bền bỉ với trật tự thống trị đương thời, ca ngợi hết lời những người anh dũng đấu tranh cho tự do dân tộc. Như *Bà Ba Cai Vàng*, thiên anh hùng ca nêu cao chí khí một phụ nữ tỉnh Bắc theo chồng nổi lên chống triều đình. Cầm đầu một đội "thiên binh" xuất trận, bà Ba và chồng đánh cho quân trào "thất tán lao đao"; đến khi thấy thời cơ chưa đến, bà mạnh dạn giải tán nghĩa quân và rút vào bí mật... *Bắc tình ca* ghi lại những tai họa xảy ra trên miền Bắc khi quân Pháp vào xâm lược, nêu cảnh nhân dân chịu trăm chiều điều đúng vì triều đình bất lực uơ hèn và vạch rõ nguyên nhân mất nước là "bởi chúng ta chẳng đồng lòng". *Về cụ Đế Thích* vừa nêu gương mưu lược chí dũng của vị anh hùng Yên Thế, vừa rất mực đề cao vai trò đặc biệt của Bà Ba... Hoặc *Về ông Đội Cấn* kể lại cuộc khởi nghĩa thất bại một cách hết sức lạc quan...

Số bài khác bằng nhiều hình thức sinh động, đã khéo gợi nhắc lòng yêu nước thương dân, hô hào mọi người đứng lên chống đối lại thống trị; khi bóng gió xa xôi, như *Nói ra mang tiếng khinh đời*; khi dùng ám dụ có ý thức tình, như *Con gà nó gáy cục cu*;... Tới lúc phong trào dâng cao thì dùng lời lẽ mạnh mẽ, như *Bài ca cổ động*, *Dân ta có tội chi mà*,... hoặc đi vào tình cảm riêng tư, như *Cha khuyên con*, *Vợ khuyên chồng*...

Điểm nữa nổi lên trong nội dung các câu bài của xẩm, là tuy không được nhìn thấy cuộc sống trước mắt song nhờ tai nghe vô vàn chuyện nhân tình thế thái, xẩm tỏ ra rất thông cảm với mọi hoàn cảnh mất mát khổ đau của tầng lớp nghèo, nên khi thì nhẹ nhàng châm biếm số chị em "đem thân làm đồ chơi cho quý trắng", bài *Yếm đỏ hoa hiên*; khi kể nỗi nhớ mong của vợ con những kẻ đi lính cho Tây, bài *Bóng giăng thấp thoáng*, *Sao nhặt giăng mờ*,... ; khi lên án những hiện tượng xã hội xấu xa, như *Gái 5 con chưa hết lòng chồng*, *Chồng em nó chẳng ra gì*,...; khi chê trách dè bừa những cảnh bê tha bệ rạc, như *Chớ học thói nghiêng*, *Cờ bạc là bác thằng bán*...

Xẩm lại giành riêng điệu *Phồn huê* để kể nỗi khổ cực của một số chị em thị dân, phải đầu tắt mặt tối vất vả đêm ngày mà không mấy ai biết đến, không được tự định đoạt số phận mình, như *Lênh đênh mặt nước cánh bèo*,...; Hoặc nói những day dứt tâm tức của số chị em goá trẻ, phải giam hãm cuộc đời trong cô đơn tẻ nhạt, như *Hoa nở mấy lần*,... Xẩm cũng dùng giai điệu anh em sinh đôi về cấu trúc và hơi nhạc với số bài hát của Hề chèo.

Cũng giống vậy, xẩm có hát *Thập ân* kể công ơn cha mẹ nuôi dưỡng con cái, từ lúc mang thai đến khi khôn lớn, có nội dung và hơi kể na ná bài *Chèo thập ân* dùng trong các đám tang bên Thích, rất được bà con nông thôn đòi nghe...

Hát xẩm còn là bản tình ca dài đủ mọi cung bậc được hát và đàn hết lòng, song nghệ nhân ít chịu dấn mình hoà nhập vào các tình huống, mà đầu da diết thăm thiết mức nào, vẫn "bị" thể hiện với chút hài hước bàng quan, có khi đùa cợt nhẹ nhàng. Những "khách tình" trong hát xẩm thường phải tha phương cầu thực, dẫu dãi phong trần, nên thường không hẹn mà nên chứ không có xếp đặt sẵn, như *Tình mới gặp tình*, *Tiền lối đi về*,... Nhiều cuộc tình bắt đầu bằng miếng trầu và khi đã yêu nhau thì "không quản khó nghèo", như *Sáng cả đêm rằm*,... Họ tặng nhau khi là khâu yếm, khi là vuông khăn, như *Hồi có yếm đỏ*, *Cùng đóc một lòng*... Rồi xa nhau thì "thương nhớ khôn nguôi" và trách gió, hờn mây, như *Tưởng khách xa xẩm*, *Ra đứng mà trông*...

Thấy ra, tình yêu trai gái qua hát xẩm thiếu chất nồng ấm đậm đà bay bổng như dân ca huê tình các vùng, do hạn chế của tật nguyên và cuộc sống bản thân nghệ nhân. Nhưng hát xẩm vẫn cho thấy rõ tính hiện thực chiến đấu gắn bó với tính nhân văn trữ tình, hoà lẫn với niềm lạc quan cao độ: tin yêu vào cuộc sống con người, vào trí lực và khả năng mình, với những ước mơ lãng mạn ham hố.

Thật vậy, ở hát xẩm tiếng cười nhiều hơn, thường là át tiếng oán than. Bên cạnh vô số nụ cười nhẹ nhõm khi nói cô vợ "đa tình" mong sao

"thuốc ông Biển Thước chẳng hay", khi cười khẩy những kẻ không biết "miếng ăn là miếng nhục", những người vợ "nhanh nhẩu đoàng", những anh chồng dở hơi khờ dại... là không ít trảng cười thô lậu dễ dãi khi dùng diễn xuất cường điệu sự việc quá đáng về *Cô hàng chủa ngoa*, dùng lộng ngữ ngoa ngữ, có lúc phản ngữ khi kể truyện *Quá giang* hay *Hai ông một bà*, dùng yếu tố bất ngờ hoặc lấy ngay cái "tục" làm phương tiện như trong *Ông thần rùa*, *Truyện chấy rận*...; tất cả, kèm theo những "động tác" biểu diễn đơn giản như nheo mắt, nhếch mép, vẩy tai, nghiêng cổ, rướn người,... cốt sao người nghe xem vui vẻ chấp nhận xuê xoa...

Phải chăng đây cũng là một khía cạnh đặc thù của hát xẩm, bởi về căn bản, hầu như các bài xẩm đều toát lên lòng yêu đời tha thiết, lòng trân trọng phụ nữ, ước vọng sống lứa đôi trong cuộc đời no đủ. Ngay số nhân vật lịch sử vào hát xẩm cũng mang kết cục khác sự thực vốn đã xảy ra, như Bà Ba Cai Vàng tính liệu "thời thế chưa gặp" đành "giải tán dân binh" rồi "tìm đường biệt phương" cụ Đê Thám khi biết không cứu nổi nghiệp lớn, cũng vào rừng ẩn tích; ông Đội Cấn cũng được xẩm kể rằng:

... *Quân thua quân phải kéo sang bên Tàu;*
Sau chờ cơ hội biết đâu,
Nuôi quân dưỡng tướng mưu cầu chuyện sau.

Những kết cục có hậu ấy đúng là cùng nằm trong phạm trù cấu trúc của nhiều truyện cổ dân gian nói về anh hùng đã sử ở nước ta, không chỉ có giá trị về nghệ thuật mà còn chứng minh một phương pháp sáng tác đáng lưu ý.

Tất nhiên, do hạn chế của thời đại và bản thân nghệ nhân, hát xẩm còn vướng mấy nhược điểm; như một số bài xẩm, truyện xẩm chịu ràng buộc vào những quan niệm quân thần, cương thường, phu thê, chưa có phân giải thích thích đáng (*Bóng trăng thấp thoáng*...) tới mức (*Bài ca cổ động*) ở phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh mà cũng hô hào đồng bào "giữ đạo cương thường"; một số bài chịu phụ thuộc vào tích Tàu đề cao những

gương trung hiếu tiết nghĩa không còn ai chấp nhận, như *Chôn con nuôi mẹ, Trang Sinh thử vợ,...*; hoặc vô tình đề cao tước mệnh luận như bài *Sự tích hoa sen,...* nhắc kẻ làm trai "quyết chí tu thân" nhưng vui vẻ chịu cảnh nghèo, như trong *Chí ở cho bên*, rằng:

... Khó thời mặc khó ta cứ vui tươi,

Giàu nơi trọc phú dẫu bằng người bán thanh (?)...

Loại bài này sẽ càng gây tác dụng xấu, khi cạnh chúng còn hàng loạt câu khác hết lời ca ngợi "thú phong lưu", gọi lòng ước muốn sống cuộc đời "ăn chơi phỉ chí" bất kể giàu nghèo. Vô số "khách trượng phu", "kẻ giang hồ" tự hào về cái "liều tây dã trái, đào đông dã từng" của mình; có lúc còn khoe khoang trơ trẽn:

Vợ chính anh đã có rồi,

Lòng anh còn muốn một người tiểu tinh...

Chưa gặp một bài xảm nào chỉ trích kẻ ăn chơi phóng đãng, trừ nạn cờ bạc, nghiện hút. Thậm chí hàng trăm bài lạm dụng cái tục để gây cười dễ dãi, như trong *Cây dưa không gai*:

Cứ nghe anh chơi xuân đi chứ giữ làm gì,

Nữa một mai xốc xếch xộc xếch chả còn gì là cái tuổi xanh;

Chơi xuân mát ruột mà lành!

Hay như trong *Anh xin một oản*:

Cô em mặc yếm hở lườn,

Đêm nằm cô em ngỏ cửa, con lươn nó mới bò vào...

Vấn biết nếu vận dụng cái tục như một phương pháp nghệ thuật để có thể "đánh địch" được tốt thì không nói làm gì. Đằng này xảm dùng cái tục như một cứu cánh "hấp dẫn" "thoả mãn" thính giả để giải quyết "vấn đề" mang nhiều tính bản năng, như *Truyện cười lươn, Truyện anh thợ hàn...*

Đáng trách nữa là có số bài đem tặt nguyên con người ra làm cười, như *Anh Còng chị Sứt, Cò gái Sơn Tây*,...

Những khuyết nhược điểm trên đã xoá bớt nhiều tác dụng tốt đẹp của hát xẩm. Quả thật, trong khi khắp ngõ phố Hà Nội, Hải Phòng vang lên những *Ai ơi chớ vội, Anh Khoá ơi*, ... kín đáo vạch ra âm mưu bọn Pháp lừa phỉnh dân ta đang lính sang Tây, thì cũng không ít bài khuyến khích thanh niên *Đi cho biết đó biết đây*; trong khi xẩm chỉ trích những *Gái năm con chưa ở hết lòng chồng*, thì cũng chính xẩm khoái trá cất hát những câu *Ăn chơi thỏa chí, Trả nợ tang bồng*,... Song cũng thế tất đối với những nghệ nhân bị mù loà từ nhỏ, không được học hành, chỉ cảm nhận cuộc sống bằng tai phần nhiều, lại phải luôn học và hát vô số "khuôn vàng thước ngọc" mà ý thức thống trị nhồi nhét rao giảng trong đó, thì việc sống và nghĩ nghiêng theo bản năng thật khó tránh. Chưa nói thị hiếu và yêu cầu của khách nghe tác động không nhỏ tới nội dung hát xẩm.

Thành ra, hát xẩm ở mấy thành phố lớn tuy phạm vi đề tài có rộng hơn, hình thức có phong phú hơn, nhưng nội dung tâm thức không thuần nhất như xẩm hát ở các vùng nông thôn. Phải chăng nhờ sự dùm bọc chỉ vẽ của nhân dân trên dọc đường làm nghề, nhờ cuộc đời vạ vật sống khổ cực của bản thân, nhờ tiếp thu kho tàng nghệ thuật dân gian của cha ông, mà hát xẩm vẫn được bà con cảm thương chào đón, sẵn sàng bỏ qua mọi hạt sạn và vui lòng hồ hởi thưởng thức mỗi khi nghệ nhân cất lời...

*

* *

Về cơ cấu nghệ thuật, hát xẩm có số nét riêng đáng lưu ý. Bên cạnh sự độc đáo là do những người mù loà thực hành sáng tạo, hát xẩm nằm trong *loại hình hát nói kể chuyện*, giai điệu hình thành chủ yếu dựa theo thanh điệu và ngữ điệu lời văn, nhiều tính tự sự, nên câu nhạc không chịu khuôn theo một hạn độ cố định, song vẫn rõ ra từng *trở* (còn gọi là *khổ*),

tùng về trống mái, nhấn vào những quãng *xuyên tâm* (đoạn nhạc không có lời giữa vế), *lưu không* (đoạn nhạc không lời cuối trổ) để nghệ nhân nghỉ thở và trở tài đàn.

Gọi hát xẩm là loại ca nhạc đặc biệt còn vì hát xẩm đã mang ít nhiều yếu tố diễn xuất khi thể hiện. Thử xem xẩm ngồi đàn hát một bài huê tình, nghệ nhân thân mình rướn lên, đầu ngẩng cao, mắt nhìn ngược như thấu vào quãng không, tay uốn nhấn vò đàn, tay bật que, miệng hát sôi nổi nhiệt tình, tình cảm điệu bộ lên xuống khớp từng câu, từng đoạn. Nhất là khi xẩm hát loại bài hài hước châm biếm (như *Miếng ăn miếng nhục*,...), thì chưa nói nội dung lời mà nhìn điệu bộ nghệ nhân với cái đầu nghênh nghênh, đôi "mắt" hấp hèm nghịch ngợm, điểm những tiếng đàn uốn éo lèo lá rơi vào các từ mang dấu hỏi (?), ngã (~), nặng (.), người nghe xem đã đủ cười nôn ruột. Đúng ra, đấy mới là số điệu bộ đơn giản, song vì những động tác này do người tật nguyên thể hiện nên được khách xem tán thưởng, coi trọng.

Cũng có thể gọi là đặc biệt vì ngay con cháu nghệ nhân nếu sáng mắt vẫn không đi theo cha anh làm nghề này. Nhân dân ta thích nghe hát xẩm, hội làng mà chưa thấy tốp xẩm nào về là cứ như thiếu thiếu cái gì, nhưng không ai sáng mắt hát xẩm như từng hát Ví, hát Trống quân. Điều đó hoặc do quan niệm phong kiến coi khinh lớp người "dưới đáy" mà không "dám" hát các bài xẩm nơi công cộng. Hoặc vì hát xẩm mà thiếu tiếng nhạc bồi đáp nâng giắc thì nghe sẽ rời rạc, nhạt nhòa?

Xét một khía cạnh, hát xẩm có điểm chuyên nghiệp hơn hát chèo, vì rằng, một số phường gánh chèo chỉ đi hát những ngày hội hè đình đám nông nhàn, ngày mùa lại trở về làng cấy cấy cho kịp thời vụ, chứ nghệ nhân xẩm thì hành nghề quanh năm, suốt tháng. Tất nhiên, về đại thể, chèo đã là loại hình sân khấu tổng hợp hát, múa, nhạc, kịch, còn xẩm vẫn chủ yếu ở dạng ca nhạc.

Trong các tốp xẩm, sự phân công đàn hát có điều không hẳn giống chèo; bầu nhị không kéo theo giai điệu khi nghệ nhân hát mà chỉ điểm vào

số âm chính trong câu, có cặp kè và trống mảnh giữ nhịp cốt nống thêm cho tiết tấu và lời hát. Tới những quãng xuyên tâm, lưu không, cây đàn mới đi vào đoạn nhạc có tính giai điệu với tất cả luyến láy của những ngón nghề tài hoa cá nhân. Tiếng đàn giúp người nghe thấm thêm câu đang hát, lại tạo thêm thoải mái, bớt căng thẳng cho họ. Đùng quên, *bầu* hoặc *nhị* đều có màu âm đẹp, âm thanh phong phú, giấu sức diễn tả, rất thuận lợi cho việc "mô phỏng" giọng nói bổng trầm theo nhiều dấu của người Việt. Qua tay đàn miệng hát, Xẩm từng "bắt chước" tiếng cười, tiếng khóc, tiếng than, cả những tiếng chim, tiếng gió, tiếng vật kêu, làm người nghe phải ngạc nhiên thán phục khoái chái.

Khi đàn hát, bao giờ tiếng trống mảnh cũng làm nhiệm vụ *dạo khách* (mời khách) và cũng chính người đánh trống cất hát trước nhất, cho dẫu tốp chỉ có 2 người. Trường hợp 2 tốp sáp nhập thành đám, thì đàn cũng vẫn đi tòng, do nghệ nhân xẩm phải tay đàn miệng hát. Ở một đám xẩm, dẫu đã có *bầu*, *nhị*, *cặp kè*, *trống mảnh*, có khi thêm *hồ* hoặc *trống cơm*, *thanh la*, song từng cây đàn với bản sắc riêng cùng tấu dựa theo một hơi nhạc tạo nên, chứ không do hiệu quả của một cung cách chồng âm có hệ thống nào.

Qua số bài ghi chép thu nhập được, thấy hát xẩm ở mấy tỉnh phía Bắc thường vận dụng 8 điệu, trong đó 2 điệu "anh em sinh đôi" với hát hể của Chèo và trò nhà Phật. Đó là *Xẩm chợ*, *Chênh bong*, *Riềm huê*, *Ba bực*, *Phồn huê*, *Hò bốn mùa*, *Hát ai* và *Thập ân*.

Điệu *Xẩm chợ* giản dị, ngắn gọn, giai điệu dựa theo thanh điệu và dấu chữ của loại thơ sáu/tám với tiếng đệm, rất đậm tính chất hát nói kể lể, nghe đơn điệu, hơi rầu, dễ hát dễ đàn, vợ con đều có thể cùng nghệ nhân (chồng, cha) hát đồng thanh mà cảm giác gần bó cấu kết là do chất giọng mỗi cá nhân tạo thành.

Điệu *Chênh bong* rất được nghệ nhân ưa dùng, nghe vui vẻ phấn khích. Điệu *xẩm xoan* thường hát trên Đài Tiếng nói Việt Nam có những

nét cơ bản giống điệu này, song đa số nghệ nhân xẩm không nhận là vốn nhà. *Chánh bong* mở đầu bằng một khúc nhạc dạo, đã có đảo câu để tạo vẻ, có xuyên tâm, có lưu không kết trở... Tùy độ dài ngắn của nội dung, bài hát có thể gồm 3 hoặc 4, có khi 5 hoặc 6 trở; lại tùy ý tứ trong câu, mỗi trở có thể gồm một hai cặp sáu/tám. Trở I thường gồm một cặp sáu/tám và thêm câu sáu; trở kết thường gồm trọn một hoặc hai câu sáu/tám. Đôi khi bài hát hết bằng một câu sáu lưng lơ. Các trở giữa thường hát nhắc lại câu sáu vừa dứt ở khổ trên. Kiểu kết cấu này thật gần gũi với cung cách tạo dựng các điệu hát chèo, được nghệ nhân vận dụng linh hoạt, nên thường kêu gọi trong khách xem ý muốn nghe tiếp ngay trở sau, cùng với cảm giác chưa trọn vẹn. Đừng quên, số lớn nếu không nói hầu hết giai điệu của loại nhạc *hát nói* kể chuyện khi chấm dứt đều không có ý gây hiệu quả thành toàn, mà thường là gọi cảm giác chưa hết, còn tiếp tục.

Điệu *Riềm huê* thường lồng vào hát với những nội dung trao tình, hò hẹn, nhớ thương trông ngóng, nghe thấm thiết, da diết. Cũng bắt đầu bằng câu nhạc dạo rồi vào hát, với cách cấu trúc các trở, các vế, cách đặt xuyên tâm lưu không, cách đảo câu không mấy khác điệu *Chánh bong*, nhưng *Riềm huê* dựa vào nội dung thể hiện, vào ý văn và từ ngữ, đã vận dụng nhịp nội nhịp ngoại và tiếng trống cơm bập-bình-bình-bình mà tạo sắc thái riêng đậm đà với số nét giai điệu không thể lẫn với điệu hát nào.

Điệu *Ba bực* thì duyên dáng dong đưa, hay lồng vào những nội dung yêu thương tha thiết. Điệu này nhập vào sinh hoạt hát ả đào mà mang tiêu đề *xẩm nhà trò*. Khác nhau chút ít là *xẩm nhà trò* tước bỏ xuyên tâm lưu không và thay lời vào những từ lặp lại, đưa hơi, làm cho bài hát cô gọn liền giọng hợp với loại nhạc thính phòng hơn; lại do đảo hát thông thả, nhấn chữ, nhấn ý, có đàn đáy, đàn nguyệt, sênh phách phụ họa, nên gây được hiệu quả ám cúng trữ tình hơn. Không thể đặt vấn đề xẩm "học mót" bên *ca trù* điệu hát này, bởi ngay tên điệu hát, giới nhà trò vẫn phải gọi là một điệu của *xẩm*: xẩm nhà trò.

Điệu *Phồn huê* kể rầu nghe thương thảm về nhiều nỗi cực nhục khổ đau của chị em trong xã hội cũ bằng cả một bài dài, gồm 10 trở theo kiểu tự bạch tâm trạng qua những quan hệ mẹ chồng nàng dâu, vợ chồng không hợp,... Bà Hai Thìn lại gọi là điệu *Nữ oán*. Cung cách kết cấu giai điệu cũng theo dạng âm nhạc *hát nói* quen thuộc, song trình bày chậm buồn, lưu không kéo dài. Điệu này không thấy nghệ nhân hát xé lẻ mà thường chỉ hát lồng chen đôi trở vào những truyện xẩm dài, mỗi khi gặp tình tiết có nội dung tương tự. Ông Trùm Nguyên còn nhớ, bài *Phồn huê* xuất hiện đầu tiên ở Hội xẩm Hà Nội vào mấy năm cuối cuộc Đại chiến thứ nhất, cùng thời với những bài *Anh Khoá ơi, Ai ơi chớ vội*,... khi ông đang tuổi đôi mươi.

Điệu *Hò bốn mùa* nằm ở dạng hát nói thô sơ, mang tính kể lể, chuyên dùng về công việc làm ăn trong năm của nhà nông, mà cứ sau một cặp sáu/tám lại đi vào điệp khúc ồn ào nhộn nhịp, có hơi hướng "láy" theo bên hát Trống quân:

*Dân làng rằng là dân làng ơi,
Vui vẻ ai ơi tưng bừng!*

Điệu *hát Ai* với tính chất than thở oán trách pha chút hài hước nghe rõ là chịu ảnh hưởng đậm đặc cả lời hát và giai điệu cùng cách kết cấu của điệu Hề mỗi trong chèo. Khác chăng do mức độ thể hiện và yêu cầu hiệu quả ở những điều kiện nghệ nhân và khách nghe không giống nhau. Xẩm vận dụng *hát Ai* vào những đoạn có nội dung thương cảm, buồn rầu ở số bài dài hoặc truyện dài.

Điệu *Thập án* vừa buồn sầu vừa kêu gọi, cả nội dung và hơi kể nghe không mấy khác nội dung và nét nhạc của *Oán thập điều*, thường gọi là *chèo Thập án*, hay dùng trong hát chèo hoặc trong các đám tang ma giỗ chạp. Loại bài này nêu lên những nỗi khổ cực của cha mẹ nuôi dạy con cái từ lúc mang thai đến lúc sinh con nuôi con lớn lên thành người, nhằm nhắc nhở con cháu hãy nhớ đến công ơn người vừa khuất mà ăn ở hiếu để sao cho phải đạo.

Chúng tôi còn ghi được điệu *Xẩm Huế* ở một người mù hát dạo bên cạnh chợ Đông Ba (năm 1976) thấy dường như không chịu ảnh hưởng gì của hệ thống hát xẩm nêu trên: không có đảo câu mà thành hình vế trống vế mái, không thành trở, không có xuyên tâm nhưng có nhạc thông. Giai điệu *Xẩm Huế* cũng ở dạng hát nói dựa theo ngữ điệu tiếng nói vùng Trị Thiên...

Nghệ nhân xẩm còn vận dụng những *Hát ví, hát Trống quân, Sa mạc, Bồng mạc...* tùy lúc, tùy đối tượng nghe, cốt phô bày tài nghệ cá nhân mà chưa phải do nội dung lời hát yêu cầu. *Xẩm Hà Nội* và *xẩm Hải Phòng* còn ca cả *Hành vân, Lưu thủy, Phú Lục...* và đưa khéo vào đây đó đôi đoạn nhạc "thông" để lấy hơi, cho dấu họ có "bị" nghệ nhân chuyên ca Huế chê bai...

Dương nhiên, không phải vừa ra đời, xẩm đã có ngay số điệu hát trên. Ban đầu có thể mới xuất hiện điệu *Xẩm chợ*, rồi *Hò bốn mùa* mang nặng tính kể về đơn điệu. Và ngay mấy điệu ấy cũng phải qua nhiều nghệ nhân xẩm hát đi hát lại, nơi này nơi kia, mới ổn định nét nhạc riêng, không lẫn với *Ví, Đúm...* Dần dà do tính ham thích sáng tạo thúc đẩy, từ yêu cầu thể hiện nội dung tốt hơn, do sự mong muốn được nghe cái mới của khách đòi nghệ nhân phác thảo và trau tria gọt rũa mà định hình những *Chên bong, Riếm huê, Ba bực, Phồn huê*. Khi chưa tìm được nét nhạc mới thì đành "mượn" bên các loại hình bạn mà có *hát Ai, hát Thập án*. Những *Ví, Trống quân, Sa mạc,...* cả *Hành vân, Lưu Thủy,...* vì do chúng quá phổ biến trong đồng bào, do chúng thuộc loại nhạc thính phòng đã có phong cách ổn định, nên xẩm học lại gần y nguyên, chỉ dám "pha phách" chút ít, miễn sao không bị những nghệ nhân khác chê là "dốt". Việc *Ca trù* du nhập một điệu của xẩm vào sinh hoạt của mình càng làm nghệ nhân xẩm tự hào về giá trị nghệ thuật bộ môn họ đang theo đuổi.

Ở mấy truyện xẩm dài hơi, nghệ nhân tạo được mấy cách *nói lời* làm cầu nối giữa điệu nọ với điệu kia, làm thay đổi hơi nhạc và sắc thái

mà gia tăng sức hấp dẫn cho tiết mục, như *Kể thơ tươi màu, Kể thơ oán màu*,... có tác dụng cùng dạng với những *sử xuân, sử rầu* bên chèo. Sự ra đời số điệu hát và số nói lối ở nhiều sắc thái chứng tỏ một bước lớn lên của hát xẩm trên đường chuyển hoá từ một loại ca nhạc tiến tới một kịch chùng khi bắt vào thể hiện tích dài hơi.

Về nhạc cụ, trước nay nghệ nhân vẫn dùng cây đàn một dây, ban đầu là *đàn song* (còn gọi là *đàn xẩm*), sau là *đàn bầu*; nhiều nghệ nhân dùng *nhị cò ke*. Nghệ nhân xẩm vừa hát vừa đàn, vừa làm "điệu bộ" đầu mặt, mắt thể hiện theo. Vợ hoặc con xẩm đi theo thì cùng manh chiếu nát, chiếc thau bẹp, còn mang khẩu *trống mảnh, đôi sênh cặp kè*, nhiều khi hát phụ họa theo.

Đàn song, đàn bầu hoặc *nhị* là nhạc cụ chủ yếu của xẩm. Đàn này thể hiện được cả những bài vui vẻ dí dỏm lẫn thương mong ai oán, cả êm nhẹ, tình tứ. Tiếng đàn ấm ngọt, vang xa, bám theo lời hát, điểm vào những âm chính, hoặc kéo theo giai điệu ở các quãng xuyên tâm lưu không, quả có sức hút và xoáy sâu vào tâm thức người nghe.

Giữ nhịp cho tiếng hát và tiếng đàn là tiếng sênh cặp kè tiếng trống mảnh dòn vang, điểm gọn vào số nhịp nội nhịp ngoại, làm tăng tính kịch cho câu ca, cũng làm vui thêm đám hát. Cặp kè chỉ làm nhiệm vụ đệm nhịp, giữ nhịp, thi thoảng mới đánh cặp díp dứt câu, dứt trố, chứ không chơi dồn dập như trong chèo khi đổ khổ hoặc thi nhịp. Tiếng bầu trong vắt (kim) đi với tiếng sênh chắc đanh (mộc) đệm cho tiếng hát thường thuộc giọng thổ (nam hát) nghe hài hoà ăn ý khá ngọt tai.

Nhiều nghệ nhân dùng *nhị cò ke* 2 dây tơ nghe cũng trầm và ấm. Nhị cũng dùng cho cả loại bài vui và bài buồn, tuy nội dung mà khi kéo *gân bong, lúc xuống gân chìm*. Nữ nghệ nhân hay dùng *nhị*, không phải vì *nhị* dễ kéo, mà do yêu cầu hài hoà của nghệ thuật: nữ thường dùng giọng *kim*, đi với *nhị* tương đương giọng *thổ*, chen vào là tiếng cặp kè dứt gọn, *mộc*.

Trống mảnh nghe cũng ấm gọn, tuy không vang xa, vì chỉ có một mặt, dễ mang, dễ làm, thường do vợ (con) xắm điểm thêm vào những âm chính nghe rôm rả thích tai. Có nghệ nhân dùng thay bằng trống cơm trũ tình ấm cúng hơn, song công kênh khó mang khi hành nghề, chỉ gặp khi tập hợp nhiều tốp vào hát đám.

Thật vậy, ở một hội làng chỉ nên gộp 2 tốp thành đám là vừa phải. Đám sẽ có từ 4 đến 6 người, với dàn nhạc gồm bầu, nhị, trống mảnh, cặp sênh, đủ sức hát rôm rả: tiếng nhị khàn ấm như ôm lấy tiếng bầu thánh thót rõ ra trống mái hoà hợp. Việc hạn chế cặp sênh và trống không cho đánh dồn là để nâng đỡ tiếng hát đồng thanh đầy nhiệt tình của nghệ nhân, báo trước cho khách nghe những ngón đàn tài hoa phô diễn trong những quãng xuyên tâm, lưu không, là rất phải. Bởi nếu để sênh và trống đánh đổ hồi như bên nhạc chèo, tiếng hát và tiếng đàn tất bị át do xắm vừa hát vừa đàn đồng thời. Đây là một cách phối hợp thanh âm và sắc thái của đám hát xắm.

Vạn bất đắc dĩ mới phải gộp 3 tốp xắm làm một, thì dàn nhạc sẽ có thêm cây sáo mạng và đôi phách. Tiếng sáo rè rè trầm ấm tả được những cảnh bình dị trũ tình, đồng tấu với bầu nhị có làm tăng âm lượng giọng thổ. Tiếng phách phụ hoạ thêm tuy cũng gọn những không ấm và chắc bằng sênh, dùng vào những lúc dạo khách, đổ khổ. Có điều tốp ba ít cũng tới 6 người, sẽ khó kiếm đủ ăn.

Vào dịp giỗ Tổ, dàn nhạc xắm được tăng cường *trống cái, trống ban, trống cơm* và thêm số lượng cây đàn *bầu, nhị, sáo*, song chỉ tấu theo giai điệu, với số ngón tấu ngẫu hứng tùy tài mỗi cá nhân. Không thấy xắm sử dụng *dàn tam, đàn nguyệt, đàn tranh*. Có lẽ mấy cây này công kênh, lăm phúm, không thích hợp với nội dung và nghệ thuật hát xắm, khó sử dụng đối với những người mù loà?

Sau này, ở một số thành thị phía Nam, khi du nhập loại bài "mới" bên ngoài, nghệ nhân đã dùng đàn *ghi ta* 5 dây và khoét trũng lòng máng

khoảng giữa các phím để "nhấn nhá hoá" cây nhạc định âm bình quân phương Tây này, do nhạc công tài tử cải lương khai mở trước. Xăm phía Bắc không dùng ghita lõm phím, do khổ đàn quá to, dây quá nhiều, mặt đàn dễ nứt vỡ, tập lâu công mà hiệu quả cũng không hơn mấy cây nhị, bầu.

Về cung cách cấu tạo giai điệu xăm dựa theo thanh điệu ngũ điệu lời văn và tiết nhịp thể thơ trên cơ sở ý tình diễn biến của vấn đề đang khai thác thể hiện. Nhớ là tiếng Việt có tới 6 dấu, mà mỗi từ mang dấu khác nhau sẽ có nghĩa khác nhau. Lại số từ có âm khép, hơi khép hoặc âm mở, hơi mở cũng tạo thêm nhiều âm thanh mới. Từ Việt thường ở dạng đơn âm, số ít đa âm, mỗi âm đều có nghĩa, buộc phải phát ngôn vừa phải, gãy gọn, rõ ràng thì nghe mới hiểu. Cho nên, tiếng Việt yêu cầu phát âm từ 2 môi và giữ hơi trong khoang vòm miệng để tiếng nói phát ra được thanh thoát, dứt khoát, vang ấm, chân thật.

Do đó, cũng như các loại ca nhạc và sân khấu cổ truyền, *hát xăm* đòi phải tôn trọng những đặc điểm của tiếng nói khi cấu trúc giai điệu, làn điệu cũng như khi nói lời. Người xưa không hề bắt lời theo nhạc để bỏ dấu, mà ngược lại, phải từ dấu và giọng nói bản địa mà tạo dựng giai điệu, đặc biệt chú ý số từ mang những dấu hỏi, ngã, nặng. Từ đấy nảy sinh nguyên tắc buộc nghệ nhân phải hát sao cho *tròn vành rõ chữ*. Nghề xăm thì yêu cầu *đàn ngọt, hát chín*. Đàn ngọt là phải diễn tấu thuần thực tình tế, nảy trúng trọng âm, giữ cho liên tục dòng thanh âm mà xăm đang pho diễn, bồi đắp nâng giắc cho lời hát thêm đầy đặn vang ấm. Ở các đoạn xuyên tâm lưu không phải tấu nhạc sao cho liền hơi, liền ý, gây cảm giác vừa như tạm khép một ý tình, vừa như gọi mở ở khách nghe sự chờ đón một tứ mới sắp tới. Tiếng hát cũng phải nghe rõ từng lời, vừa ngọt mà cũng vừa thanh, vừa trong, vừa ấm, lại vang ngân nhưng phải đậm tình.

Cũng gần giống bên chèo, đa số bài xăm viết theo thể thơ *sáu/tám* và thường đảo 4 từ của câu *sáu* rồi lặp lại cả câu làm đà mà tạo dựng giai điệu. Như điệu *Riêm huê* sau câu nhạc dạo là bắt vào:

Xanh ngắt tận trời,

Cái đám mây xanh, xanh ngắt tận trời...

Các điệu *Ba bậc*, *Hát Ai*, *Phồn huê* cũng đảo như vậy, giống in cấu trúc của những *Văn xô*, *hát Sắp*, *Sa lệch*, *Bình thảo*, *Ru kệ*,... bên chèo. Cũng lặp lại 4 từ theo cách trên, nhưng do bài hát dùng loại *sáo/tám* đôi chữ, thì giai điệu lại có hình thái khác, như điệu *Thập án* chẳng hạn:

Con bú con ăn,

Mẹ chăm cho đêm ngày con bú con ăn,

Đêm nằm quần áo chiếu chăn mẹ ướt nhiều bề...

Xẩm hay dùng thể *sáo/tám* đôi chữ do yêu cầu thể hiện của nội dung một phần, nhưng một phần còn do tính co dãn phóng túng của loại hát nói kể chuyện chi phối. Nhiều bài đầu đã tước bỏ các tiếng đệm, đưa hơi, mà câu thơ vẫn mang số từ quá hạn định, trong khi vẫn chân, vẫn lung vẫn bảo đảm nghiêm chỉnh. Phải chăng đây là những bài nằm trong quá trình thành hình thể *sáo/tám*? Cũng có thể do đặc điểm của loại hát nói và sự sáng tạo phóng khoáng của nghệ nhân xẩm. Đừng quên, trong không ít bài, những chữ đôi đều có nghĩa, không thể lược bỏ trong khi có bài, chữ đôi chỉ để bắc cầu cho thuận miệng hoặc giải thích cho câu văn thêm sáng nghĩa (giống những lời hường kẻ bên Tuồng).

Nhiều bài xẩm chẳng kể hát theo điệu *Chénh bong* hay *Riêm huê*, *hát Ai* dùng cả thể thơ *bảy-bảy sáo/tám* rất linh hoạt, làm câu nhạc có dài ra hay ngắn lại đôi chút, song âm điệu và sắc thái vẫn lộ rõ từng loại. Điều này chứng tỏ tài năng *bẻ làn nắn điệu* (thuật ngữ bên chèo) của nghệ nhân xẩm, cũng thể hiện đặc điểm co dãn của dòng hát nói kể chuyện.

Lời ca của những bài xẩm chịu ảnh hưởng sâu sắc và quan hệ mật thiết với tục ngữ, dân dao, dân ca, dân nhạc vùng châu thổ sông Hồng, đúng ra vùng trung châu và đồng bằng phía Bắc, nên mang hầu hết đặc điểm của văn hoá dân gian, khi vận dụng ngôn ngữ quần chúng đầy sáng

tạo, kết hợp khôn khéo tiếng hát với tiếng nhạc cùng với số động tác tuy còn đơn giản nhưng thuần phác được thể hiện hết lòng của nghệ nhân. Những bài xẩm được hoàn thiện dần trên đường xẩm hành nghề, do sự đóng góp, trau chuốt của lớp lớp nghệ nhân truyền đời. Nhằm thoả mãn tối đa yêu cầu của thính quan, xẩm phải sưu tầm học hỏi để có thật nhiều vốn, rèn luyện ngón đàn, tôi luyện tiếng hát để gia tăng sức hấp dẫn. Lại tùy đối tượng mà biến hoá sao cho đáp ứng nổi thị hiếu số đông. Khách xẩm thường biết rõ ý tình câu đang hát, nội dung truyện đang kể, nên bộc lộ thái độ lập tức, hoặc xuýt xoa hay thút lên tỏ rõ tán thưởng; hoặc im lặng lạnh nhạt rồi tiếp đó chê ngay ra miệng. Nhìn khía cạnh ấy, thấy khách nghe dường như đã "chỉ đạo" xẩm đàn hát, tỏ thái độ và góp ý ngay với từng bài, từng truyện vừa trình diễn. Do đó, ngay số bài có tên tác giả đã xuất bản hoặc do những người ca xẩm đưa đến, nghệ nhân cũng dựa theo sở thích số đông ở đấy mà thay câu đối ý nhiều ít, cốt thu hái được sự đồng tình tối đa.

Những bài xẩm, truyện xẩm thường được truyền lan từ nghệ nhân này sang nghệ nhân khác, từ vùng này sang vùng khác, từ thế hệ trước sang thế hệ sau, lại luôn được khách nghe bổ sung uốn nắn, nên ngày mỗi hoàn thiện cả về nội dung và hình thức mà có khả năng tồn tại lâu dài. Và nghệ nhân thì càng "bị" thúc đẩy mà bộc lộ hết khả năng sáng tạo.

Chỉ qua số bài số truyện thu nhập được, đã thấy quá trình đi lên của hát xẩm : từ bài hát nói trọn một ý tình, tới những bài gồm hai, ba ý hát lồng vào một điệu, đến số bài kể truyện sơ lược về một cá nhân cũng chỉ vận dụng một điệu; từ số bài nói đến những tình cảm phức tạp, éo le buộc nghệ nhân phải "sáng tạo" điệu mới phù hợp mà dần hình thành cả loạt điệu hát riêng, đến khi kể lại một truyện dài đã biết dùng tới số vốn đó vào những tình huống tương hợp, lại đặt thêm mấy kiểu nói lời vừa để dẫn truyện tốt hơn, vừa làm cầu bắc giữa các điệu khi chuyển từ tình tiết này sang tình tiết khác.

Chúng tôi cho rằng, *Bà Ba cai Vàng* và *Đổng tiền Vạn Lịch* là 2 truyện tiêu biểu của xẩm về mặt phát triển nghệ thuật. Có điều, do hạn chế của bản thân nghệ nhân xẩm, đây mới ở dạng truyện kể bằng đàn hát mang tính sân khấu kịch hát phối thai.

*

* *

Từ sau ngày giải phóng miền Bắc, nghệ nhân xẩm ở khắp nơi được Nhà nước quan tâm tổ chức và tìm cho công việc thích hợp. Không lâu sau, anh chị em sáp nhập với những Thương binh hồng mắt, cùng tìm cách đóng góp thiết thực khả năng có thể vào công cuộc xây dựng đất nước.

Tới năm 1969, trong điều kiện cả nước chống trả ác liệt với bè lũ Mỹ Ngụy, giành những thắng lợi căn bản, thì *Hội Người mù Việt Nam* được thành lập và được Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi, Hội đã nhanh chóng giao tiếp liên kết với các Hội Người mù thế giới. Đến nay đã có 20 tỉnh thành và gần 150 quận huyện khắp nước tổ chức được Chi Hội, thu hút trên 11.000 hội viên, thường xuyên lo công ăn việc làm, học hành giải trí cho anh chị em. Hội đang quản lý điều hành hơn 60 cơ sở sản xuất, với 3 xí nghiệp, 2 Hợp tác xã, 10 tổ hợp, làm ra nhiều mặt hàng: dụng cụ gia đình bằng tre nan, một số đồ lư: thảm lưới cước, nhiều đồ vật cao su như ống nước, dây curoa... Trong đó, hội viên giữ trách nhiệm Giám đốc có 3 người, làm Chủ nhiệm Hợp tác xã có 2 người, làm Tổ Trưởng Tổ sản xuất có 10 người. Có 1 người được Nhà nước phong là Anh hùng Lao động và 2 người là Chiến sỹ thi đua.

Hội được Nhà nước giành cho một toà nhà 4 tầng khang trang ở Hà Nội làm Trụ Sở, với số phương tiện hoạt động cần thiết. Hội có 1 tờ báo bằng chữ Braille xuất bản hàng quý làm cơ quan giáo dục hướng dẫn, trao đổi, gửi đều tận xuống từng cơ sở, cùng với 1 Nhà In chữ Braille

chuyên in tài liệu lưu hành nội bộ, 1 phòng Kỹ thuật quản lý các phương tiện truyền thông in ấn bằng hình hiện đại và 1 tờ báo Quốc ngữ có tính đối ngoại ra hàng quý. Ở các tỉnh, Chi Hội Người mù nào cũng được Ủy ban sở tại cho nhà lập Trụ sở và tạo điều kiện để anh chị em hội viên hoạt động tốt hơn.

Có điều, về loại ca nhạc đặc thù của người Mù loài là *hát xẩm*, thì Hội Trung ương vẫn đang trên đường sưu tầm, phân loại, tìm cách kế thừa phát huy và nếu có thể, phát triển trong điều kiện và hoàn cảnh hôm nay, khi mà các phương tiện truyền thông hiện đại lan tràn, với đủ loại băng nhạc đa sắc màu đậm dịch khắp chốn, và không ít nghệ nhân xẩm đã mang ghita cầm loa điện rên rĩ hành nghề trên các phố chợ, bến xe....

TRẦN VIỆT NGŨ

TUYỂN VĂN

Chúng tôi lựa chọn gần 150 bài hát xẩm, truyện xẩm - chưa nói tới những truyện nôm quen thuộc mà nghệ nhân xẩm hay kể, như *Phượng Hoa*, *Tống Trân*... và phụ lục gần 30 bài hát xẩm có tên tác giả.

Những bài này đều trực tiếp ghi theo lời hát của số nghệ nhân từng hành nghề ba bốn chục năm trên miền Bắc, gồm những bài hát của **xẩm chợ** và một số ít bài **xẩm nhà trò** do chính nghệ nhân xẩm hát, bất kể bài đã hoặc chưa tìm được tên tác giả. Chúng tôi không ghi những bài **xẩm nhà trò** do nghệ nhân ca trù hát vì thấy nội dung không mấy thích hợp với hát xẩm.

Các bài được sắp xếp theo giai điệu, từ những điệu xẩm chính thống, những bài theo các điệu dân ca (đã xẩm hoá), đến những truyện xẩm kể lại một câu chuyện hát lồng vào hai ba, có khi tới bốn giai điệu tính chất khác nhau.

Chúng tôi chưa đưa vào đây những **bài hát, truyện xẩm** có nội dung không hợp với quan điểm thẩm mỹ, quan điểm đạo đức hiện nay, mặc dầu những bài hát này, truyện này làng xẩm ai cũng biết (*Truyện chấy rận, Truyện con lươn, Xẩm chơi xuân, Xẩm qua đò*...).

Trong từng điệu, chúng tôi chú ý ghi ở đầu một đôi bài theo như nghệ nhân hát (với tất cả tiếng láy, đệm, đưa hơi, chia thành từng trổ) để các bạn thấy được phần nào cách cấu tạo giai điệu, cách phân trổ trọn ý mà không nề dài ngắn. Những bài tiếp sau ghi theo thể thơ, song do hát xẩm thường dùng các thể thơ đôi chữ, nên mặc dầu nhiều bài đã tước bỏ tiếng đệm lót, đưa hơi, câu hát vẫn còn quá dài so với số chữ hạn định. Các bài lại xếp theo nội dung từng vấn đề: trai gái, xã hội, sản xuất, yêu nước...

Với số làn dân ca xẩm mượn vào, chúng tôi chỉ ghi những bài mang nhiều tính chất hát nói (phổ nhạc, thơ phóng khoáng, trào lộng...) mà hầu hết nghệ nhân các tỉnh thường hay hát, để bạn đọc thấy nội dung các điệu được xẩm sử dụng có dụng ý, tùy theo từng giai điệu.

Các Truyện xẩm còn được sắp xếp theo nội dung từng vấn đề (yêu nước, đạo đức, xã hội). Chúng tôi cho rằng mấy truyện **Bà Ba Cai Vàng**, **Đồng tiền Vạn lịch** có thể coi là những truyện tiêu biểu, đánh dấu mức phát triển cao nhất của **hát xẩm**.

Chúng tôi cũng đưa vào những bài hát xẩm có tác giả mà nghệ nhân hay hát trước đây, nay còn nhớ. Rất có thể trong số 150 bài trên còn những bài có tên tác giả mà chúng tôi chưa tìm ra. Chúng tôi còn đưa vào đây số bài tuy có thấy hát ở những loại dân ca khác, song nhiều nghệ nhân xẩm tự coi như lài gốc của nghệ Tố.

Chúng tôi cũng "mạnh dạn" dựa vào **Từ điển chính tả phổ thông** mà viết lại số từ do nghệ nhân địa phương nói **ngọng**, nói **nhịu**, nói **quen** hát lên; như phát âm **n** thành **l** hoặc ngược lại (**nói** = **lói**; **lời** = **nhời**;...); **tr** thành **t** hoặc **gi** (**trầu** = **tầu**; **trời** = **giời**;...) kể cả số từ "đặc biệt": **đéo** chỉ nên hiểu là **không** (**đéo phải** = **không phải**);...

T.V.N.

I. NHỮNG BÀI HÁT THEO CÁC ĐIỀU XẨM CHÍNH TÔNG

1. CHÈNH BONG

Cò giận ai ngày ngày cấp nón ra đi.
Buôn gì chẳng có, bán gì thì không;
Cò bực vì một nỗi chưa chồng,
Chín đêm áp bóng, nằm không cả mười;
Không chồng khổ lắm chị em ơi!

(hết khổ)

Không chồng khổ lắm chị em ơi!
Có chồng như đũa có đôi thiệt gì?
Có chồng ngủ ngáy tỳ tỳ,
Không chồng thức dậy có khi giật mình;
Bắc nam. ơi! sao chẳng thương tình?

(hết khổ)

Bắc nam ơi! sao chẳng thương tình.
Để em gánh vác một mình sao nên?
Lá dong non đem gói bánh không rền!

(hết khổ)

Lá dong non đem gói bánh không rền,
Trách người lịch sự chẳng nên tẩm chồng;
Vàng mười đem đốt lửa không hồng ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Ý nói vàng tốt có đem thử lửa cũng không sao.

Thương em là gái chưa chồng mà thôi;
Làm trai ba chốn bốn nơi,
Thương nàng phận gái như cánh huê rơi một thì;
Phải lòng nhau lấy quách, xách tuột nhau đi!

(hết khổ)

Phải lòng nhau lấy quách, xách tuột nhau đi.
Đừng chờ ông Tơ bà Nguyệt làm chi cho bận lòng;
Chiếu chắn nên đạo vợ chồng,
Đôi ta hạnh ngộ ra lòng trời xui.

*
* *
*

Quyết chí tu thân.
Làm trai quyết chí tu thân,
Công danh chớ vội, nợ nần chớ lo;
Khi nên trời giúp công cho,
Làm trai năm liêu bảy lo mới hào;
Khi nên trời chẳng phụ ai nào,
Công danh gặp hội anh hào ra tay;
Một trăm trí khôn xếp để dạ này,
Có công mài sắt có ngày nên kim;
Đấng nam nhi chỉ ở cho bền,
Đời này biết ai sang trọng khó hèn hơn ai?
Chốn nam xuân bách tuế còn dài,
Ra tay phi chí dạ này mới an.

*
* *

Đại phú do thiên ⁽¹⁾

Sách có chữ rằng đại phú do thiên,
Muốn nên đại phú phải chuyên cho cần;
Sách có chữ rằng:

hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân ⁽²⁾

Qua cơn bĩ cực tới tuần thái lai ⁽³⁾

Chốn nam xuân trời cho bách tuế còn dài ⁽⁴⁾

Chắc ai đã hăn hơn ai ở đời?

Khó thời mặc khó, ta cứ vui tươi,

Giàu nơi trọc phú đâu bằng người bản thanh ⁽⁵⁾

Ta cứ ở cho nhân đức hiền lành,

Không nên ăn ở bất bình làm chi;

Sao cho có ngãi có ngì,

Kẻ chuộng người nể mới thì người khôn,

Ba vuông sánh với bảy tròn,

Đừng lo lắng vội, chớ phiền làm chi;

Cứ ăn ở sao đạo đức vẹn nghì,

Nợ nần hết sạch cũng có khi dồi dào;

Thối đời vay trả có là bao,

Ra tay trang trải lúc nào chẳng xong.

*

* *

Anh tiếc cho ai nuôi dậy mong chờ,

Một, hai, ba tuổi cho đến bây giờ em lớn khôn;

⁽¹⁾ Nghĩa là giàu lớn do trời định

⁽²⁾ Nghĩa là trời không phụ người có lòng tốt (ý nói người có chí).

⁽³⁾ Nghĩa là qua lúc khó khăn khổ cực tới khi thịnh vượng vui vẻ.

⁽⁴⁾ Trăm tuổi, trăm năm.

⁽⁵⁾ Giàu mà thô tục, nghèo nhưng trong sạch.

Vành khăn em vấn đã tròn,
Cầu cười tiếng nói đã giòn lại ngoan;
Tơ hồng buộc với nhân gian,
Sao em không chịu khó gánh vác giang san cho chồng?
Nữ đang tay em dứt tơ hồng,
Đứng đầu núi nợ mà trông non này;
Áng phong lưu son phấn đoạ đây;
Thay đen đổi trắng để ai rầy yêu thương?
Dầu có may ra tán tía tàn vàng,
Mười phương thiên hạ xem thường có vào đâu?
Tấm thân em chẳng nghĩ mặc dầu,
Để đeo tiếng xấu về sau muôn đời;
Chị em ơi! Thế cũng kiếp người!

*

* *

Chén tình là chén say sưa,
Nón tình em đội nắng mưa trên đầu;
Lược tình em chải trước sau,
Gương tàu soi mặt lâu lâu sáng trong;
Ngồi buồn nghĩ đến hình dong,
Con dao lá trúc cắt lòng đôi ta,
Duyên hai ta thề nguyện từ trước,
Biết bao giờ cho được gặp nhau;
Tương tư mắc phải bối sầu,
Đây em quyết giữ lấy màu đợi anh ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Các câu này cũng thấy hát trong các loại dân ca khác.

*

*

*

Em có yêu anh, tam tứ núi anh cũng trèo,
Thất bát sông anh cũng lội, tứ cù tam thập lục đèo
anh cũng vượt qua ⁽¹⁾

Chén son em ơi! nguyện với ông trăng già,
Cần khôn đưa lại, một nhà vui chung;
Đường xa xin chớ ngại ngần,
Xa người, xa tiếng nhưng lòng không xa;
Ví dù sớm biết nhau ra,
Đá vàng đã quyết, phong ba anh cũng liều;
Đường tình nhớ ít tưởng nhiều,
Xa xăm đê nẻo Lam kiều lần sang;
Dao vàng anh liếc đá vàng,
Mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa;
Mấn thỉnh kẻo thế gian ngờ,
Lòng đây thương đó biết cơ hội nào?
Xấn tay lên, anh quyết bẻ khoá động đào.
Lúc đêm hôm sương lạnh trăng mờ;
Canh tàn rượu tỉnh, bấy giờ mới nghĩ thương thân;
Em tiếc thay trong giá trăng ngân,
Nỡ gieo mình vào đám phong trần mà chơi;
Chốn hang sâu lẩn quất hương trời,
Non xanh nước biếc để ai người biết cho;
Chim khôn đã mắc phải dò,
Vui gì cái kiếp giang hồ chị em ơi!

⁽¹⁾ Câu n ày còn thấy trong hát Quan họ, dân ca miền Trung, Nam.

Tính đốt ngón tay đã qua nửa xuân rồi,
Đầu xanh mấy nổi da mồi tóc sương;
Kiếp hồng nhan nghĩ đến mà thương,
Tài tình chi lắm để mang nợ đời;
Trông non sông mà thẹn với trời,
Khi vui em vui gượng, khi cười em cười suông;
Ruột con tâm trăm mối tơ vương,
Bên trời góc biển biết gửi can trường vào đâu?

*
* *
*

Một năm được mấy mùa xuân,
Một ngày được mấy giờ dần sớm mai;
Em đừng cậy sắc khoe tài,
Khéo thay nổi thùng, cũng chẳng khỏi tay thợ hàn;
Trời kia Khôn cũng thợ Càn,
Nước kia Tấn cũng hợp Tần mới xong;
Ngồi trong cửa sổ chàm rồng,
Chấn loạn gối phượng, không chồng ra chi?
Thở dài nghĩ chữ vu qui ⁽¹⁾
Hôn nhân lễ đặt gặp thì đào yêu ⁽²⁾
Trên sông riu rít thư cưu ⁽³⁾
Thục nữ quân tử hảo cầu ⁽⁴⁾ đẹp duyên;
Tiếng rằng tiên lại tìm tiên,
Phú đi tìm quý, bạn hiền tìm nhau.

⁽¹⁾ Vu quy: đi lấy chồng.

⁽²⁾ Đào yêu: đào non, chỉ người con gái thanh tân.

⁽³⁾ Thư cưu: Loại chim hay ẩn và làm tổ trong những đám lau sậy trên sông, quần quít nhau.

⁽⁴⁾ Hảo cầu: mong mỗi sự tốt lành



Ông trăng khuyết ông trăng lại tròn,
Gái tơ quá lứa, mắt giòn em chả có xinh;
Vẳng tai nghe nhời nói hữu tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao;
Góm thay cái số huê đào,
Cời ra rồi lại buộc vào như chơi;
Thức sinh quen thói bốc trời,
Trăm nghìn đổ một trận cười như không;
Chàng vô chăn gối loan phòng,
Thiếp ra tựa cánh đèn chong canh dài; ⁽¹⁾
Thiếp nay phận gái nữ hài,
Thấy chàng quân tử đáng tài trai anh hùng;
Gương bạch nhật mà sánh với quạt thanh phong ⁽²⁾
Sao chàng chẳng nhớ cái tiết mùa đông lạnh lùng;
Chàng nằm đầu chàng nhủ thiếp nằm cùng. ⁽³⁾
Thiếp khen ai chỉ nẻo đưa đường,
Để cho chàng biết quê hương chốn này;
Ông Tơ bà Nguyệt xe giầy,
Xe cô mình đây, lấy anh đây cũng tùy;
Đôi mươi mười tám đương thì,
Yêu nhau có ngõ điều gì sẽ hay;
Chàng ơi nghe thiếp nhủ này,
Cha mẹ già yếu phó rày ai nuôi?
Xong xuôi thiếp mới tính chuyện duyên hài.

⁽¹⁾ *Mấy câu này tập Kiều.*

⁽²⁾ *Ý nói gương trong sáng như mặt trời sánh với quạt vừa nhẹ vừa tốt vừa mát.*

⁽³⁾ *Bài này cũng thấy hát trong điệu chèo Sa lịch.*

*
* *
*

Trong chùa cúng Phật bập bung,
Bước xuống tam bái ung dung đôi đường;
Hoa tử vi dầu dãi phong sương,
Hoa cam hoa quít anh thương hoa nào:
Anh thương hoa mạn hoa đào,
Hỏi bông hoa cúc sẽ vào tay ai?
Xin ai đừng thắm chớ phai,
Thoang thoang hoa nhài mà lại thơm lâu;
Ai ơi chớ phụ hoa ngâu,
Ham nơi phú quý đi cầu mầu đơn;
Khuyên anh đừng giận đừng hờn,
Trăng hoa lại được gặp cơn Tấn Tấn;
Ước gì được nụ tấm xuân,
Ta được ở gần ta tưới gốc cây;
Có yêu nhau thì nhích lại đây,
Hay còn tơ tưởng hoa mây hoa bèo;
Trèo lên núi đá cheo leo,
Thấy hoa chúm chím mỹ miều đỏ xanh;
Lẳng lơ hoa lý trên cành,
Mùi thơm phảng phất hoa chanh hoa bìm;
Vào rừng hoa mái hoa sim,
Ai kia lật đật đi tìm hoa na;
Vườn kia hoa mướp hoa cà,
Hoa lan hoa huệ hoa na hoa vừng ⁽¹⁾
Thương nhớ ai ra đứng trông chừng!

⁽¹⁾ Bài này cũng thấy trong hát Quan họ, hát Xoan Ghẹo.

*
* *

Trăm hoa đua nở về tiết tháng giêng,
Có bông hoa cải nở riêng tháng mười;
Nhờn như trăm đoá hoa cười,
Bướm vàng bướm trắng đón chơi tung bùng;
Những con chim kia sao khéo náo nùng,
Cuộc kêu giống giả nấu nung lòng sầu;
Gió nam hây hây ban chiều,
Một đàn cò trắng đập diu về non;
Đêm đông trường nghe vượn ru con,
Sao cá khe lại lẫn bóng để chìm luôn cội cây;
Ve kêu ra rả tiếng chầy,
Ai làm xao xuyến dạ này bằng khuâng;
Hoa thơm mà mọc xó rừng,
Hương nào ai biết ngát lòng ai hay?

*
* *

Trong nhà anh lát đá hoa,
Chân tảng đồng bạch mái nhà tiền trình;
Cửa bức bàn lồng kính thủy tinh,
Hai bên vách anh chạm tứ linh rồng châu;
Nhà anh kín trước rào sau,
Tường xây bốn mặt hơn đầu hỡi nàng?
Nhà anh cột chạm nghênh ngang,
Nhiều điều lót áo cho nàng đi chơi;
Áo quần sấm đủ mười đôi,
Thêm ba bộ lĩnh bóng mặc chơi thường ngày;

Nàng mà có bụng vắn vương,
Anh đây quyết chí đóng giường gỗ lim.

*
* *

Vào rừng chẳng biết lối ra,
Thấy cây núc nác ⁽¹⁾ ngõ là vàng tâm;
Thấy em anh những yêu thầm,
Sợ mẹ bằng bề sợ cha bằng trời;
Thấy em đẹp nói đẹp cười,
Đẹp người đẹp nét lại tươi má hường;
Chân em lặn dấp quai ngang,
Dáng đi yếu điệu nói năng dịu dàng;
Thương nàng thắm thiết lắm nàng,
Cầm bằng như nén nhang tàn đêm khuya;
Ngồi buồn trách mẹ trách cha,
Trách anh thấy bói rẽ ra đôi đường;
Nơi đây đồng đất phố phường,
Lấy ai mua cốm mua hồng sang sêu ⁽²⁾
Sêu em mới lải lải điều,
Để cốm anh mốc để hồng long tai;
Hồng long tai như quạt long nhai,
Như cầu Ô long nhịp như cửa cài long then;
Tiếc người má phấn răng đen!

*
* *

⁽¹⁾ Núc nác: cây cao thân to nhưng không có gỗ nên không dùng được việc gì, kể cả làm củi.

⁽²⁾ Sêu: chỉ việc nhà trai đem đồ lễ đến nhà gái.

Đêm qua trong lúc trăng tà,
Em ngồi thơ thần biết bao là nỗi xót thương;
Nghĩ trách thâm con tạo khéo đa đoan,
Đem gương bạc mệnh mà giam khách má đào;
Tiếc thay phận gái má đào,
Tuổi vừa đôi tám biết rơi vào nơi đâu;
Trời sao xanh ngắt một màu,
Trông càng thêm tức mạch sầu lại chứa chan;
Thân này lỗi đã muôn vắn,
Biết ai khuya sớm thờ than đôi lời?

*
* *

Thương nhớ ai biết thuở nào nguôi,
Sao tôi khuya sớm đứng ngồi vẩn vơ;
Cha mẹ sao cấm đoán con làm chi?
Đôi mươi mười tám chẳng cho đi lấy chồng!
Trách trời ăn ở không công,
Trách ông Tơ hồng sao khéo treu người;
Đêm đêm tôi nằm vuốt bụng gọi trời,
Sao không thí bỏ cho tôi chút chồng?
Tôi sẽ về làm lễ tế ông,
Năm con bò béo để phù hộ cho tôi tẩm chồng thật to;
Bổ công tôi mượn chú lái đi mổ bò!

*
* *

Hỡi cô yếm đỏ chói lòe,
Yếm nhiễu, yếm vóc hay là chúc bầu?
Hay chẳng lựa tía hàng tàu,

Người cắt cũng khéo, người khâu cũng tài;
Một đàng anh thuê đôi chim nhạn,
Một đàng anh mạng hai hoa;
Yếm của em anh để trong nhà,
Mong sao được thầy mẹ mở khoá đem ra cho nàng;
Anh muốn cùng em kết nghĩa đá vàng.

*
* *

Nhà anh ở tận Bắc Ninh,
Sang giàu phú quý hiển vinh hơn người;
Đá xanh gom ⁽¹⁾ để một nơi,
Đá hoa đây đó chạm rời khoe khoang;
Nhà anh cột đúc bằng vàng,
Cầu đầu ⁽²⁾ bằng bạc xà ngang bằng đồng;
Đá lát sân trước cửa châu rồng,
Ghế bàn chạm trổ long ly tinh tường;
Vải điều giăng rộng thênh thang,
Màn vóc anh mắc cho nàng nghỉ ngơi;
Họ hàng ơn thuận nhờ trời,
Cha mẹ sinh thầy cả mười anh em;
Anh cả trị nhậm Hưng yên,
Anh hai đỗ Trạng anh ba nguyên Tú tài;
Anh tư làm quan đường ngoài,
Anh năm buôn bán tỉnh Đoài tỉnh Đông;
Anh sáu xuôi ngược miền trong,
Anh bảy Đô đốc dinh trong Thái Bình;

⁽¹⁾ Gom: dành dụm gom góp.

⁽²⁾ Cầu đầu: một bộ phận trong khung nhà, chia ra đỡ lấy hiên nhà.

Anh tám Tri huyện Bắc Ninh,
Anh chín Tổng đốc một mình một nơi;
Còn một em út thứ mười,
Sắp đi hỏi vợ nước người là đây;
Thấy em đẹp nét đẹp người,
Đẹp bề nhan sắc lại tươi nụ cười;
Sắp đá huê anh còn bỏ vắng chưa ai ngồi!

*
* *
*

Ta với mình đương con kỳ ngộ,
Chẳng duyên thì nợ, chẳng vợ thì chồng;
Giấy hồng đem phong đôi chữ thọ,
Gửi bức thư về thăm cả họ bình yên;
Đầu rồng mà gối tay tiên,
Long ly quy phượng gối lên tay nàng;
Trúc với thông không trồng mà mọc,
Trúc chưa ra nụ thông đã có hoa;
Mình chẳng lấy ta ắt là mình thiệt,
Ta không lấy mình ta biết lấy ai?
Răng đen còn có khi phai,
Má hồng khi nhạt, tóc dài khi thưa;
Lòng đây với đấy cũng vừa,
Sao còn kén chọn lọc lựa nơi nao?
Em nghĩ nơi thấp nơi cao,
Hay tưởng nơi nào sang cả tựa nường?
Đem mình vào chốn sập vàng,
Cả ăn cả mặc em càng cả lo!

*
* *

Một là duyên hai là nợ, ba bốn năm sáu bảy tám chín
nữa là tình,

Cái ma duyên nó lẩn quất bên mình suốt cả năm canh
Trách ông xanh sao nợ bạc tình,

Để duyên em chéch vếch, chữ chung tình không vẫn
hoàn không,

Tiếc thay cái bối tơ hồng,

Vì ai mà vò rối vò rít như thể cái bối bông trên rừng.
Con chim oanh sao nó nhảy riu ra riu rít, nó nhảy tung bùng,
Nó ăn nó hót, nửa sợ nửa mừng luống những vì duyên?

Cuộc đời sao lắm nỗi đảo điên,

Bởi chung một nỗi để phiền để lụy cho nhau.

Thôi thôi em cũng nên bỏ những nỗi thăm sâu,

Nghĩ sao cho thoả thích, trước sau cho vẹn tuyền.

*
* *

Từ khi vắng mặt khát khao,

Em mong em nhớ tưởng chả lúc nào được khuấy;

Khi buồn trông gió trông mây,

Gió kia phảng phất, đem cái mây bay khắp cả phương trời;

Ngán thay cho con tạo khéo cợt đời,

Kia sao gặp gỡ mà đến nay thời lại chả gặp đây;

Tình còn vướng vít mối tơ này,

Cho nên duyên trắc trở, tự những ngày tóc chấm vai;

Tưởng rằng gần bó một hai,

Chắc hẳn kỳ ngộ được hoà hài đôi lứa nhân duyên;

Kể từ gấn bó kết nguyên,
Dù hay dù lỡ dở, cũng được bền vĩnh viễn trăm năm.
Tuồng khách xa xăm!

*

* *

Đêm qua mưa bụi gió bay,
Gió rung cành bạc, gió lay cành vàng;
Em với anh cùng tổng khác làng,
Nhưng nào em có biết ngõ nhà chàng ở đâu?
Một thương, hai nhớ, ba sầu,
Cơm ăn chả được, ăn trầu ngậm hơi;
Thương chàng lắm lắm chàng ơi!
Biết đâu thanh vắng mà ngồi thờ than?
Muốn than mà chả được than,
Kìa như đá đổ bên ngàn lau tây;
Đá đổ còn có khi đầy,
Thương chàng biết thuở nào khuấy, hồi chàng?

*

* *

Đồn rằng cấy lữ thì vui,
Ta rú được người ta bán ruộng đi;
Quan năm, quan tám bán đi,
Dù đất dù rẻ, quần chi đồng tiền;
Nồi đồng đem gửi lãng giềng,
Nồi đất để đó, ai chuyên được nào;
Cổng thì rập chông, rập rào,
Đêm khuya thanh vắng ai vào chi đây?

Còn một con khuyển nhà này,
Hễ đem đi gửi nó nay lại về;
Hay là làm thịt quách đi,
Gói mo bỏ bị mang đi ăn đường!

*
* *

Ba mươi súc miệng ăn chay,
Sáng ngày mồng một dựng cây trúc dài;
Lam râm khăn vái phật trời,
Biết đâu có nắng mà phơi quần hồng;
Ai ơi hãy hoãn lấy chồng,
Để cho trai gái dốc lòng đi tu;
Chùa này chẳng có bụi ru,
Mà đem chuông khánh treo chùa hồ sen;
Thấy cô yếm đỏ răng đen,
Nam mô đi đà Phật lại quên mất chùa;
Ai mua tiu cảnh thì mua,
Thanh la não bạt nhà chùa bán cho;
Hộ pháp thì một quan ba,
Long thần chín rưỡi, Thích ca ba tiền;
Còn hai mụ Thiện hai bên,
Ai mua bán nốt, lấy tiền tôi nộp cheo;
Lệ làng thiếu thốn bao nhiêu,
Đẵn cây tre cọc cắm nêu sân chùa;
Miễn tôi lấy được cô đeo bùa.

*
* *

Còn duyên đừng đình chề chồng,
Hết duyên xốc xếch thì chồng lại chề;
Chề chồng chẳng bỏ chồng chề!
Chề chồng thì dễ, chồng chề thế nào?
Ngày còn duyên cô mình bắc bạc làm cao,
Khi mua không bán, khi rao không màng;
Còn duyên nói những bạc cùng vàng,
Hết duyên ốc đực cua càng cũng vợ;
Còn duyên kén chọn trai tơ,
Hết duyên ông lão móm cũng vợ làm chồng;
Còn duyên đóng cửa kén chồng,
Hết duyên cô đứng chồng mông mà gào!

*
* *
*

Anh đây tài tử giai nhân.
Quá vui chơi nên phải xuất thân đi giang hồ;
Bấy nay anh say tỉnh cuộc cờ,
Lập thân mong dựng cơ đồ mới nên;
Làm trai chí ở cho bền,
Không lo muộn vợ, chớ phiền muộn con;
Ba bốn mươi xuân hãy vẫn còn,
Non xanh nước biếc, khách ton đang chờ;
Trai tứ chiếng gặp gái giang hồ,
Gặp em anh những muốn quờ làm duyên;
Yêu nhau chớ quản bạc tiền,
Trình thầy thưa mẹ hãy nên chăng là;
Em về nói với mẹ cha,
Sớm khuya giữ việc trông nhà cho anh!

Nên chẳng phận đẹp duyên hài,
Phải duyên thì lấy, chớ nài sắc thanh.⁽¹⁾
Lời thề xưa còn đó rành rành,
Chén son chưa cạn, giọt tình chưa nguôi;
Đòi ta duyên số tự trời,
Hai bên gặp gỡ một lời kết giao!
Gió thu phảng phất động đào,
Vì em anh phải ra vào vãn vương.

*
* *
*

Lúng túng em ở trong phòng,
Chăn bông, đệm quế dốc lòng chờ ai?
Má hồng còn có cơn phai⁽¹⁾
Răng đen, da trắng, mái tóc dài anh yêu;
Em nghĩ mình em ái ố mỹ miều⁽²⁾
Chông con chẳng lấy, quyết liều xuân ru?
Hay em tưởng chuyện đi tu?
Uổng đời xuân sắc, thiệt thua nào tà!
Sách có chữ rằng: "Xuân bất tái lai"⁽³⁾
Đêm hôm khuya khoắt lấy ai bạn cùng?

*
* *
*

Một năm chia mười hai kỳ,
Thiếp ngồi thiếp tính khó gì chẳng ra?

⁽¹⁾ Sắc thanh; nhan sắc và tiếng nói, ý nói hình thức bên ngoài.

⁽¹⁾ Cơn phai; khi, lúc phai.

⁽²⁾ Ai ố mỹ miều: đẹp đẽ dịu dàng.

⁽³⁾ Nghĩa là tuổi xuân không trở lại.

Tháng giêng ăn tết ở nhà,
Tháng hai rồi rãi quay ra nuôi tằm;
Tháng ba đi bán vải thâm,
Tháng tư đi gặt, tháng năm trở về,
Tháng sáu em đi buôn bè,
Tháng bảy, tháng tám toan bề dong ngô;
Chín, mười cất rạ đồng mùa,
Một, chạp vớ được anh đồ dài lưng;
Anh ăn rồi anh lại nằm,
Làm cho thiếp phải quanh năm lo phiền;
Biết thế này lấy quách chú lục điền,
Gạo bỏ thóc đóng, chẳng phiền nỗi chi.

*
* *

Quyết vui chơi nam bắc tây đông,
Ráp mong trả nợ tang bồng ⁽¹⁾ cho cam;
Khi anh muốn làm, trời giúp cho làm,
Làm trai khắp chốn bắc nam cho tôi bởi;
Cầu mười phương phật, lạy chín phương trời,
Giúp tôi mạnh khoẻ trên đời một khi;
Nghiêng bầu thử nhấp chút chi,
Xênh xang áo để người thì tài hoa;
Bốn phương xum họp một nhà,
Coi trâu dãi khách, chén trà lịch sự phong lưu;
Dong chơi hết sáng đến chiều,
Chè Ô long, rượu Bạch tuyết, truyện Kiều kể năm ba câu;

⁽¹⁾ Tang bồng: ý nói chỉ khi của kẻ làm trai, nay đây mai đó.

Gặp anh em thuốc lá chè Tàu,
Khi bầu kim cúc, khi hầu tân lang;
Mãi mê cuộc rượu cung đàn,
Ngâm câu thế sự mà toan nhân tình;
Đêm trường gió mát trăng thanh,
Trà thơm hương đượm, tình anh tình nàng.

*
* *

Cô kia vận yếm đỏ hoa hiên ⁽¹⁾
Có muốn lấy tiền thì xuống tàu tây;
Hễ đi thì đi phát hôm nay,
Nữa mai tàu chạy mỗi ngày mỗi xa;
Ví dầu em lấy quan một, quan hai hay quan ba,
Thầy cai chú lính nó cũng đưa ra Hải Phòng
Em phải bỏ cha bỏ mẹ long dong,
Thời em hãy trở về làng xóm, vui ruộng đồng sớm hôm;
Lấy chúng anh đây có vợ có chồng!

*
* *

Một mừng thư thả thanh nhàn,
Hai mừng lại được thọ tràng ⁽²⁾ sống lâu;
Ba mừng phú quý sang giàu,
Bốn mừng trai gái rể dâu hiền lành;
Năm mừng phước lộc hiển vinh,
Sáu mừng con cháu tài danh hoạn đồ ⁽³⁾

⁽¹⁾ Hoa hiên: hoa một loài cỏ, màu vàng sẫm.

⁽²⁾ Thọ tràng; cũng là sống lâu;

⁽³⁾ Hoạn đồ: con đường làm quan.

Bảy mừng thóc lúa đầy bồ,
Tám mừng tiền của như biển hồ láng lai;
Chín mừng văn võ toàn tài,
Mười mừng thịt cá rượu say hơn người;
Giàu sang phú quý ở đời!

*
* *

Nay mừng những bác nông phu,
Cầu cho hoà cốc phong thu bình thời;
Vốn xưa nông ở bạc hai,
Thuận hoà mưa gió nông nhồi lên trên;
Quý hồ nhiều lúa là tiên,
Rõ ràng phú túc ⁽¹⁾ bằng yên cả nhà;
Bốn mùa xuân hạ thu qua,
Muốn cho tiền lúa đầy nhà Hán sương ⁽²⁾
Bước sang hạ giá, thu tàn,
Thu tiền tiền hoạch ⁽³⁾ giàu ngang Thạch sùng;
Quý nhân cùng kẻ anh hùng,
Ráp toan đánh trận với nhà nông ê hề;
Thực thà chăm chỉ thú quê,
Cấy cấy khuya sớm chuyên bề canh nông;

*
* *

⁽¹⁾ Giàu có, đầy đủ;

⁽²⁾ Hán sương, Thạch sùng; Tên hai người nổi tiếng vì giàu có ở xã hội phong kiến Trung Quốc, được coi như những kẻ giàu tiêu biểu.

⁽³⁾ Tiền lãi, tiền đầu mẩu (một hình thức thu tô tức của địa chủ).

Tôi mừng người buôn bán gặp may,
 Như cá gặp nước như mây gặp rồng;
 Bước chân ai đi người được chữ thông đồng,
 Phát tài sai lộc, một vốn trông bốn lời;
 Quanh năm hoạnh phát ⁽¹⁾ tài bồi,
 Thiên sơn vạn thuỷ chân trời nguồn sông;
 Sách có chữ rằng: "tài hóa lưu thông" ⁽²⁾
 Ăn chơi thoả chí tang bồng thời thôi;
 Bước chân đi mang một về mười,
 Đào lan quế huệ tốt tươi đủ dài;
 Hai tôi mừng già trẻ gái trai,
 Dâu ngoan, rể quý nối đời về vang;
 Ba mừng phú quý thanh nhân,
 Bách niên giai lão thọ tràng sống lâu;
 Bốn mừng vinh thịnh ⁽³⁾ bền lâu,
 Ra phú đắc quý về sau càng bền;
 Năm mừng tài lộc tiến lên,
 Xuân trường, mệnh thọ ⁽⁴⁾ ngày thêm hoạn đô;
 Sáu mừng của đủ nhà no,
 Tả vắn hữu võ, lưỡng đồ ⁽⁵⁾ sang thay;
 Bảy mừng bán đất buôn may,
 Ngược xuôi toàn gặp sự ngay sự lành;
 Tám mừng gia sự khang ninh ⁽⁶⁾
 Phu thê hoà hợp gia huynh vẹn mười;

⁽¹⁾ Ý nói làm ăn chóng lên, thu nhiều tiền của.

⁽²⁾ Nghĩa là tiền tài và hoá vật luân lưu luôn luôn.

⁽³⁾ Vinh thịnh: về vang thịnh vượng.

⁽⁴⁾ Ý nói trẻ mãi sống lâu.

⁽⁵⁾ Ý nói hai bên đủ cả vắn lẫn võ;

⁽⁶⁾ Khang ninh: bình an.

Chín mừng vạn sự hơn người,
Đắc thọ, đắc lộc, đắc tài, đắc cả công danh;
Mười mừng vạn sự giai thành,⁽¹⁾
Đời đời no đủ trường sinh để huê.

*
* *

Ai sinh ra cái cảnh nghèo,
Kém ăn kém mặc, kém điều khôn ngoan;
Bởi chung tôi không có bạc vàng,
Cho nên chẳng được nể nang bằng người;
Nhà giàu nói một hay mười,
Nghèo tôi nói chả được lời nào khôn;
Nghèo thì như giỏ thùng tròn,
Nhà giàu có bạc bỏ hòm ai hay?
Nghèo đâu nghèo mãi thế này,
Thua chúng thua bạn vì nay cảnh nghèo;
Suốt năm công nợ eo sèo,
Cũng vì một cái tội nghèo mà thôi.
Việc làng chẳng dám hé môi,
Xin ai đừng có chê cười tôi chi;
Nghèo tôi nó chẳng ra gì,
Cho nên mất cả tông chi họ hàng;
Nếu như tôi lắm bạc nhiều vàng,
Dù ở xa tí cũng khối họ hàng đến thăm.

*
* *

⁽¹⁾ *Giai thành: vạn sự đều tốt đẹp.*

Chồng em nó chẳng ra gì,
Tổ tôm xóc đĩa nó thì chơi hoang;
Nói ra xấu thiếp hổ chàng,
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà;
Nơi đây có chị em nhà,
Còn dăm ba thúng thóc với một và cân bông;
Em bán đi trả nợ cho chồng,
Còn ăn hết nhịn cho bằng lòng chồng con;
Đắng cay ngậm quả bồ hòn,
Cửa nhà gia thế chồng con kém người;
Nói ra sợ chị em cười,
Con nhà nho giáo lấy phải người dân ngu;
Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu nặng mình. ⁽¹⁾

*
* *

Đêm qua tôi bồi hồi suốt sáng,
Nước mắt đầy lai láng năm canh;
Lòng tôi ăn ở với anh,
Nào tôi có phải buổi chanh dâu mà?
Tôi nâng niu mẹ già tử tế,
Tôi chiều chuộng em bé phân minh;
Bống dâu có sự bất bình,
Tôi yêu anh lắm, anh khinh tôi nhiều!
Anh không xem truyện Kiều ngày trước,
Vân và Kiều giao ước chàng Kim;
Tôi không muốn anh nay chim mai chuột,

⁽¹⁾ Hát Trống quân cũng có bài tương tự.

Tôi cũng muốn: rằng có đôi nước cho vui;
Ai ngờ anh bịt mắt tôi,
Anh đi tư túi với người xóm trên!
Ai ơi đứng lại mà xem,
Có đâu lại ba bốn chị em một chồng?
Tôi trông đưa những mong đưa có quả,
Nay anh rước voi về giày má đổ tại tôi!
Chồng sao ở bạc như vôi,
Nói ra cũng khổ, đành chịu nhời đắng cay;
Tôi cũng muốn có rế lót tay đỡ nóng,
Không ai ngờ anh ấp bóng ba ba;
Bây giờ anh nghe người ta,
Dứt tình anh đuổi tôi ra cho đành;
Người ta những quần lành áo tốt,
Của chẳng ngon cũng hốt lấy anh ơi;
Bây giờ anh chán tôi rồi,
Hoa thơm mất nhụy, của ôi ai thềm?

*

* *

Hà thành anh gửi tới nơi,
Bút đề mấy chữ chuyển lời thăm em.
Em ơi nghĩ lại mà xem,
Xa nhà tính đã vừa tròn nửa năm;
Phải chăng em vì tiền chục bạc trăm,
Mà em nỡ ngại đạo hằng phu thê;
Vợ chồng đầu gối má kề,
Một ngày là nghĩa tào khê ở đời ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Ý nói nghĩa tao khang là nghĩa vợ chồng.

Đau lòng anh lắm em ơi!
Đêm con nó khóc em thời nghĩ sao?
Ruột anh đau xót như bào,
Khác nào như thể bị dao chém bầm!
Anh nói thế sao em chẳng động tâm,
Em đi vui thế anh nằm sao yên?
Ví dù có phải đường liên,
Thì anh bỗng bế con lên bây giờ.
Con còn trứng nước ngày thơ,
Em đi nó biết nương nhờ vào đâu?
Ngày ngày bế nó ra tận bến tàu,
Sông bao nhiêu nước, dạ anh sâu bấy nhiêu;
Ai trông thấy trẻ chẳng yêu,
Kẻ bế, người chiều, lòng anh những héo hon;
Nhớ em nước mắt rồng tuôn,
Thân anh gà trống nuôi con một mình;
Lẽ nào em nỡ dứt tình,
Bỏ con bỏ cái, bỏ anh sao đành?
Mực tàu ai vẽ nên tranh,
Khi giận lỗ mắng, khi lành anh thương;
Đã nghĩ đi anh mong em nghĩ lại,
Ngãi vợ chồng là ngãi trăm năm;
Em nhớ cho anh hai chữ đồng tâm,
Đường dù cách trở bao lần em vẫn về;
Tình chiều chần thêm bề nghĩa cũ,
Duyên kiếp xưa hương lửa mặn nồng;
Thương con bé dại, thương chồng,

Mấy lời nhắn gửi anh mong em trở về ⁽¹⁾

*
* *

Chợ tỉnh một tháng sáu phiên,
Sắm quang sắm thúng đưa tiền nàng đi dong;
Sắm cối anh lại sắm nông,
Sắm cả cái bát quan đồng mình ơi ⁽²⁾!
Giần sàng nia sấy sắm rồi,
Lại nuôi đôi lợn để lời tiêu sau: ⁽³⁾
Vợ chồng ta sẽ bảo nhau,
Bây giờ vất vả, về sau thanh nhàn;
Anh dặn em chớ có bán lại đồng ngang,
Dù hơn dù kém đừng phàn nàn với ai;
Đi chợ thì chớ đơn sai,
Mua thừa bán thiếu nó vụn ngay vào mình;
Đi chợ em phải cho tỉnh,
Đồng đổ vào thúng, chiết mình thóc ra; ⁽⁴⁾
Xem thóc non hay thóc già,
Non thì già đón, nhưng nếu già phải già lâu ⁽⁵⁾
Mai này em về làm dâu,
Cho nên anh dặn trước sau vài lời;
Mẹ già dữ lắm em ơi!
Khoan ăn bớt nói nghe lời anh nhắn nhe!

⁽¹⁾ *Hát Sa mạc cũng có bài tương tự.*

⁽²⁾ *Bát quan đồng: bát to qui bằng đồng.*

⁽³⁾ *Để lời: để lãi, để có lợi.*

⁽⁴⁾ *Ý nói để thóc riêng ra.*

⁽⁵⁾ *Già đón; mặc cả chặn trước, giá rẻ.*

Già lâu: mặc cả lâu ta, nần nỉ để mua được lời.

*
* *
*

Chim họa mi ơi!
Mi ăn mi hút,
Mi nhảy nhót trong lồng,
Vui thời vui thực, sướng thời sướng thực
nhưng cá chậu chim lồng cũng chẳng có ra chi;
Mi có khôn ngoan mi dắt con dắt vợ mi đi,
Bầu đoàn thể tử, mi chấp cánh bay về cái chốn sơn lâm;
Nơi cây cao bóng cả mi tầm,
Mi tha mỗi làm tổ, để những lúc mưa dầm, mi lấy mi xơi;
Mi chỉ lo sao cho thân mi sung sướng một đời,
Để cho cha thương mẹ nhớ, vợ con trông khóc
ai hoài lắm mi?

Tiếc thân mi nó chẳng ra gì,
Dao phay, thốt nhiên có khi tránh chẳng được nào;
Hoàng mi kia hơi nghĩ sao? ⁽¹⁾

*
* *
*

Con gà mảy gáy cục cu,
Làm cho giấc mộng đêm thu không thành;
Gớm ghê thay cho con gà sống dã tình,
Gáy chi gáy mãi để mình nằm ngủ không yên;
Tuồng rằng miệng nó không thiêng,
Ai ngờ nó gáy đảo điên cảnh đời;
Tớ đi tầm thú đang vui,
Sao mình đánh thức tớ dậy, buộc vào nơi sấu thành?

⁽¹⁾ Bài này có nghệ nhân nói là cụ Yên Đỗ làm để nói cạnh Hoàng Cao Khải khi ông mới mọc cụ ra làm quan với Pháp.

Thôi thôi tớ cũng van mình,
Để cho tớ ngủ với chúng với bạn, với nghĩa anh cho
thoả lòng;
Đối thầy cha nhân thế sự dèo bông,
Lâu dài không tưởng ⁽¹⁾ chốn đình chung tớ cũng
không thêm;
Ai về nhắn nhủ với đàn em,
Đánh thức tất cả dậy để đua chen với đời ! ⁽²⁾

*
* *
*

Áo quần chỉ cốt che thân,
Lụa là gấm vóc hoa văn cấm dùng;
Vải thô nhuộm vẻ nâu sồng,
Hai mẫu hoàng lục đều không được mà;
Còn như về việc cửa nhà,
Gỗ tranh tre lá gọi là có thôi;
Như nhà lợp lá phải coi,
Dốc đao cấm ngất, góc chòi cũng không;
Chữ Môn cho chí chữ Công,
Phạm vào phép nước tất không dung hoài;
Dép giấy nhận kỹ chớ sai ⁽³⁾

⁽¹⁾ Các nghệ nhân Nguyễn Văn Nguyên (Hà Nội) và Nguyễn Sinh (Chợ Gò Ninh Bình) đều hát đúng như vậy.

⁽²⁾ Bài này có nghệ nhân nói là cụ Phan Bội Châu làm để thức tỉnh quan lại và nhân sĩ đương thời.

⁽³⁾ Mấy câu sau có nơi hát là:
Dân gian phải nhớ điều này,
Hễ là chân trắng dép giấy cấm mang.
Nhất trường thì dép quai ngang,
Nhị trường quai dọc, tam trường quai đôi;
Công danh khi có chút rồi,
Có là cử tú mới được hẵn hoi đi giấy.

Hai quai thầy Tú, một quai thầy Đồ;
Giày da Nghè Cũ mới cho,
Dân gian chỉ được đôi giò kéo không ⁽¹⁾.

*
* *

Anh bước chân đi ngàn dặm nước non,
Cửa nhà thu xếp vuông tròn mới vui;
Còn chút mẹ già đầu bạc da mồi,
Sớm khuya hầu hạ, anh thời cậy em;
Ở sao cho trong ấm ngoài êm,
Nuôi con khôn lớn, dạy các em nên người;
Công việc nhà đi chín về mười,
Tay hòm chìa khoá em thời lo toan;
Ở sao nổi tiếng dẫu ngoan,
Đảm đang gánh vác giang san nhà chồng;
Quản chi nam, bắc, tây, đông,
Phen này anh ra lính, nước non xa vơi;
Bước chân đi ngàn dặm xa xôi,
Hạt châu lai láng rụng rời tay chân;
Ngoảnh trông lòng dạ tần ngần,
Oán ra muôn nỗi, giận thầm chước thâm,
Con cò lặn lội bờ đầm,
Gái ngoan chồng chẳng phụ ân bao giờ,
Kẻ đi người ở bơ phờ.
Dưới tàu trên bến, ngăn ngơ ngàn sầu. ⁽²⁾

⁽¹⁾ Bài này do bạn Triều Dương ghi chép.

⁽²⁾ Hát Sa mạc cũng có bài tương tự. Bài này ra đời khoảng Đại chiến I, khi bọn thực dân mộ dân ta đi lính sang Pháp, chết thay cho chúng.

*

* *

Ta thời mù, ta thời mù,
Mà các em cứ than vãn cái phận ta mù;
Than đời khối đắng cơ đồ ⁽¹⁾ lắm đũa coi khinh,
Nhưng bạc tài tình lại bị lắm kẻ xem khinh,
Hèn ngu gian nịnh, ra tình lắm người yêu,
Nghĩ ngán cho đời ta phải hát ngao nghèo,
Cung đàn tiếng hát cho tiêu mối sầu;
Con mắt ta nhìn, không thấy ông trời đâu,
Giang sơn Nam Việt cứ một màu tối tối đen đen;
Ta chấp tay cúi lạy ông Hoàng thiên!

*

* *

Quyết chí làm trai,
Giữ đường trung chính, là người tiến bộ văn minh.
Đạo cương thường có bằng hữu đệ huynh,
Làm sao cho thuận nhân tình với nhau.
Đồng chí ta không phụ khó tham giàu,
Nghèo mà chẳng lụy chẳng cầu đến ai.
Hết bĩ cực đến thái lai ⁽²⁾
Đời chung đời chạ riêng ai đâu mà;
Khăng khăng ta quyết giữ vững chí ta,
Đốc lòng phấn đấu mới là bền gan.
Tức quân thù lắm kẻ đa đoan,

⁽¹⁾ Ý nói những người làm cách mạng bấy giờ. - Nghệ nhân Giải Kinh hát và nói bài này cô ở Nghệ An vào những năm 1931-1932.

⁽²⁾ Bế tắc đến cùng cực thì lại khai thông;

Cầm dây mà cột nổi oan cho chúng mình.
Không lẽ ngoảnh mặt ta làm thỉnh,
Đứng lên đập đổ mọi bất bình cho xong!
Lập nền chuyên chính công nông,
Đời ta mới được thoát vòng ngựa trâu.
Nhân quyền xã hội sung sướng ngang nhau,
Có cạnh tranh ta mới đạt câu sinh tồn.
Dập đầu tài tử giai nhân,
Có trường văn hoá có quần chúng sinh.
Một lòng một dạ dính ninh,
Muốn khỏi vòng áp chế, phải đấu tranh với thù.
Không lẽ nào chịu áp bức mãi ru,
Cùng nhau đứng dậy đền bù cho đất nước giang san !

*
* *

Ở nhà em mới ra đây,
Lặng nghe anh kể chuyện tàu bay trở về.
Tàu từ ở nước Anh-lê,
Ông Tây mới mượn đem về khoe ta.
Bay bổng rồi lại quành xa,
Có ông cập-tên ⁽¹⁾ cầm máy, xè xè lượn lên.
Nhác trông hai cánh cũng mềm,
Ngoảnh lại những tưởng là tiên non bóng.
Bay từ bốn tỉnh đường trong,
Bay ra tỉnh Bắc, tỉnh Đông tỉnh Đoài.

⁽¹⁾ Do đọc trệch tiếng Pháp *capitaine* là quan Ba ngạch nhà binh.

Kể ra thật cũng khen tài,
Ai xem cũng thấy giỏi hay rõ ràng.
Bất đồ lên tới tỉnh Bắc Giang,
Tàu dà liệt máy đâm quàng xuống sông.
Cố lê ra đến giữa đồng,
Cánh nhào ngay xuống, rõ lòng trời xui.
Gặp ba bốn người làm cò đang vui,
Ra tay cứu vớt ông cập-tên khỏi nguy tức thời.
Rõ ra ông Tây được chị em ta cứu sống mạng đời ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Hồi đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đem máy bay sang loè dân ta, không may, lên tới Bắc Giang, thì bị bốc cháy, rơi xuống đồng Yên Dũng; tên quan Ba cấm lái được chị em đang làm cò ruộng cứu thoát. Bài này do ông Ba Ngườn, xẩm ở Thùng Đẩu, thị xã hát.

2. RIỀM HUỀ

Thiếp mới gặp chàng,
Chàng lại gặp thiếp đôi dàng gặp nhau.
Gặp chàng đây, mời chàng xơi nước xơi trầu.

(hết khổ)

Gặp chàng đây, mời chàng xơi nước xơi trầu,
Bằng lòng thương yêu đến thiếp, bảo về đâu thiếp cũng về.
Thiếp say chàng quá đổi nên mê,
Chàng về cho thiếp đi kẻ theo sau.
Kể từ ngày ta mới gặp nhau,

(hết khổ)

Kể từ ngày ta mới gặp nhau,
Thắm yêu trộm nhớ bấy lâu không rời;
Em nhớ thương chàng lăm lăm chàng ơi,
Tài này sắc ấy xứng đôi vợ chồng,
Em chỉ muốn cho loan phụng một phòng.

(hết khổ)

Em chỉ muốn cho loan phụng một phòng,
Loan ôm lấy phụng, phụng bỗng lấy loan.
Chàng mà đi đâu thì em tưởng nhớ trăm ngàn,
Ủ ê mây liễu, dạ càng kém tươi,
Bằng khuâng em nhớ cảnh, thôi lại nhớ người;

(hết khổ)

Bâng khuâng em nhớ cảnh, thôi lại nhớ người,
Nhớ nơi đôi ta kỳ ngộ, nên nổi chằng rời chân ra.
Cảnh hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan thu cúc mặn mà cả đôi.
Ước mong sao duyên ta khăng khít trọn đời.

*
* *

Xanh ngắt tận trời,
Cái đám mây xanh, xanh ngắt tận trời.
Lòng anh chỉ muốn lấy người thực nữ ở đây,
Nàng trở ra về cho anh cầm chặt cổ tay
Mời nàng ở chơi hôm nữa, đến mai hãy về.
Nàng ở lại đây nên thiếp nên thê,
Nên chăn nên gối, đi về có nhau.
Duyên đôi ta khác thể bóng nhang Tàu⁽¹⁾,
Trai tài gái sắc lấy nhau nên vừa.
Liệu cô mình tránh khỏi chúng anh chưa?

*
* *

Hôm nay tính mới gặp tình,
Khác nào Kim Trọng thanh minh gặp Kiều.
Tiện đây nàng cho anh hỏi đôi điều,
Năm xưa Kim Trọng hỏi Kiều làm sao?
Quá vui chơi gặp khách má đào,
Có nên chằng nàng hãy nói thấp cao vài nhời.

⁽¹⁾ Nhang Tàu : Gương soi do người Tàu sản xuất, được dân ta ưa chuộng, coi là thời thượng hồi ấy.

Muốn cho tác hợp duyên trời,
Đôi ta ngẫu nhĩ trọn đời kết giao.

*

* *

Hôm nay tính mới gặp tình,
Tính toán ước hỏi xem tình làm sao?
Có ai đưa liễu đến hỏi đào,
Ai mang duyên đây buộc vào tình đây;
Trăm năm dọn lại một ngày,
Đàn cầm ai nữ dứt dây cho đàn;
Hỏi nào lời cô mình giao ước lấy anh,
Dẫu cho lở núi xiêu thành không quên.
Vốn trước kia đã có nhờ nguyên,
Trước chia đôi ngã sau nên vợ chồng !
Vì tình anh phải gắng công,
Em có hồng nhan má phấn nên lòng anh mê;
Có gần đâu đây cho anh tiện lối đi về,
Say chùa mệnh cảnh, mệt mệ vì mình;
Trót đa mang đôi chữ tài tình,
Phải chăng duyên nợ tác thành đôi ta?

*

* *

Chàng thấy đi kẻ đã mấy đông,
Cho loan ngóng gió cho rồng chờ mưa;
Tấm gan vàng dạ sắt, thiệp ngấn ngơ,
Lấy ai gìn giữ con thơ cho chàng?

Nghĩa vợ chồng đồng tịch đồng sàng ⁽¹⁾
Đồng sinh, đồng tử cưu mang đồng lần;
Chàng trầy đi vầng mệnh quân thần, ⁽²⁾
Thiếp xin đôi chữ Tấn Tấn ⁽³⁾ hợp duyên;
Nửa một mai bóng quế dải thêm,
Bóng trắng thấp thoáng, ngọn đèn mờ xanh;
Chàng trầy đi, nước mắt thiếp tôi chảy quanh !

*
* *

Chăn đơn nửa đắp nửa hồng,
Cạn sông, lở núi ta đừng quên nhau;
Từ ngày ăn phải miếng trầu,
Miệng ăn môi đỏ, dạ sầu dăm chiều;

*
* *

Tình đi Tính dặn lời này,
Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ đi;
Biết nhau từ thuở hàn vi,
Vắng Tình, Tính chẳng hoan huý với ai;
Tình nghe Tính dặn một hai,
Vắng Tình, Tính chớ nghe ai thay lòng;
Chăn Tình Tính đắp mùa đông,
Áo Tình Tính mặc cho xong mùa hè;
Nón Tình mưa nắng Tính che,

⁽¹⁾ Cùng chiếu cùng giường .

⁽²⁾ Ý nói vầng mệnh vua quan;

⁽³⁾ Do tích 2 nước Tấn và Tần (đời Chiến quốc) nguyện với nhau đời đời kết thân.

Lối Tình Tính vẫn đi về sớm trưa;
Cây Tình vin những ngày xưa,
Khăn Tình Tính quấn khơi đưa mạch sâu;
Lược Tình Tính giắt mái đầu,
Gương Tình Tính để trên lầu soi chung;
Quạt Tình phe phẩy bạn cùng,
Rét Tình Tính chịu lạnh lòng năm canh;
Tình ơi! Tình chớ nghe ai dỗ dành!

*

* *

Đêm nay gió mát trăng thanh,
Tôi đương giấc quế thấy mình sang chơi;
Thật mặt đã trông thấy rồi,
Chẳng còn phảng phất rằng tôi mê tình;
Bóng trắng thấp thoáng ngoài màn,
Gà kia gáy giục giạt mình chiêm bao;
Gió thu như gọi cơn sầu,
Bao giờ phượng được kẻ đầu cùng loan?
Một mình tôi vẫn lo toan,
Thương chàng vất vả gian nan một mình;
Ai ơi giữ trọn hiếu tình,
Trong hai chữ ấy có mình với ta;
Sầu này bởi tại mẹ cha,
Cho nên bướm phải xa hoa thế này!
Hoa thơm trót đã gior tay,
Dầu nay sao lãng quên này mặc ai;
Xin chàng gác bỏ ngoài tai,

Đừng quên nghĩa cũ chớ sai lời nguyên;
Nhớ khi vào động Đào Nguyên,
Thấy chàng có ngãi nên duyên Tấn Tản;
Giọt đồng hồ thánh thót canh thâm,
Trông ai khắc khoải lẫn khàn thảng ngày;
Sao Hôm chờ đợi sao Mai,
Chữ sầu mang nặng bởi ai mà sầu?
Ruột gan dạ héo như dầu,
Lại thêm gió thoảng mưa rêu từng cơn;
Nước chảy xuôi hòn đá cũng mòn,
Như dây tam cổ đứt còn một gang;
Xuân tàn, thu đã vừa sang,
Mưa thu lác đác trông chàng bán khoản !
Chớ quên lời thiệp dặn chàng !

*
* *

Vào rừng hái một quả sim,
Ăn nửa bỏ nửa, đi tìm người thương ⁽¹⁾
Tìm em phố Tấn quán Tương,
Đi qua Tuần Vương, khóc mẹ khóc con;
Tìm em đã khắp núi non,
Trở về thành phủ, lầu son cũng gần;
Tìm em nửa Tấn nửa Tản,
Qua Hồ tới Việt xa gần mọi nơi;
Tìm em cho đến nước người,

⁽¹⁾ Hát chèo cũng có câu tương tự.

Thử xem chú khách nói cười làm sao?
Tìm em sang cả nước Lào,
Qua thăm Vạn Tượng đi vào Phù Nho;
Tìm em đã khắp kinh đô,
Sang nước Oa Nữ có vua đàn bà;
Tìm em đã khắp gần xa,
Tiền đường sang đến Phật bà Tây Thiên;
Nhớ lời giao ước thể nguyên,
Vậy nên anh phải tìm lên tận trời;
Lên trời chẳng thấy tăm hơi,
Thấy ông Nguyệt lão đang ngồi xe dây;
Tìm ai khắp chín từng mây,
Bước xuống hạ giới hôm nay gặp nàng;
Gặp nàng anh mới thờ than,
Vắng nàng anh biết phàn nàn cùng ai?
Đêm qua gió trúc mưa mai,
Chỉ thù nên găm sắt mài nên kim;
Thương em anh phải đi tìm,
Miễn sao kết ngãi nhân duyên ở đời. ⁽¹⁾

*

* *

Đồng tiền Vạn lịch thích bốn chữ vàng,
Anh tiếc công anh dan díu với nàng bấy lâu;
Bây giờ nàng lấy chồng đâu?
Để anh giúp đỡ trăm cau ngàn vàng;
Năm trăm anh đốt cho nàng,

⁽¹⁾ Bài này do nữ nghệ nhân Trần Thị Nhòn hát.

Còn năm trăm nữa giải oan lời thề;
Xưa kia nói nói, thề thề,
Bây giờ bẻ khoá trao chìa cho ai?
Hỏi nàng rày đã nghe ai,
Gặp anh ghé nón, chạm vai cũng chẳng chào. ⁽¹⁾

*
* *
*

Em là con gái đường trong,
Em đi thuyền dưới, mếch lòng thuyền trên;
Ba năm trời em ăn ở dưới thuyền,
Bởi anh hàng muối cho nên mặn mà;
Xuống thuyền nhịp bảy nhịp ba,
Trách anh hàng trứng ở ra đôi lòng;
Sông Thương nước chảy đôi dòng,
Đền khêu đôi ngọn, anh trông ngọn nào?
Muốn tắm mát lên ngọn sông đào,
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh;
Đôi tay em vít cả đôi cành,
Quả chín em hái, quả xanh thời dừng;
Ba bốn năm nay em ở trên rừng,
Chim kêu vượn hú, chập chùng nỗi lo;
Trót sa chân lỡ bước xuống đò,
Gieo mình xuống sập những lo cùng phiền ⁽²⁾.
Chợ Đoài một tháng sáu phiền,
Anh gặp cô hàng xén kết duyên tài bồi;
Gánh hàng cô những quế cùng hồi,

⁽¹⁾ Xem thêm truyện xẩm *Đồng tiền Vạn Lịch* ở cuối sách này.

⁽²⁾ Đoạn trên này cũng thấy trong hát *Ví*, hát *Trống quân*.

Có mẹt bồ kết, có nồi phèn chua;
Bố hương thơm cô xếp cạnh bồ,
Đủ cà trần bì, cam thảo sài hồ, hoàng liên ⁽¹⁾.
Thử hỏi hàng cô đáng giá bao nhiêu tiền?
Để anh xếp vốn lưng liễn buồn chung,
Buồn chung ta lại bán chung,
Được bao nhiêu lãi ta cùng chia nhau;
Nàng tính thế nào hãy nói trước sau?

*
* *

Khăn anh nàng lấy vá vai,
Bây giờ nàng đã nghe ai dỗ dành;
Chẳng nên tháo chỉ lấy mụn trả anh,
Để anh đem bán lấy hai trăm lạng vàng;
Một trăm anh trả lại nàng,
Còn một trăm nữa anh treo trên ngành,
cao tít ngọn đa !
Sao nàng không nói lời nguyện ước dưới hoa,
Đáy sông Nhị Hà, nọ núi Tản Viên;
Bây giờ nàng ở thế sao nên?
Anh khấn Nam Tào, Bắc Đẩu biên tên rành rành;
Đã yêu anh thì quyết với anh,
Nhà tre, cột nửa, lợp tranh xuềnh xoàng;
Nàng chớ tham nhà gỗ bức bàn,
Gỗ lim chạm trổ tổ càng mất công;
Nhọc mình thôi lại luống công,
Đến khi gỗ mục, kèo vóng lại tìm!

⁽¹⁾ Tên những vị thuốc Bắc thường thấy bán lẻ ở các cửa hàng xén.

*
* *
*

Khăn thương nhớ ai, khăn chùi nước mắt,
Đèn thương nhớ ai mà đèn chẳng tắt,
Mắt thương nhớ ai mắt chẳng ngủ yên ?
Đêm qua chỉ những lo phiền,
Nghĩ về một nỗi nợ duyên lỡ câu;
Một thương, hai nhớ, ba sầu,
Cơm nuốt chẳng được, ăn trầu ngậm hơi.
Thương mình lắm lắm mình ơi !
Biết đâu chỗ vắng mà ngồi thở than ?
Muốn than mà chẳng được than,
Kìa như đá đổ làm đàng cái tây,
Đá đổ còn có khi đầy,
Thương mình biết thuở nào khuây hỗi mình?
Những nơi chất sít như sung,
Hắc cay như ớt em tung mình vào;
Những nơi chiếu miến ⁽¹⁾ vông đào,
Điều vàng bịt bạc em nàc có say?
Nư anh đây chỉ có điều dất vòng day,
Điều sành xe sậy, em say lừ đừ;
Những toan xe túi đựng hào,
Những toan tát bể làm ao cấy cần;
Nhưng sao trời ở không cân,
Mưa quanh trái núi, ao cân bỏ rơi?
Rau răm ngắt ngọn còn tươi,
Rượu dấm ba chén nhớ người tình thâm;
Đêm qua đốt đỉnh nhang trầm,

⁽¹⁾ Chiếu cạp vải xanh hoặc vải đỏ ở hai bên mếp.

Khói bay nghi ngút, tri âm ưu phiền;
Lá khoai nghĩ lá rau dền,
Sáng trăng lại nghĩ bóng đèn ai khêu?
Lá kia gọi lá xoan đào,
Tương tư thì gọi thế nào hỡi ai? ⁽¹⁾

*
* *

Có đêm ra đứng dăng tây,
Nom lên lại thấy bóng mây tà tà;
Có đêm ra đứng vườn hoa,
Nom lên lại thấy sao tà lấp lánh;
Có đêm thơ thẩn bên màn,
Ngẩn ngơ ngơ ngẩn năm canh thức dòng;
Nhớ khi nước hên ghi lòng,
Ngóng trông nào thấy vãn mòng tâm hơi;
Thương chàng lăm lăm chàng ơi!
Nhớ câu chàng nói, nhớ lời chàng than:
Nhớ ai như nhớ lạng vàng,
Khát khao về nết, mơ màng về duyên;
Nhớ ai như bút nhớ nghiên,
Như mực nhớ giấy như thuyền nhớ sông;
Nhớ ai như vợ nhớ chồng,
Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây;
Nhớ ai thức suốt canh chầy ! ⁽²⁾

*
* *

⁽¹⁾ Bài này có nhiều đoạn thấy hát trong Xoan ghẹo, Trống quân, Sa mạc, hát Đúm, hát Ví.

⁽²⁾ Hát Sa mạc và hát Ví cũng có bài tương tự.

Ai về Đông Xá cho em gửi đôi lời,
Tình thư một bức nhắn dặn người tri âm;
Mối tơ chín khúc ruột tằm,
Khi thắm thắm đợi, khi năm năm chờ;
Vì tình ai nhẽ làm ngơ,
Cầm sào em đợi, em chờ nước xuân;
Ước cho đầy với đầy chỉ Tấn với Tần,
Sắt cầm hoà hợp, lựa vẫn hát lên !

*

* *

Tôi nói ra mang tiếng khinh đời,
Biết chăng, chẳng biết, hoạ chỉ có trời với ta;
Tôi chỉ băn khoăn cho nước non nhà,
Tôi buồn vì dui con mắt, lại loà con người;
Để bấy nay chịu thế gian cười,
Phận đàn bà há dễ kén người tài trai;
Tuổi xanh nào thể vật nài,
Riêng ta ta những tiếc hoài cho ta;
Biết bao giờ mở mắt trông ra,
Cầm cây gậy trúc xông pha với đời !
Kèo gan cầm ruột xót bời bời,
Ngó phong cảnh lạ, ngó trời đất quen;
Cõi trần gian mấy kẻ sang hèn,
Bước đường danh lợi đua chen làm gì;
Sống lâu nghe lắm chuyện kỳ,
Trách mình thôi chứ, trách gì ông xanh?
Bởi vậy nên tôi mở mắt không đành ! ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bài này do nữ nghệ nhân Hai Thìn ở Sơn Tây hát.

3. BA BỰC

Bên thời mảnh,
Gió nam phảng phất bên mảnh,
(*hết khổ*)

Phảng phất gió đưa bên mảnh,
Tình ra mới biết rằng mình chiêm bao,
Ngoảnh trông nào thấy đâu nào?
(*hết khổ*)

Nào thấy đâu nào?
Tuồng chàng quân tử ra vào phòng nhang,
Kể từ phen đá biết tuổi vàng!
(*hết khổ*)

Đá biết ai ơi tuổi vàng,
Lòng càng thăm thiết, dạ càng ngẩn ngơ;
Tối đêm qua em ngủ cửa đợi chờ,
(*hết khổ*)

Ngủ cửa ai ơi đợi chờ,
Chiêm bao thì thấy, dậy sờ chiếu không;
Thiếp mời chàng vào chung gối loan phòng!
(*hết khổ*)

Chung gối ai ơi loan phòng,
Chung chăn phi chí thoà lòng bấy nay;

Rắp chung gương lược chải đầu !

(*hết khổ*)

Chung lược ài ơ chải đầu,
Chung bình phấn sáp, chung mầu xuân xanh;
Bông huê mai chung chiếc lục bình !

(*đổ sa mạc*)

Bông huê mai chung chiếc lục bình,
Kết giao nguyện ước chung tình đôi ta;
Ngôi rồi ngà chiếc chiếu hoa,
Sơn minh thệ hải nhớ câu ca dèo bông ! ⁽¹⁾

*

* *

Anh có yêu em, anh quá bộ sang chơi nhà,
Để thầy mẹ biết giao hoà em phải lòng anh;
Nói ra em sợ mang tiếng dõ dằn,
Mặc ý mình liệu, mặc tình mình lo;
Yêu anh em cấp nón theo anh xuống đò,
Ba khoang đầy chật, khắc ngồi co trên mui bông
Rồi cũng có khi anh ghếch anh gác qua lòng,
Chúng ta duyên kiếp nên dèo bông lấy nhau.
Trót yêu nhau tam tứ núi cũng trào!
Thất bát sông cũng lội, tam thập đèo cũng qua;
Bằng đến khi đây đây một nhà ⁽²⁾!

*

* *

⁽¹⁾ Một số câu trong bài này thấy có trong hát Ví, hát Đúm, hát Quan họ.

⁽²⁾ Bài này có một số câu cũng thấy trong hát Chèo, hát Quan họ, hát Ví.

Khá khen ai tỏ lối quen đường,
Đưa cô nàng đến quê hương anh này,
Khen cho Tư hồng, Nguyệt lão xe dây,
Xe cô mình đến chốn này với ta;
Sớm đào tối mạn lân la,
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng;
Vì ai cho đá biết vàng,
Cho loan biết phượng, cho nàng biết ta;
Anh sẽ vào anh nói với mẹ cha !

*
* *

Sáng trăng suông sáng cả đêm rằm,
Nửa đêm về sáng trăng bằng ngọn tre;
Anh trót yêu em, yêu trọn một bề,
Để anh thơ thẩn ngồi kẻ bóng trăng;
Sự tình ai thấu cho chăng?
Vào ra ngơ ngẩn dưới bóng trăng anh chịu sầu;
Cái bến tương tư một nhịp đôi ba cầu,
Bắc nam đôi ngã, mối sầu đôi nơi.
Chim khôn chết mệt vì môi,
Nó kêu réo rất gọi người tình nhân;
Bấy nay vắng vẻ khách châu trần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ;
Biết đâu trong đục mà chờ?
Huê mai mất tuyết nương nhờ vào đâu?
Sợ giầu em lấy anh khó cũng giầu,
Sợ nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo;
Phải duyên phải kiếp thời theo,

Đôi ta chẳng quản khó nghèo làm chi;
Em lấy anh thiên tài nhất thì ⁽¹⁾
Tiền bản hậu phú ⁽²⁾ lo gì mà lo?
Trót yêu nhau nên anh phải hẹn hò !

*
* *

Cái quần lĩnh thâm phủ trái đùi non,
Răng đen nhưng nhức, vú tròn trái sung;
Gái thuyền duyên ví biết anh hùng,
Nghe anh thời đã con bông con mang;
Đốt than lên chọn đá thử vàng,
Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu?

*
* *

Đêm qua ra đứng trông trời,
Trông sao sao lặn, trông người người xa;
Trông trăng, trăng đã gần tà,
Trông hoa hoa đã rụng và bốn bông;
Đêm năm canh em thức trông chồng,
Dặm ngàn xa cách em mong em chờ;
Vườn hồng mơn mơn đào tơ,
Cửa ngoài khoá kín, vật vờ chim xanh;
Một rằng duyên, hai nữa rằng tình,
Vợ chồng xum họp, cái chốn gia đình thêm tươi;
Chàng ra đi góc biển chân trời,

⁽¹⁾ Nghìn năm mới có một lần. Ý nói gặp cơ hội may mắn, tốt.

⁽²⁾ Lúc đầu nghèo sau sẽ giàu.

Cầm sào đợi nước em chờ người tình quân;
Hay chi sớm Sở tối Tần,
Để cho thiên hạ bàn gán tán xa;
Mong cho chóng xum họp một nhà !

*
* *

Tối qua sao nhạt trăng mờ,
Anh đi luống để em ngơ ngẩn sầu;
Đoái trông ra non nước một mầu,
Non cao nước cả, khối sầu khôn người;
Anh đi góc bể chân trời,
Để thương để nhớ cho người buồn the;
Em mong anh, anh mãi chẳng về,
Giang sơn nửa gánh, em mang nặng nề hai vai,
Chốn buồn xuân em vẫn cửa đóng then cài,
Đây thêm hoa rụng em vẫn đợi người tình chung;
Anh có thương em phận hồng nhan,
Thì anh cất gánh bồng tang mà về;
Kèo năm canh em luống ủ ê,
Nửa sầu nửa tủi thêm tê tái lòng;
Anh ơi, cái đạo vợ chồng,
Trăm năm đá tạc chữ đồng ghi xương;
Buồng đào nhuộm vế thê lương,
Quan san nghìn dặm em thường nhớ mong;
Ở xa anh có thấu nỗi lòng ? ⁽¹⁾

*
* *

⁽¹⁾ Hát Sả mạc và hát Ví cũng có câu tương tự.

Nhất mong, nhị đợi, tam chờ,
Tứ thương, ngũ nhớ, lục mơ, thất tìm;
Nhớ thương ai con mắt lim dim,
Chân đi thất thiếu như chim tha mồi ⁽¹⁾.
Tối qua vật đổi sao rời,
Tiếc công gần bố, tiếc lời giao đoan;
Lời thề xưa đã lỗi muôn vắn,
Mảnh gương còn đó, phím đàn còn đây;
Trót vì đàn đã bén giây,
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta;
Chén son nguyện với trăng già,
Cần khôn đưa lại một nhà vui chung;
Đường xa xin chớ ngại ngùng,
Xa lời xa tiếng nhưng lòng không xa;
Nguyện với trăng già!

*

* *

Chén rượu ngon giải muộn lúc thanh nhàn
Khi hóm đón khách bạn vàng làm vui;
Quyết ăn chơi cho đủ mọi mùi,
Ở đời ai cũng lấy vui làm đầu;
So bề vinh nhục nào có bao lâu,
Thích chơi bất kể, sang giàu cũng chơi;
Tiền bạc không qua cửa chứa muôn đời,
Nhân sinh thích chí qua chơi một thì;
Trời sinh lúc thịnh lúc suy,

⁽¹⁾ Hát Quan họ cũng có câu tương tự.

Ai ai mà chẳng có kỳ vẻ vang;
Trước có hàn vi sau mới thanh nhàn,
Tiền bản hậu phú thế gian sự thường;
Thịnh suy đắp đổi xoay vần,
Qua cơn bĩ cực tới tuần thái lai;
Nam xuân bách tuế còn dài,
Hỏi ai đã hãn hơn ai ở đời ⁽¹⁾

*
* *

Thế gian giữ đạo hiếu tình,
Rồi ra lại được hiển vinh sau này;
Tiền bản hậu phú mới hay ⁽²⁾
Còn hơn tiền phú hậu mai lại bản;
Miễn sao ăn ở có nhân,
Lắm con nhiều cháu mười phân vẹn mười;
Thọ trường tám chín mười, mười,
Bách niên giai lão một đời khang ninh.

*
* *

Lấy chi làm thú giải phiền,
Tổ tôm trăm hai mươi lá, ngọn đèn một hoa;
Canh một thơ thần vào ra,
Chờ trăng trắng xế, chờ hoa hoa tàn;
Sang trống canh hai trái chiếu quạt màn,
Chờ chàng quân tử thở than đôi lời;

⁽¹⁾ Một số câu trong bài này thấy có ở hát Ả đào.

⁽²⁾ Có ý nói lúc đầu nghèo khó, sau do khéo làm ăn mà trở nên giàu.

Sang trống canh ba chẳng thấy chàng ơi!
Vắng chàng em biết lấy ai bạn cùng,
Sang trống canh tư chuyển động tâm thân,
Một chàng một thiếp vịn cành hái hoa;
Sang trống canh năm hé cửa phòng ra,
Sương sa lác dác trời đà hừng đông;
Trách trời sao sớm rạng đông,
Chả khuya chút nữa cho lòng thỏ than ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bài này cũng thấy có trong hát Sa mạc và Lý Năm canh ở miền Trung.

4. PHỒN HUÊ

Mặt nước cánh bèo,
Lênh đênh mặt nước cánh bèo;
Đã từng lưu lạc lại nhiều gian truân,
Vất tay lên nằm ngấm cơ trần,
Đời người mấy lúc gian truân vất vả mà già?
Ai ơi liệu bày lo ba !

(hết khổ)

Liệu bày lo ba,
Chứ ai ơi liệu bày lo ba
Đạo bên chồng cũng nặng, nghĩa bên cha cũng dày;
Bời thế cho nên, một mình tôi lo lắng suốt đêm ngày,
Dầu hao trắng đĩa, nước mắt đầy suốt cả năm canh;
Ngồi một mình lại nghĩ một mình !

(hết khổ)

Lại nghĩ một mình,
Ngồi một mình lại nghĩ một mình,
Nào ai ăn ở bạc tình với ai?
Thờ ơ gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm mối, dùi mài một thân;
Xót lòng vất vả xa gần !

(hết khổ)

Vất vả xa gần,
Xót lòng vất vả xa gần,
Không ai vò mà rối, không ai dần mà đau;
Mình tôi đứng tuổi ngồi sầu,
Đã than với nguyệt lại rầu với hoa;
Chỉ thương thay cho em bé mẹ già *(đó khổ, nhắc lại)*
Tấm lòng tôn kính ai đã dám nguôi;
Quả dâu trong héo ngoài tươi,
Nghĩ công trang điểm thiệt đời lắm ru?
Hong nhan đã lương công phu *(đó khổ, nhắc lại)*
Kiếp này đang dở đường tu biết mấy mươi lần.
Tuồng đến khi bướm dạo vườn xuân,
Một đêm ít cũng mấy lần chiêm bao;
Càng trông bóng nguyệt càng cao *(đó khổ, nhắc lại)*.
Năm canh ngồi nghĩ vận vào cả năm;
Mối sầu riêng xếp để âm thầm,
Nói ra lại sợ tiếng tăm chê cười;
Mặt huê mày liễu kém tươi *(đó khổ, nhắc lại)*
Càng nghĩ cơn cơ càng khơi mạch sầu;
Lòng người rộng cả cao sâu,
Ai cần ai nhắc ai hầu được ai;
Dù cơn no áo ấm đủ dài *(đó khổ, nhắc lại)*
Nỗi niềm tâm sự, ngậm ngùi đắng cay;
Chàng ơi nghe thiếp tôi này,
Nửa mai gặp hội rồng mây một nhà;
Bắc thang lên quyết hỏi trăng già *(đó khổ, nhắc lại)*
Phận đàn bà như hạt mưa sa giữa trời,

May ra vào được giếng khơi,
Vừa trong vừa mát thừa nơi thanh nhàn;
Không may thì vất vả lắm than *(đổ khổ, nhắc lại)*
Ngậm cay nuốt đắng biết phần nản cùng ai ?
Bác mẹ nhà em cũng chẳng ép nài,
Bời chung tham sắc tham tài thế gian;
Bây giờ mới mắc bối tơ vương *(đổ khổ, nhắc lại)*
Sự tình như thế ai thương được nào;
Phận đàn bà như hạt mưa rào,
Hạt sa xuống vũng, hạt vào đồng chông;
Cùng là một tiếng lầy chông *(đổ khổ, nhắc lại)*
Người thì sung sướng, ta không ra gì;
Miệng đời nay bác mai chì,
Làm thân con gái vất đi cho rồi;
Trách phận tôi lại giận đời *(đổ khổ, nhắc lại)*
Trách ông trăng ở ra người đa đoan;
Mặc ai phụ bạc tham vàng,
Em thề không bỏ nghĩa chàng nặng sâu;
Chả nói ra trong dạ em sâu *(đổ khổ, nhắc lại)*
Ai ơi có biết cơ mầu này rư;
Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này lại dở dang tu mấy lần;
Đời người được mấy lần xuân *(đổ khổ, nhắc lại)*
Hoa sen mọc bãi cát lắm ai ơi!
Tính ngón tay quá nửa phần đời,
Còn không nay đã da mồi tóc sương;
Trách ai xưa đã vẩn vương *(đổ khổ, nhắc lại)*

Mà nay lại ở ra phường gió trăng;
Nửa đời lỡ bước sang ngang,
Bỏ thì chẳng bỏ, thương càng không thương;
Duyên sao đòi đoạn trăm đường *(đổ khổ, nhắc lại)*
Hỏi rằng ai thấu đoạn trường này chẳng?
Thà rằng chẳng giận cho cam;
Giấn cả vào thùng chàm, sao mãi không xanh?
Vô duyên gặp chốn bạc tình *(đổ khổ, nhắc lại)*
Lời qua tiếng lại thêm bực mình khó than;
Ngõ đầu nát đá phai vàng,
Cùng đường đành phải tìm sang nước người;
Trách thân đâu dám giận đời *(đổ khổ, nhắc lại)*
Trách mình lắm lắm, giận người là bao?
Chàng ơi! chàng nghĩ thế nào,
Có cho em được ra vào tựa nường?

5. HÒ BỐN MÙA

Tháng giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè.
Điệp khúc: Dân làng rằng, dân làng ơi,
Vui về ai ơi tung bùng!

Tháng Tư trồng đậu nấu chè,
Ăn Tết Đoan ngọ trở về tháng Năm.
(điệp khúc)

Tháng Sáu buôn nhãn bán trám,
Tháng Bảy ngày Rằm, xá tội vong nhân.
(điệp khúc)

Tháng Tám chơi đèn kéo quân,
Trở về tháng Chín chung chân buôn hồng.
(điệp khúc)

Tháng Mười buôn bác bán bông,
Bước sang tháng Một tính công hoàn thành.
(điệp khúc)

Tháng Chạp xum họp gia đình,
Náo nức đập đình ăn Tết vui Xuân.
(điệp khúc để hết).

*
* *
*

Khó thay công việc nhà quê,
Cùng năm khó nhọc dám hể khoan thai;

Tháng chạp thời mắc trồng khoai,
Tháng Giêng trồng đậu, tháng Hai trồng cà.
Tháng Ba cày vỡ ruộng ra,
Tháng Tư bắc mạ thuận hoà mọi nơi.
Tháng Năm gặt hái vừa rồi,
Bước sang tháng Sáu, nước trôi đầy đồng.
Nhà nhà vợ chồng chồng,
Đi làm ngoài đồng, bắt kể sớm trưa.
Tháng Sáu, tháng Bảy thì vừa,
Vun trồng lúa tốt, bỏ chùa cò tranh.
Tháng Tám lúa đổ rành rành,
Tháng Mười gặt hái cho nhanh kịp người.
Khó khăn suốt mấy tháng trời,
Lại còn mưa bão thất thời khổ trông.
Cất rồi nộp thuế nhà công,
Xong xuôi mới được yên lòng chút nao.

*
* *

Tháng Giêng là tháng ăn chơi,
Tháng Hai trồng đậu trồng khoai, trồng cà.
Tháng Ba thì đậu đã già,
Ta ra bới ruộng về nhà phơi khô.
Tháng Tư đi tậu trâu bò,
Để ta sắp sửa làm mùa tháng Năm.
Sớm ngày đem lúa ra ngâm.
Bao giờ mọc mầm, ta mới vớt ra.
Gánh đi ta ném ruộng ta,
Đến khi đứng mạ, thì ta nhổ về.

Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Đoạn xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng vơi mười, còn để một hai.
Ruộng thấp đóng một gầu giai,
Ruộng cao thì phải đóng hai gầu sòng.
Chờ cho lúa có dòng dòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
 Bao giờ cho đến tháng Mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt xong đem chổng về nhà,
Phơi khô quạt sạch mới là xong công.

*
* *
*

Tháng Chạp là tháng trồng khoai,
Tháng Giêng trồng đậu, tháng Hai trồng cà.
Tháng Ba cày vỡ ruộng ra,
Tháng Tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.
Ai ai cùng vợ cùng chồng,
Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay !
Tháng Năm gặt hái đã tày,
Nhờ trời mỗi mẫu thóc đầy mười nong.
Bội thu lúa tốt cốt nong ⁽¹⁾
Đủ tiền sưu thuế cho chồng, may áo mới cho con.

⁽¹⁾ Nong cốt: tâng lá cốt cho cao thêm để chứa nhiều thóc, cốt thóc.

(x) Loại này nghệ nhân Xẩm hò rất linh hoạt, khi lấy phiên khúc là một cặp thơ lục-bát, khi là 2 cặp, có khi tới 3 cặp. Điệp khúc cũng không cố định, nghệ nhân tùy tài, tùy địa phương mà nhấn nhá ngâm ngợi, miễn sao ăn nhập với hơi nhạc chính.

6. HÁT AI

Con riêng, con riêng,
Mẹ đi lấy chồng, kiếm chút con riêng !

(vào khổ)

Kiếm chút con riêng,
Gia tư diễm sản bạc tiền mẹ phó giả con riêng.
Bố con chết đi, mẹ đây chứ hầy còn thềm !

(hết khổ)

Muốn hầy còn thềm,
Mẹ xem quẻ tướng, thấy hầy còn đàn em trong bụng này.
Con vào gọi bà, gọi bác, gọi chú con ra đây !

(hết khổ)

Con vào gọi chú bác con ra đây,
Cửa nhà ruộng đất mẹ rày phó giả mặc con,
Mẹ không sao ở vậy, phải bước chân đi lấy chồng !

(hết khổ)

Con ơi hầy để mẹ đi lấy chồng,
Mẹ đà nhờ cậy nơi ông nơi bà.
Mẹ có thác đi con cúng mẹ năm bảy con gà,
Cũng không bằng con để cho mẹ ra phen này.
Ơi hời con ơ!

*
* *

Cơm canh cơm canh,
Giàu thời thịt cá cơm canh,
Khó thời lưng rau đĩa muối cũng anh tôi đi lấy chồng.
Hỡi người chồng cũ tôi ơi,
Có khôn thiêng thì anh trở dậy ăn xôi nghe kèn.
Anh đã về nghiệp ấy xin anh đừng ghen,
Để cho người khác cầm quyền thế nhĩ.
Miệng tôi khóc, tay tôi bế ấm cái ông thần vì.
Tay gạt nước mắt, tay thì thấp nhang.
Bởi vì anh, thiệp tôi đây phải võ vàng.
Đầu đội chữ hiếu, vai mang chữ tình.
Chữ hiếu thiệp gánh một mình,
Chàng ơi có thấu tới tình thiệp chăng?
Rượu tam tuần thiệp rót hầu chàng,
Ngãi chàng thiệp xử đủ đàn vạy thay.
Nói ba năm những hăm bảy tháng lâu rày,
Thiệp xin lạy chàng ba lạy, để thiệp đi lấy chồng.

*
* *
*

Hỡi thằng cu lớn, hỡi thằng cu bé, cái dĩ cái tí cu tì,
Các con ơi, từ nay ăn ở với bà,
Để mẹ đi kiếm một và em thêm;
Bố con chết đi, mẹ hãy còn thềm,
Mẹ xem quẻ bói, vẫn còn đàn em trong bụng này
Con ra con gọi chú vào đây,
Để mẹ giao trả cái cơ nghiệp này, mẹ bước ra đi.
Bước nữa sang ngang, biết có ra gì?

*
* *

Thương thay thằng bé lên ba,
Nó lăn nó khóc giữa nhà năm gian.
Kêu than giữa chốn linh sàng,
Ba vương nhiều tím, đôi hàng chữ vôi.
Thiệt thay người thác đã yên rồi,
Chỉ cho người sống ở đời bơ vơ.
Ba bốn năm nhang khói thiếp phụng thờ.
Đầu thiếp tôi đội chữ hiếu, tay thiếp tôi xơ chữ tình,
Chẳng hay chàng có thấu tình cho thiếp tôi chăng?
Đường đời còn dài sao chàng nỡ cấm ngăn?

7. THẬP ÂN

Một ân, kể từ mẹ mới có thai,
Âm dương mù mịt nào ai biết gì?
Trong lòng mẹ chịu sầu bi,
Cơm ăn chả được, dạ thì héo hon.
Bữa đến nuốt chẳng biết ngon,
Lòng mẹ cay đắng vì con đêm ngày.

Hai ân công mẹ bao chày,
Cru mang chín tháng cực thay nặng nề.
Lại còn đi sớm về khuya,
Miếng ngon vật lạ không hề ước ao.
Vì con khó nhọc quản bao,
Ăn đói mặc rách kiệt bao công trình.

Ba ân vừa đến tháng sinh,
Khác nào vượt biển một mình dầm dương.
Kể từ chín tháng thai hương,
Ơn tày tựa biển khôn lường gian nan.
Có mang, mẹ kiêng vật lạ không ăn,
Đã qua chín tháng, còn bản khoán mười ngày.
Mong tới tuần huê nở liền ngay
Bao giờ thấy con đầy, mẹ đây mới mừng.

Mẹ quý con bằng vàng, cân giá nào ngang,
Nặng như nâng trứng, húng bằng húng hoa.
Vẳng nghe tiếng con khóc trong nhà,
Bận gì bận nấy cũng vội vào với con.
Công sinh thành như nước như non,
Vì con mẹ chẳng ngại chiếu giường tanh hôi.
Đường cù lao vất vả lắm con ơi,
Góc biển chân trời, lai láng khôn toan.

Bốn ăn thăm thiết cơ hàn,
Tuyệt sương nhần chịu chứa chan ướt dầm.
Vì con mẹ chịu âm thầm,
Muối trắng thường cầm, bữa đói bữa no.
Mong bao giờ con được vinh hoa,
Cha mẹ đêm ngày làm lụng lo cho con ăn.
Mùa đông giá rét cầm cầm,
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo để cho con.

Năm ăn, mẹ lo thuốc sài, thuốc chốc, thuốc cam,
Để những khi trở trời trái gió cho con ăn mẹ mới đành.
Con lấy gì giả nghia cho cam,
Miếng ngon vật lạ mẹ không ham không hề.
Dầu cho của hiếm thức quý bẻ bẻ,
Miếng bùi miếng ngọt mẹ dành về cho con.
Miếng nào cay đắng khôn toan,
Mẹ cố nuốt ghen để con khỏi phiền.

Sáu ăn nhũ bộ tam niên,
Hàng nghìn ngày bú mớm mới nên thân hình.

Mẹ cha từ đấy lo dưỡng sinh,
Mẫu tử chi tình, bằng ngọc bằng châu.
Nuôi con nay ước mai cầu,
Mong sao khôn lớn kịp hầu bằng người ta.

Bảy ăn mỗi khi con lên đậu lên hoa,
Biết bao khó nhọc xót xa đêm ngày.
Thiếu gì khổ sở đắng cay,
Tốn hao tiền của, thuốc thầy quản chi.
Kiêng khem cho con từng cử từng kỳ,
Mong con từng tý từng ly khôn dần.
Thấy con đau, lòng mẹ không lúc nào an,
Lòng cha cũng rối nát như đăm vì con.
Thương con dạ những héo hon,
Gia tài dẫu có khánh kiệt vì con cũng đành.
Chỉ mong sao con hoa đậu tốt lành,
Cha mẹ thoả tình, công của thấm đâu?
Cha mẹ chẳng phải nhà giàu,
Nhọc nhằn vất vả lo âu đêm ngày.
Thường chịu đói rách khổ thay,
Váng mình sốt mẩy ốm rày lắm khi.
Phải khi bệnh đến gian nguy.
Hết sâm đến quế, hết thực đến quy mới hồi.
Cha mẹ đi lay lục vay người,
Cầm nhà dợ ruộng cũng thời cho xong.
Mắc công mắc nợ cũng vì con,
Cực ơi là cực, núi non nào bằng?
Con đau ruột mẹ bàng hoàng.

Con khóc nhức nhối, lòng mẹ càng rối hơn.
Kể sao cho xiết nguồn cơn,
Chạy xuôi chạy ngược nuôi con đến rày.
Nghĩ thương nhà khó khổ thay,
Cả đêm ấm bẽ chổng tay dựa gối.
Cơm ăn chẳng có thời thời,
Thuốc thang mà thiếu, ngậm ngùi không an.
Mẹ ngồi nước mắt mưa tuôn,
Chảy ra dần dụa như nguồn suối xanh.
Dầu dổi no thiếu thốn cũng đành,
Miễn sao con mạnh con lành là hơn.
Nghe con tránh được mọi cơn,
Thời lòng cha mẹ mới quên các điều !
Phải khi con gặp lúc hiểm nghèo,
Bồn chồn lo lắng như khêu mạch sâu.
Dạ lòng người hơn cả biểu sâu,
Đêm ngày nâng giấc, khi rầu khi vui.
Bao lo lắng, bao ngậm ngùi,
Trông con chóng lớn, hay chơi, mẹ mới đành.

Tám ân con đã trưởng thành,
Trai thời cha mẹ dạy sách đèn văn chương;
Mong con thi đỗ khoa trường,
Đặng khoa nhất cử thù thường để danh;
Con gái lo việc cửi canh,
Săn sóc gia đình, kế ngọ sang đông.

Chín ân xét công phụ mẫu nghìn trùng,
Gái trai định liệu vợ chồng nhân duyên;

Trai ngoan mẹ kiếm dâu hiền.
Việc ngoài đồng, bếp núc, liễn liễn chẳng ngơi;
Gái lấy chồng được chốn thành thơi,
Ăn làm tu chí chăm nơi ruộng đồng.

Mười ân no đủ vợ chồng,
Con con cháu cháu thông dong thọ trường;
Sách có chữ - gì hơn phụ mẫu tại đường ⁽¹⁾
Từ tôn kế thế ⁽²⁾ treo gương để đời,
Ăn ở cho nhân hậu đầu đuôi,
Thuận hoà trên dưới, rạng ngời gia thanh ⁽³⁾
Bài thập ân tôi kể đã đủ rành!

*
* *
*

Nuôi con sao được vuông tròn,
Mẹ cha đâu phải dạ mồn, răng long;
Ở làm sao cho đôi bên cha mẹ bằng lòng,
Nuôi con khôn lớn trông mong cậy nhờ;
Đi về nâng giấc sớm trưa,
Ba năm mắng sửa biết cơ hội nào!
Công sinh thành dưỡng dục cù lao,
Công cha nghĩa mẹ biết đời nào lãng quên;
Biết lấy chi chăm chút báo đền,
Cho phu lòng mẹ, kéo phiền lòng cha;

⁽¹⁾ Nghĩa là cha mẹ còn ở nhà,

⁽²⁾ Con cháu kế tiếp.

⁽³⁾ Thanh danh gia đình.

Làm con hiếu nghĩa hiển hoà,
Thờ cha kính mẹ mới là người ngoan;
Công cha như núi Thái sơn,
Sữa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Nuôi con vất vả đủ đà,
Công mẹ đã lắm, công cha lại nhiều;
Từ những khi bú mớm nằng niu,
Đêm hôm khuya sớm chất chiu nhiều bề.

Nhớ những khi đau đớn bù trì,
Một con một của ai suy bao giờ;
Nuôi con từ trứng nước còn thơ,
Mong sao con khôn lớn, nường nhờ cậy trông;

Bổ công dưỡng dục bế bồng,
Có con ai chả vun trồng cho con;
Mẹ nuôi con thậm chung áo nát da mòn,
Công cha nghĩa mẹ, núi non nào tấy?

Vì con cha mẹ héo gầy,
Lo chăm nuôi nắng sánh tây bể đông;
Biết bao giờ báo hiếu đền công,
Quạt nồng ấp lạnh cho phu lòng mẹ cha;

Nhớ ơn cha mẹ sinh ra,
Cha là bể rộng, mẹ là trời cao;
Cha mẹ một tuổi một cao;
Lấy gì báo hiếu cù lao sinh thành?

Phải nhớ công ơn cha mẹ dưỡng sinh,
Nuôi con khôn lớn đến trưởng thành như nay;

Sớm khuya thăm hỏi đủ đầy,
Cha sinh mẹ dưỡng ơn tày bể đông;
Nhưng ai phải đạo làm con,
Thập ân nhớ đến công ơn sinh thành !

CÔNG CHA NGHĨA MẸ TÂY NON

(Do bà Hà Thị Cấu kể theo điệu Thập Ân, nhân đợt khai thác mỷ năm 1996-1997, để kỷ niệm 30 năm thành lập Hội Người Mù Việt Nam 1969-1999. Chúng tôi đưa vào để bạn đọc so chiếu với bản sưu tập những năm 60 mà thấy số chi tiết chuyển hoá thích nghi của Hát Xẩm)

Chớ có quên công cha nghĩa mẹ sinh thành,
Dưỡng nuôi con khôn lớn nên danh nên thầy.
Tại vì con cha mẹ mới hao gầy,
Nghĩa ân cha mẹ sánh tày núi non.
Đường Thập ân, tôi xin kể khúc vương tròn.

Một ân, kể từ mẹ mới có thai,
Âm dương thiên định nào ai biết gì?
Trong lòng mẹ chịu sầu bi,
Miệng thì đắng ngắt, dạ thì héo hon.
Cơm ăn mẹ chẳng biết mùi ngon,
Lòng mẹ lo lắng vì thai con đêm ngày.

Hai ân nghĩa mẹ bao tày,
Dòng dãi chín tháng mang thai nặng nề.
Ngày ngày đi sớm về khuya,
Của ngon vật lạ chẳng hề dám ước ao.

Thai mang khó nhọc ăn giao,
Nặng nề mẹ chịu quần bao công trình.

Ba ân vừa tới tháng sinh,
Khác nào vượt bể một mình ai đương?
Kể từ thập nguyệt thai hương,
Thai bào mang nặng chân bươn nhọc nhằn.
Vật lạ mẹ chẳng dám ăn,
Vừa qua chín tháng lại sang mười ngày.
Nay tới tuần mong hoa nở liền tay,
Bao giờ nhìn con đầy, mẹ đầy mới mừng.
Mẹ quý con chẳng có vàng nào cao giá cho bằng,
Vừa nghe con khóc đã nhói lòng mẹ nay.
Đường cù lao vất vả lắm con ơi,
Góc biển chân trời, lai láng khôn toan.

Bốn ân mẹ chăm cho con bú con ăn,
Đêm nằm quần áo chiếu chăn ướt đầm.
Uớt thời mẹ chịu dành tâm,
Ráo xê con lại, con nằm cho êm.
Đốt ngọn đèn suốt thâu đêm,
Chờ cho con ngủ, mẹ mới nhẹ êm đi nằm.
Mong ngày mong tháng mong năm,
Mong con chóng lớn, hay ăn chóng nói cười.
Cha mẹ nuôi con chẳng dám bỏ rời,
Đi về yêu dấu ấp hơi đêm ngày.
Nâng niu bóng bế trên tay,
Chăm nom bú mớm đêm ngày lo toan.

Năm ăn gặp khi con nóng sốt sài cam,
Của ngon vật lạ mẹ chẳng dám ham dám hê.
Thường ngày khi có thức ngon gì,
Mẹ cha lại để bù trừ cho con.
Những gì cay đắng nuốt chả được ngon,
Chịu khó mẹ ăn vậy để nuôi con bầy chầy.

Sáu ăn phải khi con khóc mẹ lo thay,
Ru đêm quên ngủ, ru ngày quên ăn.
Mùa đông gió rét cầm cầm,
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo xê cho con.
Chẳng nề thịt cá giò nem,
Dầu ăn cơm muối, mẹ vẫn khen ngọt bù.
Kể nguồn cơn biết thể nào nguôi,
Chỉ mong con qua khỏi con chơi nhưng là.

Bảy ăn mẹ giạt mình khi con lên hoa,
Biết bao lo lắng xót xa đêm ngày.
Chẳng kể gì mệt nhọc đắng cay,
Chẳng quản tiền thuốc tiền thầy phải chi.
Cầu mong con qua từng cử từng kỳ,
Đêm ngày lo từng tý từng ly từng lần.
Khi con đau ốm, cha mẹ chẳng có yên thân,
Lòng cha mẹ nát như dầu vì con.
Thương con khắc khoải héo hon.
Gia tài khánh kiệt vì con chẳng nề.

Tám ăn mừng cho con cầu cao bể rộng đã qua,
Bây giờ cha mẹ mới có phần an tâm.

Thấy con lớn khôn cha mẹ mừng thầm,
Khuya sớm ân cần dạy bảo không ngơi.
Nghe thấy con ăn nói vui cười,
Mẹ cha khi ấy mới nguôi trong lòng.
Trông con đẹp dễ hình dong,
Bấy giờ cha mẹ mới vừa lòng công dưỡng sinh.

Chín ân nuôi con nay đã trưởng thành,
Gái trai định liệu học hành đèn sách văn chương.
Trai thời thi đỗ khoa trường,
Khôi nguyên nhất cử bằng vàng để danh.
Gái thời mẹ dạy trau mình,
Gồm lo mọi chuyện một mình gia trung.

Mười ân nay con đã đủ vợ đủ chồng,
Con con cháu cháu thông dong thọ trường.
Chả gì hơn ông bà cha mẹ tại đường,
Từ tôn hưng thịnh thư hương để đời.
Chuyện thập ân tôi kể đến đó mà thôi,
Kính chúc chư vị người người an khang.

THEO ĐẢNG TRỌN ĐỜI

(Do bà Hà Thị Cầu xếp bài)

(Tháp ân) Con nghe thời mẹ kể từ khi,
Mới sinh con đã biết gì đau thương?
Nhật Pháp thời dày xéo quê hương,
Bà con chết đói ngập đường đầy sông,
Bao cảnh nhà tan phải bước đường cùng,
Ra đi cầu thực mẹ bỗng con theo.
Nắng mưa lội suối trèo đèo,
Đắng cay tù nhục vì phận nghèo bao nỗi xót xa.
Vợ lìa chồng, con phải xa cha,
Bơ vơ nào biết cửa nhà là đâu,
Khắp nơi âm đạm một màu,
Cha con bỗng bế xiết bao đoạn trường,
Âm thầm lê bước tha hương,
Lạc loài đất khách gửi xương quê người.

(Sa mạc) Kể ra càng cay đắng xót xa,
Kiếp thân trâu ngựa bao là khổ đau.
(Ba bọc) Từ khi có Đảng dẫn đầu,
Tự do Độc lập qua cầu gian nan,
Mẹ con ta thoát cảnh bán hàn,

Tìm về quê tổ muôn vàn mến thương.
Hoà bình được mấy năm trường.
Ngày vui chưa thoả, bước đường lại xa.

(Riêm Huê) Giặc kia là giống quỷ ma,
Ăn gan uống máu dân ta bao lần.
Đạn bom tội ác chất chồng,
Mối thù vạn kiếp muôn lòng còn ghi.
Giờ đây theo Đảng con đi,
Giết giặc giữ nước yên thì biên cương.
Mẹ khuyên con vững bước lên đường,
Hiếu trung vẹn nghĩa, coi thường gian lao.
Chí làm trai con phải nêu cao,
Hậu phương có mẹ dạt dào niềm tin,
Ngày mai dưới ánh sáng quang vinh,
Con về với mẹ, thăm tính nước non.

(đỗ Sa mạc) Vững tâm theo Đảng nghe con,
Đạp bằng sóng gió, sắt son lời nguyện.

II - NHỮNG CÂU XẨM HÁT THEO LÀN ĐIỆU KHÁC

1. SA MẠC

Sáu giờ thấp ngọn đèn xanh,
Sức ngỏi mà ngấm đến tình càng thương;
Bảy giờ tựa chốn thu đường,
Ngón ngang trăm mối, tơ vương bận lòng.
Tám giờ ruột rối bông bong,
Một mình vò võ trong lòng không yên;
Chín giờ buồn bức vì duyên,
Cười lên tiếng khóc, hát lên giọng sầu;
Mười giờ đọc sách mấy câu,
Ngâm thơ với bóng, dải dẫu với hoa.
Mười một giờ dạo gót vườn nhà,
Sương đêm lác đác, mưa sa lạnh lùng;
Mười hai giờ trần trọc loan phòng,
Nhớ chàng nửa gối, trông mong nửa giường;
Một giờ luống những nhớ thương,
Sầu này biết giải đoạn trường với ai?
Hai giờ tựa chốn hiên mai,
Biết than biết thở cùng ai ngỡ ngàng;
Ba giờ giọt lệ chứa chan,
Làm chi những nỗi đa đoan rồi bởi;
Bốn giờ trong dạ ngoại người,
Lòng này biết tỏ ngược xuôi thế nào?
Năm giờ ra đứng trông sao,

Trăng thời đã lặn mà sao cũng tàn;
Sáu giờ trống điểm tan canh,
Tiếng gà xao xác gáy ran mái ngoài;
Dọn giường tính chuyện tương lai,
Mong sao xum họp trúc mai một nhà ⁽¹⁾.

*
* *

Sáu giờ chập tối hôm qua,
Em ngồi em nghĩ gần xa âu sầu;
Phận hồng nhan càng tưởng càng đau,
Xót thân bèo bọt, mai sau thế nào?
Bảy giờ tựa chón buồn đào,
Nửa tình nửa cảnh như bèo lòng son;
Nghĩa thương phận mỏng cánh chuồn,
Biết lấy ai là kẻ tựa nương bấy giờ;
Tám giờ ra ngắm vào ngơ,
Nửa thương bạn cũ, nửa lo phận mình;
Trót đa mang đòi chữ tài tình,
Nỗi niềm những tưởng mà kinh sau này;
Chín giờ bấm đốt ngón tay,
Xuân kia đã tới, canh chầy đã qua;
Bóng trắng kia non mãi cũng phải già,
Hỏi xuân biết có đợi chờ ai không;
Mười giờ thấp ngọn đèn chong,

⁽¹⁾ Bốn câu cuối có người hát:
Sáu giờ trống điểm tàn canh,
Một mình em vén màn mình bước ra
Nghĩ càng trách họ Hy Hoà,
Xưa kia làm lịch sao lại kéo trống canh ra cho dài.

Xót thân bồ liễu thẹn thường với trống canh khuya;
Một mình thơ thẩn phòng khuê,
Than thân với bóng, sầu chia với ngọn đèn tàn;
Mười một giờ tựa gối bên màn,
Cũng toan nhắm mắt cho cam nỗi phiền;
Hổ sinh là gái thuyền quyền,
Cũng đành một kiếp nợ duyên cam lòng.
Mười hai giờ giấc ngủ mơ màng,
Bâng khuâng bướm lẩn trong vòng cái giấc nam khoa;
Một mình trần trọc canh tà,
Nghĩ cầm bà Nguyệt xe đã quẩn quanh,
Một giờ trống đã sang canh,
Đĩa dầu gần cạn, lệ tình vẫn chứa chan;
Trách trời sao khéo đa đoan,
Mang dây bạc mệnh buộc khách hồng nhan cho đành?
Hai giờ trăng xế mái tranh,
Nghĩ sao chữ hiếu với tình vẹn cả đôi bên;
Giang hồ đã trải bao phen,
Chỉ non thể biển cái gánh duyên hững hờ;
Ba giờ xót phận đào tơ,
Biết dầu rón biển mà dò nông sâu?
Chênh vênh lở bước nhịp cầu,
Mối tình chưa cạn, lệ sầu chưa khuấy;
Bốn giờ như tỉnh như say,
Gượng ôm lấy gối trong tay đỡ phiền;
Cuộc đời sao lắm đảo điên,
Bao giờ cho được bước lên chỗ nhàn;
Năm giờ gà đã gáy rạn,

Đằng đông ló rạng, chim ngàn xôn xao;
Vừa nằm lại thấy chiêm bao,
Chập chờn mê mệt, buồn sao đèn tà;
Sáu giờ mở cửa bước ra,
Nhìn xem cảnh vật lòng đã ngơ ngai.

*
* * *

Có chồng ăn nói phân minh,
Ra điều không dám ý tình với ai;
Em bước chân ra ngoài thì vô thiên khối,
Em giả làm điều buồn tối bán tâm;
Thế mà ra dạ gió trăng,
Mảnh gương tiền cổ sánh bằng Đạm Tiên !
Cũng có kẻ khoe duyên cây sặc,
Ba bốn con rồi vẫn mắc trần ai;
Lại còn làm bộ khoe tài,
Thương chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều;
Còn ái ố mỹ miều chau sặc,
Còn tô son điểm phấn tra hồng;
Cái tuồng lười biếng ăn không,
Thằng nào lăm bạc thì bồng trên tay !

*
* * *

Thoạt tiên gảy khúc đàn bầu,
Cung cao cung thấp nghe lâu càng rền;
Giang tay gảy khúc độc huyền,
Tiếng nhị tiếng sáo nghe êm ru mà;
Nỉ non thánh thót vang xa,

Tiếng tiêu, tiếng phách, tiếng hồ, tiếng tam.
Sênh tiền nhạc bộ riu ran,
Từ cây thập lục chuyển sang tỳ bà;
Đàn này học của ông Bá Nha,
Ty ty trúc trúc nhịp hoà ca ngâm;
Hiên tây treo bộ đàn cầm,
Lên dây lựa phím, cầm nâng ngang mày;
Ôm đàn lựa nẩy tiếng dây,
Không hay nhưng cũng là tay chân truyền;
Ngón đàn diu dặt tay tiên,
Từ cung bạc mệnh sang thiên thọ trường;
Vẳng nghe tiếng nhật tiếng khoan,
Quảng lãng, Lưu thủy, Hành vân rõ ràng.
Quý quan gảy khúc Chiêu quân,
Lấy bài Ca lý hoạ vẫn mới ngoan.
Hồ xự xang, xê lừ xự xang,
Kể bài ví giặm lan man còn dài.
Cho tôi gảy ngắt làm hai,
Dứt câu ví giặm sang bài giọng Nam;
Thương ai luống những âm thầm !

*
* *
*

Suý Vân ơi, năm canh chị nằm không ngủ,
Em nhích lại đây để chị ngủ đôi lời.
Thân chị như cánh huê rơi,
Lênh dênh mặt biển biết trôi phương nào?
Công sinh thành dưỡng dục cù lao,
Bên tình bên hiếu làm sao bây giờ?

Bởi đám mây che nên nổi ông trăng mờ,
Nhưng như thân chị không đến chỉ cơ hội này.
Suý Vân ơi em chưa có hay,
Thằng bán tơ nó kiện, mẹ với thầy đến cửa công.
Bởi thế cho nên chị phải dè dặt,
Bán mình mà chuộc lấy công sinh thành.
Nói ra mang tiếng hổ danh,
Được bên chữ hiếu, lại mang tiếng bạc tình khổ bao.
Mấy lời chị đã ước hẹn tâm giao,
Dưới thì có đất, trên cao có trời,
Trước sau hẹn ước thể bồi,
Mà nay tan nát mỗi người mỗi phương.
Chị nay đất khách tha hương
Cây em ở lại chấp mối tơ vương chỉ liễu
Đau đớn thay chị chịu lỗ đở mối duyên!

*
* * *

Bao giờ đàn bèn đến đây.
Cho trăm năm cũng một ngày duyên ta.
Cánh bèo bao quản nước sa,
Đường tình khuất nẻo nghĩ mà buồn tênh.
Lênh đênh một chiếc thuyền tình,
Ngược xuôi ngược một mình với ta,
Ví dầu trước biết nhau ra,
Đá vàng mà quyết phong ba cũng liêu.
Đêm thu gió lọt song điều,
Nửa vầng trăng khuyết đằm chiều giữa trời.
Bến sông mặt biển xa xuôi.

Nắng mưa thui thui què người một thân.
Từ sinh vinh nhục mấy lần,
Phong lưu chưa trải, phong trần đã qua.
Kể từ lưu lạc bước ra,
Thân ta chìm nổi khổ đà bấy thân⁽¹⁾.

*
* *

Đã sinh ra ở đời này,
Có giang hồ mới biết dở hay mỗi người.
Bước chân đi khắp bốn phương trời,
Có đi lưu lạc mới trải mùi gian nan;
Anh đây nay gặp được mối duyên lành,
Muốn cho đây đó kết thành lứa đôi.
Nên chăng em hãy tỏ một lời?

*
* *

Trách bà Nguyệt sao nỡ vụng tay,
Để sợi tơ ngắt đoạn giữa ngày hội xuân.
Hồng quân đối khách hồng quần,
Xoay nhau năm bảy mươi lần chưa tha.
Thối đời lắm nỗi xót xa,
Nước trôi mảng vỡ kiếp hoa dập dềnh.
Sông sâu mấy đoạn gặp ghềnh,
Để chèo đưa đẩy thuyền tình dở dang.
Ông Tơ bà Nguyệt sao khéo đa đoan!

⁽¹⁾ *Xẩm tập Kiều*

2. TRỐNG QUÂN

Em là con gái nhà giàu,
Mẹ cha thách cưới ra mầu tính sao?
Cưới em trăm tấm lụa đào,
Một trăm hòn ngọc, hăm tám ông sao trên trời;
Tháp tròn dần đủ trăm đôi,
Ổng thuốc bằng bạc, ống vôi bằng vàng;
Sắm xe tư mã đem sang,
Để quan viên họ nhà nàng đưa dâu;
Ba trăm nón Nghê đội đầu,
Mỗi người một cái quạt Tẩu thật xinh;
Anh về sắm nhiều Nghi Đình,
May chăn cho rộng đôi mình đắp chung;
Cưới em một chĩnh mật ong,
Mười cốt xôi trắng, mười nong xôi vò;
Cưới em tám vạn trâu bò,
Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tăm;
Lá đa mặt nguyệt hôm rằm,
Răng nanh thẳng Cuội, râu cằm ông Thiên Lôi;
Gan ruồi mỡ muối cho tươi,
Xin thêm chín chục con giò hoá chồng.
Thách thế mới thoả trong lòng,

Chàng mà lo được, thiếp cùng theo chân⁽¹⁾

*
* *

Hỡi người tài sắc kia ơi!
Lại đây tôi kể chuyện ngược đời cho nghe;
Ốc nhồi nuốt cổ vịt le,
Cỏ non mà cắn đến què mồm trâu;
Gà con mổ cổ điều hâu,
Cá rô chết cóng nuốt đầu liu diu;
Chuột con đòi đuổi theo mèo,
Một đàn châu chấu chạy theo đàn gà;
Chạch trấu định nuốt ba ba,
Trẻ con lên một cỗ bà đi chơi;
Trống quân tôi kể ngược đời,
Khuyên nàng ở lại nghe chơi vui mà;
Rồng rồng nuốt mẹ chuối hoa,
Một lũ đàn bà bóp vú đàn ông;
Bọ nẹt đuổi đốt con công,
Một đàn muỗi mắt đuổi vòng dớp giới;
Lợn con đuổi cạp buồn cười,
Một đàn châu chấu đá voi gãy ngà;
Bao giờ cho đến tháng ba,
Lúa cần cổ chuột tha ra ngoài đồng;
Người nằm cho lợn cạo lông,
Một chục quả hồng nuốt bà lão tám mươi;
Nấm xôi chiêm nuốt thằng bé lên mười,

⁽¹⁾ Trong hát Ví, hát Đúm cũng có bài tương tự?

Con gà chai rượu nuốt người lao đao;
Con lươn nằm xuống cho ống bò vào,
Một đàn cào cào đuổi đớp cá rô;
Thóc giống đuổi chuột trong bồ,
Thòng đong cân cán mớ cò xôn xao;
Con cá đòi mớ con dao,
Cóc ở dưới đất đòi đớp sao trên trời;
Thap gạo đòi đựng cái nôi,
Thế là hết chuyện ngược đời còn đâu !

*

* *

Đã vào chơi chốn vườn hoa,
Anh mà không bẻ, mẹ cha cũng ngờ;
Cành đào lá liễu phát phơ,
Đường đi lẫn quất tình cờ gặp nhau;
Mặt trời soi cả rặng lau,
Không tham tài sắc chẳng tham giàu đâu anh;
Yêu anh má bạc mày xanh,
Yêu anh vì nét lại lành nét trai;
Yêu anh có sắc có tài,
Bước chân ra ngoài, lắm bạn nhớ thương;
Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người dung khác họ hãy thương nhau cùng;
Đào ơi thương lấy liễu cùng,
Muốn cho đây đó ở chung một nhà;
Chàng ơi có biết đến hoa,
Một đêm ba bốn bạn thiếp ra trông chàng;
Thấy trăng sao chẳng thấy chàng,

Bảng khuâng như mất lạng vàng trốc tay;
May sao may khéo là may,
Cái duyên kỳ ngộ hôm nay chàng về.

*
* *
*

Trước kia Nam hợp Bắc hoà,
Các thứ chim riu rít rủ nhau ra làm đình;
Chim hoạ mi vẽ kiểu hình,
Chim thước một mình đo đạc cân vuông;
Chìa vôi tai giắt bút sơn,
Cất anh sê đá xây tường bao quanh;
Cử anh chim ngồi lợp đình,
Phí tổn vào mình, cũng chẳng quản công;
Đến khi đình đã làm xong;
Dân làng hội họp tính công trả người;
Cất anh tu hú đi mời,
Khắp già đến trẻ sáng mai ra đình;
Cùng nhau tính sổ hoàn thành,
Quan viên hội họp ra tình cụ nhau;
Ràng ràng khoe thủ chỉ đứng đầu,
Hạc gầy cổ cỗi sống trăm tuổi già;
Chim yến im lặng nghe qua,
Chả như liều tiểu la cà huyền thuyên;
Sẽ cam sành sôi đứng lên,
Hỏi ai hà lạm đến tiền của dân?
Chim trích tra sổ mấy lần,
Té ra tướng vạc đẽo dần của công;
Cước vào bới vết tìm lông,

Nhắm tính số bộ tiền nông còn chừng nào?
Lạ gì anh khiếu hót vào,
Cãi nhau ồn ào với lũ chim di;
Để giun kinh sợ lâm lý,
Cù mì cù mì bìm bịp chẳng chết ai;
Sít rất như cây đứng ngoài,
Nhìn anh bói cá bụng tai đoán mò;
Bỏ nông sâu sắc khôn dò,
Vịt gười tán chuyện vật vờ đầu đầu;
Hiền lành là anh bồ câu,
So đường ích lợi về sau còn dài;
Vàng anh đứng bậc tài trai,
Dân làng mộ chuộng con ngài khôn ngoan;
Chim cất đứng việc cổ bàn,
Chim khuyên riu rít chuyện càn mẩu đơn;
Cò trắng vào đốt lư hương,
Cùng anh cò lửa trông nom đèn đèn;
Cất nhau kẻ dưới người trên.
Để chàng rẽ quạt hầu bên che tàn;
Bông lau quét dọn ghế bàn,
Mời anh chim sáo bát âm đầu phường;
Gầm gừ đánh trống cà rùng,
Sơn ca múa hát giữa đình trung rõ ràng;
Mọi việc đầu đó đã an,
Gọi iếng thông xương nhắc làng khỏi quên;
Khiếu ta vào đứng một bên,
Để theo hoạ xương tiếp liền từng câu;
Chim oanh đọc chúc rất màu,

Dẻ cùi chuyển chúc cúi đầu đưa sang,
Quạ khoang dẫn rượu nhịp nhàng,
Mạnh bái cất đến phượng hoàng mới xong;
Ba hồi chiêng cừ trống rung,
Xướng đến "quán tẩy sò" dẫn chim công vào bãi;
Hội chim kẻ đã đủ rồi,
Xướng đến "lễ tất" trống hồi là tan.

*
* *

Từ thuở làm dâu nhà này,
Tuồng rằng sẽ khá, ai rày càng hư,
Đi chợ ăn vụng quà trừ,
Đi tắm bỏ quên yếm, lư thu⁽¹⁾ chạy về;
Thối cơm trên sống dưới khe,
Tứ bề nhão nhoét tựa bề cháo hoa;
Ăn thì nổi bầy nổi ba,
Đầu năm chí cuối chẳng làm ra xu nào;
Rửa bát thì ngủ gật ngoài cầu ao,
Nghỉ trưa chồng gọi thì "làm sao em nhức đầu";
Ăn nói cầu nhau cầu nhau,
Có khuyên bảo chỉ như đổ trên đầu lá khoai;
Lắm điều chẳng chịu kếm ai,
Bảo đi gánh nước, hai vai cứng dờ;
Còn như cái nết trai lơ,
Chồng đánh như đập mọt, vẫn mò đi chơi;
Sáng trăng suông cô nghĩ tới trời,

⁽¹⁾ Tắt tả xốc xêch.

Đến cái nét ngồi, ngồi cũng không nên;
Nói chi đến cách ngủ đêm,
Cứ đòi nằm giữa, chồng bảo nằm bên không nằm.

*

*

*

Tàu Tàn Đệ chạy ra thuận lợi,
Bãi Tuần Vương bến Hối ngược xuôi;
Bến Mè bến Trại màn rồi,
Chạy qua bến Hiệp tới hồi xênh xang;
Quý Cao đồn Phú cũng màn,
Chạy qua đồn Sàng, trông thấy đồn Công;
Kiến An chợ rộng đường đông,
Mũi tàu chạy thẳng rẽ ra sông Hải Phòng;
Nhất vui thành phố Hải Phòng,
Tàu thủy chạy khắp nước có mấy rồng biển ra;
Đền đồ đặt ở ngã ba,
Chẳng dầu chẳng bắc, cháy ra tức thì;
Ngắm xem dây thép cũng kỳ,
Đường dài ngàn dặm, đánh đi chỉ nửa giờ;
Lạc Viên có sở Máy Tơ,
Phu phen, thợ máy bơ thờ xôn xao;
Nhất to là sở Tây cao,
Tàu đi khắp nẻo biết bao đêm ngày;
Cà Rồng, sở Sét cầm đồ cho vay,
Bút Lê lại bán đủ đầy bánh tày;
Nhà cao nấu rượu đêm ngày,
Có sở cán thép đặt ray đóng tàu;
Đóng tàu rồi lại bắc cầu,

Máy đèn đặt ở giữa lầu Tây cao;
Lầu Tây nhón nhịp ra vào,
Rượu chè phê phỡn, biết nào đến phận xẩm đây⁽¹⁾ ?

*
* *

Lạ gì cái cảnh lấy Tây,
Hay ăn làm biếng quen tay vung tiền;
Chỉ những muốn ăn ngon mặc đẹp,
Thích sắm đồ trang sức cho sang;
Quần áo các bộ vênh vang,
Rượu chè đủ dờn phá tàn chi hoang;
Sống phê phỡn nay lâu mai gác,
Suốt ngày lo phẩn sáp soi gương;
Đệm lông chăn gấm màn mừng,
Suốt đêm nháy nhót tiệc tùng mê say.
Lạ gì cái cảnh lấy Tây,
Tắm thân vạ vật đổi thay bao chồng;
Thằng này di chuyển tay thằng khác,
Cảnh mùa hè giải khát đó thôi;
Quen thân đàn diêm lâu rồi,
Cái già xông xộc đến thời tránh dàu?
Tuổi ba mươi xoan chàm nó đuổi,
Soi gương vào đã thấy má nhăn;
Hỏi ông Tư khéo lằng nhằng,
Cuộc đời xa xắm tối tăm mịt mờ;
Đêm sương gió lạnh trăng lơ,

⁽¹⁾ Trong bài có số địa danh trên đường thủy từ Nam Định đi Hải Phòng, cùng số công sở xí nghiệp của thành phố Hải Phòng thuộc thời Pháp.

Tóc mai đã ngả muối tiêu mất rồi;
Hỏi còn chi nữa một đời người?

*
* *

Ai ơi chớ vội lớp này,
Bên quan, bên giặc, bên tây, bên tàu;
Cơ sự này chưa bình yên đâu,
Cờ Vàng đã kéo về đầu tỉnh Đông;
Cờ Đen cũng đến chạt đông,
Có ông Lưu Vĩnh Phúc anh hùng cầm quân;
Khấp hết thiên hạ xa gần,
Ai ai cũng chịu ít cũng một lần gian nan;
Từ ngày tàu Tây nó sang,
Sinh ra khổ đỏ áo vàng quần thâm;
Đêm ngày lương chịu âm thầm,
Tay vác khẩu súng, tay cầm dây lưng;
Anh phải đi lính khôn khổ quá chừng,
Thương mẹ già khổ tội, vợ con cùng khổ lay;
Trời đất này đến phải bỏ thầy,
Xa xôi đất lạ thăm thay chẳng là;
Em thay anh chăm sóc mẹ cha,
Nuôi con khôn lớn rồi ra thăm chừng;
Biết có ngày về đất Tổ quê hương?

Khoan khoan hơi chú lái dò ơi,
Chú ghé thuyền vào bến, cho chị em tôi đi nhờ;
Nhịp cầu kia ai cất tự bao giờ?
Luống công sông nước đợi chờ bấy nay;
Chú lái ơi hơi có hay,
Lạc đường nhờ bước nông nổi này dờ dang;
Trời về khuya, đom đóm bay ngang,
Một mình biết gửi gan vàng vào đâu?
Thương nhau chờ giúp cho nhau,
Qua cơn sóng gió mai sau đến bồi;
Một ngày là nghĩa, chú lái dò ơi,
Con thuyền tế độ cứu người trầm luân;
Có yêu nhau chứ bắt lái lại cho gần,
Sóng xao nước xoáy dẫu mấy lần bơ vơ;
Nhạn ơi trăm cạy nghìn nhờ,
Bằng không cho tôi gửi phong thơ thăm tình;
Chú lái ơi, sao chú nữ làm thỉnh?

*

* *

Chiếc thuyền nhỏ nhỏ, ngọn gió hiu hiu,
Nay nước thủy triều, mai lại nước rươi;
Sông sâu sóng cả ai ơi,
Chờ cho sóng lặng bướm xuôi anh xuôi cùng.
Trót đem nhau vào kiếp bình bồng,
Xuống ghềnh lên thác vẫn một lòng cùng nhau;
Bước đi mỗi bước mỗi sâu,
Suốt ngày đứng tuổi ngồi sâu vẫn vương;
Liệu bề thương được thì thương,

Giữa đường chớ để đoạn trường cho nhau;
Đã yêu nhau tam tứ ngũ lục núi cũng trào!

*

* * *

Nửa trời sóng dập gầy tư bề,
Nửa lành nửa chả trời về đến đây;
Áo rách có bác mẹ may,
Anh say em từ thuở em còn trên tay mẹ bỏng;
Em mới đôi mươi sao đã ba bốn đời chồng,
Vậy mà em nói tơ hồng chữa xe;
Người mà như thế còn khoe,
Hay hóm chi nghề đưa đón chuyên tay;
Góm thay cái giống hoa nhài,
Đem thân rao bán nghĩ hoài tấm thân !

4. LÝ GIAO DUYÊN

Tối hôm qua con gà nó gáy,
Em đợi chàng, chẳng thấy chàng ra.

Điệp khúc: Ôi chàng chàng ơi, hồi mình mình ơi!
Em đợi em chờ chẳng thấy chàng ra!

Mối lương duyên đôi ta gặp gỡ,
Hẹn nhau rồi sao chẳng nhớ lời xưa?

Điệp khúc: Ôi chàng chàng ơi, hồi mình mình ơi,
Hẹn nhau rồi mà chẳng nhớ lời xưa.

Duyên trăm năm cơ trời tác hợp,
Chắc vợ bền chồng, kết ngãi tao khang.
Giai lão bách niên từng đào khăng khít,
Duyên nợ tài bồi son sắt thủy chung.
Cái bóng trắng rằm lung linh chiếu sáng,
Em hỏi thực chàng cầm đăng nên chăng?
Từ thuở thấy em lòng đà vương vấn,
Sao nghĩa đôi mình lẩn cán mãi em ơi?
Gặp nhau đây cầm tay hỏi thiệt,
Anh thương hết lòng, nàng biết cho chăng?
Dấu cách ba đông một lòng đây đó,
Đã vương tơ tình vò võ nhớ thương.

*
* *
*

Một thương ai trọn niềm ân nghĩa,
Hai thương ai ba nghĩa bốn duyên;
Ba thương ai thâu đêm trông ngóng,
Bốn thương ai thấp thoáng mãi chi đây;
Năm thương ai trọn niềm tâm sự,
Sáu thương ai gìn giữ tấm lòng son;
Bảy thương ai biết bài chung thủy,
Tám thương ai trọn nghĩa trước sau;
Chín thương ai gìn lời hẹn ước,
Mười thương nhau giữ trọn nghĩa đá vàng.

5. CÒ LẢ

Anh kia đi cái ô dơi,
Để em làm cỏ nắng nôi giữa đồng;
Phải chi nên đạo vợ chồng,
Anh mang ô ra giữa cánh đồng che cho em.

*
* *

Hồi cô thất giải lưng xanh,
Có về Phủ Lý với anh thì về;
Quê anh đất ruộng tư bề,
Có ao thả cá có nghề kẹo nha;
Kẹo nhai răng dính chẳng ra,
Keo sơn quần quýt duyên ta với mình.

*
* *

Ở đây gần cảnh nhà chùa,
Lẽ đâu anh lại buông lời trăng hoa;
Em hay đi nắng về mưa,
Chứ đâu có được rượu sớm trà trưa như người.

6. HÁT VÍ

Một yêu tình tính đời ta,
Hai yêu quế huệ mạn mà tốt tươi;
Ba yêu như nén vàng mười,
Bốn yêu mắt ngọc ngỡ người tiên cung;
Năm yêu môi thắm má hồng,
Sáu yêu dan díu nảo nong nguyệt hoa;
Bảy yêu yêu thật yêu thà,
Tám yêu đôi lứa chúng ta tự tình
Chín yêu càng ngắm càng xinh,
Mười yêu gia thất giữa mình với ta.

*
* *

Mặn này bỏ nhạt ngày xưa,
Nắng này cho bỏ đêm mưa ngập bờ;
Thà rằng biệt tịch chi đồ,
Càng trông thấy mà thấy khổ càng đau;
Giận thân không ốm chẳng đau.
Mà sao buồn bã sầu âu tự giờ?
Cái thân sao khéo phạt phờ,
Trách bà Nguyệt Lão xe tơ lẩn nhảm;
Phải sao chịu vậy âm thầm,
Biết rằng đổi chác cố cầm cho ai,
Hỏi ai tham vãi bỏ chài?

7. HÁT VĂN

Thuận bốn mùa âm, dương tiết tốt,
Lòng chí thành kính Phật cầu an;
Đền nhang quả oản, dâng lên,
Nhất tâm phụng thỉnh chúa Tiên cứu trùng.
Ngự đền vàng linh thiêng chính vị,
Ở trên trời thừa trị bốn phương
Lòng bà sáng sạch như gương,
Tuỳ cơ phó cảm tuỳ phương độ người.
Mặt hoa mày liễu đua tươi,
Hình dung yếu điệu miệng cười như hoa.
Lung ong tóc phượng da ngà,
Áo xông hương xạ hải hoa trần bày.
Cứu trùng bà ngự chín từng mây,
Quản coi các bộ tiên giai thượng đình.
Có khi chúa mặc áo xanh,
Ngự trong Đông điện, đàn tranh quyền trâm;
Tiên bầy hầu hạ dư trâm,
Kẻ bung lan tráp người cầm hương xông;
Áo xanh có khi thay đổi áo hồng,
Nam cung lại ngự xe rồng đỉnh đang.
Tay đeo xuyến ngọc xênh xang,
Hoa cài trâm thức điểm trang những là!
Ngự rồi chúa lại bước ra.

Áo trắng quần là, sang ngả Tây cung;
Thiên nhiên cảnh trí lạ lùng,
Trường sinh tiên được vị thông trần kì;
Lại truyền các bộ tiên phi,
Cờ đen trắng tới rẽ đi dần dần;
Đó là cung Bắc thanh tân,
Phong hoa tuyết nguyệt mười phần lịch ghê!
Chúa liền ngự đến một khi,
Màn che tán phủ chính tể trần trần;
Chầu hầu sửa túi nâng khăn,
Hương xông vị xạ hoa ngấn tráp trầu.
Lược ngà trăm ngọc cài đầu,
Áo vàng chúa ngự khăn đào cầm tay;
Cờ vàng chỉ phát như bay,
Xe loan tán phượng về rày tiên cung.
Hễ ai hạ giới có lòng
Lòng thành cảm thấu cửu trùng thiên thai.
Cưỡi mây tựa gió thật tài,
Tự thiên cung giáng hương đài chứng minh!
Hữu tình cặp bến vô tình,
Ai người mà chẳng tâm thành kính tin.
Khấu đầu vọng bái vị tiên,
Lễ tuy có bạc nhưng tình hiền thì dư!
Muôn trông chúa giáng vô tư,
Phù trì đệ tử tiêu du biển hồ;
Tứ thời bát tiết vô lo,
Khang ninh phúc thọ gồm thu lâu dài;

Chữ rằng thiện giả thiện lai,⁽¹⁾
Người người đều được lộc tài phủ phê.

*
* *
*

Nay tấu các vị hoàng công,
Hiệu ông Đệ Nhị thần đồng giáng sinh;
Vốn xưa Ngài ở thiên đình,
Quyền cao chúc trọng thủ dinh trên trời;
Số sinh số tử dưới đời,
Một tay biên chép chẳng sai số nào!
Quản các văn võ quan liêu,
Khi ra điện ngọc khi vào toà chương;
Thông minh tài giỏi trăm đường,
Võ văn toàn vẹn chẳng nhường tài ai!
Thiên cung hoàng tử thứ hai,
Thông tri thiên địa mọi nơi xa gần;
Ra uy sét giáng mây vần,
Đâu đâu là chẳng phục thần làm tôi

Khi trời đại hạn nắng nôi,
Thương dân giáng vũ nơi nơi dướm nhuần.
Còn sai Hà Bá thủy thần,
Phải mau dâng nước ải Tần cõi xa;
Ầm ầm gió giạt mưa sa,
Thấm nhuần trăm họ gần xa thuận hoà;
Muôn dân kính chúc tụng ca,

⁽¹⁾ Nghĩa là làm thiện thì thiện đến, tí như ở hiền gặp lành.

Nam nữ trẻ già đều sợ phép ông.
Có khi truyền lệnh thủy công,
Ra uy làm bão đảm ông những là!
Ông Cả, ông Hai, ông Ba,
Ông Sáu ông Bảy cùng là ông Năm;
Ông Tư ông Tám đồng tâm,
Làm mưa khắp cả ruộng đồng núi non.
Triều đình thôn ấp dưới trên,
Mưa hoà gió thuận hết chiêm sang mùa.
Có khi vắn vũ sớm trưa,
Cau sai lúa tốt tiền thừa của rơi;
Nhân khi thông thả ngồi chơi,
Tìm kẻ số mực, định người số son;
Có khi vua cha quở trách om xòm,
Làm sai phải sửa để không ai còn kêu oan.
Có khi ông phải đẩy xuống hạ giới nhà quan,
May gặp nơi lệnh tộc dung nhan tốt lành;
Năm Ất Dậu tháng Giêng sinh,
Mồng ba giờ mao đĩnh sinh ra người.
Tuổi vừa lên bốn đi chơi,
Thông minh đĩnh ngộ mắt tai khác thường;
Ông bà mừng rỡ yêu đương,
Rằng nhà có phúc trời thương người vì.
Ngờ đâu Thượng đế dự kì,
Mồng ba tháng Chín đương khi giờ dần;
Sắc sai Hà Bá thủy thần,
Tức thì giá vũ dâng vùn rước người.
Sai thêm năm tướng nhà trời,

Kim cương Lục sĩ tức thời bước ra;
Mời ngài vàng lệnh vua cha,
Rước quan Đệ Nhị lên toà thượng thiên.
Ông bà lẫn khóc chẳng yên,
Sao con nỡ để cha mẹ phiền hồi con?
Công dưỡng sinh bằng núi bằng non,
Lấy ai khuya sớm thần hôn cho đành!
Ai ngờ con trở về thiên đình,
Con là con vua Thượng đế giáng sinh nơi trần hoàn!
Những ai tật bệnh kêu van,
Xin người cứu trợ bình an tốt lành.
Lễ thường nguyện tứ chứng minh,
Dám nạp lòng thành, giáng phúc trừ tai;
Chữ rằng thiện giả thiện lai,
Đắc Lộc đắc Tài, chốn chốn cười vui!

*

*

*

Nay tôi thỉnh đức chúa Tiên,
Ở trên thượng giới cầm quyền tây đông;
Anh linh biến hoá khôn lường,
Cao ngự cửu trùng tam thập tam thiên;
Quản coi mười hai động tiên,
Lại hay giáng trần, người thế đợi trông;
Có khi hoá phép thần thông,
Chiếu kính phụ đồng, bắt kẻ tà gian;
Thường hay cho thuốc linh đan,
Trường sinh bất lão chứa chan độ người.
Có khi chúa ngự trang đài,

Nghe tiếng tôi mời, giáng xuống cứu dân;
Hôm nay gặp tiết lương thần,
Có đây tín chủ ân cần kính tin;
Lòng thành lễ vật đưa lên,
Bái vọng khấn nguyện, cảm kích ngưỡng trông.
Kim ngân tài mã kính dâng,
Cầu lộc được lộc cao thẳng đủ đường.
Chúa sai các bộ đàn nương,
Vâng lệnh chúa truyền, cứu độ quần phương.
Lại sai lục bộ tiên nương,
Vâng lệnh toà vàng hộ quốc tí dân;
Nguyên hoàng ngọc nữ tiên nhân,
Xe loan tán phượng xa gần dậy uy.
Đùn đùn năm sắc mây che,
Đang vân giá vũ ngự xe hạc đông.
Khi thời ngự Quảng hàn cung,
Khi chơi thuyền rồng, tuyết nguyệt phong hoa;
Có khi vui thú yên hà,
Cảnh thân là chốn vào ra chơi bởi!
Có khi dạo cảnh Bồng Lai,
Lung linh bệ ngọc đền đài ngọc châu;
Tôi nay vọng bái khấn đầu,
Dao Trì thánh mẫu nghe thấu tinh tường;
Tôi mời Tiên chúa Nguyệt Quang,
Ở trên tiên giới hiển dương nhiều bề;
Tôi mời Đức chúa Tiên phi,
Ao sen thường ngự xin thì giáng lai.
Nguyệt Nga là chúa thiên tài,

Xuống đất lên trời sải cánh thường bay.
Hào quang sáng chói La thai,
Khi ngự voi trắng, khi say lâm tuyền;
Tuy rằng ngôi ở thượng thiên,
Nhiều khi lại ngự xuống trần giúp công.
Tôi mời Tiên chúa Phù Dung,
Ngự chốn non Bồng, cảnh trí tự nhiên;
Ngày ngày tu tập phép tiên,
Văn võ kiêm toàn, vịnh tuyết ngâm phong;
Thôn trang thành ấp ngựa trông,
Cảm thông cầu ứng thoả lòng nhân gian.

Chúa Ba thường ở phương Càn,
Động khẩu ở Thạch bàn, Vị thủy Tào Khê;
Xe rồng tán phượng xinh ghê,
Dạo chơi hạ giới nhiều bề thanh tân;
Có phen chúa ngự vườn xuân,
Yếu điệu tinh thần, cốt cách tư phong.
Tôi mời Tiên chúa Hoa Dung,
Ngự tại Thiên Bồng, đẹp tựa Tố Nga.
Tôi mời Đức chúa Xuân Hoa,
Tóc phượng da gà, châu chực thiên nhan.

Toà vàng ngôi bạc trùng quan,
Ấy nơi Vương mẫu ngự ban cửu trùng;
Giường ngà chiếu ngọc chấn hồng,
Ngọc Nữ Kim Đồng dâng hiến đào tiên.
Bên lầu bóng mát nghênh hiền,

Dâng khúc quản huyền, Lưu thủy Hành vân!
Có khi chúa cũng giáng trần,
Ngao du viễn phố, ngàn phần thung dung.
Lại mời các bộ Lục cung,
Hầu giữ cửa rồng, châu chực chốn tiên.
Cùng mời khắp hết dưới trên,
Tốc giáng đàn tiên, ứng báo chớ sai!
Trà thang lễ vật tiến lai,
Nguyện kì đảo mệnh cùng rầy cầu an.
Độ trì đệ tử vẹn toàn,
Hiển linh cảm ứng giáng đàn chứng tri.
Lại mời các bộ tiên phi,
Nhiều bề lịch sự nhiều bề thanh cao;
Điểm trang áo tía quần đào,
Khăn xanh yếm thắm gót câu da gà;

Có khi tiến quả dâng hoa,
Có khi châu chực vào ra hán hải;
Có khi hầu hạ trong ngoài,
Phấn son gương lược ống vôi tráp trầu;
Có khi rẽ tóc chải đầu,
Khi xe chỉ thắm, khi xâu dây vàng;
Có khi khăn túi sửa sang,
Khi tấu tiên nhạc, khi rung phím đàn;
Có khi tình khúc nhật khoan,
Khi trầm tiếng sắt, khi ran tiếng đồng.

Khúc đàn đẹp í vừa lòng,
Cùng vui với khúc Nghe Thường Bồng lai;

Lòng thành lễ mọn dâng bày,
Mong cầu lộc tài, tiến hiến hương trai.
Đồng tây đệ tử ai ai,
Nhất tâm hầu hạ lòng trai ân cần;
Thần giáng lưu phúc lộc, thiên xuân thọ trường.

*

* *

Tâm thành dâng một triện hương,
Thấu đến Tam giới tứ phương Động đình;
Khuyên mời Tiên chúa Thuỷ tinh,
Xin người hoá phép anh linh giáng đàn.
Cờ vàng tán tía xe loan,
Hạ giáng hoa đàn, cứu trợ quần nhân.
Nguyện rời ngọc bộ giáng trần,
Hay chúa còn ở hải tân cõi xa?
Hoặc đang vui thú yên hà,
Hay còn vương vấn ở toà Thượng thiên?

Hay là chúa ở động tiên,
Lân la tiêu xái Đào nguyên non Bồng?
Hay là chúa ở ngàn thung,
Hoặc còn rong ruổi trên dòng Nam minh?
Khi vui thường ngoạn non xanh,
Quần đào áo tía đàn tranh hát Mừng!
Mặt hoa mày liễu phi phương,
Má hồng nức khí thiện hương đượm nhuần.
Mây che năm sắc muôn phần,
Xe đưa lộ lộ tinh thần ai đang?

Tiên phi các bộ đàn nương,
Đứng châu tả hữu hai hàng uy nghi;
Nay tôi bái vọng tâu quì,
Thỉnh đức chúa về, giáng hạ đàn nhang.
Độ trì đệ tử an khang,
Thân cung tráng kiện mọi đường hanh thông.
Giải bệnh bệnh tán phương đông,
Trừ cả hàn nhiệt tống vùng ải xa.
Tiêu tai, diệt quỷ trừ tà,
Trừ bệnh bệnh khỏi, trấn ma ma rời.

Được vậy thì dội ơn đức chúa bằng trời,
Bằng nay chúng đệ tử đời đời ghi ân ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bốn bài trên cũng thấy cung văn bên Hầu Bổng sử dụng. Có điều nghệ nhân Xẩm tước bỏ số câu mang nhiều tính lễ tiết tấu thỉnh mà hát lên với điệu bộ giọng nói dí dỏm, tiết nhịp tung tẩy đậm dịch.

8. LƯU THUYẾT

Kể từ ngày gặp nhau,
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau;
Dây tơ mảnh xe chạt lấy nhau.
Xe không đặng đem lòng thương nhớ,
Cắm thương người ngậm ngùi ba thu.
Xa cách nhau đêm nằm vẫn thấy,
Thấy là thấy chiêm bao,
Cớ sao mãi vấn vương bên mình?
Mình giạt mình đòi cơn.
Biết bao giờ lại quan sơn một đường,
Tình yêu thương thấm thiết đủ đường,
Xin cho trọn cương thường.
Ai đơn bạc thì mặc lòng ai,
Xin cùng bạn trúc mai,
Trăm năm lâu dài.

9. HÀNH VÂN

Một đôi lời nhắn bạn tình ơi,
Thề non nước giao ước kết đôi trăm năm tạc dạ.
Dẫu xa cách song tình thương chớ phụ thì thôi,
Niềm trọn niềm xin đừng sao nhãng;
Trời kia định,
Duyên nợ ba sinh, cho hợp duyên mình,
Trọn niềm phu phụ
Bạc tài danh.
đầu tiên có tại non Bồng,
Kết mối tơ hồng ấy thời trông.
Nghĩa sắt cầm, hoà hợp trăm năm,
Chung tình như nhất,
Nhấn nhe chờ đợi tri âm!

*
* *
*

Nợ duyên gì nhắn bạn tình si,
Đề thơ gửi tới tương tri,
Xin ông Tơ cùng bà Nguyệt,
Cảnh thiên lý đang chờ lan với huệ tài hoa,
Suốt đêm xuân mơ màng trong giấc.

Mộng đang mộng,
Ông trời rạng đông, đành dẹp tấm lòng,
Nỗi niềm tâm sự nghĩ mà kinh.
Nhạn đưa nhạn sao khéo xui mình,
Vương vấn tơ tình phải mẩn thình.
Nỗi niềm này ai tỏ định ninh,
Chung tình ai đó,
Yêu nhau định liệu cho xong!

*
* *
*

Tựa văn phòng, tuyết lạnh trời đông,
Ngàn mây tía che kín non sông,
Trông bao la mơ mịt.
Mòn con mắt trông trời Nam bóng nhạn về thưa,
Tựa cảnh hồng trông người tri kỷ.
Người chung hội, duyên nợ xa xăm,
Ruột con tâm, dạ sầu trăm đoạn, nghĩ trăm ngâm,
Hồn man mác lẫn quất bóng trắng rằm,
Mong tới cung Hằng biết cho chăng?
Lời giao ước đầu bạc răng long,
Chung tình son sắt,
Nhấn nhe chờ đợi trông mong.

10. NAM THƯƠNG

Chàng trở ra về cho em thương nhớ mãi không xong,
Đêm qua xếp để trong lòng chạ nguôi;
Sầu riêng hết đứng lại ngồi,
Đá kia còn đổ mồ hôi nữa người!
Thiếp mong chàng đi chín về mười,
Dù xuống Nam lên Bắc chạ gặp người nào sang;
Mong sao cho thiếp thấy lại chàng,
Trông đêm trông sáng chỉ những mơ màng bóng anh.
Gió nam phả phất bên mảnh,
Sực tỉnh mới biết rằng mình chiêm bao,
Ngoảnh trông nào thấy đâu nào,
Ngỡ người quân tử ra vào phòng loan!

*
* *
*

Giận ai ném gối tung chăn,
Đêm nằm tường đến gió trăng càng buồn;
Mỗi đêm nằm sáu giấc mơ suông,
Hỏi ai có biết cơn buồn này chăng?
Một tháng có mấy tuần trăng,
Muốn cho dấy ở xem bằng lòng đây.

Tham vàng bỏ trống gạch đây,
Vàng ăn thời hết, gạch xây nên tường;
Ngọn đèn tắt giữ lấy khói hương,
Mỗi người một tình ta thương nhau cùng;
Nhất đẹp công chúa động Quỳnh,
Sa cơ cũng phải nén mình lấy cậu Chúa Thao⁽¹⁾.
Nên khuyên ai đừng bắc bạc làm cao,
Phèn chua anh đánh nước nào cũng trong;
Đục anh nay như nước giữa dòng,
Trong em như nước trong đồng chảy ra.
Đôi ta kết nghĩa giao hoà!

⁽¹⁾Hai nhân vật lấy trong tích chèo cổ cùng tên: Trò Chúa Thao.

11. PHÙ THỦY

(Điệu Nhang hoa)

Sắc sắc linh linh,
Đại hiệu bầm sinh,
Tên thần xóc đĩa,
Vô nhân bạc nghĩa,
Là tính xưa nay,
Khôn đại dở hay,
Âm dương hai mặt,
Mây nay ngoa ngoắt,
Như thể mẹ ranh,
Trên sứ dưới sành,
Bốn mẹ ranh chui vào nằm giữa.
Bốn đồng tiền ngựa,
Thiếu vị sắp hai,
Gặp kẻ đông dài,
Bán cho nó mờ.
Gặp quân dú mờ,
Sát cái theo tao,
Bảo nhau đánh vào,
Mở ra sắp một.
Quần lành thì lột,

Áo tốt thì nhòm,
Vợ con om sòm về tiền thua xóc đĩa.

(điệu *Sai*)

Thầy sai quan tướng mùa xuân,
Cờ bạc xóc đĩa tướng lẫn đi chơi;
Đến nơi tướng mới đẹp chỗ ngồi (hát nhắc lại)
Thỏ ơi thỏ đặt cho tôi quan tiền;
Bạch tư đòi sắp ngã liền,
Ai ngờ bạc lại không rền: sắp ba.
Vội vàng tướng cởi áo ra (hát nhắc lại),
Thỏ đặt quan nữa, tướng đà đánh chơi;
Cờ bạc rồi đến bán trời,
Trước thời cố áo, sau thời cầm khăn;
Lâu lâu tướng cố cả quần (hát nhắc lại),
Cho một cái khố chạy trần về ngay;
Mẹ đi ơi hỡi có hay,
Cho anh mượn cái áo, em rầy đừng lo;
Quanh co tướng bán đến bờ (hát nhắc lại),
Ruộng nương bỏ đấy, ai lo việc cày?
Chồng con khốn khổ thế này,
Tiền rút xuống giếng, đứng ngày xem tắm;
Nói ra tướng quát âm âm,
Nhưng mà không nói, để thầy mày cầm cả đến tao;
Kiếp tôi khốn khổ làm sao,
Cầm vườn cố ruộng, cầm ao bán nhà.
Tướng thua tướng bán cả nhà (hát nhắc lại),
Bán hết lợn đến chó, thật mà sạch không.
Bấy giờ tướng hết chơi dong,

Đâm đầu đi ở cực lòng khổ thân;
Chàng ơi sao chẳng nghĩ xa gần?

*
* *

(Điệu Nhang hoa)

Sắc sắc linh linh,
Đại hiệu bầm sinh,
Tên thần Thuốc phiện,
Thần thông linh nghiệm,
Ai nghiện bắt quen,
Gia nộ bàn đèn,
Ngôi cao lộ lộ;
Thầy sai hạ bộ,
Phóng hoả móc tiêm,
Luyện tập ngày đêm,
Đã nên tướng cả,

(điệu Sai)

Đốt đèn thành tướng về đây,
Lộ sành xe trúc tiêm tây hộp ngà;
Vốn quê nhà ở bên Bắc quốc,
Sang nước Nam làm thuốc mê người;
Tỉnh say cay đắng mọi mùi (hát nhắc lại),
Ăn vào càng thiết, ham chơi chóng già.
Nghĩ quần quanh cửa nhà chẳng thiết,
Chẳng bao lâu phá tiết cơ đồ;
Thế gian lắm kẻ điên rồ,
Nhịn ăn nhịn uống, chỉ ro ro đỡ thèm;
Kìa cái cảnh mặt nhem mày nhỏ,

Nợ gương kia đập lợ chẻ xe;
Chả thà nghiện quách rượu chè,
Còn hơn thuốc phiện xấu xa thiệt đời.
Đương xênh xang nói cười vui hát,
Mắc nghiện vào cổ rút môi thâm;
Còn tiền còn hút lẫn khan (hát nhắc lại),
Hết tiền không thuốc bản thân chân tay;
Mũi đã sổ lại hay ngáp vặt,
Bụng đã đau càng gắt vợ con;
Vết lợ còn điều xái mòn,
Mang ra nuốt tạm, đỡ cơn nghiện này;
Mắc nghiện vào hời vay không được,
Dờ dờ cầm không đất, ai tin?
Thiệt con, thiệt vợ thiệt mình,
Chẳng còn nhân phẩm, người khinh kẻ nhờn;
Thấy tình cảnh vợ con nheo nhóc,
Anh chị em ơi xa lánh thói nghiện;
Ai mắc vào sự nghiệp tan liền!

*

* *

Nam mô Phật tổ Như Lai,
Sắc không không sắc thiện tai đạo thường.
Đem lời tàu pháp dẫn dương,
Vong hồn ghi lấy biết đường qui i.
Nay hôn về cõi âm ti,
Tẩy tâm sám hối phụng trì chân ngôn.
Cháu con thương tiếc vong hồn,
Tu trai đính lễ từ hôn trong ngoài

(Già hát) Tuổi hồn đã ngoại... mười,
Gót tiên không vương trần ai xót nào!
(Trẻ hát) Tuổi hồn mới ngoại... mười,
Số sinh đã định tại trời biết sao?
Từ sinh hai chữ nan đào,
Toán lai số bẩm thiên tào vạy vạy.
Nghìn vàng hầu dễ đổi thay,
Càng thương nhớ đến công ngày sinh ra.
Cù lao chín chữ thi ca,
Cảm ơn võng cực nghĩ xa bằng trời.
Bây giờ khoa giáo xong rồi,
Định ninh phước chúc mấy lời dẫn vong.

Sinh không tử lại hoàn không,
Ruộng nương gia sản của chung một thì.
Chữ rằng sinh kí tử qui,
Dương gian ấy khách âm ti quê nhà.
Nhưng còn qua cửa Diêm la,
Mình tào toà ấy là toà phúc uy.
Hỏi hồn danh hiệu là chi,
Phước duyên nhiều ít hãy thì tâu qua.
Rằng hồn sinh ở trần gia,
Làm phúc cũng có song mà được bao?
Trừ ba độc, giữ mọi điều,
Ăn chay niệm Phật bắc cầu trồng cây.
Qui i tam bảo lâu ngày,
Lên chùa lễ Phật nghe thầy tụng kinh.

Khẩu đầu vọng bái Diêm đình,
Chuẩn thứ ngu tình, soi xét rộng thương.
Lệnh sai quỷ sứ vô thường,
Đưa hồn qua chốn ngục trường nề la.
Trải qua khảo vấn hỏi tra,
Nhưng ai đói khát thật là khổ thay.
Sống ở dương thế đơn sai,
Thác xuống âm phủ khổ sai nhục hình.
Địa tào pháp luật nghiêm minh,
Chiếu án làm tội gia hình chẳng tha!
Than rằng thuở sống kia là,
Chẳng hay làm phúc để mà độ thân.
Cho nên nay phải trầm luân.
Ăn nằm khổ nhọc mười phần đáng cay.

Biết đường niệm Phật ăn chay,
Kính tâu tam bảo Phật rày độ ta.
Phương Tây có Phật Di Đà,
Tứ thập bát nguyện thực mà chẳng sai.
Tặng Kinh truyền để hậu lai,
Ai hay niệm Phật bảo đài khai hoa.
Trải qua khỏi cửa Diêm la,
Có cầu trăm nhịp bắc đà ngang sông.
Lên cầu tất gặp chỗ đồng,
Miệng khà ra lửa khó hòng vượt qua.
Ấy cầu Địa phủ Nại hà,
Ai đi qua đó cũng là hàn tâm.

Lại có rắn dài trăm tằm,
Khoanh tròn cát cổ vốn nằm giải sương.
Nhờ ơn đức Địa Tạng vương,
Phát nguyện độ hết cương cường hậu lai.
Đưa hồn qua núi Ngũ Đài,
Tuồng chùng như tới Thiên Thai khác gì?
Sơn thủy tú lệ thanh kì,
Có thuyền Bát Nhã đợi thì bến sông.
Buồm lan chèo quế sẵn sàng,
Kim cương tám tướng đón sang đây rày.
Hồn đà qui Phật lâu ngày,
Này công đức điệp nay thầy cấp cho.
Trình điệp rồi sẽ sang dò,
Lâm râm miệng niệm Nam mô Di Đà.
Như nhiên Phật sẽ độ ta,
Chiếu kính Ngũ uẩn thực là giai không.

Có ngay bảy đấng tăng đồng,
Đạo đức trí tuệ thần thông ai tày.
Khen là Phật tử vậy thay,
Cầm phan tiếp dẫn giang tay vui cười.
Khuyên hồn hãy nhớ mọi lời,
Hễ mà kiên tính thành thoi trăm đường.
Nhờ Bồ tát Đại Tạng vương,
Cùng thầy đồng tử dẫn đường hồn đi.
Địa phương tiếp giáp đa kì,
Trông phan tiếp dẫn mà đi mới tuyền.
Tiểu dao phong nguyệt vô biên,

Khác nào như gặp thần tiên vui vầy.
Có công đức điệp cầm tay,
Một cây gậy chống nương tày thượng phương.

Mặc áo lục thù nghiêm trang,
Mũ ni tràng hạt tuý quang lên đường.
Có ai hỏi sự phi thường,
Thung dung hồn sẽ tìm đường kể qua.
Rằng tôi theo Phật Di đà,
Về nơi Cực Lạc đó là Tây phương.
Hỏi đến tiên phật gia nương,
Phật phụ Phật mẫu nói tường ngay đi.
Phật tử Phật tôn là gì,
Phải chăng hư thực hỏi thì rõ ngay.
Thì hồn cứ thực giải bày,
Tỉnh Phạn vương phụ đúng rày là Cha.
Na Gia quốc mẫu đó mà,
Phật tử tên gọi Hầu La tự ngày.
Phật tôn hồn lại giải ngay,
Bà la ấy tính xum vầy nhất môn.
Nghe rồi hẩn bảo vong hồn,
Thực là Phật chúng chẳng còn hồ nghi.
Hỏi đến đồng chí liên chi,
Anh em quyến thuộc là gì kể ra.
Giải rằng trời cao là cha,
Đất rầy là mẹ, sơn hà anh em.
Cháu con lan quế đầy thêm,
Triều trung chu tử áo xiêm sánh bày.

Nghe lời nói ấy yêu thay,
Hoá ngay đồng tử giắt tay hôn vào.
Siêu nhân thoát sải xiết bao,
Thăng về cõi tịnh tiêu dao an thiện.
Chữ rằng Phật độ hữu duyên,
Tự nhiên linh địa dựng nên kim toà.
Đạo sư là Đức Di đà,
Quan Âm thế chí hai toà thanh liên.
Tràng phan tám cái che trên,
Nắm tay tiếp dẫn hồn lên Bảo đài.
Ấy là thân cận Như Lai,
Chuộc lỗi con cháu ngày mai ở lành.
Nghe thầy niệm Phật tụng kinh.
Giải thoát mọi sự sáng linh tinh thần.
Mấy lời tâm pháp khuyên răn,
Phải chăm niệm Phật ân cần chớ quên.

Những ai thành Phật thành tiên,
Cũng nhờ con cháu thảo hiền lập trai.
Vâng lời di giáo truyền lai,
Diễn ra quốc ngữ một bài dạy vong.
Hồn nay thoát sải thông dong,
Thần di tinh thổ tinh không sa bà.
Con hiền cứu được mẹ cha,
Nhi tôn được hưởng tam đa phúc đầy.
Gần xa thân thích sau này,
Phương lân tri thức ngày ngày như xuân.
Phú quý bằng như phù vân,

Há nên tham tiếc ái ân làm gì?
Chữ rằng cảm khái nệ chi,
Tụng kinh sám hối tu trì là hơn.

Vong hồn châu Phật châu tiên,
Phù hộ con cháu bình yên đời đời.
Vinh hoa phú quý hơn người,
Mới hay đạo Phật cơ trời nhiệm thay!
Ai mà lòng ở thảo ngay,
Tuy trời cao thăm nhưng trời biết ngay.
Phổ chúc hồn phải biết rày,
Trước sau ghi lấy cho hay kéo nhâm.
Luân hồi xuất phát tự tâm,
Dấu rằng đất lặng, cứ tâm ta làm ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bài này còn có tên là **Giáo vong** do Nhà sư hoặc Thầy Cúng hát trước khi hánh **Thập ân** trong lễ Cầu Siêu tại nhà héo hay tại Chùa ngày Lễ Vu Lân. Nghệ nhân Xẩm thường hát trước khách thỉnh có ý răn đời ở ăn lành hiếu để với cha mẹ anh em.

III. TRUYỆN XẨM

1. TRƯNG NỮ VƯƠNG

Cùng trong máu mủ ruột rà,
Cùng non cùng nước cùng con nhà dòng dõi Tiên Long;
Kiếp phù sinh chị em ta phải đèo bồng,
Dầu trăm nguy nghìn hiểm dốc lòng trông cậy có nhau.
Nỗi niềm tưởng tới mà đau,
Đố ai quên thăm dấu sấu trong gánh giang san?
Chỉ cảm tức thay thằng Tô Định nó tham tàn,
Nó làm dân ta rẽ thủy chia loan sao có đành?
Trông non sông chan chứa biết bao tình,
Thương cho nòi giống linh đình chịu dãi dầu!
Những trách ông xanh sao nỡ cơ cầu,
Ép dân son phấn phải nhuộm màu tang thương;
Ngọn lửa đấu tranh đốt cháy trong lòng;
Anh thư chí cả cần lòng được chăng?
Biết lấy ai hồ thi tang bồng,
Cùng nhau xoay đảo cho non sông khỏi vận hội này?
Nỗi niềm em hơi có hay,
Nhà tan nước mất, đắng cay bao chùng?
Ở đời thường chị ngã có em nâng,
Bể trầm luân lấp cho bằng mới thoả chí ta.
Ba năm xây dựng nghiệp nhà,
Giặc thù khiếp vía đàn bà nước Nam.
Non sông đương buổi nhiễu nhương,
Tu mi nam tử sao không sớm lo toan đến vận nòi?

2. ĐÌNH TIỀN HOÀNG

Giở trang sách sử mà coi,
Vua Đinh xét kỹ không phải chính nòi họ Đinh.
Xưa kia có anh rái cá thành tinh,
Gặp ngay bà mẹ vua Đinh đang bắt ốc ruộng gần;
Anh chàng rái cá nổi tính dâm,
Về nhà bà mẩu âm thần thụ thai;
Sinh ra vua Đinh mới lên hai,
Thì cha nuôi là Công Trứ ngày rày quy tiên;
Vua Đinh ở lại với mẹ hiền,
Chú là Đinh Rục thay quyền phụ thân;
Tiếng đồn khắp cả muôn dân,
Một nhà tát cạn cái đầm Hoa Lư;
Bắt được con rái cá hôm xưa,
Về làm thịt ăn uống bữa trưa đông người;
Chợt bà Đinh mới hỏi chơi,
Nghe con nói bà lạng người, vắn vươg;
Nghĩ tình rái cá mà thương,
Thu thập xương vãi gói luôn gác bếp để dành;
Thường khi bà thủ thi với vua Đinh,
Năm xương trên ấy là thân tình của con.
Trải bao nguyệt lặn non mòn,

Có thầy địa lý chính môn bên Tàu;
Sang nước ta thăm đất đã lâu,
Một hôm đến chỗ đầm sâu linh thần;
Những toan lợi xuống mò thăm,
Hiềm nước chảy mạnh, lại đầm thăm sâu;
Thầy địa mới rao lên một câu,
Có ai lợi xuống đầm sâu, thuê tiền.
Vua Đinh lợi nước vốn quen,
Thầy nói thuê tiền, liền tới nhận ngay;
Thốt thôi lặn xuống một dây,
Trở lên kể lại với ông thầy chính tông;
Xưa nay không thấy ai đồn,
Sao giờ thấy ngựa đá đứng há mồm, lạ thay?
Vua Đinh xem đã biết ngay,
Về nhà lấy nắm xương trên gác bếp cho rày ngựa ăn;
Vừa dứt vào mồm, ngựa đá nuốt phăng,
Tự nhiên ngời Thiên Mã sóng bằng nổi lên;
Mỏ của thầy địa treo ở hai bên,
Nên sau đấy ba niên, thầy chả thấy chuyển động gì;
Biết rằng mộ quý còn chi,
Liền sang Nam Việt thăm thì với vua Đinh;
Những là ngôi đất này thầy yểm phân minh,
Thiên trường địa cửu bất thành tại đâu?
Chắc còn thiếu đao kiếm trao đầu,
Cho nên ngựa chịu đứng rầu chờ lâu!
Vua Đinh cả tin chú thầy Tàu,
Treo ngay gương vào cổ ngựa, gương mới cửa dứt đầu ngựa đi;
Nên rồi ngôi đất ngày một suy,

Nên vua Đinh chỉ trị vì mười hai niên.
Về sau Đinh mẫu quy tiên,
Vua phải đi ở cho chú để trọn niềm trước sau;
Hàng ngày vua phải chăn bò chăn trâu,
Cùng trẻ các xóm lập trận cờ lau tung hoành;
Vua tuy người bé mà nhanh,
Chọn quân chọn tướng tập tành miên man;
Sắp binh uy khí giới sẵn sàng,
Khao quân rôm rà mới tính toan giết bò;
Tướng, quân tiếng nhỏ tiếng to,
Đồn về làng xóm chuyện giết bò ăn khao;
Chú nghe vội rút long đao,
Chạy ra quát hỏi rằng nào bò đâu?
Vua Đinh tay chấp thốt câu,
Bò đà chui xuống lỗ nẻ, còn đâu nữa bò?
Chú nghe cháu nói bụng lo,
Biết thằng cháu đã giết bò rồi nói nhăng;
Điên tiết lên ông quát mắng hẳn nhiên,
Cầm dao đuổi chém tuốt ra miền bờ sông;
Bên sông có lái dò Long,
Xưa nay đồn thổi có rồng phụ quân;
Vua Đinh vừa chạy tới gần,
Gọi lên hai tiếng: "Ồi long mau cứu mình"!
Rồng vàng tưởng gọi đến tướng tinh,
Mới nổi lên cứu chúa qua bên sông liền;
Chú Rục mắt thấy y nhiên,
Vội chấp tay vái cháu, truyện còn truyện đến nay.

3. BÀ BA CAI VÀNG

(điệu *Chênh bong*)

Thanh nhân kể chuyện mà chơi,
Ngắm xem việc thế đối rồi làm sao.
Thử coi trời đất thế nào?

(*hết khổ*)

Thử coi trời đất thế nào,
Làm trai thắng ngọn cờ đào ăn chơi;
Quyết tranh đua đấu trí với đời,
Tỉnh Đông, tỉnh Bắc, tỉnh Đoài, tỉnh Nam;
Các tướng tài đương thử sức thi gan,
Mưu cơ thiết kế khôn ngoan đặt bày.
Ông Cai Tổng Vàng tỉnh Bắc gan thay;

(*hết khổ*)

Ông Cai Tổng Vàng tỉnh Bắc gan thay,
Mộ quân bảy ngày, được một vạn ba;
Trai anh hùng thật đáng thủ khoa,
Đầu năm Nhâm Tuất, tháng Ba phát cờ;
Kể từ hàng Đội cho chí hàng Cơ.
Đúng ngày mồng sáu tế cờ, ông quân cho quân lính ăn chơi.
Tế rồi cho lính nghỉ ngơi,
Hăm tám, tối trời, dùng đèn lấy phù Lạng Giang;
Quân ông từ đấy đánh sang,

Dinh thời đặt ở Lạng Giang hẳn hoi;
Lại cho quân về nghỉ một tháng ăn chơi,
Xong ông lệnh cấp hồi, lấy phủ Lạng Thương;
Mới năm ngày, ba phủ huyện dẹp yên,
Lệnh cho cơ ngũ binh quyền hồi gia,
Ông tư tờ về báo với cô Cà, cô Hai, cô Ba,
Nên chăng cô Ba nàng nói, cho ta bằng lòng.
Ông Cai Tổng lớp này có ba vợ theo cùng!
Bà Cà thưa rằng, quan Quận chắc chi?
Cơ hội chẳng có nên gì,
Việc trời khó đoán, thiếp khuyên chàng đừng đi lần này.
Sợ binh trào rồi kéo tới đây,
Hao quân tổn tướng, thiệt thay chẳng nào?
Trước là sát hại binh hao,
Tội ấy hỏi gỡ làm sao được mà?
Bà Hai đặt gối tàu qua,
Làm trai bốn bể một nhà ăn chơi;
Anh hùng để tiếng cho đời,
Hãy xin quan Quân nghe tôi thưa bày;
Lòng trời mà tựa thời hay,
Quan sang võng lọng, sau này ắt nên !
Làm trai chớ tưởng bạc tiền,
Số mà không khá, chẳng nên việc gì;
Xin quan nghe thiếp đừng đi,
Cửa nhà sang cả, có thiếu gì cho quan Quận ăn chơi?
Thiếp xin quan Quận nghe lời,
Khắp bốn phương trời, quan Quận chắc đâu?

Bà Ba nghe hai chị nói, mới bực chí thừa tàu,
Hai chị nói thế em đâu có bằng lòng;
Nói xong, cô quỳ xuống lạy chồng,
Chàng mà dốc lòng, thiếp quyết xin chơi !
Chỉ mong cho lính trào mau kéo tới nơi,
Nhất thua nhị được một tôi với trào.
Cầm bằng mà có làm sao,
Mình này cũng thác anh hào vinh quang.
Đánh trận này, quyết chi thí gan,
Liều thân đánh với bá quan vài kỳ;
Thân này tuy phận nữ nhi,
Cũng quần khăn vác áo ra đi theo chồng,
Thiếp quyết chém tướng trào lập công.
Một dạ theo chồng, nhất được nhị thua.
Quan Quận mau mộ thêm binh cơ,
Thiếp cũng phát động mở cờ từ đây.
Lòng trời mà tựa thời hay,
Khi không chẳng lọ, tan thấy cam lòng.
Nhược bằng trời đoán giữa chừng,
Thân dầu có thác, cũng để tiếng cho chồng về sau!
Bà Ba loan báo, quân bay đâu?
Hàng cơ hàng đội tiến lên đầu theo ta ;
Hỏi có người nào thương mẹ nhớ cha,
Thương con nhớ vợ thì cho về nhà làm ăn.
Làm trai quyết chí lập thân,
Sống thác một lần, xây dựng cơ ngơi.
Hàng quân ran dạ vang trời.

Bà Ba còn thế, chúng tôi ngại gì.
Bà Ba Cai Vàng loan báo chi kỳ,
Sớm mai cơm nước, xong đi chớ chầy;
Kéo lên tỉnh Bắc đóng ngay,
Mặt trời gác núi, quân nay đánh vào.
Bà truyền cho ba đội tiến mau,
Quyết đánh tan quân trào, dù binh mã chúng mấy mươi;
Ba đội quân của cô Quận tới nơi,
Rầm rập chân bước, ngất trời uy nghi.
Như thiên binh xuất trận một khi,
Kín đường quân đóng, xóm quê chật đầy;
Quần bà chít ống, khăn bà thắt dây,
Dao găm bà giắt chín con rày vào thắt lưng.
Hai tay bà sáng loáng đôi gươm trường,
Bắc loa bà gọi, lính trào đường biết tay.
Lại xung danh cho quân trào rõ hay,
Để ba quân được biết, ta nay đàn bà,
Bà ngồi trên mình ngựa thét loa,
Ta đây chính thức vợ ba ông Tổng Vàng.
Ta báo cho quân trào biết rõ ràng,
Hãy ra nghênh chiến cho tỏ vàng hay thau!
Lính trào nhón nháo kinh dị xiết bao,
Bá quan hô vọi, quân vào mau đây;
Sắp sanh hàng ngũ xong, đánh ngay,
Chánh binh cưỡi ngựa, tay rày phóng dao;
Phó binh còn án ngữ xem nào,
Phủ quan tiếp giáp xông vào một thôi.

Bà Ba kéo quân ra, lính địch đổ lùi,
Giặc đầu cái quái nhà trời sinh ra;
Tĩnh Bắc Ninh có tướng đàn bà,
Điểm trời không biết rồi ra thế nào?
Bá quan lo làm số đệ vào,
Quân trào đường phải binh hao, tổn tài;
Xin thêm quân qua dẹp giặc đường ngoài,
Vua truyền chọn tướng kén ngài thủ khoa;
Có Đế Linh Tảo đặt gối tàu qua,
Tung hô muôn tuổi, xin đem quân ra Bắc thành ;
Đem theo chín đội võ sanh,
Thẳng hướng Bắc thành, coi giặc làm sao?
Lệnh truyền chọn kế lược thao.
Cơm vua áo chúa, gươm đao sắp bày.
Lãnh binh kéo quân rầm rộ trẩy ngay,
Quan tướng phen này, ra Bắc lập công.
Ở tỉnh Bắc, Đế lãnh có công,
Bình hùng tướng giỏi, oai phong rợp trời.
Kéo tới Hà Nội, cho nghỉ ăn chơi,
Quân lính được thời, đậm đoạ thết loa.
Nghỉ xong nhằm tỉnh Bắc tiến qua,
Dàn binh bố trận, tứ bề bỏ vây;
Quân tướng đốc thúc đêm ngày,
Vót tên, mài giáo, sắp bày nhung trang;
Chinh tể đội ngũ sẵn sàng,
Xem mặt vợ bé Cai Vàng ra sao?
Bà Ba dàn quân chống đỡ sít sao,

Đánh bầy tám trận thật hào, nhưng tướng đã hao;
Biết một thân chống chẳng được nào,
Cho quân vào báo ông Quận ra, bà nói vài lời;
Bình tướng mệt rồi xin chàng cho nghỉ ngơi,
Chàng vào đánh đỡ thiếp tôi vài đường !
Ông Cai Tổng Vàng thương vợ rút gươm,
Để nàng ra nghỉ, chiến trường nàng để ta.
Anh vào quyết chiến đỡ cho cô nàng Ba,
Nói xong gươm tuốt sáng loà trong tay;
Một mình ông ngang dọc ai tày,
Đánh từ mỏng bốn tới rặng ngày mỏng năm;
Mà quân đôi bên vẫn thắng bại bất phân.
Quan binh trào sốt ruột, mới luận bàn tính ngay;
Lệnh truyền binh lính kín vây,
Bác loa kêu gọi, hỡi bay Cai Vàng!
Mau nộp khí giới quy hàng
Đem quân ra thú, rộng đường trào tha;
Nhược bằng chẳng ngñĩ gần xa,
Ta dè binh mã đánh băng qua đường hào.

(*điệu Ai*)

Ông Cai Tổng Vàng chưa biết lo liệu làm sao,
Bốn bề quân trào bọc, còn biết lối nào mà ra;
Giờ dần rặng sáng ngày ba,
Bắn một phát pháo cho đà thắng thiên !

(*điệu Chénh bong*)

Bà Ba ở ngoài hiểu biết căn duyên,
Thúc luôn cơ đội binh quyền tiến ngay;

Ông Cai nhà ta chắc có sự gì đây,
Trông ra thì thấy bị bao vây kín trời.
Bà Ba bắc loa gọi, ới hỡi anh chàng ơi!
Đừng lo chi nữa, có thiệp tới tiếp rày;
Cho tha hồ trào bọc trào vây,
Cho quân ăn uống, nghỉ ngơi ta ngại gì?
Khó khăn nguy khốn thiệp có nài chi,
Chàng đừng lo lắng, có nữ nhi ngoài này.
Ông Cai Tổng Vàng chợt hiểu ra ngay,
Ngoài nàng đánh mạnh, trong rày ông choảng ra;
Quân ông Cai trong ấy thúc ra,
Theo hiệu lệnh trước, bà Ba đánh vào.
Quân trào thất tán lao đao,
Bốn bề súng nổ, xôn xao khắp vùng.
Đánh nhau chấn ba ngày đồng,
Súng nổ đi đùng như thể pháo ran.
Đạn bắn ra như cát rải đàng,
Quân quan phải cuốn gói, tềch chuẩn về Bắc Ninh.
Bà Ba truyền quân mau vây kín tỉnh thành,
Hãm lương cho đói khát đến phải nộp thành mới tha.
Bên ngoài quân ông Quận dàn hát xướng ca.
(điệu Ai)

Các quan trong tỉnh nằm lo đêm ngày;
Than rằng: Trời cao biển rộng đất dày,
Phen này sao sống được, trời hay chăng trời?
Bà Ba hãm lương quân binh trào suốt bảy ngày trời,
Binh hao lương tận chết đến nơi rồi còn đâu!
Kịp ngay quan tướng hội cầu,

Cùng nhau bàn soạn trước sau thế nào?
Không đánh ra thì tội với trào,
Đánh thì không được, hàng thì sao được mà!
Bèn lập dàn làm cuộc tế kỳ,
Khấn nguyện trời đất phù trì cho nao.
Lại cho quân lính vượt hào,
Thoát vây phi báo với trào xin tiếp binh.

(điệu **Chánh bong**)

Vua tiếp được sứ thất kinh,
Vội vã huy động tinh binh tướng tài;
Nhằm Bắc thành tiến phát bất kể đêm ngày,
Việc quân như nước lửa phải cứu ngay kịp thời.
Ông Quận thấy quân trào chỉ viện tới nơi,
Hợp bàn tính kế sao cho xong xuôi đạn này.
Có ai ngờ trời đoán khi nay,
Có tên hèn mặt phản thầy làm nội công.
Nó chui vào đầu thú với trào đường,
Rằng ông Quận có ngọc quý giữ luôn trong mình;
Đạn chì dù bắn thành linh,
Cũng chả trúng mình ông Quận nổi đầu;
Phải vàng đúc đạn cho mau,
Gan vàng dạ ngọc mới bén nhau chẳng là!
Quan trào truyền giam lại thẩm tra,
Rồi chặt vàng làm đạn bắn ra âm trời.
Ông Cai Tổng Vàng phải đạn, hỡi ôi!

(điệu **Ái**)

Ông Cai Tổng Vàng phải đạn hỡi ôi!
Trời xanh quá ác, đạn trúng thời mang tai.

Ông truyền quân đóng chốt một hai,
Để ông lui ngựa ra ngoài tỉnh liệu gần xa;
Ông nằm trên mình ngựa nói ra,
Nàng ơi trở lại, cho anh mà thở than;
Cầm bằng sống thác chẳng màng,
Chỉ thương gánh nặng riêng nàng phải lo;
Biết lấy ai cho nàng cạy nàng nhờ,
Việc quân tính toán mưu cơ anh tin ở mình;
Một thân nàng chống cả triều đình,
Anh nay phó thác muôn binh cho nàng.
Bà Ba vội nắm chặt lấy tay chồng,
Chàng đâu có thác, tiếng chàng còn vang!
Trai anh hùng ở chốn trần gian,
Liều mình thác cửa vua quan, đáng đời!
Chàng đi yên phận chàng rồi,
Công việc để lại cho tôi một mình!
Trong tay ba vạn hùng binh,
Biết đương đầu với trào đình được không?
Hai vợ chồng than thở, thở than!
Thốt thôi ông Quận sức tàn ngã ra;
Bà Ba nước mắt nhỏ sa,
Trăm quân thương tiếc, khóc oà thảm thê;
Bà truyền quân khiêng cữu ông Quận về,
Táng nơi quê quán, một bệ cho yên;
Rồi ra, bà lập lại binh quyền,

(điệu **Chénh bong**)

Rồi ra bà lập lại binh quyền,

Nhất nguyên trên dưới, một phen trả thù;
Yếm đào ai sánh được ru,
Quyết lòng sống mái cho phu lòng chàng;
Ầm ầm trúc chẻ ngói tan,
Hai quân sắp chiến trống vang rầm trời,
Đánh từ canh một ngày mười,
Cho mãi đến tận giờ mười ngày mười ba;
Quân trào thua chỉ còn một cái loa
Bao nhiêu khí giới bà Ba thu hoà sạch trơn;
Bà truyền quân mau soát lại dinh đồn,
Bắt để lãnh Tào trong huyện đường điệu ra;
Rõ thấp mưu thua trí đàn bà,
Thân danh quan Để mà bị trời thể nay;
Quân bay! Tắm dầu vào, bó đèn cây!
Tế chàng đầy đủ ba ngày ba đêm!
Xong bà truyền lấy lửa đốt lên,
Xin chàng chứng dám cho lòng thiếp nay!
Đoạn bà loan báo ba quân hay,
Bấy lâu nếm mật nằm gai giải sầu,
Hiển vinh chưa rõ cơ cầu,
Giữa đường ông quận thăm sâu, thác đi!
Tiếc công danh, chị em ta làm chửa nên gì?
Thế thời chưa gặp, tính chi việc tày trời?
Suy đi tính lại, bà xin có lời,
Quân đâu về đấy, tái hồi làm ăn;
Tìm đường bà cũng lánh thân!
Bà lại dặn dò quân lính thôn dân mọi nơi,
"Sau dù ai đến thăm tôi,

Xin đừng thổ lộ khúc nhôi tận tường;
Tôi tìm đường khuất biệt phương,
Gửi thân am vắng, tựa nương qua thời!"
Dân binh nghe nói bồi hồi,
Ngậm ngùi gạt lệ, mỗi người mỗi nơi;

Truyện bà Ba Cai Vàng có thể mà thôi,
Nữ nhi hô để mấy người được như!

4. ÔNG ĐỘI CẦN

Năm Đinh Tỵ (1917), mười ba tháng bảy,
Nước Nam mình lòng lấy can qua;
Thái Nguyên chỉ có một toà,
Khố xanh, khố lục chùng ba trăm người;
Chí cũng muốn chọc trời khuấy nước,
Ông đội Phú - rê ⁽¹⁾ đứng trước hàng binh;
Những toan lập chiếu triều đình,
Cùng toàn hàng cai đội, khố xanh một lòng.

Ông phó quân bắt tòng quân lệnh,
Vậy nên phải tử mệnh xót xa;
Sai người mở cửa nhà pha,
Đem tù ra điểm xem là bao nhiêu?
Truyền tù nhân cứ theo quân lệnh,
Chớ thị thường uống mệnh uống đời;
Rủ nhau làm lễ tế trời,
Cờ đề "phục quốc" tài bồi nước Nam;

Phong tám tướng cùng đang quốc chính,
Tù ba trăm binh lính ba trăm;

⁽¹⁾ Do tiếng pháp fourrier nghĩa là hạ sĩ quan trông nom về ở ăn trong đồn binh

Đều cùng phát súng cho cầm,
Lung thắt bao đạn, mặc áo quân đủ đồ!
Tỉnh Thái Nguyên khả đô thị nhất ⁽¹⁾
Các đường dây sai chập phắt ngay;
Bấy giờ tám tướng đi ngay,
Chọn đường mai phục, định ngày giao công;
Ông ký dây thép ⁽²⁾ trong lòng bát phục,
Nối dây vào đường cũ đánh đi,
Báo về Hà Nội một khi,
Trình rằng có giặc ở thì Thái Nguyên.

Toà Thống sứ, Toàn quyền hội nghị,
Lại có lời phủ dụ hay ho;
Việc này nhà nước phải lo,
Giấy về toà ông Sáu nhỏ to sự tình;
Tỉnh Thái Nguyên loạn binh quấy rối,
Cửa đám tù, cai đội khổ xanh;
Vạy tin cho ông Sáu biết tình,
Tư giấy về Nam Định, Bắc Ninh tức thời.
Truyền cơ đội các nơi cũng vậy,
Lính Đáp Cầu phải trẩy tiên phong;
Lính Tây khố đỏ hội đồng,
Mang quân lên đóng đồn ông Chu diên ⁽³⁾.

Ngày mười sáu tiến lên giáp trận,
Lính Tây thời tử trận trăm ba;

⁽¹⁾ Nghĩa là có thể là nơi đông đúc nhất.

⁽²⁾ Tên là Kế, chưa rõ họ

⁽³⁾ Quán Chu bấy giờ

Bấy giờ khổ đồ tiếp qua,
Súng trường trái phá bắn hoà liên thanh;
Xông lên thành, khố xanh bỏ chạy,
Kéo quân vào đóng trại dinh trung;
Ngoài thời trái phá dùng dùng,
Khi vào đến tỉnh sạch không còn gì?

Quân ông Đội Cấn liền đi lên núi,
Đào hầm sâu luồn núi tránh thân;
Nửa đêm kín nhem dẫn quân,
Qua vùng Tam đảo về gần Vĩnh An;
Mang quân lên đóng chợ Vàng ⁽¹⁾
Đến làng Hoàng xá, ông rẽ ngang quân vào;
Tên xã đoàn không biết nghĩ làm sao?
Sai tuần ra hỏi: "Quân ông nào đóng đây?"
Tân quân mới nói khi nay,
Các quan đi khôi phục ngày rày nước Nam;
Truyền cho dân cứ việc ăn làm,
Các quan đi mở nước không can cơ gì!
Xã đoàn lòng vẫn hồ nghi,
Tây cầm cái quăm đúng thì giờ lâu;
Ông Đội Cấn truyền quân ra chặt lấy đầu,
Nếu không biết phép, pheng đầu một khi.

Ông Đội Cấn sai quân tức thì,
Mổ bò giết lợn làm thì cơm ăn;

⁽¹⁾ Chợ Vàng, Hoàng Xá, Hường Lại... đều thuộc Vĩnh Phúc

Truyền đòi các cụ trong dân,
Cho đi báo Tây có giặc Tân quân đóng làng,
Đồn Việt Trì Tây mới kéo sang,
Súng ống, xe ngựa chập đàng cái đi.
Đến ga Hướng Lại gặp thì,
Quân Tây đến đó, định kỳ nghỉ ngơi;
Ô tô tiếp viện tới nơi,
Quân Tây đi trẩy, ngất trời ghê thay!
Bày binh lập trận bỏ vầy.
Thổi kèn bắn súng, đạn bay vào làng;
Đi dùng như thể ngô rang,
Bắn như cuội rải trên đàng cái đi;
Thiên cao còn có thánh tri,
Gió mưa kéo đến, Tây thì thôi ngay !

Đến hai mươi, tin rày phi báo,
Ông Đội kéo về, đóng đạo Gia Tiên;
Đêm nghe súng nổ vang rền,
Lính thua lính phải kéo về Đèo Ngang;
Xuyên qua đèo Khế, đèo Giàng,
Lính thua lính phải chạy sang Hoàng Đờm ⁽¹⁾
Bên Tây có quan Ba Sớm,
Cho mày đi trước, mày nom tao beng đầu!
Nhưng quan Ba bắn chẳng trúng đầu,
Ông Đội Cấn bắn ra một phát, vỡ đầu quan Ba,
Ngày nôi dậy can qua xối động ⁽²⁾

⁽¹⁾ *Mấy địa danh thuộc Thượng Thái Nguyên*

⁽²⁾ *Xối động: rùng động, nhiều người nhắc đến ngưỡng mộ kính phục.*

Muốn thành công, trời chẳng cho làm!
Sau quân ông Đội Cấn phải tan,
Quân thua quân phải kéo sang bên Tàu.
Trông chờ cơ hội, biết đâu?
Nuôi quân, dưỡng tướng, mưu cầu chuyện sau ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Theo sử, Đội Cấn (ở Thổ Tang, Vĩnh Yên) khởi nghĩa đêm 30-8-1917 và tự
ngày 9-1-1918.

Truyện này ghi theo nữ nghệ nhân Hai Thìn và đối chiếu với lời hát của ô
Trưởng Nguyễn.

5. THẤT THỦ HÀ NỘI

Có quan tổng đốc Hà Thành,
Tên là Hoàng Diệu, trung trinh ai bằng?
Trăm nguy nghìn hiểm đã từng,
Vừa ra trọng nhậm được chừng ba năm.
Ghét Tây, dạ vốn nhăm nhăm,
Ngoài mặt giao tiếp, trong tâm như là.
Sẩy năm Nhâm Ngọ (1882) tháng ba,
Sáng hôm mồng tám, bước qua giờ Thìn.
Biết cơ nên trước đã giữ gìn,
Hàng trăm võ sĩ với hơn nghìn tinh binh;
Tuần phòng nghiêm mật trên thành,
Cùng nhau thể nguyện, rượu quỳnh đầy vơi;
Hai bên văn võ cử nhời,
Đồng lòng y quyết một đời tận trung.
Lệnh trên truyền xuống vừa xong,
Bỗng nghe ngoài đã đi đúng súng ran
Người người cảm giặc bầm gan,
Giơ tay thể quyết giết đàn chó dê;
Lửa phun súng nổ bốn bề,
Khiến loài bạch quỷ ⁽¹⁾ hồn lìa phách xiêu.

⁽¹⁾ Bạch quỷ: chỉ bọn Tây da trắng

Quân ta giết địch đã nhiều,
Phố phường hoan hỉ, tiếng reo âm ầm.
Quan quân vững chí bình tâm,
Cửa Đông, cửa Bắc vẫn cầm vững binh;
Chém cha cái lũ hôi tanh,
Phen này quét sạch sành sanh mới là !
Nào ngờ thất ý tại ta,
Vẫn rằng thắng trận, hoá mà thua cơ;
Nội công phản những bao giờ?
Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngã theo;
Quan quân thấy vậy thấy đều,
Phía Tây, bạch quỷ hung liều trào lên !
Nào ai cơm áo đốc đên,
Nào ai cầm vững cho bền ba quân;
Nào ai tài trí kinh luân ⁽¹⁾
Nào ai nghĩ đến nỗi dân cơ cấu?
Một cơn gió thảm mưa sầu,
Nấu nung gan sắt, dãi dầu lòng son.
Chữ trung một chút còn con,
Quyết đem gửi cái tàn hồn cội cây.
Trời cao, biển rộng, đất dày,
Núi Nùng, sông Nhị ⁽²⁾ chốn này còn ghi!
Thảm thay gặp bước gian nguy,
Lòng dân ai chẳng thương người tận trung.
Thấy đều tiếc bấy anh hùng
Đem người lên táng, trong cung học đường ⁽³⁾

⁽¹⁾ Kinh luân: Xử lý những sự khó khăn.

⁽²⁾ Núi Nùng hiện ở vườn Bách Thảo, sông Nhị tức là sông Hồng

Đau đớn nhẽ, ngăn ngơ đường,
Tả tơi thành quách vùi đường cỏ hoa.
Kể từ năm Dậu bao xa,
Đến nay tính đốt phởng đà mười niên;
Hà thành thất thủ hai phen,
Kho tàng rỗng sạch, binh quyền rời tan;
Đổi thay trái mấy cơ hàn,
Hỏi ai còn nhớ tấm gan cụ Hoàng?

⁽³⁾ Nha học đường xưa ở sát phố Sinh Từ bây giờ.

6. BỞI CHÚNG TA CHẴNG ĐỒNG LÒNG

Khởi từ năm mới có Tây,
Chúng sang dò hộ bên này dụ dân;
Trước sang chỉ có một phần,
Bây giờ Tây lại đóng dần đến đây;
Sang tỉnh Hà Nội ban ngày,
Ầm ầm súng bắn chiếm ngay tỉnh thành;
Có quan Tuần phủ Bắc Ninh,
Người ra đầu trí, chống kinh với Tây;
Các quan sợ phải đi ngay,
Đem lính lên tỉnh Sơn Tây làm vi;
Nước ta tự thuở hàn vi,
Quan ta Tây bắt, việc gì cũng vâng;
Tây sang cai trị dần dần,
Ba bìa đóng thuế muôn dân nặng nề;
Thuế dò, thuế chợ, thuế xia,
Bây giờ Tây bắt đóng thì thuế dinh.
Ngắm xem các báo nhật trình,
Nói rằng người chúng văn minh đủ điều;
Nước Nam kẻ khó người nghèo,
Đóng một suất thuế, lo xiêu cả nhà;
Ai kia phú quý đề đa,
Tiền bạc túc tích người ta không cần;

Sức về quốc trái công ngân ⁽¹⁾
Tiền quyền phú hộ ba lần đóng ngay;
Nhà nước sẽ phát mễ đay ⁽²⁾
Lý trưởng lên tỉnh lĩnh ngay mang về;
Cấp cho điền hộ nhà quê,
Ai mà có lực ⁽³⁾ ắt thì được đeo.
Nước Nam ta mất tiền nhiều,
Công sưu tạp dịch tạp tiêu không trừ;
Bắt xây trường học Tổng sư,
Buộc dân nộp thóc để mà cấp lương;
Dân ta lo đủ mọi đường,
Lấy sang Tây làm đủ việc thường phải nghe.
Xẻ sông cho chí đắp đê,
Mặt đường rải đá hai lề xới lên;
Thuê người trồng cò hai bên,
Chăng dây đóng cọc thẳng liên một dòng.
Từ Hà Nội xuống Hải Phòng,
Tây thuê phu kíp làm công dọn đường;
Tàu bè chạy khắp tứ phương,
Ô tô xe cộ cùng thông một dòng;
Vì người Nam ta chẳng đồng lòng,
Nên chúng thất thế phải tòng quân Tây;
Chúng còn ở mãi bên này,
Dụ người đi lính, tính bài ngu dân;
Đạc điền chiêu đất xa gần,

⁽¹⁾ Thực dân Pháp bắt dân ta cho chúng vay tiền hồi chiến tranh 1914 - 1918.

⁽²⁾ Một thứ "huy chương"

⁽³⁾ Ý nói có nhiều tiền của thóc lúa.

Chẳng dây đóng cọc bắt tuần đem chôn;
Tây sang lập các tỉnh đồn,
Lính canh nhật dạ ⁽¹⁾, gác luôn thủ thành.
Nói rằng để cho dân ngủ yên lành,
Từ năm vua trẻ ⁽²⁾ bốn hành đến nay;
Năm Đinh Tỵ (1917) bắt lính sang Tây,
Quan Ba về bảo đi ngay cho cần;
Quan ta về hiểu dụ ⁽³⁾ dân,
Tám giờ đóng ngựa, áp tuần tổng ta;
Đòi những ai danh sách phải ra,
Sang Tây sung sướng, ở nhà mà làm chi?
Mai kia có lập công gì,
Có lương nhà nước, cấp thì quanh năm;
Mặc lòng thoả thích xung xăng,
Chụp hình đánh giấy về thăm mọi nhà.
Dặn vợ coi cửa giữ nhà,
Đến tháng lĩnh bạc măng-đa ⁽⁴⁾ gửi về.
Lương chồng ba tháng một kỳ,
Được chín đồng bạc đủ bề chi tiêu;
Dù ai có bụng thương yêu,
Thì em gìn giữ đừng liều tẩm thân.
Nay mai anh lại về gần,
Mong sao được chữ toàn thân tái hồi.
Ba năm mẫn lính xong rồi,

⁽¹⁾ Ý nói canh gác ngày đêm không nghỉ.

⁽²⁾ Chỉ Khải Định theo lệnh Pháp ra Bắc tuần du.

⁽³⁾ Nói việc vua quan giải thích hồ hạo.

⁽⁴⁾ Tiếng Pháp Mandat, một loại phiếu chuyển tiền ngày ấy.

Vợ chồng ta lại ở đời với nhau.
Đi lính cho Tây, lòng dạ rầu rầu,
Phương trời đất khách biết đâu là chùng?
Bước đi một bước ngập ngừng,
Chẳng danh chẳng giá thì đừng, trời ơi!
Dặn em em hãy nhớ lời,
Mẹ cha phụng dưỡng, con thời trông nom;
Điêm trời thế đất chon von,
Anh sang bên ấy, khó mong ngày về!

7. BẮC TỈNH CA

Trời Nam Việt kẻ cũng hay,
Bỗng năm Tân Tỵ (1881?) tàu Tây kéo về;
Tỉnh Hà Đông chật phủ phê,
Tưởng là buôn bán rồi về bên Tây.
Mông một tập súng cả ngày,
Hung hăng quen thói, lấy ngay tỉnh nhà.
Quan Đề Lưu Vĩnh xó ra,
Giết nhau một trận, tỉnh Hà lại thôi.
Quân Tây tính kế trả thù,
Quan triều dàn trận, bèn ngồi một khi.
Lại xem các tích mà suy,
Giữa năm Tân Tỵ bão thì đổ cây;
Mười ba tháng Tám đến rày,
Nhà cửa đổ đầy, rạp quán tan hoang;
Người thì chết đói dưới thuyền,
Người thì chết bẹp ở trên nhà rày.
Kể từ Quý Dậu đến nay,
Kịp vào Nhâm Ngọ (1882) quân Tây nhập thành,
Quan Đề, quan Đại đóng canh,
Quan án đóng ải, quân binh rợp đường.
Thù hạ lính tráng biết mấy mươi nghìn,
Lại thêm tạp dịch, bắt tiền dân nuôi !

Suốt từ trên ngược đến xuôi,
Làm thẳng chưa đoạn, trát đòi bung xung;
Dập đỉnh cờ mở trống dong,
Huyền thuyền súng tập mà không đánh trận nào.
Tiền quân là Phơ - dê - lưu ⁽¹⁾
Tháng Tư mới đánh trận đầu hôm mười ba;
Vận này ở trời đất sinh ra,
Bên là Tây lỗ, bên là Tầu Ngô ⁽²⁾;
Trận bày đương với Tư So ⁽³⁾
Sông kia nước nọ, dân lo chống thuyền.
Nơi thì lấy những thuyền nan,
Nơi lo cùi đuốc, chẳng khoan nơi nào.
Trời làm một trận ba đào,
Cờ đen thì lấy của, mà nước vào mệnh mông.
Lợn gà chú ⁽⁴⁾ bắt lên Phùng (Sơn Tây),
Lúa ngoài đồng thối hết, chả mong còn gì?
Làm trai sinh gặp buổi ni,
Nhà phải nuôi chú Chệt ⁽⁵⁾, vợ ra đứng đường.
Kêu trời cũng chẳng ai thương,
Đêm ngày hầu hạ chúng, bữa thường dám ăn ?
Dân phu cùi đuốc khó khăn,
Mà chúng đòi gạo trắng mới ăn cho là!
Kính nguyệt nó cũng chẳng tha,
Người đương ghen chửa, cũng là mất không.

⁽¹⁾ Có lẽ là Francis Garnier?

⁽²⁾ Chỉ giặc pháp và quân Cờ đen, Cờ vàng sang giúp ta lúc ấy.

⁽³⁾ Thủ lĩnh nghĩa quân ở Sơn Tây

⁽⁴⁾ Chỉ quân Tầu; dân ta thường gọi là chú khách

⁽⁵⁾ Chỉ quân Tầu.

Nhiều nơi thắng những lên ông,
 Nhiều nơi đại phú sạch không như chùi.
 Châu sa giọt ngắn giọt dài,
 Bụi bờ cầu quán ra người hàn vi.
 Mông một tháng tám một khi,
 Đánh trận Đồn Bá (?) tức thì tiến lên!
 Lại cho trát xuống quyền tiền,
 Xã nhơn thì cứ một nghìn mà lo;
 Xã bé thì bớt đi cho,
 Ba trăm tiền chẵn, sửa cho sẵn sàng.
 Đến năm Quý Tỵ vừa sang,
 Tây đen tây trắng lại quan bên Tàu;
 Tam tứ lục quốc đấu đầu,
 Làm cho Nam quốc lo âu trong lòng !
 Tỉnh Hà phủ huyện chưa xong,
 Tàu xuôi xuống đánh tỉnh Nam ⁽¹⁾ tức thì;
 Phủ huyện cho hết một khi,
 Tỉnh Đông ⁽²⁾ nghe cũng lắm chi quân Tàu;
 Thêm tây mũ đỏ hồng mao, ⁽³⁾
 Cả bày tướng tá nháo nhào tính toan.
 Kéo lên Hà Nội hội bàn,
 Mười tám tháng một phá thành Sơn Tây;
 Muôn dân đoàn kết ngày rày,
 Nơi quân Tàu đóng, nơi Tây quan bình ⁽⁴⁾
 Trận này sang đến Bắc Ninh,

⁽¹⁾ Tức tỉnh Nam Định

⁽²⁾ Tức tỉnh Hải Dương

⁽³⁾ Chỉ bọn lính Lê dương;

⁽⁴⁾ Tức bình định, chiếm cứ xong.

Tiền quân kể những mấy dinh quân Tàu;
Tây lên đi tuốt đằng sau,
Kéo lên đến phủ, quân Tàu đã tan;
Các đồn cho đến phủ An ⁽¹⁾
Lại còn tỉnh Thái, Cao Bằng, Lạng Sơn;
Hung đồ phi tặc nhờn nhờn, ⁽²⁾
Dù che ngựa cười nổi cơn anh hùng;
Gậy tấy máu mác nhung nhăng,
Loa bầu áo chiến cờ xanh cờ vàng;
Nơi thì binh lính đã an,
Nơi thì tàn phá tan tành như tro;
Nơi thì trợn mắt mà lo.
Nơi thì trợn trượng ⁽³⁾ ta cho yên lành;
An nam quan cũng thương tình,
Biết đâu khổ nhục sự tình làm sao !

Vắng lặng vì có quân Tàu,
An nam ta chớ ép nhau trận nào;
Muôn dân tiền của tiêu hao,
Khắp trong thiên hạ, nơi nào cũng lo;
Trước thời sự tướng Tư So ⁽⁴⁾
Trận sau Cử Phú, lại còn lo quận Vòng;
Sơn Tây, Hà Nội dùng đoàng,
Quan quân đã bỏ giáp mà Tây còn ở xa;
Tiểu nhi cho chí đàn bà,

⁽¹⁾ Tức Vĩnh Yên.

⁽²⁾ Nhơ nhờn: vênh vang, huyênh hoang.

⁽³⁾ Trợn trượng: rục rịch, trốn chạy.

⁽⁴⁾ Tư So: thủ lĩnh nghĩa quân Tây Sơn; Cử Phú, Quận Vòng cũng vậy

Tìm phương nường nấu cho qua nạn này.
Cử Phú làm đại quan nay,
Cờ rong, quân kéo ai rầy dấm đương;
Cao Giang khu ấy bốn làng,
Ví mà không chịu, tan hoang hơn rầy;
Quan Bá người đất Hà Tây,
Cờ bay súng phạt nổ ngay trận tiền;
Trận này thắng nữa là ba,
Trước Đông, đến Sứ, sau ra đập Thây;
Ngón ngang những xác cùng thây,
Chém đầu đem nạp bọn Tây lấy tiền ⁽¹⁾
Từ đấy dân xã tạm yên,
Lại về cấy cấy, mở liền chợ Giang;
Trâu bò gà lợn sẵn sàng,
Trong thời hợp chợ, quan bang đóng ngoài;
Phủ trong có nữ tướng tài ⁽²⁾
Làm cho tan của hao người như không;
Đập dinh cờ mở trống rong,
Làm cho mấy kẻ anh hùng biết tay;
Kể từ Nhâm Tuất (1862) đến nay,
Vợ Cai Vàng một, gái này là hai;
Có một quan Ba làng ngoài,
Vào chơi một trận, chém rời hai tên;
Đông quân thúc đánh trận tiền,
Cờ rong súng nạp, người liền ra tay;

⁽¹⁾ Có người đọc là: Quan Tây thưởng tiền.

⁽²⁾ Có lẽ là bà Nhu (vợ Tư - So)

Lại vừa năm Giáp Thân (1884) nay,
Trông ra thấy những đèn Tây lạ lòng.
Trận này Tây lấy đồn Hưng ⁽¹⁾
Hoàng Nhị, Lưu Vĩnh, ông Khâm biết tay;
Tỉnh Hưng suốt đến ngày rày,
Tây qua quan tỉnh theo ngay đồn Vàng;
Lại còn tỉnh mới Cao Bằng,
Tuyên Quang, Hưng Hoá cũng xong trận này;
Thép kia đem luyện làm dầy,
Tre gậy mỗi xã mấy trăm cây chặn đường;
Đồn Vàng cho đến sông Thương,
Tre chông, dây kéo nghênh ngang giữa trời !
Ai mà đi mộ theo Tây,
Làm đầu phu nhận tiền rày hoa viên ⁽²⁾
Mỗi tháng là tám đồng tiền,
Ăn hai, thuê sáu mấy nghìn cũng xong.
Xong rồi vào lấy tỉnh Thanh,
Quan Triệu sợ hãi đến xưng danh giac hoà;
Tỉnh nào quân lại đổ ra,
Nơi nào Nam quốc, mã từ, quân Tây?
Chúng dân lo sự ngày rày
Trông ơn vương pháp sự này biết đâu?
Khó nay càng giữ lấy đầu,
Giàu này trốn tránh thương âu gia tài.

⁽¹⁾ Tức Hưng Hoá.

⁽²⁾ Tức đồng bạc hoa xoè do bọn Tây đúc khi mới sang.

8. VỀ CỤ ĐỀ THÁM

Kể từ Tự Đức một khi,
Làm vua trị vì tam thập lục niên ⁽¹⁾.
Tỉnh thành thất thủ mấy phen,
Khen ai xây dựng mới nên cơ đồ.
Sang ông Thành Thái ⁽²⁾ đến giờ,
Hao binh tổn tướng biết cơ nhường nào. .
Lòng trời vận chuyển làm sao,
Để cho dân sự lao đao nhục nhằn ⁽³⁾ !
Đoạn rồi lại đến Duy Tân ⁽⁴⁾,
Cũng mong sao được muôn dân Thái hoà.
Bấy giờ đến năm thứ ba ⁽⁵⁾,
Có ông Đề Thám ra hoà đã lâu,
Người Tây xảo quyết mưu sâu ⁽⁶⁾
Người mình diệt hết đề đầu cũng yên rồi.
Quay về cụ Thám mà thôi ⁽⁷⁾

⁽¹⁾ Tự Đức làm vua được ba mươi sáu năm (từ 1847 - 1883).

⁽²⁾ Thành Thái làm vua từ 1889 đến 1907.

⁽³⁾ Có người đọc: lao đao mấy lần.

⁽⁴⁾ Duy Tân làm vua từ 1907 đến 1916 thì nổi lên chống Pháp.

⁽⁵⁾ Tức năm 1919, năm cuối của thời kỳ đình chiến với Pháp lần thứ hai của Cụ Thám.

⁽⁶⁾ Có người đọc: Quan Tây nghị định mưu sâu.

⁽⁷⁾ Có người đọc: Chỉ còn có đấy mà thôi.

Mưu mô tính kế đẹp thời sao yên ⁽¹⁾
Đã nhiều tổn hại binh quyền,
Nay đem quân lính đẹp yên mới đành ⁽²⁾.
Nào là khố đỏ khố xanh,
Giấy quan sức khắp ⁽³⁾ tỉnh thành thiếu đâu;
Nói là đi đánh giặc Tàu,
Ai ngờ nhà nước mưu sâu đánh lừa ⁽⁴⁾;
Thật thà nên chẳng ai ngờ ⁽⁵⁾
Tây đem đánh cụ bao giờ không hay.
Lính ta với cả lính tây,
Quan hai, quan một, theo rày quan ba.
Nói rằng vâng lệnh quốc gia ⁽⁶⁾,
Tháng giêng mỏng tám kéo ra đánh đồn ⁽⁷⁾;
Quan năm đứng xếp câu - lớn ⁽⁸⁾
Giấy cho trước hết ba đồn khố xanh.
Đánh vào dinh trước tiên binh,
Thử xem quân cụ binh tình ra sao.
May mà thua được thế nào,
Bấy giờ hãy tính tiếp vào tới nơi.
Lệnh quan ai dám cưỡng lời?
Dẫu rằng sinh tử việc chơi đó mà!
Sớm ngày mỏng tám tỉnh mơ,

⁽¹⁾ Có người đọc: Cho nên nhà nước ngậm ngùi chưa yên.

⁽²⁾ Có người đọc: Mong sao đẹp được cho yên mới đành.

⁽³⁾ Sức truyền: Truyền đi khắp. Có người hát: chạy khắp

⁽⁴⁾ Nhà nước chỉ chính phủ thực dân Pháp.

⁽⁵⁾ Có người đọc: vô tình nào có ai ngờ.

⁽⁶⁾ Có người đọc: cùng nhau vâng lệnh.

⁽⁷⁾ Tức ngày 29/9/1909 dương lịch.

⁽⁸⁾ Do tiếng Pháp chef colone: đứng đầu hàng lính - chỉ huy.

Cao thượng, Bó Hạ, tới vô đồn điền ⁽¹⁾;
 Nhã Nam sắp sửa binh quyền,
 Vào qua Luộc giới, đánh đồn cả Dinh ⁽²⁾ !
 Quân Tây súng bắn dập dinh,
 Súng nổ ỳnh ỳnh, nhưng chẳng làm sao!
 Bà Ba khi ấy mới vào ⁽³⁾,
 Thưa xin lĩnh lấy binh đao phen này.
 Đánh cho quân chúng tan tành ⁽⁴⁾,
 Nhược bằng có thác tôi nay cũng đành ⁽⁵⁾!
 Ngoài kia súng vẫn dùng doanh,
 Ông Hoàng không biết tình hình làm sao?
 Ta hoà nhà nước đã lâu,
 Đánh sao không báo cho nhau thế này?
 Sai người thủ hạ đi ngay,
 Cuối ngựa cầm giấy phóng rày Nhã Nam.
 Nom xem là thực hay man,
 Ông Đại thu giấy bắt giam thành lĩnh ⁽⁶⁾!
 Cả Dinh, cả Trọng, cả Huỳnh,
 Nghe cụ Hoàng bảo tình hình lại gắng!
 Rằng Tây đã đánh đồn Vàng,
 Mời ba con đến luận bàn việc binh.
 Cả Dinh, cả Trọng, Cả Huỳnh,
 Ba người kêu hết sự tình với quan.

⁽¹⁾ Tên một số làng thuộc Yên Thế (Bắc Giang) nơi đóng quân của cụ Đề Thám.
 Đồn điền chỉ đồn Phồn Xương.

⁽²⁾ Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh đều là con trai cụ Đề Thám.

⁽³⁾ Tức bà Ba Cẩn, vợ ba cụ Đề Thám.

⁽⁴⁾ Có người đọc: May mà thắng được thì hay.

⁽⁵⁾ Có người đọc: Nhược bằng sinh tử.

⁽⁶⁾ Tức là tên Đại lý Pháp đóng ở Nhã Nam bấy giờ.

Đồng thanh quyết cũng thì gan,
Ra tay địch với Tây quan một kỳ.
Tử sinh nào có quản chi,
Thân này dầu thác đến nghì nước non.
Bàn nhau tính liệu lo toan,
Xin cha cho đánh Tây quan phen này⁽¹⁾
Bà Ba nghe vậy mừng thay⁽²⁾
Quần trần, áo chít mặc ngay vào mình.
Trèo lên đứng đỉnh mặt thành,
Gọi lên: "Khố đỏ, khố xanh đâu là,
Các anh thời hãy nghe ta,
Ta đây chính thực vợ ba quan Hoàng.
Những mong khôi phục Nam bang,
Các anh cũng ở Nam bang đó mà!
Cớ gì kéo đến đánh ta?
Biết điều thì rút quân ngay chớ chầy.
Để ta sống mái với Tây⁽³⁾,
Cho chúng nó biết anh tài nước Nam⁽⁴⁾!"
Khố xanh khố đỏ kinh hoàng,
Xôn xoa bàn tán râm ran trong ngoài.
Quan trên thấy vậy một hai,
Thải hồi bắt giữ những ai nao lòng.

⁽¹⁾ Đoạn này có người đọc là: Cùng nhau thi sức thi gan,
Rồi ra có đến tan lành ra gio;
Dầu mà lại luy đến ta,
Quần tây ta đánh cho mà biết tay.

⁽²⁾ Có người đọc: Bà Ba khi ấy mới hay.

⁽³⁾ Có người đọc: Để ta đối địch.

⁽⁴⁾ Có người đọc: Cho chúng nó biết rằng tay đại tài.

Chấn chỉnh cơ ngũ vừa xong,
 Tiến hô hậu hét xung phong ào ào ⁽¹⁾
 Buộc lòng lính phải đánh vào,
 Gọi mau ra thú quan trào ngài Tây.
 Nhược bằng dễ phải ra tay,
 Hổ quan vào phá đồn này không lâu ⁽²⁾ !
 Hãy còn đương nói nhì nhau,
 Bỗng đầu quân Cụ từ sau đánh vào,
 Đì dưng súng bắn như mưa rào,
 Bà Ba khi ấy anh hào ra tay!
 Bắn chết ngay bốn thằng Tây,
 Dăm thằng đội bốn thốt rày ngã ra.
 Lính sợ vội vã thốc ra,
 Quân Cụ dặc thế đuổi qua chùa Lèo ⁽³⁾;
 Tây thời chẳng biết làm sao,
 Bảo nhau vội vã ào ào chạy ra,
 Lính thì bắn phải quyền già,
 Chết trong quân loạn khôn ra được ngoài.
 Quân Tây mỗi đưả mỗi nơi,
 Riêng quan Đại lý bồi hồi lá gan.

⁽¹⁾ Có người đọc: Lính thời ở phục bên ngoài, Bỗng nghe tiếng nói trái tai lạ lùng.

⁽²⁾ Có người đọc: Cùng nhau súng bắn đi dưng,
 Đem đầu ra thú quan trào ngài Tây
 Nhược bằng không thú quan Tây,
 Đem quân vào lấy đồn này không lâu.

⁽³⁾ Đoàn này có bắn chếp là:
 Cùng nhau súng bắn đi dưng,
 Bà Ba khi ấy thì hùng ra tay.
 Bắn ra chết bốn thằng Tây,
 Mấy thằng đội bốn, lính rày ngã ra.
 Cho nên lính phải ngã ra,
 Bà Ba dặc thế đuổi qua chùa Lèo.

Lính đầu trốn hết chạy tràn,
Lính Tây cũng sợ bàng hoàng thất kinh !
Cuối cùng quan cũng chạy rình,
Ba chân bốn cẳng thoát lấy mình hầy hay!
Quân trào trận ấy thua cay,
Quân Cụ toàn thắng mừng nay chẳng là ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Đoạn đầu có bản ghi khác nhiều, lại trên tinh thần không giống với toàn bài nên không khảo dị vào đây. Bạn nào muốn biết xin xem quyển Hoàng Hoa Thám với phong trào nông dân Yên Thế của NXB Văn hoá 1958, trang 188.

9. BÃO NĂM TỶ

Nguyễn triều Thành Thái một khi,
Bước lên trị vì mười tám năm nay.
Giữa năm Ất Tỵ khổ thay ⁽¹⁾,
Ba mươi tháng tám bão nổi ngay giờ dần ⁽²⁾.
Tưởng rằng gió bắc mưa dầm,
Ai ngờ nổi trận âm âm phong ba.
Làm cho đổ cửa đổ nhà,
Trâu bò thóc lúa lợn gà chơ vơ.
Lấy ai nương tựa mà nhờ,
Mẹ già đầu bạc con thơ thế này.
Bắc rồi lại kéo sang tây ⁽³⁾,
Cơn Đông chưa hết lại bày cơn Nam.
Bao nhiêu mít, dưa, bưởi, cam.
Chè thang, chân chuối, cau nang chẳng còn ⁽⁴⁾
Phù sa sóng dồ như son,
Chùa kia sóng vỗ, tường còn hay trôi?
Kẻ thì lên núi ở đồi,

⁽¹⁾ Năm Tỵ có lẽ là trận bão năm 1905, khác với trận bão năm Tân Tỵ (1881) có nói trong bài Bắc tỉnh ca.

⁽²⁾ Giờ dần: khoảng 5 giờ sáng.

⁽³⁾ Ý nói hết gió bắc rồi đến gió tây.

⁽⁴⁾ Những tiếng thang, chân, nang không có nghĩa riêng, là những từ lặp biến văn theo liền từ chính (trước hoặc sau nó).

Kẻ thì làm túp ⁽¹⁾ giữa trời nương thân.
Chiếu trời áo mát, cời trần,
Bụng đói cật rét, khổ thân thế mà.
Trình ông với lại trình bà,
Ông bà nghĩ lại cho qua lúc này.
Bán từ cối đâm ⁽²⁾ cho chí cối xay,
Phong lưu đâu thấy, ăn mày như không.
Nộp thêm cái thuế vụ đông ⁽³⁾
Cầm trâu, cầm ruộng, cầm công, cầm chiêm.
Được một cái thế đã yên,
Lại lo thóc giống vụ chiêm bây giờ!
Lắm người lo ngắn lo ngơ,
Đường nào cũng rấp ⁽⁴⁾ biết nhờ vào đâu?
Đường như lửa chất thêm dầu,
Ngoài tươi trong héo như diều đứt giây,
Nghĩ thân cực khổ làm vậy,
Chẳng thà chết quách thân này cho xong.
Không còn lo lắng bận lòng,
Sưu cao thuế nặng chớ hồng ở ta.
Ngắm cái thân ta cực khổ chẳng là!

⁽¹⁾ Túp: Nhà thấp nhỏ dựng tạm, còn gọi là lều.

⁽²⁾ Cối đâm: Cối nhỏ bằng đá hoặc bằng đất nung già, dùng để giã cua hay giã đậu.

⁽³⁾ Thuế vụ mùa

⁽⁴⁾ Ý nói không còn đường nào sinh sống làm ăn.

10. CHỢ ĐỒNG XUÂN

Hà Nội như động tiên sa,
Sáu giờ tắt hết đèn xa đèn gần.
Vui nhất có chợ Đồng Xuân,
Mùa nào thức ấy, xa gần đến mua.
Cổng giữa có chị hàng dừa
Hàng cau, hàng quít, hàng dưa hàng hồng.
Ai ơi đứng lại mà trông,
Hàng vóc hàng nhiều thông dong rườm rà.
Ngoài chợ có chị hàng hoa,
Có người đổi bạc đi ra đi vào.
Nào hàng bún nấu bán rao,
Nào hàng kẹo đạn, phở xào, ngô bung,
Lại thêm bánh rán kẹo vừng,
Rau dưa đủ cả chè thang chả giò.
Ồ ào chuyện nhỏ chuyện to,
Lú lo chú khách bánh bò bán rao.
Xăm xăm ta bước chân vào,
Hàng tôm hàng cá xôn xao nhiều bề.
Giữa chợ có chị hàng lê,
Quang quác hàng vịt, say mê hàng gà.
Nút nở là chị hàng na,
Chua chất hàng khế, ngọt ra hàng đường.

Thơm tho là chị hàng hương,
Tanh ngắt hàng cá, phô trương hàng vàng.
Lôi thôi như chị hàng giang,
Vừa đan vừa bán cả sàng lẫn nia.
Trẻ môi như chị hàng thìa,
Hàng bán bát đĩa phân chia đàn hoàng.
Lồng công như chị hàng thùng,
Thượng vàng hạ cám đủ cùng thiếu chi.
Cài hoa, cài bắp, cài thìa,
Thơm, mùi, húng láng, thức gì cũng bán mua.
Hay cấp như chị hàng cua,
Nhảy nhót hàng ếch ai mua được rày!
Có người bán dép bán giày,
Có người cạo mặt, ngoáy tai đồng đây.
Có người xem tướng, xem tay,
Châu văn đông bóng ộp ngay tức thời,
Thôi thì đủ thứ đủ người,
Ồn ào nhộn nhịp, nói cười chen vai.
Có anh bán thuốc cũng hay,
Mồm rao liến lấu, bệnh khỏi ngay tức thì,
Lại những kẻ cấp như rươi,
Hờ cơ chốc lát, tiền ôi mất rồi!
Dậm chân xuống đất kêu trời!
Cú-lít có đến cũng thôi đi đời ⁽¹⁾.
Tối đến đuổi chợ, mình ơi!
Vừa năm giờ rưỡi, hết người bán mua.

⁽¹⁾ Do phát âm trệch tiếng pháp Police tức cảnh sát

11. VUI NHẤT HÀ THÀNH

Bắc kỳ vui nhất Hà Thành
Phố phường sấm uất, văn minh rợp trời.
Thanh tao lịch sự đủ mùi,
Cao lâu rạp hát vui chơi đủ đầy.
Đâu đâu khắp hết đông tây,
Thăng Long thắng địa, xưa nay tiếng đồn.
Cũ thời băm sáu phố phường,
Ngày nay mở rộng đến hàng vài trăm.
Người đi xe chạy âm âm,
Đua chen thương mại bội phần hơn xưa.
Nhất vui là cảnh Bờ Hồ,
Hàng Đào, hàng Bạc, hàng Bồ, hàng Ngang.
Mã Mây, phố Mới, hàng Vàng,
Đồng Xuân, hàng Giấy, hàng Buồm vui thay.
Bán buôn tấp nập đêm ngày,
Ô tô đi lại như bay ngoài đường.
Đua chen trong chốn thị trường,
Hiệu buôn khách bán cửa hàng người Nam.
Bày ra đủ các thức hàng,
Hàng Tây, hàng Nhật với hàng Trung Hoa.
Lại hàng nội hoá đủ là,
Ngày rày xuất cảng, kể đà hơn xưa.
Ấy là kẻ những phố to.

Còn như hàng Quạt, hàng Lờ, hàng Da.
Cửa Nam, hàng Lọng, phố Ga,
Hà Trung, Ngõ Trăm, hàng Gà, cửa Đông.
Hàng Cân, hàng Cót, hàng Đồng,
Hàng Men, hàng Bát, hàng Bông, hàng Bài.
Hàng Cau, hàng Bột, hàng Khoai,
Hàng Nâu, hàng Trứng, hàng Gai, hàng Mành.
Hàng Tre, hàng Sũ, hàng Hành,
Phúc Châu, cầu Gỗ, Bắc Ninh, hàng Hòm.
Mới đà kể hết phố con,
Của người bản xứ bán buôn nay rày.
Còn như đường lớn phố Tây,
Tràng Tiền, Đồng Khánh, hàng Khay, nhà Thờ.
Nhất vui là hiệu Gô đa,
Ra vào nhộn nhịp ai mà chẳng hay!
Tràng Tiền có rạp hát Tây,
Bên kia Đồn Thủy, bên này Nhà Đoan.
Vườn hoa Con Cóc trông sang,
Là dinh Thống sứ Xâm càng tránh xa,
Tượng Tây đứng giữa vườn hoa,
Bên này Đốc - Lý trông ra bờ hồ.
Kể cả phố xá bây giờ,
Phồn hoa đệ nhất kinh đô Bắc kỳ.
Văn minh đèn điện sáng loè,
Thông thương kỹ nghệ mọi nghề chấn hưng.
Chỉ cánh áo ngấn khốn cùng,
Làm lưng suốt tháng vẫn không đủ dùng.
Bữa cơm bữa cháo nhạt nhùng,
Thời đành nheo nhóc bọc dùm lấy nhau!

12. TRƯƠNG CHI

Ngày xưa có anh Trương Chi,
Người thì thậm xấu, hát thì thậm hay.
Cô Mị nương vốn ở lầu tây,
Con quan Tể tướng ngày rày cấm cung ⁽¹⁾.
Anh Trương Chi chèo lái dưới sông,
Chờ dò ngang dọc, suốt đêm đông dãi dẫu.
Canh trường anh hát lên câu,
Gió đưa phảng phất tới lầu Mị nương;
Vẳng nghe tiếng hát càng thương,
Lòng riêng xao xuyến vấn vương người hò.
Kém giấc ngủ bữa đói bữa no,
Ông bà Tể tướng những lo đêm ngày.
Cho người tìm tới ông thầy,
Ông thầy bắt mạch, đoán ngay một lời.
"Bệnh này mê luyến sự đời,
Tương tư là bệnh nhớ người nào đây.
Muốn cho bệnh khỏi chóng ngay,
Thời ra ngoài bến rĩ tai anh lái dò.
Nhờ anh vào sắc thuốc hộ cho,
Chỉ trong một chén, bệnh hồ lại yên".

⁽¹⁾ Cấm cung: không cho ra khỏi buồng riêng.

Trương Chi được gọi đi liền,
Anh ngồi sắc thuốc ở bên cạnh lầu.
Ngồi buồn mới hát một câu,
Mị nương nghe tiếng, giải tâm sầu như không.
Bao nhiêu bệnh tật đổ tất cả xuống sông.
Vàng mười hai nén, đền công nghĩa thầy,
Mị nương trông thấy chàng rày,
Chê chàng xấu mặt, dứt ngay mối tình.

Cũng từ trông thấy người xinh,
Lòng riêng vương vấn, rối tình mối sầu.
Nào nùng anh hát một câu,
Oán than đến nổi mây rầu, nước đau.
Kiếp này dang dở nhịp cầu,
Đành chờ kiếp khác rửa sầu cho nhau.
Trương Chi vừa hát dứt câu,
Cầm sào để đó, đâm đầu xuống sông.

Trời thương đến kẻ có lòng,
Xác trôi mặt nước, hồn nhập vào trong cây gỗ bạch đàn.
Đến sau Tế tướng thăng quan,
Mua được cây gỗ bạch đàn quý thay.
Đem về để đã lâu ngày,
Thuê ngay thợ tiện khắc ngay bàn trà ⁽¹⁾.
Cha con ở chốn lầu hoa,
Đêm đêm quạt nước pha trà uống chơi.

⁽¹⁾ Bộ bàn trà: bộ ấm chén uống trà.

Không bung chén nước thời thời,
Hễ bung lấy chén, thấy người hò khoan!
Mì nường trông thấy bàng hoàng,
Rơi hai hạt lệ, vỡ tan chén trà!

Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tính mang xuống tuyến dài chưa tan.
Chờ cho thấy khách hồng nhan,
Hàng châu rơi xuống mới tan khối tình.

13. KỂ CÁ

Cá khôn cá ở lạch sâu,
Chim vàng, vạng trắng ⁽¹⁾ ở đầu lạch Dương ⁽²⁾
Cá mè thì ở sông Tương,
Cá rô cá diếc ở thường đồng ta.
Cá trê cá chuối đủ mà,
Ao rong, đầm rạ ⁽³⁾ lượn ra lượn vào.
Bây giờ gặp khách má đào,
Lòng anh muốn kết tương giao một nhà.
Gặp em anh mới kể ra,
Cá người nước mặn ở đà biển Nam.
Cá thu, cá đế, cá chim,
Cá ớt, cá rần ⁽⁴⁾ hòm mình khoe khoang.
Ra điều nhà ngói cao sang,
Song, thu, nhự, vược thì ở cồn Ngang, cồn Chờ.
Cá nanh bơi lượn nhón nhơ.
Cá nục cá đối đợi chờ cá mai.
Cá son, cá ruồi cũng tài,
Cá nhám rộng miệng khoe bài vảy cao ⁽⁵⁾
Lại kìa con cá đuôi sao.

⁽¹⁾⁽⁴⁾, Chim, vạng, ớt, rần... tên các loài cá nước mặn.

⁽²⁾ Bài này do nghệ nhân ở Hải Dương hát. Chúng tôi chưa tìm được lạch Dương, cồn Ngang, cồn Chờ... ở đâu.

⁽³⁾ Ao mọc rong, đầm cấy lúa đã gặt chỉ còn gốc rạ.

⁽⁵⁾ Cá nhám miệng rất rộng, vảy cao bằng thân mình.

Vung va vung vẩy, bơi vào lượn ra.
Cá cương nó quấy những là,
Cá he ngậm nước phun mưa ròng ròng.
Lại như cá mợ cá ông,
Đang từ cửa Lục bơi vòng sang Vân ⁽¹⁾
Đồn rằng miếu Cát cá thần ⁽²⁾
Chầu bà chúa Liễu lần khân đêm ngày.
Tưởng là miếu Cát thiêng thay,
Ngờ đâu cá nác nó rà biết đi.
Trông ra chẳng thiếu cá chi,
Cá gấu, cá rốn người thì sợ kinh.
Cá nót phong nhã hữu tình,
Cá rang cá cuộng, hỏi mình có hay.
Rau kia sao ở lạch này,
Bống bơn về rày sao ở biển Đông?
Cá nác răng tựa nhơn lông,
Cá nhếch ở chỗ sâu chùng làm sao!
Cá ghim cá mối ở cao,
Cá cây làm tổ ai nào thấy đâu?
Kìa như cá trích cá dẫu,
Cá hồng cá dớp biết đâu tìm vào ?
Tiện đây gặp khách má đào,
Vạy nên anh kể thấp cao đôi lời.
Nên chăng duyên nợ nàng ơi!

⁽¹⁾ Có lẽ là cửa Lục đầu và bến Vân ở Phả Lại (?)

⁽²⁾ Miếu Cát: miếu thờ bà chúa Liễu ở Phố Cát, Đại đồng, thuộc tỉnh Thanh Hoà, có dòng suối chảy qua đây cá. Trước đây có người phao tin đồn là cá thần, ai bắt sẽ bị bà chúa vật chết. Truyện đồn này có lẽ để giữ cá cho đẹp, để phòng bị câu bắt trộm.

14. CÁ HOÁ RỒNG

Móng bốn tháng tư, cá di ăn thể,
Móng bảy cá về, cá vượt Vũ Môn.
Gần xa nô nức tiếng đồn,
Rủ nhau đi vượt Vũ Môn hoá rồng.
Cá chầy, cá rỏi đồng lòng,
Ai ngờ thi chẳng thành công khoa này.
Khóc hai con mắt đỏ gay,
Đến nay tiếng cá rỏi, cá chầy còn ghi.

Liên sau anh trăm cũng đi,
Vũ môn qua vượt, vậy thì ghi danh.
Thốt thôi công cũng chẳng thành,
Vì trăm lần mình, không nhảy được cao.

Trăm ra quả, sộp lại vào,
Vừa chợt trông thấy sóng trào đã kinh.
Quả sộp tuy có ý tình,
Nhưng hiểm một nổi chữ tình dở dương.
Ví dù quả sộp hoá long,
Hỏi rằng đàn trẻ rồng rồng ai nuôi?

Tiến sau một bọn cá trời.
So ra chả được mấy hơi sức nào?
Buồn cười họ cá trê vào,
Thấy chung quanh ý ới, cũng muốn nhảy cao hoá rồng.

Cá rô, các diếc, thồn bơn,
Đành thân ở chốn ao chuôm nương mình,
Cá măng cũng mực tinh ranh,
Nhờn nhơ thông thả, kiếm ăn quanh nhà.

Buồn cười nhất họ trạch hoa,
A dua tong tả chui ra chui vào.
Vũ Môn ba lượt sóng đào,
Mè vừa chui vào, đã sục nước mùi tanh.
Rồng là cao cả anh linh,
Có đâu lại để mè ranh hoá rồng?

Đàng hoàng bước tới sau cùng,
Là cá Anh vũ ⁽¹⁾ hiên ngang ai bì?
Lấy trăm thứ cá mà suy,
Cá nào cũng phải nể vì cá ông.
Xét kỹ mới biết cá chép có công,
Chịu thương chịu khó mới thành rồng như nay!

Cá chép ta đủ tài phong nguyệt,
Tiết Trung thu là tiết chơi trăng.
Ao sen cá lội tung tăng,
Đêm khuya một cá, một trăng vẩy vùng ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Cá anh vũ, cá ông; cá chép.

⁽²⁾ Do tích cũ "cá chép hoá rồng" rất truyền tụng trong dân gian ta qua truyện cổ tích và tranh vẽ Lý ngư vọng nguyệt.

15. KỂ HOA

Trống xem trăm thức cỏ hoa,
Hoa nào là chẳng đậm đà về xuân.
Khuyên mời các vị hoa thân,
Rẽ mây mà xuống mừng xuân đua tài.
Đầu non vài điểm hoa mai,
Cả hương hoa mộc trắng dài hương xuân.
Hoa lan nức cửa thiên quân,
Hoa sen thơm thấu chín lần từ tôn.
Hoa quì hướng vọng thiên môn,
Hoa Hồng giải tỏ tấm son hiệu thành.
Hoa ông bọt lòng lành phổ tế,
Hoa Tử vi giáng thế diên linh;
Tường vi hoa nhiều quanh thành,
Cát tường hoa hiện điểm lành trường sinh.
Dương tính tình chồi hoa thực được,
Hoa sơn trà cũng trạc thanh tao;
Mẫu đơn hoa bạc phú hào,
Xuyến châu hoa nở ngạt ngào thanh thao.
Phù dung bén sợi chỉ diều,
Mà mà mần măn dập dìu trời xuân.

Kìa kìa hoa cúc trước sân,
Tuy rằng vẫn tiết có phần ngạo sương.
Đỏ tươi kìa đoá hải đường,
Trắng thu kẻ bóng nghề thường hoa lẻ.
Đôi bên kim phượng đứng kề,
Kề quan hạc đỉnh trước hè nghiêm trang.
Hoa cam hoa quít nhẹ hương,
Tìm hoa thiên lí đậm trường kết thân.
Hoa bách nhật thay lần châu chực,
Hoa diên điển một mực thảo ngay;
Nữ trinh trong trắng ai tẩy,
Tâm xuân hoa nở tháng ngày tiêu dao.
Tuế sơ dương trạch anh đào,
Để hoa bướm bướm len vào vườn xuân.
San hô chu bảo không ngăn,
Đồng nam đồng nữ Tấn Tấn đẹp đôi.
Hoa thủy tiên từ trời giáng hạ,
Thoát cảm hoa vẻ lạ muôn phần;
Quế hoa cung cấm mấy lần,
Hạnh hoa nương chốn vườn xuân nấu mình.

Này hoa dạ hợp cũng thanh,
Yêu vì một nỗi năm canh thơm nồng.
Hoa già hoa pháp một lòng,
Thú quê lẫn khuất miễn lòng nông gia.
Mật hoa đậu ván kia là,
Cứ như dặng giọt như mà giận ai.
Thoảng thơm kìa giống hoa nhài,
Tuy thân chẳng chuộng nhưng người lại ưa.

Hoa đầu có giống hững hờ,
Hoa trang hoa sủng lững lờ dưới ao.
Li ti ấy giống hoa lau,
Cúc tần thử hỏi kém đầu cúc vàng?
Thơm xộc mũi vị hương hoa cải,
Hoa tiểu hồi kinh giới được y,
Hoa bầu hoa bí thơm gì,
Ông kia cũng lúc yêu vì ngân ngơ!
Lại còn mấy giống hoa dưa,
Dưa gang dưa chuột quen ưa dãi dăng!
Này hoa đơn quế cung trăng,
Sớm khuya vẫn cây chị Hằng hái cho.

Hoa bướm đệ nhất thơm tho,
Có phải hoa huệ mấy giò trước sân?
Móng rồng mây cách mấy lần,
Tranh thi dám xuống theo chân chị Hằng.
Kì lân hoa nọ thô đẳng,
Ai hay linh vật lạc chùng thôn trang.
Phượng tiên hoa cũng khác thường,
Kìa hoa phật thủ mười phương xung hiến.
Này lời thế tục còn truyền,
Hoa sung thì dầu có tiền khó mua.
Hoa mộc bé mọn thơm tho,
Sao bằng bách hợp tên hoà trăm hoa!
Trơ hoa nhãn, lảng hoa na,
Sắc tài thời cũng kể là như không.
Sao bằng vận đỏ hoa vông,
Hoa thông hoa gạo một lòng từ bi.

Chua ngoa hoa quất hồng bì,
Kia như hoa ổi nghe thì ương ương.
Hoa gia thơm ngát vị hương,
Hoa lựu phun lửa bên tường sáng trưng.

Lăng tiếu hoa mọc lưng chừng,
Từ tiêu cũng nở ngát lòng khinh không.
Lại còn hoa thị hoa bông,
Lấy tích Thục Đế là dòng đồ quyền.
Hoa chanh hoa bưởi hoa hiên,
Sắc hương nghe cũng có tên trong đời.
Hoa cau vốn sẵn hương trời,
Cùng hoa cẩm chướng hoa roi hoa giành.
Nọ hoa dừa thấy cũng xinh,
Rủ hoa cón tía mãn đình hồng sang;
Hoa hòe hoa khế hoa dương,
Hoa xoan hoa xuyên sắc hương kém gì?
Hoa cần hoa nghệ tranh thi,
Để hoa kim quất yêu vì linh quang.
Hoa đèn báo hiệu tin mừng,
Cắm cù hoa nọ hiến dâng quả cầu.
Lạ thay mấy cánh hoa trầu,
Bồ đào nguyệt quý đua nhau nở cùng.
Trăm hoa tôi kể đã xong,
Riêng hoa vạn thọ chúc đồng bà con ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bài này có những câu gần giống bài Bách hoa văn của Hầu Bồng. Nhiều loại hoa chúng tôi có hỏi một số Bà Đổng, Thầy-Cùng, tuy cùng đọc đúng tên nhưng họ đều nói không rõ là hoa gì. Hoặc giả **hoa già**, **hoa pháp** là để nói các già (vãi) và tam pháp bảo của nhà Phật?

16. SỰ TÍCH HOA SEN

Truyện xưa tích cũ không nhầm,
Nhớ câu phụ tử tình thâm ⁽¹⁾ còn truyền.
Có anh tên Phạm Ngọc Liên,
Ăn về Giang Khẩu, thuộc miền Lâm tri.
Nhân duyên đã định một khi,
Sớm sinh ra một nam nhi ấu trùng ⁽²⁾.
Vốn nhà tích thiện lương trung ⁽³⁾
Số anh chưa tận mệnh cùng mới ghé.
Anh đi buôn lượm bán the,
Thực mục sở thi ⁽⁴⁾ không hề đơn sai.
Ở hiền không gặp được thiện lai ⁽⁵⁾,
Trời nào lại độ cho người ác tâm?

Ngọc Liên cất gánh hôm rằm,
Sang huyện Phù Dực, làng Vân, Đồng Phù.
Gặp Trương Văn Xã vũ phu,
Vốn người bạo ngược theo đồ gian ngoa.
Gọi anh hàng tẩm vào nhà,
Khác nào đem lợn làm quà hổ lang.

⁽¹⁾ Nghĩa là tình cha con sâu nặng.

⁽²⁾ Tức câu con trai nhỏ.

⁽³⁾ Nghĩa là chuyên đi làm điều thiện, thật thà

⁽⁴⁾ Nghĩa là chính mắt trông thấy.

⁽⁵⁾ Thiện lai: việc tốt đến.

Thấy của người lòng muốn dụ tham,
Anh ta liền bắt chước chàng Hồ nghi⁽¹⁾
Góm ghè thay kẻ vô nghi,
Giết anh hàng tẩm, nghi chi hình hài.
Bốn bề vắng vẻ không ai?
Đem thầy đào táng ở ngoài hiên sau.

Vợ anh Liên nào có biết chồng ở đâu?
Tư khi chồng đi vắng, dạ sầu không yên.
Chữ rằng oan khí tương truyền,
Trời xui mọc cái củ sen trên hồ.
Thật anh oan ức cùng đồ,
Gốc sen từ đáy mọc ra ao đình.
Lạ sao cây có một cành,
Củ non lại nở ra thành hoa sen.
Dân làng thấy sự lạ nhiên,
Mở lên một hội "Kỳ liên bình hồ"⁽²⁾
Tiếng đồn khắp cả thành đô,
Các quan cũng đến, nhà Vua cũng về.

Dập dìu ngựa ngựa xe xe,
Ngọc Liên nay đã đến kỳ tẩy oan.
Đem về báo mộng vợ chàng,
Sớm mai công bế con sang Văn Đình.
Vợ chàng đâu biết câu chuyện từ sinh,
Thấy chồng báo mộng, thật tình bế con sang.

⁽¹⁾ Nhân vật phản diện trong truyện nôm Phương Hoa.

⁽²⁾ Nghĩa là mở hội "sen lạ trên hồ".

Hội vui ca xướng nhịp nhàng,
Dạ những bàng hoàng, vợ chả thiết xem!
Bế con, lòng những ưu phiền,
Con nhỏ đòi xuống hái hoa sen giữa hồ.
Nhà vua thấy trẻ đòi chơi,
Cho phép trẻ ngồi, thuyền chờ nó ra.
Tới gần trẻ với tay ra,
Bóng sen phút chốc cánh hoa rũ tàn!

Vua quan thấy chuyện lạ lùng,
Truyền dân đình hội ⁽¹⁾ hỏi mẹ con nàng tâu nghe.
Chị tâu chồng tôi buồn lướt bán the,
Từ khi đi vắng chẳng hề thấy tăm hơi.
Đêm qua về báo mộng cho tôi,
Sớm mai phải bế con sang chơi Văn Đình.
Có ngờ đâu chuyện tử sinh ⁽²⁾,
Thấy mộng thức tỉnh, vội bế con sang.
Từ vua cho đến các quan,
Ngay cả dân làng, bàn bạc nhỏ to;
Ráp tằm tất cạn cái hồ,
Để xem di tích cây sen to thế nào?
Sen với quả phụ ⁽³⁾ làm sao?
Hay là mẹ trẻ nói vào cho truyện ra to.

Tất cạn hồ thấy củ sen to,
Gốc sen có máu ồ ồ chảy ra.

⁽¹⁾ Đình hội: đình hội lại.

⁽²⁾ Tử sinh: sống chết.

⁽³⁾ Quả phụ: vợ goá.

Truyền dân dào theo củ sen già,
Đào ngang đường cái, sang tận nhà họ Trương.
Thấy hình hài đủ cốt lẫn xương,
Mẹ con vào nhận diện tỏ tường, không khác xưa!
"Anh có linh thiêng anh xin nhả củ sen ra,
Để nhờ quan chức xét tra án tở;
Vợ anh bế con nhỏ u ơ,
Từ anh đi buôn bán, em đâu có ngờ anh thác oan!"
Mẹ con vừa dứt tiếng than,
Xác kia mở miệng, gốc sen liền rơi riêng.

Oan này sự đã quả nhiên,
Vua truyền bắt trói tên Trương, đem chém đầu!
Cửa nhà đất cát hoa mầu,
Giao trả mẹ goá con côi trước sau đủ đầy!

Nước ta từ đó đến rày,
Hoa nào thơm quý ngang tày hoa sen.

17. CHUỘT TIẾT TRINH

Nhớ xưa có con chuột bạch goá chồng,
Nuôi một đàn chuột nhắt mà nhà không có gì!
Chiều chiều chuột goá lần đi,
Kiếm hạt rơi hạt rụng tha về nuôi con.
Chữ tiết trinh giữ đạo vuông tròn,
Thờ chồng định ở nuôi con đến già.
Tối tăm hàng xóm lần la,
Đêm khuya sờ xà, hết chặn đến niêu.
Biết đâu ngoài có chú mèo,
Nghe tiếng mụ chuột chạy reo trong nhà.
Mãn ta bèn nhảy vọt ra,
Chuột goá dong thoát vào nhà cô bạn liền kề,

Chuột cái chủ thời đi vắng chưa về,
Chỉ thấy chàng chuột đục ngổ rữ, tứ bề vắng teo.
Chuột goá nói: "Chỉ vị thằng mèo,
Nên đêm khuya em tỵ nạn tạm vào nhà bác đây!
Bác cho em nường nấu một dây,
Nghĩa nặng em ghi nhớ, sau rày dám quên ơn!"
Chuột đục nghe nói mừng rơn,
Nghĩ đương buồn ngủ, gặp được cơn giải phiền.
Bệnh Tề vương phút nổi lên,

Anh ta nhảy xổ đề lên định làm càn.
Chuột góa kêu khóc lấy van,
Phấn sợ chuột cái đám quàng về chẳng?
Chuột đục ra lấp cổng ngăn,
Lấp xong mặc sức làm xằng, sợ ai?
Chuột đục vừa lở ngổ ngổ ra ngoài,
Biết đâu ông mãnh rình hoài đã lâu;
Chuột đục ta vừa nhú bộ râu,
Hai tay mân rước lấy đầu mang ra.
Kêu ngao ngao ba tiếng mèo già,
Tha phăng chuột đục lên mái nhà mẫn xơi.

Trong nhà chuột goá rụng rời,
Vừa lo thân phận, vừa rối bởi ruột gan.
Thương lũ con ở nhà đói khát kêu van,
Chờ cho sáng rõ mới ra khỏi hang lần về!

Khen thay con chuột goá trọn bề,
Tiết trinh sáng rõ giữ lễ nuôi con.
Chẳng như những người bỏ dạ sát son,
Có chồng rồi mà lại bỏ con đi ngoại tình.

18. LẤY VỢ TRONG TRANH

Xem nhiều điển tích mới rành,
Người trần lấy vợ trong tranh nực cười!
Quê anh ở huyện Quỳnh Lôi,
Họ Phan, tên Ngọc Chúc, con nhà nòi thông minh.
Vốn cây chỉ có một cành,
Phụ mẫu thác sớm, một mình mồ côi.
Tuổi vừa niên thiếu lẻ loi,
Có bộ tranh tố nữ, bốn năm đời còn ghi.
Ba tờ gián nhấm bỏ đi,
Còn một tờ để đó, lâu ngày thành yêu.
Thế gian không ít cũng nhiều,
Bỗng dung ai dám đặt điều cho ai?

Anh Ngọc Chúc khuya sớm hôm mai,
Tuổi đương niên thiếu dùi mài sử kinh.
Ngày nào trông đến tờ tranh,
Nói đùa bốn cột ra tình bõm xờm!
Một ngày hai bữa xối đờm,
"Mời cô tố nữ xuống ăn cơm với chồng!"
Tưởng đâu câu chuyện nói bông,
Tờ tranh treo vách động lòng được thay;
Xưa kia duyên nợ gì đây?
Người trần dương thế, trời đây lấy vợ trong tranh!
Sáng mai, ngủ dậy anh đi học hành,
Cô Yêu bước xuống thổi cơm canh để phần.

Anh Ngọc Chúc không chút để tâm,
Thấy cơm phần đầy, ngồi ăn tỳ tỳ.
Ăn rồi mới có ý hồ nghi,
Không biết nhân nghi, nhân ngãi đâu ta?

Sáng hôm sau anh giả cách đi học xa,
Nấp xem thực nữ hay Hằng Nga ở đâu vào ?
Ngọc Chúc ta mưu cả chí cao,
Đứng nép tường rào, xem tỏ phân minh.
Không thấy đâu nhân ngãi nhân tình,
Chỉ thấy cô tố nữ trong tranh xuống liễn.
Nom cô người đẹp như tiên,
Ngọc Chúc ta muốn kết nhân duyên ở đời.
Cò Yêu xuống bếp bắc nồi,
Đang lúc vắng người, anh xé tuột tờ tranh đi.
Đến trưa anh lại giả cách đi học về,
Thử xem cô tố nữ biến đi đằng nào?
Thật là tỏ mặt tương giao,
Người đâu da trắng má đào như tiên cô?
Hai người từ đấy kết tóc xe tơ,
Biết đâu tờ tranh giấy lại hoá ra người trần?

Lấy nhau vừa được một năm,
Ai ngờ tố nữ dè thằng con trai.
Tuồng là cây độc không dài,
Ngờ đâu tranh giấy dè người một khi!
Gặp những cơn mưa gió bất kỳ,
Chồng bế con dắt vợ, trước sau thì có đôi.
Làng nước khen đôi lứa duyên trời,
Vợ chồng một ý chuyển rời cả núi Tản Viên.

19. TÔ VŨ CHẤN ĐỀ

So trung chính ai bằng Tô Vũ,
Sang sứ Hồ, Hồ dụ làm tôi;
Quyết tâm khẳng khái với đời,
Làm thần bên Hán, không chịu làm tôi tớ Hồ.
Hồ bày kế làm cho túi cực,
Bắt đi chăn dê đục trăm con;
Bao giờ dê đục có sữa non,
Mới cho về bên Hán làm tròn nghĩa vua tôi.

Đường chẳng ngại xa xôi cách trở,
Nhớ Hán nhà biết thuở nào nguời;
Tô Vũ chăn dê mười chín năm trời,
Cờ mao một ngọn chẳng nguời đâu mà;
Đười ươi nó mới đi qua,
Hai bên ấp ủ nhau mà thụ thai;
Sinh ra trai gái hoà hai,
Gái tên Tô Ngọc, trai thời Tô Kiên;
Gia đình hoà thuận y nhiên,
Về sau chẳng được sinh thêm chút nào !

Lòng trung thấu đến trời cao ngất,
Dạ tiết trình quảng khoát xa gần⁽¹⁾

⁽¹⁾ Quảng khoát: rộng rãi khắp chốn.

Tiếng lành đồn khắp trong dân,
Non cao chẳng sợ, quý thần phải kinh.
Bỗng may đầu triều đình bên Hán,
Cử Vương Long là bạn hiền lương;
Nghĩ tình Tô Vũ mà thương,
Cho nên viết bức thư tường niệm phong;
Thư của ông Tô Vũ một dòng,
Buộc vào cánh nhạn, bẻ Đổng đưa về.

Lòng Hồ chúa ngời nghe mọi nỗi,
Cũng tính toan nói dối một câu;
Tô Vũ sang Hồ bấy nhiêu lâu,
Đến nay đã thác còn đâu bây giờ?
Vương Long quỳ dâng tờ thư cũ,
Nét chữ đầy rành Tô Vũ chẳng sai;
Rộng ơn trên thương nghĩ một hai,
Lẽ nào ngoảnh mặt ra ngoài làm ngơ?
Hồ chúa nghe càng ngờ Tô Vũ,
Chẳng phép thần cũng đủ phép tiên.

Nhạn nào nhận biết đưa tin,
Hay Tô Vũ chính là tiên dưới đời?
Hồ chúa bèn truyền tha tức khác,
Để cho về Hán thất làm quan,

Người trung trinh với kẻ lộng quyền,
Trăm năm còn tiếng lưu truyền đến nay.

20. TRUYỆN TRANG SINH

Tích này kể chuyện Trang Sinh,
Cao tay phù thủy hiện hình ai đang?
Nhân khi quá bộ du nhân,
Đi qua quăng dàng, thấy giữa tha ma;
Nhác trông có chị đàn bà;
Ngồi bên mả mới kêu la khóc chông;
Tay cầm cái quạt vẩy vung,
Trang Sinh trông thấy mới dừng hỏi chơi,
Nàng bèn xui xút thưa lời,
Chồng tôi sớm thác, dạy tôi điều này:
"Khi chôn mang tước dầu ngay,
Bao giờ ngọn cỏ lông may mọc dài;
Tha hồ cột trúc ghẹo mai,
Bấy giờ nàng muốn lấy ai mặc lòng,

Thương thay gái chưa qua vòng,
Vườn hồng ai nữ cấm ong ra vào !"
Trang Sinh nghe nói lòng nao,
Dầu đem tước đất, dời nào cỏ lên!
Thương thay gái hãy còn nền,
Chờ được cỏ mọc thì duyên em già.
Phép tiên ông mới gỡ ra,

Biến ra cái quạt, ông hoà quạt cho;
Quạt vào đất nở dầu khô,
Tự nhiên ngọn cỏ dưới mồ mọc lên;
Nàng mừng nước mắt chảy liền,
Sụp quỳ bái lạy ơn trên giúp mình.
Chốc giờ cỏ đã tốt xanh,
Từ nay hẳn được an thành thất gia.

Trang Sinh mới trở về nhà,
Ngồi không nghĩ chuyện đàng xa, nực cười!
Trang bà mới hỏi: ông ơi!
Trình ông tùm tùm ông cười việc chi?
Trang Sinh mới nói một khi,
Bà Trang nghe thấu mắng át đi tức thì;
"Người đâu bắt ngài bắt nghì,
Ông cũng lạ kỳ, giúp đỡ thế nì!
Nói đại ông có sớm thác đi,
Tôi xin thụ chế chẳng khi nào rời!"

Phép tiên ông biến lạ đời,
Chỉ dăm ba ngày tới bệnh thời phát ngay;
Thuốc thang chẳng khỏi được rày,
Trước khi hấp hối ông dặn bày dinh ninh;
Dặn rằng nhất đán thác sinh,
Thời mang linh cữu để quán ngoài hiên;
Trăm ngày bùa dầu cho yên,
Ba năm vô việc hãy khiêng ra đồng.
Nói xong ông chết như không,
Để xem vợ ở ra lòng thế nào?

Ông biến ra người khách anh hào,
Mây ngài mắt phượng thanh cao tuyết vờ;
Trước thầy sau tớ hần hoi,
Loong coong nhạc ngựa, theo vài lọng xanh;
Đến nơi chào hỏi nhiệt thành,
Tôi từng tòng học sinh bình thầy đây!
Xa nghe tiếng báo cho hay,
Mưa cầm gió bắt, thầy rày qui tiên;
Nói xong quì viếng điện tiền,
Xụt xùi giọt lệ, liền liền tuôn rơi.

Trang bà giữ khách lại chơi,
Vào hôm ra sớm đỡ thời quạnh hiu;
Mới vài hôm, chuyện nở như sáo diều,
Hai bên tí toáy ra chiều du đưa,
Mắt tình liếc nháy cùng ưa,
Lửa rơm bén cháy, chồng xưa quên rồi!
Vừa được hai đêm công tử trở trời,
Bụng đau quần quai không rời kêu la,
Nàng như cua đã quen mà,
Lo lắt chạy chữa, quần bao là tiền nong.

Bệnh quái kia ngày mỗi một tăng,
Sốt ruột hỏi chàng, trước chữa thuốc chi?
Chàng rằng đau bệnh thường khi,
Muốn cân thức ấy, đây thời có đâu?
Có người mới chết chưa lâu,
Đem óc làm thang uống, bệnh đau tiêu liền;

Nàng nghe suy nghĩ liên miên,
Đào đâu ra óc mới nhập quan bây giờ?
Nghĩ thôi bèn tức tốc lấy vỏ,
Đập sảng chồng cũ, lấy óc cho nhân tình !

Tiếng vỏ đập xuống thình thình,
Mở ra nào thấy xác chồng mình xưa đâu?
Tiếng ai cười rộn đảng sau,
Ngoảnh thấy chồng cũ, đang vuốt râu ngời cười!
Rằng: "Nàng còn nói nữa hay thôi,
Nữ nhi hồ dễ mấy người như em;
Từ đây trút sạch nợ duyên,
Giã nàng ở lại, cỗi tiên ta về!"

21. THẰNG CUỘI

Ngồi rồi dẫn tích nghe đây,
Truyện anh chàng Cuội, một tay thiên tài,
Niên canh tuổi mới mười hai,
Chuyên dòng nói dối không ai địch cùng.
Tuổi thơ vất vả long đong,
Ở với chú thím ra lòng chát chua.

Một hôm Cuội lập mẹo đánh lừa,
Theo chân người chú giữa trưa ra đồng.
Lộn trở về nhà hỏi thím biết không,
Chú đang cây ở giữa đồng, trâu húc chết tươi !
Cuội thấy chú thùng bụng rồi,
Người thím tưởng thật, rồi bời ruột gan.
Bây giờ Cuội lại lên ra đồng,
Gọi chú đem chuyện trong làng một khi.
Ở nhà thím chẳng biết làm gì,
Thối cơm bị chết cháy, chú về nhà mà coi!
Chú nghe Cuội nói hồi ơi!
Chạy bỏ một quãng, hai người gặp nhau.
Vợ chồng nói chuyện tình đầu,
Biết thằng cháu quý kiếm câu đánh lừa.
Cho nên trong dạ chẳng ưa,
Quyết đan cái rọ cho vừa Cuội ta.

Chờ cho thằng cháu về nhà
Bỏ ngay vào rọ, quăng ra sông tức thì!

Nhưng Cuội quỷ kế cũng tài thay,
Nằm trong rọ kín tính bài gỡ nguy.
Cuội bèn nói trá một khi,
Xin chú trở về tìm giúp hộ tôi.
Năm quan tiền tôi đấu kín đấu hồi,
Đế trong lỗ cột, gói rời từng quan.
Người chú lòng vốn tham lam,
Chạy ngay về tìm của lan man khắp nhà,
Cuội nằm trong rọ trông ra,
Thấy một ông Xẩm đi qua hồi giờ;
Cuội gọi ông Xẩm, ông Xẩm ờ ờ.
Ngày xưa cuội cũng mất mớ không người;
Gặp tiên phán bảo một lời,
Chui vào trong rọ, tức thôi mất lành !
Ông Xẩm nghe nói mất tính,
Thử chui vào rọ xem mất mình ra sao?
Trước nay vẫn có lời rao,
Người người đều nói Xẩm vào Cuội ra.

Chú về tìm của ở nhà,
Tìm mãi chẳng thấy, chạy ra bấy giờ.
Mắng rằng mày còn dám đánh lừa,
Đu ngay cái rọ trên bờ xuống sông.
Chết oan ông Xẩm giữa dòng,
Tưởng Cuội đã thác dòng sông từ giờ.
Úc lòng Cuội bước ra đi,

Gồng thuê gánh mướn quán gì nắng mưa.
Một hôm công việc đang bở phờ,
Cuội gặp bà lão gánh tơ đi kể.
Hỏi Cuội có gánh, lão thuê,
Ba xu một gánh, gánh về được không?
Cuội nghe thấy nói mừng lòng,
Ghé vai vào gánh, chuồn không tức lờ.
Thế là biến mất gánh tơ,
Đi tìm thằng Cuội bao giờ cho ra?

Đương đêm Cuội lòn về nhà,
Chú thím lại tưởng hồn ma Cuội về.
Cuội bèn nói chuyện chú thím nghe,
Chính vua Thủy tề, rước Cuội chơi cung.
Cảm ơn chú thím có lòng,
Cửa này Cuội lấy lòng sông đầu ngõ?
Dưới kia vô khối là tơ,
Chú thím muốn lấy, bây giờ ra sông!
Chú thím vốn dĩ tham lòng,
Chặt tre đan rọ, tưởng hòng lấy tơ.
Biết đâu thằng Cuội đánh lừa,
Bỏ chú vào rọ, ngay giờ mang ra sông.
Cuội quẳng chú ra giữa dòng,
Chỉ sau một khắc, hồn cùng ra ma.
Cuội về gọi thím ở nhà,
Chú tôi khuôn cửa, đang chờ ngoài kia!
Người thím dạ cũng tham thia,
Xấn quần xắn áo chạy ra với chồng.

Cuội rằng chú mang nặng dưới sông,
Mời thím xuống đó khuôn cùng chú tôi!
Thím nghe nhảy vội tức thời,
Thế là đi dứt cả đôi vợ chồng !

Tìm tơ dâu ở dưới sông,
Để Cuội ở lại hưởng không gia điền;
Ruộng vườn, nhà cửa, bạc tiền,
Đủ đây Cuội tính kết duyên Châu Trần.
Từ khi lấy vợ ở làng bên,
Ruộng nương bày kế lâu bền làm ăn.
Đầu nhà có cây đa thần,
Cuội được ông thần giao giữ trông cây.
Rễ đem sắc uống rất hay,
Bệnh đà nguy cấp, khỏi ngay tức thời.
Tiếng đồn Cuội giỏi thuốc khắp nơi,
Ai từng lấy thuốc đều có lời ngợi khen.
Thuốc này thuốc thánh thuốc tiên.
Bách bệnh khỏi liền, hay thật là hay.
Dấu vợ, Cuội dặn đêm ngày,
Không được tiểu tiện vào cây đa trồng.
Dặn xong Cuội vác cuốc ra đồng,
Cô vợ tức khí vì chồng dặn tới, dặn qua;
Cô mới phóng uế bừa vào gốc cây đa,
Gió to bật rễ, cây đa về trời.
Ở ngoài đồng Cuội thấy vậy, hỡi ôi!
Chạy ngay về móc cuốc tường kéo rơi cây trời.

Ai ngờ cả gió, cây lên mãi chơi vơi,
Kéo theo chú Cuội lên ngôi gốc cây!

Đêm nào gió mát quang mây,
Ta thường nom rõ, chú Cuội ngồi gốc cây đa già.
Truyện trên dù có chỗ sai ngoa,
Xăm tôi kể lại để hoà mua vui.

22. BÀI THUỐC HAY

Trăm hương một triệu kính dâng,
Thỉnh chư tiên được tới chung bàn đàn,
Nhà quan *quế* bây giờ *chỉ thực*,
Cửa thiên môn thiết lập *hoàng đàn*;
Kim ngân hoa quả tức an,
Nhũ hương một được, *trạch lan* đơm hoà;
Lễ bạc hà, *tân lang* xôi rượu,
Gọi lấy lòng *cam thảo* kính tin,
Đẳng tám, *cao bản*, *xa tiền*,
Cộng chư *hậu phác*, khẩn nguyện Quan âm,
Tốc lai lâm *huyền tham*, *phá cố*,
Sâm nhung nghe *đậu khấu* tam thông!
Luyện chư tiên được đánh đồng,
Dầu đem *đồng tử* tới cùng *qua lâu*.
Hồng hoa nương hãy đi đâu,
Để thầy đọc lực diễn *thâu* đêm trường.
Mộc hoa, *bách hợp* trăm phương,
Nhân ngón triệt ngược, mãi đường *xuyên khung*.
Chày kinh hãy giống *đêm đông*,
Uy nghi *thần khúc* đẹp lòng hay chưa?

Nhân trần đòi đoạn phát phơ,
Mượn tay *niết giác* xin đưa duyên cùng.
Thanh bì tường ở phương đông,
Nam phương *xích được* tây cung *bạch đàn*;
Bắc phương *hắc đậu* đã an,
Trung ương *hoàng bách* đáo đàn khi nay;
Ngũ phương *ngũ vị* mạnh thay,
Ra tay *kết cánh* ta nay đánh đồng;
Tám *liên phòng*, sơn *chi điểm* tuyết,
Giọt đồng hồ thánh thót thánh tha,
Nào là *hoè hoa*, *quế hoa*,
Đôi nàng nhưng chớ ở ra hai lòng.
Nhục tông dung *duang qui*, *đổ trọng*,
Đại hoàng đây chính thức đem binh.
Mai hoa quân chúng phụng hành,
Cùng thầy *quốc lão* tính tình tiêu dao.
Đã hay *viên chí* giá cao,
Lâm *dâm hồi hạnh* thời nào *bản thông*?
Thời thời sứ điệp tin ong,
Đêm thời *đồng nữ*, *liên phòng* vu qui.

Tốt đời *bán hạ*, *trần bì*,
Quyến tham *dậu khẩu* yếu vì *nhân sâm*,
Nào khi thấy có *hoàng cầm*,
A *dao*, *qui bản* âm thâm non tiên,
Chí thiên *thục địa* thể nguyên,
Đồng nam, *đồng nữ* kết duyên giao hoà.

Đa đoan thay nét *đào hoa*,
Ra lòng *thiến thuế* khéo là buồn tênh!
Bằng nay thấy có *nam tình*,
Liền quên *bán hạ* bỏ anh chẳng nhìn.
Nào khi *liền nhục* kết nguyên,
Bỗng tham *phụ tử* tếch miến Bồng nga.
Ấy ai sứ điệp mật đà,
Mảng tham *đá lạnh*, sàng xà mặc ai!
Cùng cấp phái *hồng hoa*, *tổ mộc*,
Khi động yêu *tục đoan*, *tân giao*;
Thời nào *tiên nữ* giáp vào,
Giá lay *trúc điệp* non cao *tiền hồ*!
Hỡi các nàng *thung dung* ta nhủ,
Chớ ra lòng *thạch nhũ*, *đào hoa*,

Tính thiêng sát qui trừ tà,
Sương siu thiên tài *hồng hoa* rũ cành,
Trang tính tình *bát trăn*, *câu kỉ*,
Chuyển lục trình mối rỗi *thời khung*,
Thần thơ thay nổi *sa đường*,
Điều sư mát mẻ *khang cường* tình tao.
Thần sa đượm phách chiêm bao,
Trừ tà trừ bệnh phép nào thần thông!
Tôi khuyên các vị công đồng,
Ma hoàng, *hồn kiến* đồng đồng phá tan.
Thiên binh thiên tướng *đảo đàn*,
Giáp cùng một được *lời phàm sơn tra*.

*Đổng nam mạnh khoẻ thay là,
Hợp cùng thiên tuế tướng ta giáp vào,
Xạ hương đường đột thiên tào,
Lương long rú xuống ba đào thủy tinh.
Nào là thiên binh, địa binh,
Giáp vào một trận giúp anh phen này.
Khuông trị, độc trị giáp tay,
Ngưu tất, địa cốt giáp rà hai chân.*

*Trên đầu sai ngũ linh quân,
Hai vai hai tướng thiên thần phục linh,
Ba trăm đậu phác, khuông hành,
Tâm chuyển phục thời mình liền mê.
Dẫn đem đồng tử một khi,
Thanh đậu, bạch mễ điều thì thúc thôi.
Dẫn đồng thăm hỏi mỗi nơi,
Đương qui sứ giả theo đòi hồi hương,
Hợp tam hoàng hoàng liên, hoàng bá;
Cộng hoàng kim phụ tá tứ quân,
Uy linh bạch chỉ, tế tân,
Ba tướng pháp nghiệm uy thần lệnh ghi.
Vâng lời thánh tổ Phục Hi,
Thần Nông hoàng đế uy nghi dạy dàng,
Ba trăm sáu chục uy cường,
Tốc giáng bản đàn điều hộ mỗi nơi!
Trước lên trời hỏi thăm duyên số,
Sau xuống tìm địa phủ đương quan,*

Thầy nay có lệnh: luyện hoàn,
Các chư tiên được đáo đàn như phi.
Như í dĩ quân thần tá sú,
Cứu đắc ta nam nữ chư nhân!
Bảo nhau gìn giữ ân cần,
Bệnh người cũng thể bệnh mình chứ chi.
Thuốc hay cần nhớ nên ghi! ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bài này nói đến những vị thuốc quý với số công dụng nhất định. Nghệ nhân Xẩm nhiều tính nhớ thuốc lờm bõm nhiều từ sai sót. Rất mong bạn đọc bổ sung sửa chữa những chữ, những í chưa đúng, chưa đủ.

23. BIỂN THUỐC

Xưa ghi trong mục lương y,
Thuốc ông Biển Thuốc ai bì được đau?
Hễ ai chóng mặt rúc đầu,
Ông giờ dao cầu, bệnh tật tan không.
Gọi là chén thuốc đỡ lòng,
Tật nguyên tiêu tán tài trong quyền trời.
Tiếng đồn khắp chốn, nơi nơi;
Thuốc ông Biển Thuốc, cứu bệnh người khỏi ngay.

Có cô con gái đương thì,
Sớm duyên cầm sắt, cô đi lấy chồng.
Những mong vẹn bốn chữ tòng,
Ai hay con tạo ra lòng treu người.
Cho rằng chồng chẳng ra người,
Người đâu xấu nhất, sợ kẻ cười người chê.
Cho nên cầm sắt bất huế,
Cô vợ ngừng nghinh, ừ ừ vì chồng.
Vô trước mặt sợ không xong,
Lập kế bỏ chồng, khỏi tiếng thế gian.

Một mình tần mẩn tính toán,
Sang nhà ông Biển Thước, lạy van mà rằng.
"Chồng tôi bạo ngược lãng nhăng,
Xin thầy chén thuốc cho nó thăng lên trời!
Việc này thầy giúp cho tôi,
Vàng mười một lạng đền bồi công lênh".

Ông Biển Thước nghĩ hết chân tình,
Cứu dân độ thế lẽ mình hại ai?
Muốn cho chúng đoàn tụ duyên hài,
Bảo nhau khuya sớm chứ nữ xui ai bỏ chồng!
Chị chàng này ở ra dạ tây đông,
Lập mưu tính cứu đôi vợ chồng chị ta.
Rằng: "Chị mau về nấu một nồi cháo gà,
Xong bỏ vào đấy đủ ba lạng hoài.
Thêm nhánh sâm vào đừng nói chuyện với ai,
Cháo dù hãy gọi: "Cháo hoài chàng dậy ăn!"
Ăn vào sẽ phát đại phát diên,
Cười cười nói nói, huyền thuyên phát cuồng".

Chị ta mừng rỡ về luôn,
Tới sân quật chết thông luôn ba gà giò,
Bỏ vào nồi cháo thật to,
Vừa đun vừa nấu, lại nhấp nhô ra nhà ngoài.
Muốn chồng chết sáng ngày mai,
Ba lạng thành sáu, bỏ ngay vào nồi,
Đem khuya cháo đã dư tôi,

Mức ra lay chồng dạy: "Mời anh xơi xong sẽ nằm."
Chồng có biết đâu cô vợ lang tâm,
Vợ đưa cho bát cháo, anh mới cầm húp luôn.
Chẳng mấy chốc nồi cháo sạch trơn,
Chàng ta khoái trí, giục vợ ngoan mau đi nằm.
Suốt cả đêm cô bị nó bắt làm,
Sáng ngày ra cô mệt lử, cô nghĩ oán anh chàng sao
quá lành từ trước đến nay?
Cô cầu Phật cho thuốc ông Biển Thước chẳng hay!

24. CÔ VỢ HAY QUÊN

Thanh nhàn tựa chốn hiên mai,
Học ông Đông Phương Sóc được bài tiểu lâm.
Suy đi xét lại không nhầm, -
Xem rồi kể lại nhập tâm từ đầu.

Xưa có cô gái hảo cầu,
Đôi mươi, mười tám ra mầu xuân xanh.
Cô ta miệng đĩa mép danh,
Chỉ nhanh nhẩu đoảng, lại chanh chua lắm lời.
Tính tình xốc nổi lạ đời,
Ai chưa nói đã biết, ai chưa sai đã làm!
Người chồng phải kỳ ngộ tác oan⁽¹⁾,
Chồng khôn vợ phải vợ gàn, đắng cay.
Bất ngờ Nguyệt lão khăm thay,
Anh chồng bị phải một ngày cảm phong,
Vợ không biết, sốt ruột nóng lòng.
Bệnh thượng thổ hạ tả đã làm chồng kém tươi.
Ngồi buồn thở chằng ra hơi,
Giục vợ đi lấy thuốc, nói lời còn run.

⁽¹⁾ Nghĩa là lấy nhau qua một cuộc gặp gỡ đặc biệt.

Vợ vội vàng đi lấy thuốc luôn,
Cưỡng qua cưỡng quít như con thò lò.
Hoá nên phải dặn căn do,
Kéo đi lấy thuốc cách dò cách sông.

Biết vợ tính nết lông bông,
Dặn: "Thượng thổ hạ tả" nhớ không hồi nhà?
Gặp mẹ chồng cầm nón vừa ra,
Đầu đội mâm xôi cúng vừa về, lễ tạ ông công.
Mẹ thương dâu đi lấy thuốc đối lòng,
Lại đây, mẹ còn ít xôi "thượng vi hạ vung" cho mầy!
Bệnh chồng chị quên phắt ngay,
Nhớ xoắn câu này hạ vi thượng vung
Vừa đi vừa nhảm lâu thông,
Khác nào như các cô đồng khấn dơi.
Thằng nhà thầy thuốc một thời,
Nghe ông thầy hỏi cưỡng thời cả lên.
Chồng tôi phải bành tự nhiên,
Chén thuốc bao tiền thầy cất hộ đi.
Ông thầy bèn hỏi vắn vỏi,
Anh ấy bệnh gì, cô kể thung dung.
Thưa thầy, bệnh "thượng vi hạ vung",
Xin cho chén thuốc, để chồng khỏi ngay.

Thầy nghĩ: thế gian đâu có bệnh này,
Ngồi giờ sách không thấy bệnh, mặt thầy ngay như cán tàn.
Mới nói rằng: Chị thật khéo mê man,
Bệnh "hạ vung thượng vi" thế gian đâu có trước nay tới giờ?

Chị về hỏi lại chồng cho rõ tóc tơ,
Đừng có ốm ờ, "hạ vì thương vung".
Chị ta sốt ruột nóng lòng,
Chạy về hỏi chồng, bệnh nào làm sao!
Vợ về chồng hỏi thuốc đâu nào,
"Tôi quên mất bệnh, biết đằng nào mà thuốc thang".
Con điên lên, giá khoẻ thì nó phang,
Đương lúc đau yếu nên nhìn cho an cửa nhà.
Ngu đâu ngu thế chẳng là,
Chờ được thuốc về nhà, chồng đến thăng thiên!
Lần này quên nữa thì ông nghiêng,
Bệnh "thượng thổ hạ tả" phải nhớ như biên vào lòng.

Chồng dặn rồi, vợ nhắm lại cho thông,
Bất ngờ ra đến bờ sông có cầu,
Tên bệnh nhớ chẳng được lâu,
Thấy hai người nói chuyện với nhau thăm thì.
Cầu này xưa bắc hai vì,
Đều ai cũng gọi cầu "thượng trì hạ gia".
Chắc chị này ăn phải cháo lú lá đa,
"Thượng thổ hạ tả" nhớ trạch thành "thượng gia hạ trì"
Chị đến nhà thấy thuốc một khi,
Giục thầy cuống đi, cất thuốc cho tôi.
Ông thầy tưởng bệnh nhớ rồi,
Thế nào chị kể lại tôi tình đầu;
Chắc lần này chị chẳng quên đâu?
Thầy sắp dao cầu giục mau kể bệnh ra,
Chồng tôi căn dặn cận kề hòm qua,

Bệnh này ngặt quá "thượng gia hạ trì"!
Ông thầy võ vế cười khì,
Bệnh ma quỷ gì, sao kể mãi lằng nhằng?
Làm thầy tự thưở mười lăm,
Bệnh nào thuốc ấy, có cất nhằng được đâu?
Chị về hỏi kỹ trước sau,
Đến ông Biển Thước cũng chẳng biết đâu mà lần?

Chào thầy chị trở lại mau chân,
Về nhà bệnh chồng đã khỏi phăng hồi nào!

25. MIẾNG ĂN LÀ MIẾNG NHỤC

Xưa có bốn anh tham ăn,
Anh Thò, anh Tục, anh Phàm, anh Nha.
Tiếng tăm đồn khắp tỉnh nhà,
Miếng ăn quá khẩu cũng ra thành tàn.
Sống bằng mỡ thịt cho cam,
Miếng ăn miếng nhục để mang tiếng đời.

Trong làng có đám khao mời,
Mấy khi gặp dịp cả bốn người cùng sang.
Đến nơi chủ đám cười ran,
Mời vào trong khuất một mâm đem bày.
Giữa mâm một đĩa thịt nạc đầy,
Thêm ba đĩa mỡ thái bày vui vơi?
Nhưng là họ thử nhau chơi,
Xem kiểu bốn người, tám tức lăm thay.
Đánh đồng đẹp bắc nào tày,
Miếng ăn ai chả muốn xoay vào lòng?

Anh Thò nghĩ kế khá thông,
Ngồi rồi tán nhảm, tôi biết một ông thế này.
Trước kia mộ đặt hướng tây,

Bây giờ muốn đón ông thầy, bốc lại hướng đông.
Đào lên chôn xuống có được không?
Ví như đĩa thịt nạc trong lòng tôi trông ra.

Anh Tục mới nói kể cà,
Mộ anh tôi mà động thì má bà tôi cũng xoay.
Trước kia cũng nhắm hướng tây,
Chẳng cần đón thầy, tôi cũng quay được sang hướng đông.
Đây này ba bác hãy trông,
Ví như đĩa thịt nạc trong lòng tôi trông ra.
Tôi không bắn bụng như người ta,
Ba bác đừng vội tưởng tôi là đứa ăn tham.

Anh Phàm lên giọng làm nhàm,
Việc mộ mà ăn làm, các bác còn động hay đã an?
Ở nhà sao các bác không bàn,
Đến việc nước làng, chỉ tán nhàm xoay mâm.
Vì miếng ăn mà cãi vã âm âm,
Muốn ăn ngon uống rượu hãy bảo thăm nhau hay.
Đừng có mà giả tỉnh giả say,
Đôi co thế này, bát đĩa vỡ loang toang.
Mâm lên rồi ngồi, đầu đầy cho an,
Đừng xoay đi đổi lại cho mỡ màng dính tay!

Anh Nha lập mẹo nói ngay,
Mẫu mực thế vậy, biết nghĩ làm sao?
Xưa kia nhà tôi cũng đổ nền cao,
Đào đi đắp lại, phương nào cũng không an.

Dùng dằng mãi mang tiếng lan man,
Cuối cùng tôi quyết để hương nam cho đành.
Nói rồi bung đĩa thịt lên ăn,
Thò, Tục, Phàm uất ức, đứng phắt lên đập bàn.
Chỉ Nha, mắng đứa tham ăn,
Nha giận tím mặt, nhieéc càn chửi vung.
Bốn anh xúm vào đập phá lung tung,
Bàn ghế chông gọng, bát đĩa vỡ lung tùng xoèng.

Miếng ăn miếng nhục rõ ràng,
Chung quanh làng xóm họ hàng cười chê,
Bốn ông ơi! Thật rõ ê chê!

26. ĂN QUÀ LÀ BỐN

*Thìa la thìa lấy,
Con gái bảy nghề,
Ngôi lê là một,
Dựa cột là hai,
Theo trai là ba,
Ăn quà là bốn...*

(Dân dao)

Truyện xưa thật đáng buồn cười,
Có một chị đi chợ, quà xơi luôn mồm;
Cậy mình bán bán buôn buôn,
Lê la ăn hết phần con phần chống.
Sớm mai gánh gánh gồng gồng,
Những quang cùng thúng vầy vùng ra đi.
Đến chợ quà xức chẳng kỳ,
Của ngon vật lạ thức gì cũng mê;
Tan chợ no phưỡn trở về,
Giả vờ đau bụng, cơm chè bữa chiều.
Vật mình vật mảy để chồng yêu,
Bụng căng rỏ mẹ, bằng đeo cà rùng.

Sáng mai lại dọn gánh đôi thùng,
Chưa đi đến chợ lại lẩn lung vào hàng;
Chiều về không khao mà xưng,
Lắm nhảm ăn hết độ chung ba bốn hào;
Đằng sau không biết có anh nào
Nghe lời chị tính ghi vào liền tay
Ăn những gì hiện tất cả lên đây,
Biên xong gọi với: Tôi bảo này chị kia!
Chị cầm phong giấy về nhà,
Nhắc chồng chị đóng một tiền ba phúng thầy,

Vừa về đến ngõ chị gọi chồng mắng ngay,
"Đồ đâu mà học đến hai ông đồ?
Để người phải gửi giấy tờ,
Đòi tiền đóng góp, anh phải bỏ xác vờ mà lo".
Anh chồng vội cầm lấy giấy đọc to,
"Bốn xu bánh cuốn, ba xu cháo bồi,
Tám xu vừa chả vừa xôi,
Buổi sáng hào rươi hết trời, xoắn vừa.
Ấy là chưa tính bữa trưa,
Bánh đa lắm với cùi dừa một hào hơn,
Chiều thêm vài bìa đậu phụ với mắm tôm",
Chồng đưa giấy trả vợ, nói tiền đồng môn của mình?

Vợ thẹn thùng mặt đỏ mảy xanh,
Rửa ngấm thẳng phải gió chơi ranh biên vào.
Chồng mới mắng cho lơ lài là bao?
Tiêu pha thế ấy hoá đất xào mới đủ ăn.
Núi non bộ làm cảnh ngoài sân,

Tức mình chồng mới đập vỡ tan sành làm ba!
Mẹ chồng thấy vậy lu loa,
Núi non bộ tan vỡ chỉ vì quà con dâu ăn !

Sách đã có chữ tọa thực sơn băng,
Ngồi ăn núi lở thực rằng chẳng sai.
Anh khuyên em đừng bắt chước nhà ai,
Ăn quà như thế ấy, để tiếng dài nhuốc nhơ.

27. CÔ HÀNG CHUA NGOA

Thái Bình cho chí Hà Nam,
Đồn rằng Nam Định có cô nàng chua ngoa;
Hàng cô bán đủ mắm muối tương cà,
Đồng da đồng đánh lại diều toa lăm lời!

Có một anh lập mẹo gheo chơi,
Đem ba đồng tiền kẽm giặt nơi cạp quần;
Sớm tinh sương, cô vừa hé cửa trông sang,
Anh vội chạy đến, mua mở hàng lấy may!
Quen thói chanh chua cô mới mắng ngay,
Mới sáng bánh mắt đến làm chi đây hồi riêu?
Thật vừa mở cửa đã gặp hiêu,
Hàng chị mà ế, chị rửa đủ diều cho coi.
Anh ta năn nỉ lựa lời,
Cô làm ơn bán cho tôi mở hàng!
Xanh canh đang nấu sôi ran,
Sờ chạn thấy hết nên vội vàng sang đây.
Ba đồng đã giặt sẵn rày.
Cô hàng lại mắng: "Lấy tay đừng à?"
Anh ta thùng thỉnh kẻ cà,
Không có lá gói cô đổ ra tay tôi đây này!

Ghét mặt cô mức mắt bán ngay,
Anh ta ngửa cả hai tay đưng liền;

Bán xong cô mới hỏi tiền,
Anh ta cuống quýt, tiền bỏ quên mất rồi!
Cô làm ơn lấy hộ tôi,
Ba đồng tiền kẽm tôi giắt nơi cặp quần.
Cô hàng suy nghĩ tần ngần,
Đành thò tay đến cặp, đã tụt quần quan tướng ra;
Anh ta kêu văng phó ầm nhà,
Lấy tiền sao lại để tôi toá loa thế này?
Biết điều cô mặc trả quần tôi ngay,
Cô này rắc rối tay hay đến là!
Cô kéo lên, anh thót bụng, quần lại tụt ra,
Hàng phố xúm lại, xem chật cả đường qua ngõ về.

Mọi người thích thú hả hê,
Từ này chắc hẳn cô bớt bề chanh chua!

28. GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG

Có anh chàng dằng dùm chơi bởi,
Họ hàng khuyên nhủ đã tận lời, hết câu.
Nhưng anh nào có nghe đâu?
Vẫn như cột đá đầu cầu đứng trơ!

Người vợ ra ngăn vào ngõ,
Tính toán sau trước suy lo đủ đường;
Nghĩ mưu lập kế khuyên chồng,
Đánh con chó chết, gói vào trong chiếu bướm;
Đi mời nội ngoại gia hương,
Họ hàng đủ mặt đến đông chật nhà!
Tứ thân phụ mẫu hỏi ra,
Chồng mày đi vắng mời chúng ta có việc gì?
Chị xụt xùi khóc tí tí ti,
Con có một việc thậm thì khó khăn!
Sáng ra cơm nước cháu ăn,
Có ông cụ hành khất bước lần đến xin.
Trong nhà hết cả gạo tiền,
Ông cụ lại chửi cả tổ tiên trong nhà;
Máu diên nó mới xui ra,
Con dúi một cái, ông cụ đà thăng thiên!
Một mình con lo cưỡng lo diên,

Nên mời họ mặc đến yên việc này!
Ngoài đường sẵn có bụi cây,
Họ bàn chôn dấu vào đấy, ai hay được mà?
Chôn xong giết lợn mổ gà,
Cổ bàn ăn uống, cả nhà no say!
Từ khi con về làm dâu nhà đây,
Không có họ mặc việc này không xong!
Trước nhờ phúc đức gia đường,
Sau tròn được chữ tương đồng phu thê.
Chồng con chè rượuбет nhè,
Đêm ngày mê đắm, không thiết gì đến mẹ cha!

Xong xuôi họ mặc lại nhà,
Trông ra thấy bạn chồng ta kéo vào;
Đón mừng thăm hỏi mời chào,
Nhà em sang xóm tự chiều hôm qua.
Gọi con đun nước pha trà,
Sẵn cơm thịt lợn, thịt gà bung lên.
Các bác sang chơi với nhà em,
Mời xơi chén rượu nhạt sau yên giấc hòe!
Rượu vào bạn mới hỏi cà kê,
Nhà ta mổ lợn có việc gì thế nay?
Dụng tình vợ mới nói ngay,
Câu chuyện ông cụ ăn mày chết tươi.
Minh em lo lắng rụng rời,
May nhờ mẹ cha, chú bác mọi người đều thương!
Kíp đem chôn dấu ngoài vườn,

Xong xuôi làm cỗ đèn ơn thật tình!
Anh bạn này mặt sứa gan lim,
Nói chị đừng sợ, chẳng nên việc gì!

Gớm thay cho đứa vô nghì,
Sớm hôm sau vội vã đi thì báo quan.
Tổng nhà ở xã lân bang,
Có chị hàng xóm cả gan giết người.
Xác đem chôn dấu một nơi,
Mạng người là trọng xin đèn trời xét cho!
Quan truyền lính tráng tư nha,
Bắt anh ta dẫn đến nhà phạm nhân.
Đòi cả hàng xóm xa gần,
Bắt thị tra hỏi sao đang tâm giết người?
Phạm nhân mới thừa hết mọi nhời,
Đầu đuôi kể lể, khúc nhòai mọi bề;
Chồng tôi be bét rượu chè,
Giao du toàn bạn xấu, bỏ bê việc nhà.
Họ hàng nội ngoại ruột rà,
Hết lòng khuyên giải, nhưng chẳng mà hồi tâm.
Tôi đã khuyên chồng kể tóc chân răng,
Nhưng càng ngày càng quá, phải tính ngăn thế này!

Tôi có đánh con chó chết ngay,
Nói thác ông cụ ăn mày đến xin;
Lỡ tay đánh chết tội mình,
Xong mời bạn hữu thân tình, xem đối xử làm sao?
Thằng bạn này bụng chứa gươm dao,

Nó rú rê chồng tôi đang điểm, nó tưởng nào hại tôi!
Thực tình giết chó, không phải giết người,
Không tin đào thử lên coi tò tường?
Quan truyền khai quật góc vườn,
Quả tình xác chó, chiếu bướm quẩn quanh.

Cả làng khen chị vợ ngoan,
Chê tên bạn xấu, tiếng gian để đời.
Cũng rằng gương sáng nên soi.

29. MÀI DAO DẠY VỢ

Hiếu tình hai chữ nặng thay,
Phương ngôn nhờ ví truyền ngay đến giờ;
Dạy con từ thuở còn thơ,
Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.

Anh chồng văn tự cao kỳ,
Lấy phải người vợ, tính thì chua ngoa.
Nhà còn một chút mẹ già,
Vị tính lão bà hay mắng chửi con dâu!
Anh ta tính kế mưu sâu,
Ví mà bênh mẹ về sau thất tình;
Bênh vợ hồng chữ hiếu, người khinh,
Dán lòng chế riếu, nặng tình thiếu suy.

Chàng ta tính chuyện diêu kỳ,
Chờ cho bà mẹ một khi vắng nhà;
Chạy vào buồng, anh rút dao ra,
Cứ ngồi mài miết, xem vợ đà bảo sao?
Vợ đi ra rồi lại đi vào,
Hỏi rằng anh Cãi mài dao làm gì?
Anh vờ nói gắt một khi,
Mài dao giết quách mẹ đi cho rồi!

Mẹ đau tính nết lạ đời,
Ngày nào cũng mắng chửi người làm dâu!

Vợ nghe kinh sợ, biết đâu?
Lăn vào giắt lấy dao bầu vút đi;
Từ nay mẹ có mắng chửi em điều gì,
Em xin chịu hết, không dám bác chì gần xa.
Xin anh rộng lượng xét qua,
Anh mà giết mẹ, cửa nhà tan hoang.
Gớm thay mưu kế can tràng,
Mẹ đẻ ra mà anh giết, chẳng an được nào?
Trông ra đã thấy mẹ bước vào,

Đến một hôm, người vợ đi dâu vắng nhà,
Anh lại vội vàng rút dao ra,
Hi hục mài miết xem mẹ già nghĩ sao?
Mẹ già mới gọi con trai vào,
Tôi rằng bố cả mài dao làm gì?
Anh vờ thưa mẹ rằng chi,
Tôi mài dao giết quách con vợ đi cho rồi!
Vợ đau hôn lảo ngược đời,
Mẹ chồng nói một, con dâu thời đối hai.
Làm cho miệng thế chề bai,
Nên tôi phải giết hết cái giống người chua ngoa.

Mẹ lăn vào giắt con dao ra,
Giấu dao xong nói chuyện gần xa đuôi đầu;
Vợ chồng đâu có phải mớ rau?

Một chốc ai xúc làm sao được vàng?

Hễ từ giờ vợ con có lãng loạn,

Thời mẹ sẽ nhịn cho an cửa nhà!

Gớm thay mưu kế anh ta,

Thực ra đại khái ai mà dám giết ai?

Tích "Mài dao dạy vợ khuyên mẹ" thấy có chép
trong truyện Liễu Trai!

30. GÀ TRỌNG HƠN MẸ

Được hôm thư thả viễn hành,
Thử đi sang tới Bắc thành mà coi,
Bia đá một tấm giữa trời,
Khen người hiếu nghĩa, chê loại người bất lương!

Có anh bạo ngược lật lều,
Ở làng Sùng Quán, quê hương rành rành;
Tính tình dữ tợn gian manh,
Ngu si chẳng hiểu hiểu tình là sao?
Mẹ già mỗi tuổi một cao,
Con trai ngang dọc làm sao cũng chiều;
Anh nuôi con gà chọi quá yêu,
Quên đường hiếu nghĩa, suốt ngày nâng niu con gà!

Một hôm vui bạn chơi xa,
Dặn vợ với mẹ ở nhà trông coi!
Nghìn vàng có mất cũng thôi,
Con gà rất quý, không người nào đang;
Mẹ chồng con dâu bận việc ăn làm,
Nàng dâu sàng gạo dưới nhà ngang bất kỳ;
Gà vào ăn thóc một khi,
Chị lấy sàng quăng bốn, gà thì chết tươi.
Thất thần sợ hãi rụng rời,

Mẹ ơi con đến chết thôi về gà!
Mẹ thấy dẫu thảo kêu ca,
Chồng mày về tao nhận làm chết gà là xong.

Hai mẹ con đang bàn định ở nhà trong;
Trông ra đã thấy chồng, con trở về.
Mẹ mừng gọi cuống cà kê,
Mẹ mừng mặc mẹ con gà tôi đâu?
Thở dài, mẹ nói thác một câu,
"Nhỡ tay tao quật chết, còn đâu mà hỏi gà?"
Con đâu biết mưu mẹ già,
"Gà tôi mà chết thì mạng bà thẳng thiên,
Nói xong thưởng cuộc mang ra liền,
Lấy thùng trối mẹ, thuê khiêng ra đồng.
Mẹ già nước mắt chảy ròng,
Khiêng mẹ ra đồng, đang lúc giữa trưa.
Vừa khi qua chốn ruộng dưa,
"Công mẹ vun xới được sào dưa mới trồng;
Con cời trối cho mẹ, ăn một quả bồ công,
Mà rồi con chôn sống mẹ, mẹ cũng vui lòng con ơi!"
Thằng con chẳng nói nửa lời,
Ra công dốc thúc đào mai nửa giờ;
Tự nhiên dùng dùng sấm chớp mưa to,
Thiên lôi xuống đánh nó chết co giữa đồng!

Rõ ràng muôn mắt đều trông,
Mẹ già thoát khỏi cái vòng oan khiên.
Mẹ về ở với con dẫu hiền,
Từ đấy nổi bia đá, ghi truyền đến nay.

31. NĂM CON CHƯA HẾT LÒNG CHỒNG

Trời sinh ra kiếp người ta,
Đàn ông hiếu nghĩa, đàn bà tiết trinh.
Chớ nên khuất tất ngoại tình,
Nghìn năm chớ để ô danh má hồng,

Nhớ xưa có chị ở phố Hàng Bông,
Nhà vợ danh giá, nhà chồng thư hương.
Hai gia đình cùng nền nếp kỷ cương,
Gái năm con phải gió, còn thềm thuồng nguyệt hoa.
Hai bên đều giàu có như là,
Chồng tậu ô tô chạy bến, hồng ra cầu tài.
Mượn được anh tài xế đẹp trai,
Tính cô chủ nhí nhất, suốt ngày liếc ngang.
Lửa gần rơm lâu ngày nó cũng bén sang,
Một chữ mê, một chữ quá, phá tan hoang luật đời!
Lạ gì bướm đã quen mùi,
Dầu hang sâu títt mù tấp, cũng tìm đời cho thấy hoa.
Thối đời ta mới bén duyên ta,
Vợ xin phép nhà, xuôi Nam Định ngày mai,
Xong cô chủ lại dẫn trước cậu tài,
Gói thêm dăm bộ quần áo, sơ mi mai ra tàu.

Anh chồng ta biết ý đã lâu,
Chờ vợ ra tàu, xuôi phía Nam Sa,

Lại thuê một mụ đàn bà,
Dẫn đi theo để ý dò la vợ mình.
Anh tài với cô chủ vô tình,
Khác nào con trẻ được bình kẹo ngon!
Xuống Nam gần bố sắt son,
Cô chủ giục, anh tài vội đi thuê buồng, mượn sấm⁽¹⁾.
Thuê được rồi vào nói chuyện trăm năm,
Mụ theo dõi đến biên số sấm rõ ràng.
Ra nhà giấy thép⁽²⁾ vội vàng,
Gửi lời thưa rõ, xin xuôi Nam ngay giờ.

Anh chồng ở nhà thấy rõ tóc tơ,
Lên ô tô chạy sinh sịch, mười hai giờ tới nơi.
Anh ta tính sẵn trước rồi,
Nên đi tìm kiếm hai người tề mắng⁽³⁾.
Đủ mặt mặt thám sen đầm,
Đến vây rõ chặt các cửa sấm kỹ càng.
Vào bắt được đám tích quả tang,
Thế mà cô ả còn toan già mồm.
Chú tài ta sợ mất thân hồn,
Ngồi run cầm cập góc buồng tô hô!
Chồng trối vợ để lên ô tô,
Còn anh nhân ngãi giao ngay cho sen đầm.
Ô tô lại mở máy âm âm,
Hai giờ sau đã tới sân gia đường!
Năm con chưa biết chuyện gì, ra đón mẹ dù đông.
Gái năm con chưa hết lòng chồng, hỡi ôi!

⁽¹⁾ Do tiếng Pháp *chambre* nghĩa là phòng, buồng.

⁽²⁾ Tức nhà Bưu điện.

⁽³⁾ Do tiếng Pháp *témoin*, nghĩa là người làm chứng.

32. TRUYỆN CÔ GÁI ĐIỂM

Nhà quê em bước chân ra,
Quần bao lia cửa bỏ nhà ra đi!
Một cố do hàn vi cơ cực,
Hai nữa là cứng cật ngay xương.
Ba nữa thềm miếng cao lương,
Bốn hay tính nết mê đường nguyệt hoa.
Năm nữa ngại ruộng nương cấy cuốc,
Sáu hay là ruộng rẫy chồng con!
Bảy hoặc đã quen dạ điểm đàn,
Tám quen đi tính theo phường cầu Nôm.
Chín em muốn thung dung giấy dép,
Mười phải chăng mang kiếp má đào?
Những là nay ước mai ao,
Bước ra Hà Nội hồng trao chỉ hồng!

Cũng có kẻ bênh bóng mặt nước,
Gặp nhiều cô nhem nhuốc phấn son.
Mới ra lạ nước lạ non,
Tình thành đông đảo, bà con đâu hà trời?

Gặp cậu bồi tán tỉnh không ngại,
"Anh nghe thấy chuyện bồi hồi, anh thương!"

Vào đây chung chiếu chung giường,
Rồi sau ta sẽ liệu đường mới mạnh!"

Chị à ta mừng thầm chắc chắn,
Cơ đồ này may mắn vì đâu?
Ai làm hoa nguyệt dải dầu,
Hết đêm hôm ấy ra mầu già duyên.
Ra cửa chợ khóc than tâm tã,
Bụng lại đau vì đói là mất mồi;
Khốn thay lại gặp mẹ Tú bà,
Hỏi sẵn hỏi đón, rước về nhà dưỡng nuôi.

Thế là em đã hư đời!
Gái quê chốc đã ra người nhuốc nhơ!
Phấn son đưa đẩy vật vờ,
Tối rước cửa trước, sáng sờ cửa sau.
Dung nhan mấy nả mà râu,
Hết duyên, hết khách cơ cầu đến ngay!
Chị em ơi! đại nào bằng cái đại này?

32. ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

(Hát ngồi) Đồng tiền Vạn Lịch,
Thích bốn chữ vàng,
Công em ăn ở với chàng bấy lâu.
Bây giờ chàng thác ở đâu?
Để em giúp đỡ trăm cau ngàn vàng.
Năm trăm em đốt cho chàng,
Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.

(Chênh bong)
Ngẫm xưa lắm chuyện nực cười,
Đàn ông đâu có lạ đời đánh ghen?
Đồng tiền Vạn Lịch khắc tên,
Vàng chhai đá nát ai quên ngãi chồng?
Chuyện xưa đem kể giải buồn,
Có chàng Vạn Lịch lái buôn thuyền mảnh.
Vợ tên là Nguyễn Thị Chinh,
Ba năm ăn ở thuận tình giao ca.
Ngược xuôi buôn bán gần xa,
Một hôm thuyền đậu bến La sông Hồng.
Tiết trời u ám mùa đông,
Heo may rét mướt lạnh lòng mưa sa.
Vợ chồng bàn chuyện gần xa,
Thị Chinh ngược mắt trông ra ven đường.

Thấy người đánh đập mà thương,
Mình trần khổ một, ngập ngừng bước đi.
Thị Chỉnh cảm cảnh vân vi,
Xót người khổ cực lưu ly bản hàn.
Nhà ta trong trướng ngoài màn,
Gia đình yên ấm thuyền khoang vui vầy.
Nghĩ ai rét mướt cảm thay,
Miệng run cảm cập, thân gầy lê chân.
Thị Chỉnh nghĩ đoạn bản thân,
Thương ai giúp mấy áo quần ấm thân;
Cùng với lưng cơm bát gạo qua lần,
Vạn Lịch nghe thấy, hăm hăm nổi ghen.
Chàng ta đuổi vợ bước lên,
Một giờ không chứa dưới thuyền tỉnh tỉnh.
Kính hoàng nàng Nguyễn Thị Chỉnh,
Hột châu lã chã, thất thân thương ôi.
Trần tình thưa hết khúc nhôi,
Ba năm duyên kiếp có tôi với chàng.
Lượng mong chàng xét ngay gian,
Chỉ vì thương kẻ cơ hàn bản nhân.
Vạn Lịch chẳng nói chẳng rằng,
Vàng cho ba lạng hăm hăm đuổi đi.

(Hát ai)

Thị Chỉnh đau đớn sáu bi,
Đôi hàng nước mắt lâm ly chan hoà,
Liều bỏ bạc mệnh cành hoa,
Tắm thân dang dở biết mà về đâu?
Ai làm mưa gió thảm sâu,
Tơ xe đòi đoạn, nhịp cầu cắt ngang.

(Kể thơ oán màu)

Thơ rằng:

Vạn Lịch, Thị Chinh,
Kết nghĩa Châu Trần,
Ba năm duyên kiếp,
Vợ chồng xum hiệp.
Trách ông tơ hồng,
Nửa chừng rẽ đôi.
Duyên ôi phận hẩm,
Mỗi người mỗi nơi.
Cuộc đời tan nát,
Cay đắng rã rời.
Vạn lịch ăn ở,
Lòng dạ hẹp hòi.
Gan thâm ruột nát,
Thị Chinh bước đi.
Dậm trường thân gái,
Khổ cực lưu ly.

(Hát ai)

Thế là Vạn Lịch Thị Chinh,
Hai người từ đấy dứt tình xa nhau.
Trời làm mưa thảm gió sầu,
Vai mang khăn gói, tay lau lệ tràn.
Ngậm ngùi rời khỏi hàng thuyền,
Gập ghềnh chân bước, băng miền tìm đi!

(Chênh bong)

Còn anh khổ rách một khi,
Tay cầm cái dậm lần đi trên đường.
Ào ào gió giạt từng cơn,

Rút da cắt thịt rết đường thấu xương.
Xa trông ai đẹp tựa tôn (tiên)
Nghĩ người sang cả, lại buồn cho thân.
Thị Chinh đến cạnh bán thân,
Buông lời nhỏ nhẹ hỏi dân thấp cao.
Rằng chàng quê quán nơi nao,
Mà chịu mưa nắng biết bao dãi dàu.
Họ hàng thân thích nông sâu,
Cùng cha với mẹ ở đâu bây giờ?
Chàng ta cảm động bơ thờ,
Ngập ngừng kể hết tri cơ cửa nhà.
Sao nàng lại hỏi gần xa,
Tôi đi đánh dạm, tên là Trần Cơ.

(Hát ai)

Cha mẹ mất sớm tự giờ,
Ngay hồi tám bé cực cơ bán hàn.
Không thân thích, không họ hàng,
Không người khuya sớm hỏi han cậy nhờ!
Mẹ chết từ thuở bé thơ,
Đến sau bố chết tuổi đã mười ba !
Quê nhà ở cạnh đồng Hà,
Nhờ lều chần vịt, đi về trú chân.
Sống nghề đánh dạm lần khần,
Bữa no bữa đói, nuôi thân qua ngày.

(Chênh bong)

Thị Chinh nghe đoạn thương thay,
Lựa lời nàng mới tỏ bày căn duyên.
Bởi thương người khổ ở phiên,

Không may chồng lại tương ghen dứt tình.
Nỗi oan ai biết cho mình,
Không được ở nữa nên đành bước đi.
Thân này mang tiếng bất nghì,
Đành liều phó thác ngại gì khổ cam.

(Riềm huê)

Tôi nay thừa thật với chàng,
Thị Chinh, họ Nguyễn, dở dang phận đành.
Bơ vơ cái kiếp hồng nhan,
Thương thân mắc phải đa đoan cơ cầu.
Tôi không như ai phân biệt nghèo giàu,
Đã từng lặn lội mấy cầu gian nan,
Quản chi cực khổ bán hàn,
Thiếp mong ngày tháng bên chàng tựa nương.

(Chénh bong)

Trần Cơ nghe đoạn mà thương,
Xót nàng chịu những tai ương khổ phiền.
Nàng thời đẹp đẽ như tiên.
Thân tôi khổ cực liên miên tháng ngày.
Nên tôi đâu dám sánh bày,
Chịu lời tính chuyện với ai thể nguyên.
Trú chân lều vệt chưa yên,
Mong đâu gia thất tơ duyên kết nghì.
Thị Chinh mới nói một khi,
Chàng mà không nhận, thiếp thì chết thôi.
Đau lòng vì nỗi tui nguì,
Đành đi bỏ xác ngoài nơi sông Hồng.
Để hồn về chốn thủy cung,

Đành thân nhắm mắt xa vòng thế gian.
Trần Cơ nghe thấu lời nàng,
Thương thân bỏ liễu gian nan đoạ đầy.
Thôi nàng vậy hãy theo nay,
Về nơi lều vịn thánng ngày tựa nưong.

(Kể thơ hơi rầu)

Thơ rằng: Quán lều nhỏ hẹp,
Dọn dẹp trú chân,
Chốn ấy nưong thân,
Trần Cơ, Chinh Thị
Tò lòng tôn quý,
Chàng đánh dậm te,
Có chiếc chõng tre,
Nưong nàng nằm nghỉ,
Lấy manh chiếu rách,
Sát vách trải nằm,
Đói khổ bán hàn,
Lần hồi cơ cực,
Quán lều dột nát,
Thấy thật thảm thương.
Thân phận khổ dươg,
Trần Cơ, Chinh thị.

(Riêm huê)

Chinh thị lảng đấng nhiều bề.
Cùng Trần Cơ vẫn sống kẻ bên nhau;
Quán lều mưa nắng dãi dầu,
Vấn ra hờ hững chưa hầu ở ăn!
Chàng ta có ý bề bàng,

Giàu nghèo cách bức sao đang vợ chồng?
Sống như vậy nửa năm ròng,
Đêm khuya Chinh thị lệ tuôn khẩn nguyện;
Xin cùng hậu thổ hoàng thiên,
Bốn phương chứng giám lòng thiêng thiếp nay.
Ví đâu duyên kiếp sánh bày,
Kíp xe tơ tóc nên rày phu thê
Nhuộc bằng không hợp duyên thê,
Cũng xin cho biết để thiếp liệu bề một hai?

(Chênh bong)

Đoạn rồi sáng sớm ngày mai,
Trần Cơ vác dậm lên vai ra đồng.
Chinh thị xẩm nắm thối cơm,
Làm xong đầu đầy dăng dơm khẩn trời.
Nếu mà ứng được như lời,
Mắm cơm cúng rồi, chàng sẽ về ăn.
Rồi ra kết chỉ châu trần,
Để tôi yên trí đỡ phần băn khoăn,

(Kể thơ tươi màu)

Khẩn rằng:
Thiếp nay lòng thành,
Tên gọi Thị Chinh,
Khẩn bà Nguyệt lão,
Khẩn ông Tơ hồng,
Muốn cùng Trần Cơ,
Chấp mối duyên tơ,
Xum vầy chồng vợ,
Phỉ nguyện từ giờ.

Một lòng một dạ,
Sơn sắt keo sơn.
Khổ cực chi sá,
Nắng mưa chẳng sờn.

(Chênh bong)

Thốt đoạn cơm nước xong xuôi,
Trông ra đã thấy mặt trời về hôm.
Thị Chỉnh lòng dạ bốn chôn,
Hồi lâu thấp thoáng đầu thôn ai về.
Mừng lòng cười nói hả hê,
Chào anh đã về, kiếm cá nhiều thay !
Mâm cơm em đã sắp bày,
Mời chàng ngồi rày, ăn uống với em.
Trần Cơ thấy vậy lạ nhiên,
Sao nay lại dọn mâm cơm đủ đầy?
Cỗ bàn nấu nướng chỉ đây,
Sang cả thế này, hỏi có việc chi?
Thị Chỉnh mới nói vân vi,
Em nay tưởng nhớ đến kỳ giỗ cha.
Phận con đơn cúng hương hoa,
Lòng thành dâng kính gọi là mâm cơm.

(Riêm huê)

Trần Cơ nghe nói động lòng,
Cùng nàng khấn vái, ngồi xông ăn liền.
Tóc tơ từ đây như nguyên,
Quả là Trần Nguyễn kết duyên vợ chồng.
Từ nay chỉ kết tơ hồng,
Gia đình yên ấm mặn nồng lứa đôi.

Làm ăn chi chút lần hồi,
Ngày càng khấm khá, tiền dôi thóc thừa.

(Chênh bong)

Một hôm con bóng đương trưa,
Trần Cơ tải thóc ra chua sân nhà.
Gió nam phảng phất từ xa,
Thổi về mát rượi, đu đưa vông nhà.
Năm canh mãi chẳng thấy gà,
Chàng ta thiu thiu, say sưa giấc hòe.
Đàn gà được thể kéo về,
Gọi nhau cung cúc, say mê mổ trăn.
Trần Cơ bùng dậy quáng quàng,
Vớ gì cầm nấy, ném tràn khắp sân.
Cái gì rắn chắc như xương,
Gói khăn tay để đầu giường kệnh ra.
Vội vàng mở gói tay trao,
Thấy mấy cục sỏi từng vào dạm ta.
Báu chi vàng ngọc nhưng là,
Tiện tay cầm ném đàn gà cho xong.
Ngờ đâu lấy phải gói vàng,
Vợ cất trong bọc để phòng ốm đau.
Gà chạy te tái trước sau,
Chàng ta lại ngã lưng trâu ngáy sòng.
Thốt thôi đã xế chiều hôm,
Trông ra nhác thấy đầu thôn vợ về,
Chàng ta cười nói hả hê,
Em đi chợ về, có mệt hãy nghỉ chân.
Thị Chinh nghe tiếng của chồng,

Miệng cười đơn đả, chào chàng ngồi chơi.
Chợ xa đã muộn quá rồi,
Để em xuống bếp, vậy thời thổi cơm.
Lát sau xới xới dơm dơm,
Vợ chồng xong bữa, rửa mâm cất nồi.
Cùng ngồi uống nước nghỉ ngơi,
Chuyện nàng bán cá, chuyện người bán buôn.
Thốt thôi vào lật đầu giường,
Gói vàng đầu mắt bằng hoàng nét hoa !
Vàng này chồng cũ trả ta,
Hồng khi trái nắng, ngõ mà phòng thân.
Tiếc vàng mê mẩn tâm thần,
Dạ đường xao xuyên, nghĩ gần nghĩ xa.
Còn đương vợ vẫn vào ra,
Trần Cơ thấy vậy, miệng đà hỏi ngay.

(Phồn huê)

Cơ sao ủ mặt chau mày,
Điều chi hãy tỏ anh hay với nàng.
Thị Chinh mới nói cùng chàng,
Có mấy nén vàng, dành dụm từ khi.
Nay tìm mất chẳng còn gì,
Lấy chi phòng giữ lo khi bán hàn?

(Riêm huê)

Trần Cơ phân tỏ dễ dàng,
Gió hè đây đây đương an giấc nồng.
Anh đương giấc quế mơ màng,
Chợt bừng tỉnh dậy, phút trông đàn gà.
Kéo về ăn thóc sân ta,

Anh tưởng hòn gạch ném ra theo mà.
Văng đâu tới tận bờ xa,
Hòn sỏi cục gạch sao mà hoang mang!
Thị Chinh nghe nói kinh hoàng,
Người đời sao nở cầm vàng ném đi?
Chàng nghe hờ hững hồ nghi,
Rằng như vật ấy hiếm chi chẳng nào?
Mấy hôm đánh đập bờ ao,
Cá cua chẳng được, nó vào đáy te.
Bực mình đem đổ bờ tre,
Ngoài kia chất để đắp be thành từng.

(Chánh bong)

Nàng nghe nửa ngại nửa mừng,
Hay chẳng bạc bẽ tiền rừng trời cho?
Vợ chồng ra tới đầu gò,
Đống vàng coi dễ như kho chất đầy.
Nhác nom nở mặt tươi mây,
Mừng nào cho đáng mừng này nữa không?
Ngắm khi nối gót theo chồng,
Ngờ đâu xây núi non bằng như chơi.
Bởi chung ăn ở trên đời,
Sao cho chân thật nên người có nhân.
Khôn ngoan đâu dễ có lần,
Lành hiền phúc đức được phần đến ngay.
Vợ chồng sung sướng nào tày,
Thị Chinh còn muốn khuyên rày lập danh.
Trần Cơ từ đấy thoả tình,
Tết về, lưng giắt một bình rượu tăm.

Một hôm nhân tiết đầu năm,
Đó đây rộn rã, ngày rằm tháng giêng.
Chàng ta bầu rượu lần khăn,
Tìm nơi gió mát trăng thanh, ngả bầu.
Thốt thời tới miếu làng sau,
Thấy chú phỗng đá ra mầu buồn thiêu.
Trăng lên gió thổi hiu hiu,
Một mình nhấp rượu, thiếu điều bạn quen.
Dưới làng nào có bạn hiền,
Mời phỗng xuống chén, cho bền cuộc say.
" Mau mau chú phỗng xuống rày,
Với ta nhấp chén rượu cay vui nào!"
Phỗng nghe nói, thú làm sao.
Ngồi cùng đánh chén, vui sao vui này!
Người say mặt đỏ bằng nay,
Phỗng say phỗng ngã đổ quay bên đồi.
Người say to tiếng như thiên lôi,
Phỗng say phỗng đổ mồ hôi ướt đầm.
Hay đâu gió nổi âm âm,
Mưa như xối nước, gió bần mái tranh.
Trần Cơ say khướt về lần,
Còn lại phỗng đá vẫn nằm trơ thân.
Không thiêng ai gọi là thần,
Một ngày phỗng ngã, phương dân động âm.

(Hát ai)

Tùng phen nắng cực mưa gấm,
Hơi dương nồng nực, khí âm nặng nề.
Dây đàn khắp chợ cùng quê,

Vàng giấy chất đồng, tứ bề kêu van.
Sân rồng xuống chỉ khâm ban,
Ai nâng phỗng dậy thẳng quan, thường hàm.

(Chánh bong)

Lệnh truyền cõi bắc phương nam,
Quân hùng tướng mạnh tái tam đua tài.
Năm nghìn võ sĩ một hai,
Quy xuống nhận bài, dụng phỗng cho ngay.
Người nâng, phỗng vẫn miệt mài,
Không xê một tác không rời một ly.
Từ ngày được của đến giờ,
Gia đình Trần Nguyễn ấm no thuận hoà.
Một hôm đang ở trong nhà,
Nghe tiếng loa dịch, từ xa vọng về.
Vợ chồng ngồi tựa vai kề,
Tiếng loa vọng lại Xá hê dương rao.
Trần Cơ hỏi vợ khi nào,
Ngoài có chuyện nào, nói lại anh hay
Thị Chinh phân tỏ rằng nay,
Ai dụng được phỗng, vua phong ngay quyền hành.
Chàng ta nghe vợ ngọn ngành,
Việc ấy chi khó, vốn tình bạn thương.

(Kể thơ)

Ta cùng phỗng đá bên đường,
Trong mấy năm trường, kết bạn cố tri.
Từ khi còn thuở hàn vi,
Kiếm cá đi về cùng phỗng tâm giao.
Nàng mà nghe thấy Xá rao,

Hãy gọi Xá vào, nhận lấy cho anh.
Thị Chinh nghe nói hãi kinh,
Biết dở hay lành, mà nhận thế nào?
Không được, chịu tội với trào,
Đâu phải chuyện bốn mà chào được sao.
Trần Cơ thấy vợ sợ bao,
Lựa lời chàng mới thấp cao kể tường.
Tôi cùng chú phỗng bên đường,
Đã mấy năm trường, làm bạn với nhau.
Vừa qua với chú tâm đầu,
Đương vui tiệc rượu, gió đâu kéo về.
Mưa to chớp giạt tứ bề,
Giận trời ở tận, phỗng lê thân kền.
Nàng thời nhận lấy cho anh,
Ra tay dựng phỗng đứng thành như xưa.
(Chênh bong)

Thị Chinh mời Xá vào thưa,
Chồng tôi xin nhận sắc vua vậy mà.
Nói xong chồng vợ liệu là,
Tối trời sẽ tính ra mà miếu sau.
Ven đê thấy phỗng nằm rầu,
Trăng thanh gió mát đã hầu nửa đêm;
Nhẹ nhàng chân bước tới bên,
Vỗ vai phỗng đá, ngồi lên rượu bày.
Mở bầu rót rượu ra ngay,
Một người một phỗng vui vầy tri âm.
Gió nam nhè nhẹ rì rầm,
Rượu rót lần lần, mời phỗng uống đi.

Mở lời chàng nói vân vi,
Ta cùng chú phổng cố tri bạn hiền.
Vừa rồi xa cách nửa niên,
Ta không đến chú thất niềm đệ huynh.
Đêm nay mới thoả chút tình,
Ta cùng nhau quyết cạn bình trước sau!
Phổng ta nghe tỏ đuôi đầu,
Rượu vui cùng nhấp đêm thâu canh dài.
Bấy giờ phổng mới một hai,
Ta xua với chú đánh bài tâm giao.
Tắm thân trải mấy ba đào,
Thân ta chìm nổi lao đao thác ghềnh.
Từ ngày chú lập gia đình,
Yên bề gia thất quên tình em anh.
Vân vi trò chuyện tâm tình,
Chuốc rượu cùng uống thâu canh đêm tàn.
Đầu làng gà đã gáy vang,
Trống tan canh điểm, dăng đông sáng rồi.
Trò chuyện suốt một đêm dài,
Chàng từ giã phổng chia tay ra về.

(Riêm huê)

Tới nhà thuật với hiền thê,
Công việc dựng phổng vua đề đã xong,
Vội vàng khăn gói đeo mang,
Theo Xá lên đường, vào chốn triều trung.
Thị Chính mới dặn tỏ tường,
Chàng vào quỳ tấu quốc vương triều đàng.
Vua mà ban tước phẩm hàm,

Thì xin một chúc tuần hành Cẩu Tao.
Dẫn xong vợ mới quay vào,
Chàng liền nhẹ bước thấp cao dặm trường.
Trời còn tối sẫm hơi sương,
Ruổi rong chân bước trên đường thẳng mau.

(Chánh bong)

Mặt trời đã lặn đằng sau,
Trần Cơ mới tới địa đầu Thăng Long.
Sương tan vào chốn triều trung,
Chân quý tâu trước đền rồng lời què.
Tôi nay tên gọi Trần Cơ,
Nhận chỉ hồi giờ đã dựng phông lên.
Đức Vua khi ấy phán truyền,
Khen cho xứng đáng tài hiền nam nhi.
Nay phong phẩm tước triều nghi,
Tuỳ chàng muốn lấy chức gì trăm ban !
Trần Cơ quỳ dưới thêm vàng,
Khấu đầu lạy trước sân đàn tâu trình.
Nếu mà ban tước triều đình,
Tôi xin quyền hành, một chúc Cẩu Tao.
Thuyền bè kiểm soát ra vào,
Lập đồn đóng trại xây hào ven sông.
Vua nghe tâu, đẹp dạ rộng,
Phán truyền chiếu chỉ sắc phong quyền hành.
Trần Cơ nhận chức châu tuần,
Tạ ơn bệ ngọc bước chân ra về.
Vợ chồng mừng rỡ hả hê,
Kiểm soát thuyền bè, đi lại ngược xuôi.

Lập đồn đóng trại xong rồi,
Vinh hoa bỏ lúc thiết thời tuổi xanh.
Trong đồn có trống cầm canh,
Có lính kiểm soát thông hành khắp nơi.

(Riêm huê)

Chiều hôm gió nhẹ quang trời,
Vợ chồng Chinh thị ngồi chơi trên lầu.
Lược cài trăm giắt mái đầu,
Trông nàng càng rõ ra mầu đẹp tươi.
Mặt hoa mây liễu gương soi,
Chuyện vẫn nói cười, hóng mát lầu cao.

(Hát ai)

Đôi khi giữa chốn buồng đào,
Nghĩ thương chồng cũ, ra vào chẳng quên.
Đã dành người ở bạc đen,
Lòng còn vương vấn chút duyên cũ càng.
Non xanh nước biếc mây vàng,
Con sông khuất khúc, nẻo đường quanh co.
Ven bờ ngọn sóng vật vờ,
Giữa dòng chìm nổi, gió xô tới bời.

(Kể thơ tươi màu)

Thơ rằng: Trần Cơ Chinh thị,
 Bao chịu đắng cay,
 Nay rày gặp hội,
 Phong vân từ ngày,
 Con sông có khúc,
 Khi thác khi dài,
 Con người có lúc,

Bĩ cục thái lai,
Lập đồn đóng trại,
Của cải đủ đầy,
Bỏ ngày oan trái,
Thân gái thương rày,
Thoáng khi đôi lúc,
Day dứt nghĩa ai,
Dầu người đen bạc,
Lòng vương canh cháy!

(Chênh bong)

Xong đoạn Trần Cơ vừa rồi,
Đến chàng Vạn Lịch ngược xuôi hàng thuyền.
Bán buôn thua lỗ liên miên,
Quần áo bạc tiền, trút hết xuống sông.
Khác nào như thú mắc chông,
Chàng ngồi nhớ đến vợ chồng cảnh xưa.
Ruột tâm đòi đoạn vò tơ,
Đâu người vợ cũ chăm lo gia đình?
Ba năm chan chứa nghĩa tình,
Hồ đồ bạc bẽo nay mình bơ vơ.
Nghĩ thôi người lại bơ thờ,
Hối thời đã muộn, vật vờ tưởng diên.
Một hôm chàng mới ngược thuyền,
Tới nơi đậu bến bước lên trình đồn.
Chòi canh lính gọi loa đồn,
Bớ thuyền chú lái qua đồn đường nao?
Thuyền vừa cập bến chống sào,
Mưa gió dạt dào, rét buốt tận gan.

Trời chiều mây xám mênh mang,
Bèo trôi nước chảy lan man giữa dòng.
Vạn Lịch cầm giấy hành then,
Chân đi thùng thỉnh tới trên mạn bờ.
Nổi riêng bất ý chẳng ngờ,
Bước vào thêm đá đứng chờ lệnh quan.
Còn đang khúm núm trước bàn,
Ngửa trông thấy một bên quan bên bà,
Phải chăng nhầm nhớ nhưng là,
Quả mà bà Cậu chính là vợ xưa.
Trước ta bùn lấm vấy bừa,
Nay giờ phấn điểm hương đưa khác nào.
Thị Chinh ngồi trước bàn đào,
Vừa thương vừa giận, lát sau nói rày:
"Báo cho Vạn Lịch được hay,
Chờ ba bốn ngày, giấy cấp sẽ trao !"
Xong nàng đứng dậy quay vào,
Lòng còn vương nghĩ lẽ nào chuyện xưa...?

(Hát ai)

Đang tay mà dứt mối tơ,
Để ta bao nỗi cực cơ trăm đường.
Trách ai ăn ở lật lều,
Đuối ta phải bỏ khoang bóng ra đi.
Tắm thân bỏ liễu nữ nhi,
Nhớ ngày khổ cực lưu ly bản hàn.

(Xẩm chợ)

Vạn Lịch về tới thuyền hàng,
Vừa nằm vừa nghĩ trăm đường lo liên.

Sống về cái cảnh hàng thuyền,
Bán buôn thua lỗ đảo điên nhiều bề.
Nhớ ngày trốn đuổi vợ đi,
Lâm vào túng bán tứ bề khó khăn.
Đêm ngày nghĩ ngợi xa gần,
Qua ba ngày nữa, mau chân lên trình.
Lót lời với chú lính canh,
Xin giấy thông hành, đợi lệnh cho đi.
Nhờ cậu vào bẩm một khi,
Xin quan thương thì, cho phép tôi đi.
Lính vào bèn bẩm như y,
Ông bà cấp giấy thuyền đi cho rồi.
Thị Chính mới nói một lời,
Cho phép Vạn Lịch tức thời vào ngay.
Xem chàng có ý thẹn thay,
Lựa câu nàng mới bằng nay tỏ lời.

(Kể rầu)

Chàng ơi xin tạm ngồi chơi,
Chàng mà còn nhớ đến tôi chẳng là?
Từ ngày chàng đuổi tôi ra,
Theo người đánh dậm nay đà nên thân.
May nay được gặp cố nhân,
Đầy vàng ba lạng đền ân trước ngày.
Duyên trời dẫu đã đổi thay,
Tình xưa nghĩa cũ đến rày chưa quên.

(Hát ai)

Chàng nghe nói chẳng dám nhìn,
Chẳng thà khuất mặt khôn đành tủi thân.

Bờn mình ăn ở bất nhân,
Mặt nào còn dám thể ân nhân vàng.
Trước bàn lui tới bẽ bàng,
Tạ từ chàng vội cáo nàng trở ra,
Ngập ngừng chân bước lẹ sa,
Trông vời sầu dạ, thấy hoa thẹn thùng.
Về thuyền nằm nghỉ nước cùng,
Ra khoang khẩn vái, trường giang gieo mình.
Bến sông sóng vỗ dập dình,
Hết đời chú lái bạc tình một khi.

(Chánh bong)

Sự đây sóng gió bất kỳ,
Chân sào khiếp hãi vội đi trình đồn.
Thoạt nghe Chính thị hết hồn,
Chàng ơi sao nở dòng sông gửi đời !
Dấu sao chút nghĩa chưa rời,
Ba năm ăn ở, khôn thời thương đau.
Nghĩ thôi lã chã hạt châu,
Lòng riêng ngỡ hết tình đầu khúc nhòai.
Trần Cơ nghe nói bồi hồi,
Nghĩ thương Vạn Lịch con người quá ghen.
Tình xưa nghĩa cũ phải đền,
Truyền quân thuê vớt xác lên trên đồn.
Vàng xưa ba lạng hãy còn,
Làm chay sám hối cho hồn rửa oan.
Dù cho chàng dứt giây loan,
Cũng còn nghĩa cũ nhận đàn yến bay.
Chàng dù khuất bóng xa mây,

Lòng ta như bát nước đầy là hơn.
Thị Chinh nghe tỏ nguồn cơn,
Càng thêm đau xót, ái ân cũ càng.
Nàng rằng xin đổi ơn chàng,
Rộng cho trả nghĩa bạn vàng ngày xưa.
Đã đành dứt chỉ lia tơ,
Thay đàn, đổi nhịp, nghĩa giờ còn ghi.
Người về âm cách chia ly,
Lời thề lỡ dở, còn thì bóng trăng.
Xin cho trả nghĩa đền ân,
Ma chay gọi chút cụ nhân những ngày.
Tư tờ chài lưới phải ngay,
Người thăm kẻ xét, tìm thấy báo rày.
Sông sâu nước chảy vơi đầy,
Bập bênh bến đỗ, chiếc thuyền dạt vào.
Thuyền buồn với các chân sào,
Sắp đồ khâm liệm rước vào áo quan.
Ngược dòng ruổi cánh bướm lan,
Thuận theo gió thổi theo dòng Tuần Châu.
Áo quan đưa tới cửa hầu,
Thị Chinh ra đón khấu đầu khóc than.
Lại mời sư đến lập đàn,
Làm chay cúng lễ, giải oan lời thề.
Chập cheng sớm tối đủ lễ,
Siêu sinh tỉnh độ hồn về Tây phang.
(Hát ai)
Than rằng:
Thương ơi đàn nỗi giây oan,

Vì ai thảo phím cho đàn lưã giầy.
Tường rằng gặp gỡ chi đây,
Đền ân trả nghĩa trước ngày lấy nhau.
Hay đâu trời thăm vực sâu,
Giận thân chàng vội gieo châu sông hồ !
Thương cho duyên phận vật vờ,
Dấu sao cũng đã hên hò nước non.
Xưa chàng dứt đoạn tơ đồng,
Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ.
Ngờ đâu xảy đến sự giờ,
Gặp nhau phất đã nên cơ sự chàng;
Tiện đây gọi chút lòng thành,
Viếng thăm nghĩa cũ giải tình một hai.
Lòng vàng dạ ngọc bao phai,
Họa là người chốn dạ đài có người?
(Chánh bong)

Mọi việc đâu đấy xong xuôi,
Pháp sư xắm năm cơ ngời ra về.
Thị Chinh mới tỏ mọi bề,
Bao nhiêu của cải đem chia cho chân sào.
Vàng bạc quần áo còn bao,
Cho người thu vén, tính sao vẹn tuyền.
Sau rồi làm sớ tâu lên,
Về triều quỳ tấu dâng trên bệ vàng.
Sớ đệ đến trước Thánh hoàng,
Phán truyền khám mạng đọc tường xét minh.
(Kể thơ tươi màu)

Sớ rằng: "Tôi nay là Nguyễn Thị Chinh,
Cùng chàng Vạn Lịch chung tình sắt son

Ba năm ăn ở vương tròn,
Bởi thương người khó, nên mòn nghĩa xưa.
Từ tôi cực khổ muối dưa,
Cùng chàng đánh dấm sớm trưa nhọc nhằn.
Vợ chồng tu chí làm ăn.
Ở hiền gặp lành, dựng phổng đứng ngay.
Cậu Tao sắc chỉ phong rày,
Vợ chồng từ đây an bài sớm hôm.
Ngày kia Vạn Lịch tới đồn,
Hành then trình giấy xin chồng tôi qua.
Thấy chàng tôi đón vào nhà,
Lấy vàng ba nén trả mà nghĩa xưa.
Về thuyền nghĩ lại nhưng là,
Gieo mình xuống chốn giang hà trầm thân.
Nghĩ thời tình nghĩa cự nhân,
Tâu xin bệ ngọc đến ân nghĩa chàng.
Đức tiên xin đặt tên chàng,
Vạn Lịch thông bảo chữ vàng bốn bên".

(Chánh bong)

Thánh hoàng nghe đoạn phán liên.
Khen nàng ăn ở vẹn tuyền thủy chung.
Khen Cậu Tao ăn ở có lòng,
Cho nàng hồi quán đức đồng tiền trinh.
Thị Chinh về lập quán xây đình,
Đức tiên Vạn Lịch nghĩa tình trả xong.
Bốn bên thích bốn chữ vàng,
Thị Chinh Vạn Lịch giải oan lời thề.

(Ghi theo Nguyễn Văn Nguyên, Trùm Xám Hà Nội)

34. TRUYỆN BÀ MỤC LIÊN

Đời vua thứ bảy nhà Chu,
Trị vì thiên hạ phong du thái hoà.
Có người thiếu nữ xuất gia,
Tiền duyên phật tính tên là Mục Liên.
Đời bên bác mẹ yêu hiền,
Đường duyên thuận mệnh long tuyến chảy qua;
Ông Trường giả chính là cha,
Bà Thanh Đề là mẹ, ông bà bằng nay;
Giàu sang phú quý ai tầy,
Nhưng cây có của chẳng hay làm lành.
Lại còn ra giọng rẻ tình,
Khinh người làng nước ra hình kẻ trên;
Người ta làm phúc làm duyên,
Ai ai cũng một đồng tiền bỏ ra;
Có người khuyến giáo đến nhà,
Mấy rằng khó chẳng có gì cho chi;
Càng giàu càng ở bất nghi,
Lại thêm ghét trẻ bán nhi ăn mày;
Người ta làm phúc đông tây,
Bác cầu lập quán lấp đầy mọi nơi;
Bà nay ngoảnh mặt chỉ cười,
Lại còn ganh ghét những người, sãi vãi chúng sinh!
Càng giàu càng ở hợm mình,
Khinh khi làng nước, phụ huynh xa dân;
Mục Liên có nghĩa có nhân,

Đêm ngày lưỡng những lo thân lòng phiền;
Người ta hữu phúc hữu duyên,
Gặp cha mẹ hiền, bố thí công dương!
Đây tôi lòng những tủi thương,
Gặp phải mẹ dữ tìm phương tu chùa!
Giàu này chính thực giàu lụa,
Ngỏ cửa đợi chờ, có bữa ra đi.
Trên cha mẹ đâu dám nói gì,
Hoà nhìn thấy mẹ, dạ thì khôn yên!
Từ ngày mẹ trở gót tiên,
Phải xuống cửu tuyền hãm tại ngục trung;
Chân đeo xiềng, cổ đeo gông,
Bị quí tra tấn khổ cùng dường bao!
Mục Liên suy nghĩ bào hao,
Lòng lo tính liệu tu chùa học sâu.
Đốc lòng tập phép nhiệm màu,
Tay cầm một quả minh châu độ người.
Chiếu địa ngục nghìn trùng phá tán,
Cứu được mẹ thoát lìa khổ nạn
Xoá sạch mọi cực nhọc oan khiên,
Đưa mẹ về châu Phật Tây Thiên!
Ấy thuở xưa những đấng thánh hiền,
Cũng vì bởi đến công cha mẹ.
Hướng chi ta là người đương thế,
Cũng phải lo trả nghĩa sinh thành.
Công cha như núi Thái san,
Nghĩa mẹ như nước trên ngàn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

35. VIỆT MINH ĐẾN THẬT LÀ TÀI

Tháng Tư nắng lửa lá rầu ⁽¹⁾,
Giữa ngày giáp hạt, đâm đầu lo toan.
Cầm quần, bán áo, thế khăn,
Tuồng rằng vì đói chạy ăn ai ngờ!
Năm nay hàng giáp ăn nhờ,
Con trai đến lượt phải lo chứa làng.
Vợ chồng sớm định tối bàn,
Một năm hai chuyến lệ làng phải lo.
Sau kỳ chứa đạo tháng tư,
Cụ Tiên, cụ Thứ tính cho dân làng.
Mười hai sửa lễ cầu an,
Tiền quan ôn để an khang mọi người.
Vợ chồng lo đứng lo ngồi,
Sửa sang con lợn mâm xôi tế thần.
Trên là kính cụ trong dân ⁽²⁾,
Dưới đến trai thứ ngồi ăn tại đình.
Lợn phơi từ lúc sáng tinh,
Quan ôn chẳng thấy nhặng xanh bâu đầy.
Tế xong vừa vãn hết ngày,
Ngả ra đánh chén, được nay mát trời.

⁽¹⁾ Làng Phúc Xá (Hà Nội) có lệ làm lễ cầu an thường năm vào tháng tư. Mỗi lần lại bỏ vào một gia đình đứng ra lo. Nhiều nhà sát nghiệp vì việc này.

⁽²⁾ Chú ý tinh thần đã kích ẩn dấu trong câu nói lái.

Phông - ten⁽¹⁾ nốc rõ hàng chai,
Miệng khô dạ đói, coi trời bằng vung.
Chén xong nước lã hàng thùng,
Trúng nặng được thể nở bung dạ đầy,
Đem về bụng chướng dạ đầy,
Sinh ra tháo tòng truyền lây mọi người.
Đổ cho dịch tả thiên thời,
Có nhà chết tới hai người một hôm.
Chấp cheng cúng bái om sòm,
Thầy cúng được thể tiền ôn trừ trùng.
Lại càng chè chén lung bung,
Lại càng ruồi nhặng truyền vung khắp làng
Lại càng nặng túi thầy lang,
Người chết vẫn chết cầu an vẫn cầu.
Thuần phong mỹ tục gì đâu?
Chẳng qua một lũ mọt sâu hại người.
Cụ Tiên là bố con ruồi,
Thầy Cúng là nhặng kiếm mồi cầu an.
Thầy Bói ấy lũ quan ôn,
Có năm bắt tới kẻ non trăm người.

Từ ngày Việt Minh ra đời,
Quan ôn cũng cút, nhặng ruồi sạch không.
Cha bảo con, vợ bảo chồng,
Việt Minh ngài tiền thân trùng tài chưa!

⁽¹⁾ Tên một loại rượu trắng, do một hãng Tây bán độc quyền.

^(*) Bài này nghệ nhân nói ra đời từ năm 1946, do cụ Trưởng Sương, một trùm xẩm kỳ cựu đặt ra.

IV. NHỮNG BÀI HÁT XẨM CÓ TÁC GIẢ

NGUYỄN KHUYẾN

MỤC HẠ VÔ NHÂN

Chúng anh đây mục hạ vô nhân,
Nghe em nhan sắc, lòng xuân anh nào nùng.
Dù em phấn má chỉ hồng,
Dừng dung em chẳng thềm trông làm gì?
Lấy anh, anh cho đi trước để làm vì,
Tay thì dắt dúi, tay thì quàng vai.
Vén tay sờ chồn em ngồi,
Em thời chẳng thấy, anh thời thờ than.
Bâng khuâng như mất lạng vàng,
Cái sênh, cái trống, cái đàn ai mang?
Ai ôi thương kẻ dở dang,
Miệng ca tay gảy khúc đàn tương tư!
Chẳng yêu chẳng nể chẳng vì,
Cũng liều nhắm mắt bước đi cho đành.
Một duyên hai nợ ba tình,
Chữ duyên chỉ vướng mối tình ai mang.
Kèo còn di nhớ về thương,
Kèo còn để mối tơ vương bên lòng.

Đôi ta chút nghĩa đeo bông,
Dầu mòn con mắt, tấm lòng dấm sai.
Ngại ngừng những bước chông gai,
Trần gian nhẩn nhục nào ai biết gì?
Chữ tình là chữ chi chi,
Yêu nhau phải bảo đường đi lối về.
Đôi ta đã trót nhời thề,
Gần xa dẫu dẫu đi về có đôi.
Đến đâu người đứng ta ngồi,
Khi đàn khi hát người người xung quanh.
Tới nơi những chốn thị thành,
Đôi bên hàng phố rấp ranh đến mời.
Đó ai biết chốn chợ trời,
Dẫn ta lên khoảng một người nàng tiên ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Xem Nguyễn Khuyến, *Nhà thơ kiệt xuất*. NXB Văn hoá Hà Nội - 1958.

PHAN BỘI CHÂU

NÓI CHUYỆN VỚI MUỐI

Đêm thu trời im gió lặng,
Một mình nằm cố lắng tai nghe.
Lắng nghe đi muối vo ve trong màn,
Liền đây mới hỏi tí tê,

Hỏi đi muối sao lười biếng thế,
Thiếu chi nghề kiếm kế nuôi thân?
Mà đi hút máu nhân dân,
Hại người đang buổi mê man cho đành.
Sao chẳng quản hôi tanh như nước,
Bị chê bai có được ích gì?
Và chẳng ăn xối ở thù,
Những nghề hèn mặt sao đi lại ưa?
Giờ trở đi nên chữa thói cũ,
Noi theo đường sáng sửa làm ăn.
Mấy lời khuyên nhủ ân cần,
Nên chăng xin hãy phân trần cùng nhau?

Muối ngấm nghĩ hồi lâu đáp lại:
Thời buổi này phải trái xá chi?
Chúng tôi là vật vô tri,
Hề mình no bụng biết gì đến ai?

Kìa thử hỏi loài người ta đó,
Lũ tham quan nào có thương ai?
Chỉ đi bóc lột của người,
Làm nên giàu có một đời sướng thân.
Nào có tường đến đâu đói khổ?
Tiếng chê cười gác bỏ ngoài tai,
Hướng chi khác giống khác nòi!

1930

(Xem Văn thơ Phan Bội Châu.

NXB Văn hoá Hà Nội - 1960)

HOÀNH SƠN

1. HOA SEN

Hồ thì hồ, cái thân em như sen nở đầy hồ,
Đứng trong bùn lấm mấy mấy dò hoa tươi.
Trải mấy phen gió giạt sóng dồi,
Mảnh tình em san sẻ mấy ai người tình chung.
Thôi em có quản chi dầy phấn dạn hồng,
Đã chơi lựa mặt anh hùng mà chơi,
Em tha hồ nức nở cho chị em cười,
Sen kia bùn lấm mấy vẫn mùi hoa sen.
Cái xuân em nó hãy còn bền,
Nước trong hồ đục mấy đánh phèn lại trong.
Giăng hoa lòng em vẫn dạn lòng!

2. HOA HỒNG

Thân em như cánh hoa hồng,
Vín hoa ai chẳng nỡ nùng với hoa.
Em còn muốn hóng mát đình non nhà,
Dù cao dù thấp cũng là dãy núi bên nam.
Trải bấy nay mưa gió giạt dầm,
Sương chờ tuyết đợi em không biết làm vợ ai?
Em cũng mong phấn cợt hồng cười,

Nhành hoa thà bẻ cho người vin hoa.
Em hỏi ai trong bạn nguyệt hoa,
Đề đâu mưa gió lại loà tấm son.
Duyên ta ta quyết vương tròn!

3. HOA ĐÀO

Thân em như cánh hoa đào,
Hoa vì mưa đậm, luống dôi dào hạt mưa,
Em sá như ai hoa thái hương thừa,
Mượn màu son phấn lọc lừa giảng hoa.
Em chỉ mong sao cho đầm thấm nước da ngà,
Trải mưa rừng chớp biến em vẫn là còn tươi.
Cánh hoa kia ai khéo chấp nên chồi,
Cũng có khi nay đã vượt lên trời non cao.
Thân em như thể cánh hoa đào!

4. BÀI HÁT ĐẦU CẦU

Anh thương nhớ ai ngơ ngẩn đứng bên cầu,
Bút hoa để gác mực tàu để se,
Bức bình thơ chẳng viết chẳng đề,
Ra vào lũng thũng đi về cái bóng ông giảng.
Thương nhớ ai chẳng nói chẳng rằng,
Ngẩn ngơ, ngơ ngẩn mong chừng nước non.

Bấy lâu tuyết ủ sương mòn,
Mình gầy như trúc, nét buồn như mai.
Thương nhớ ai chẳng đứng chẳng ngồi,
Ngẩn ngơ ngơ ngẩn, ngậm ngùi cò huê.
Bấy lâu gió tựa mưa kê,
Tin đi nhẩn cá, thư về gửi chim.
Hay là nhớ bạn đi tìm,
Mến đàn chồn lứa một mình quán quanh?
Chim khôn luyến tổ, liệng cành,
Tình kia nổi nộ để anh buồn rầu.
Khuyên chàng hãy gượng cơn sầu,
Thiếp xin trang điểm lấy màu phấn son.
Chơi giăng từ thuở giăng tròn,
Chơi hoa từ thuở hoa còn nhị hoa.
Nước non bao tuổi mà già,
Khuyên anh giữ giấy giống nhà Lạc Long.
Trứng rồng lại nở ra rồng,
Bổ công lòng thiếp, chiều chồng nuôi con.
Người còn, non nước hãy còn,
Cỏ hoa còn đó, anh buồn làm chi.
Sách kia có chữ bỉ thử nhất thì,
Câu kia trăm nhịp bước đi còn dài.
Sông kia nước chảy xa vơi,
Con đường xe hoả đuổi người ra xa.
Trên đầu cầu lững thững bóng ông giăng tà!

(Xem *Xám nhà trở*. Hà Nội - 1928. Thư viện
Quốc gia ; Ký hiệu P6 - 10. 598)

TRẦN TRUNG VIÊN (Sưu tập)

1. NAY GẶP NHAU Ở ĐÂY

Thiếp nay thi lễ con nhà,
Thấy chàng mỹ mạo nét na dịu dàng.
Cho nên lòng muốn đa mang,
Biết rằng quân tử có mang hay không?
Ngẫm duyên kỳ ngộ tương phùng,
Lứa đôi ai đẹp sánh tày Tương Như.
Cầu hoàng một khúc lắng lơ,
Trác Văn - quân phải ngẩn ngơ lòng sầu.
Vì đâu mà lấy được nhau,
Nếu không duyên nợ có đâu thế này.
Đôi ta lại gặp nhau đây,
Ba sinh âu hấn nợ này chẳng không.
Xin chàng hãy quyết đồng lòng,
Nâng khăn sửa túi má hồng tựa nương.
Hoạ may thau lộn với vàng!

2. TRÁCH THÂN MÀ GIẬN ĐỜI

Trách thân vả lại giận đời,
Trách chàng quân tử ở ra người thờ ơ.
Phòng không để thiếp đợi chờ,

Năm canh vò võ những là thở than.
Nào khi hợp mặt chén vàng,
Non nguyên biển hẹn tường chàng chẳng quên.
Ai ngờ ra bạc dạ đen
Say bên nhan sắc bỏ bên ngãi tình.
Để em vò võ một mình,
Tương tư khắc khoải, bệnh thất tình đầy vơi.
Trách thân mà lại giận trời!

3. NGHĨ LẠI KÈO GIÀ

Ai ơi nghĩ lại kéo già,
Đừng tham lam nữa để mà mệt thân.
Đời người sống được bao lắm,
Sớm lo tới nghĩ, mình tằm xác ve.
Sao bằng phong nhã đủ bề,
Thị thành cũng lịch, giang khê cũng mầu.
Tử tài ai kém ai đâu,
Mảng vui non nước một màu xanh xanh.
Ra chi của cải thế tình,
Mà đưa khôn khéo mà tranh sang giàu.
Đào Tiềm, Lã Vọng tích đâu,
Thanh nhàn sánh với công hầu ai hơn?
Vui thay nước trí non nhân!

(Xem Văn đàn bảo giám, quyển I.
Hà nội 1926, Ký hiệu MI - 4845
Thư viện Quốc gia TỰ)

TẢN ĐÀ

I - XẨM CHỢ

1.

Chúng anh xưa chẳng biết nơi nào?
Ông trời xô đẩy, anh phải sinh vào cái chốn nhân gian.
Thẹn vì tình mà ngơ mắt với giang san,
Công danh chẳng có thời có cung xẩm xoan cho nó hào.
Bấy lâu nay anh nghe tiếng má đào,
Mà thể có thấy một cô nào anh cũng dui.
Nói đây cho chúng chị em cười,
Anh đây nào phải cái con người thông manh?
Yêu nhau ta chẳng liếc cũng tình!

2.

Sự phong lưu xưa kia anh đã trải mọi mùi,
Bây giờ nhà xiêu vách nát, vợ đối con rét
để anh ngồi sao yên?
Chết cái trong lung không sẵn đồng tiền,
Đôi ba câu hảo, anh phải kiếm ăn miền xẩm xoan.
Kể từ ngày mà trống hát chốn nhân gian,
Mất xanh anh chẳng để khách hồng nhan có một ai vào.
Cái cách ăn chơi nghĩ thế nào mà lại có một bên hào,
Gấm trời một chiếu chẳng lúc nào anh không xuân.
Ở đời nhắm mắt mà đưa chân!

3.

Ngoảnh trông lên anh đây thấy có ra gì,
Ai rằng trăng sáng, anh vẫn thấy tối sì cái bóng đen đen.
Hội chùa Thầy đương lúc đua chen,
Mau chân lên thời tới, hễ ươn hèn thời xa.
Anh tiếc cho đôi người bên chột bên lòà,
Trèo lên non xuống dốc để ai mà giúp nhau
Cái phận ông trời cho khi tường đến mà đau,
Giờ chưa mở mắt, biết mai sau ra thế nào?
Bây giờ đất thấp mà trời cao!

2. CON CÁ VÀNG

Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng,
Cây ngô cành bích, con chim phượng hoàng nó đậu cao.
Anh tiếc cho em phận gái má đào,
Tham đồng bạc trắng mới gán mình vào cái chú Tây đen.
Sợ tơ hồng ai khéo xe duyên,
Treo tranh tố nữ đứng bên anh tượng đồng.
Chị em ơi ba bảy đường chồng,
Son tô phấn điểm má hồng cho ngoan.
Thà rằng lấy chú xám xoan!

3. CON CHIM KHÔN

Con chim khôn đậu trái non đào,
Tiếng kêu réo rắt gọi người Bắc - Nam
Năm canh dài, ngủ hầy còn tham,
Trời Đông đã sáng đi làm kéo trưa.
Giấc mơ màng đã tỉnh hay chưa?
Các cô con gái cũng say sưa cái nỗi gì !
Thời xin đừng gương lược làm chi,
Chồng thì chưa có, ruộng thì bỏ hoang.
Hỏi ai con gái trong làng?

4. ÔM CẨM

Bên tài trời, chị em ta lặn lội bên trời,
Non cao nước chảy, ấy ai người tri âm.
Lúc đêm thanh ngồi dựa cô ôm cẩm,
Lòng tơ tơ tưởng âm thầm tiếng tơ.
Khúc đàn này vẫn khúc ngày xưa,
Mà người đoái khúc bây giờ đâu xa?
Nhớ dấu xanh đương độ mười ba,
Cười trắng bóng xế, thương hoa thu tàn.
Thế mà cái phận hồng nhan!

5. KIẾP HỌC TRÒ

Học thì trò, chúng anh đây cũng kiếp học trò,
Bảy giờ dốt nát anh mới phải nằm co trong cái chỗ xó rùng ⁽¹⁾.
Vẫn không hay chẳng đỡ thời dừng,
Gió mưa mà khỏi chết ⁽²⁾ nửa mừng anh lại nửa thương.
Cái nghiệp bút nghiên cay đắng đủ trăm đường,
Bảng vàng mũ bạc, thôi anh nhường, mặc ai,
Muốn lên bà khó lắm chị em ơi!

(Xem thêm Tản Đà vận văn, quyển 1,2
Hương Sơn xuất bản, Hà Nội 1952)

⁽¹⁾ Câu này từng đặt là:

Bảy giờ lều lổng giang hồ anh mới chạy nhăng.

(Tác giả chú thích thêm)

⁽²⁾ "Khoa Nhâm Tý, kỳ đệ nhất, mưa bão to lắm, có người học trò vì thế chết tại trường thi Nam Định"

(Tác giả chú thích thêm)

NGUYỄN CAN MỘNG

BÀI HÁT SÁU GIỜ

Hôm qua đương lúc sáu giờ,
Em ngồi thơ thẩn em chờ đợi ai?
Bảy giờ tựa chón hiên mai,
Ngon đèn thấp thoáng bóng người xa xa.
Tám giờ ngồi ngắm tố nga,
Xuân bao nhiêu tuổi xuân già hỡi xuân?
Chín giờ dạo gót ra sân,
Trời cao đất rộng xót thân liễu bồ.
Mười giờ kể chuyện cổ xưa,
Nửa thương người cũ nửa lo phần mình.
Mười một giờ em ngủ một mình,
Thà như một khối vô tình thời thôi.
Mười hai giờ trong dạ bồi hồi,
Chợt mê chợt tỉnh chợt ngồi thở than.
Một giờ giọt lệ chứa chan,
Làm chi mang tiếng hồng nhan mấy đời.
Hai giờ trong dạ nguôi nguôi,
Gượng vui với gối, gượng cười với chân.
Ba giờ tính việc làm ăn,
Cùng ai sửa túi nâng khăn cũng đành.
Bốn giờ nhớ đức sinh thành,

Sao cho bên hiếu bên tình vẹn hai.
Năm giờ biết ngỏ cùng ai,
Vùng đông lác đác một vài ngôi sao.
Tình riêng liệu nẻo chiêm bao,
Mất tuy muốn nhắm dạ nào có khuấy.
Thức khuya mới biết đêm chầy,
Đời người ba vạn sáu ngàn ngày mấy nao?

TRẦN TUẤN KHẢI

I. TIỀN CHÂN ANH KHOÁ XUỐNG TÀU

Anh khoá ơi! Em tiễn chân anh xuống tận bến tàu,
Đôi tay em đỡ cái khăn trầu, em lại lấy xuống đưa anh.
Tay cầm trầu giọt lệ chạy quanh,
Anh xơi một miếng cho bỏ chút tình em nhớ thương.

Anh khoá ơi! Cái bước công danh ngoắt ngoéo đủ
trăm đường,
Anh đi một bước tấm gan vàng em sẽ làm hai,
Kia người ta bè bạn vui cười,
Đôi ta thương nhớ, chỉ ngậm ngùi mà đứng trông nhau.

Anh khoá ơi! Còi tàu tu tu sắp kéo cầu,
Đường trần em sắp sửa gánh sầu từ đây.
Trông anh em chẳng nỡ rời tay,
Nỗi riêng em dặn câu này anh chớ có quên.

Anh khoá ơi! Người ta lắm bạc nhiều tiền,
Anh em phận kém duyên hèn mới phải long đong.
Một mình anh nay Bắc mai lại Đông,
Lấy ai trò chuyện cho khuây lòng lúc sớm trưa.

Anh khoá ơi! Chữ tương tư vai gánh nặng nề,
Giang hồ anh sớm liệu trở về, kéo nữa em mong.
Tính toan sao cho phỉ chí tang bồng,
Ở nhà em cũng dốc lòng giữ phận thuyền duyên.

Anh khoá ơi! Cái máy phân ly sinh sịch sắp chia duyên,
Thôi anh ngồi lại để em bước chân lên mạn bờ.
Gió huu huu ngọn nước chảy lờ đờ,
Dưới sông con tàu chạy, bên bờ em với trông.

Anh khoá ơi! Anh ra đi mây nước muôn trùng,
Em trở về vò võ phòng không một mình.
Vời trông theo tàu ngoặt khúc sông quanh,
Sông bao nhiêu nước, giọt lệ tình em bấy nhiêu.

2. MONG ANH KHÓA

Anh khoá ơi! Lúc đêm khuya ngồi tựa chón buồng điều,
Một mình em giờ quyển Kim - Vân - Kiều em đọc ngâm.
Đọc đến câu: " Dạ nguyên hai chữ đồng tâm",
Giật mình tưởng khách xa xăm em lại sầu.

Anh khoá ơi! Kể từ khi em tiễn chân anh xuống tận bến tàu,
Lời phân ly em chưa cạn mà con tàu nó đã quay đi.
Một mình em thơ thẩn bước ra về,
Vời trông mây nước trăm bề em những ngón ngang.

Anh khoá ơi! ở trên đời chi hiếm kẻ giàu sang,
Sao anh không luôn cúi để khuênh khoang cho nó qua đời.
Can chi mà nay ngược lại mai xuôi,
Để buống không em than thở, mà bên trời anh cũng
lênh dênh.

Anh khoá ơi! Cái kiếp nam nhi anh gánh vác đã đành,
Nhu em là phận gái dễ xuân xanh được mấy lần?
Mới ngày nào đào hạnh vẫn cười xuân,
Mà quyền kêu ve gọi, lần lần canh đã sang đông.

Anh khoá ơi! Bấy lâu nay xa cách vân mòng,
Bên đường em trông ngóng, bên sông em đợi chờ.
Đường vắng tanh sông nước chảy lờ đờ,
Một thương hai nhớ, biết bao giờ cho lại gặp nhau.

Anh khoá ơi! Trời cao cao nước biển sâu sâu,
Hỏi rằng trời xanh nước biếc có thấu nỗi nhau chăng là?
Một mình em thu xếp cửa nhà,
Dạy con em thay bố, nuôi mẹ già em lại thay con.

Anh khoá ơi! Tính đốt tay đã một năm tròn,
Ăn sương nuốt gió kẻ cũng hao mòn cái xác con ve.
Nghĩ nguồn cơn khuya sớm đi về,
Một thân em vò võ, biết hề thơ thẩn cùng ai?

Anh khoá ơi ! Cuộc phân ly con tạo khéo trêu người,
Non cao bể rộng, nợ đời em trả biết bao xong?

Nhớ đến câu xuất giá theo chồng,
Dầu trăm cay ngàn đắng, cũng dốc một lòng với gánh
giang san.

Anh khoá ơi! Kiếp tài tình đã trót đa mang,
Năm chìm bảy nổi, xin anh chàng cũng chớ ăn năn.
Nửa một mai thiên địa xoay vần,
Nụ xuân hoa thắm gặp ngày xuân ta lại tươi cười.

Anh khoá ơi! Đường Bắc Nam bao xiết nỗi ai hoài,
Gạt sáu pha lệ, viết mấy lời tỏ dạ nhớ mong.
Nước non xa muôn dặm vầy vùng,
Quê nhà đất cũ xin thấu tấm lòng cho ai?
Ngày hồi anh khoá em ơi!

3. GỬI THƯ CHO ANH KHOÁ

Anh khoá ơi! Cuộc phân ly thắm thoát đã mấy năm rồi,
Em mong em nhớ, em ngồi nghĩ lại thương anh.
Trông bốn phương non nước những mệnh mông,
Trời Âu bể Á một chiếc thuyền tình em ghé nơi nao?

Anh khoá ơi! Em nghĩ thương anh cũng bậc anh hào,
Ngang trời dọc đất, dễ anh nào đã chịu thua ai?
Chỉ tiếc thay cho anh sinh chẳng gặp thời,
Để tang bóng nặng gánh, anh phải ngậm ngùi mà
bước chân ra.

Anh khoá ới! Em nghĩ thương anh cũng một kiếp tài hoa,
Nước đời xô đẩy, anh phải xông pha với kiếp phong trần.
Ngọn gió năm châu dào dạt sóng Duy tân,
Tình nhà nổi nước, chiếc thân anh lo nghĩ đủ trăm chiều.

Anh khoá ơi! Kia con đường vắng mình ai chẳng dập dìu.
 Riêng anh đây lên dốc xuống đèo, thui thùi với gánh
 giang san.
 Nào những khi xa trông cơn mây kéo, lúc ngồi tựa bóng
 trăng tàn.
 Biết cùng ai bày dãi tấm tâm can cho khách giang hồ !

Anh khoá ơi! Trông non sông em lại ngán cơ đồ,
Bắc - Nam anh xuôi ngược, biết bao giờ cho thoả chí
bồng tang?
Cõi phù sinh khen con tạo khéo đưa đường,
Má hồng mặt trắng, cũng một kiếp đoạn trường ai dễ
khác ai?

Anh khoá ơi! Ngắm nghĩ xưa hào kiệt với anh tài,
Bể dâu chìm nổi cái bước đời ai khỏi gian nan.
Anh nghĩ làm sao danh nghĩa được vẹn toàn,
Để treo gương hào hiệp với giang san sau này.

Anh khoẻ ời! Nhờ luồng điện trên không em gửi bức tờ mây,
Chân trời mặt biển cái lá thư này mang tới tay anh;
Chốn buồn riêng em đây em tưởng nhớ biết bao tình,
Khi vui em muốn khóc, lúc buồn tênh em lại cười.

Anh khoá ơi! Em cảm thương anh em lại giận cho trời,
Bức tranh vãn cầu, cái tấn trò đời bày xoá như không.
Anh thà như ai cầm diếc đã xong,
Chỉ bung tai nhắm mắt mà ôm lấy miếng đỉnh chung nó cũng
qua đời.

Anh khoá ơi! Thời kể bao nhiêu lại càng động nổi quan hoài,
Gan vàng dạ sắt nguyện với đất trời xoi xét cho nhau.
Em chỉ nhờ ai xoay lại quả địa cầu,
Cho duyên em gặp gỡ, cho nước non khỏi u sầu với lúc
mưa dầm.

Anh khoá ơi! Ở trên đời này được mấy bạn tri âm,
Trời cao bể rộng cái mối đồng tâm xin anh chớ hững hờ.
Còn non sông đây em quyết chí đợi chờ,
Tàu bay, tàu lặn đến bấy giờ ta sẽ lại gặp nhau.

4. GÁNH NƯỚC ĐÊM

Em bước chân ra, con đường xa tít, non sông mù mịt,
bên vai kiu kịt, nặng gánh em trở ra về,
Ngóanh cổ trông sang sông rộng trời khuya,
Vì chung nước cạn, nặng nề em dám kêu ai?
Nghĩ tiếc công cho bà Nữ Oa đội đá vá trời,
Con dã tràng lấp biển biết đời nào xong.
Bước đêm khuya thân gái ngại ngừng.

Nước non gánh nặng, cái đức ông chồng hay hỡi có hay?
Em trở vai này!

(Xem Bài hát Anh khoá, 1939.
Ký hiệu P.29.733 Thư viện QG)

5. LÊN NÚI BA VÌ

Trèo lên trái núi Ba Vì,
Khấp trùng cõi Bắc, em lại quay về miền Nam.
Trách thay cho dãy Hoàng sơn chắn dọc chắn ngang,
Để Bắc Nam xa cách, cái món tâm can ai sẻ với mình?
Non xanh xanh, hòn đá cũng xanh xanh,
Non bao nhiêu đá, cái khối chung tình em nặng bấy nhiêu!
Trót thương nhau tam tứ núi cũng trèo,
Từ sinh ta cũng quyết, mặt nước cánh bèo ta cũng
chớ ngại gian nan.
Tấm lòng kia đã ghi tạc với giang san,
Đừng như con chim sáo, bỏ tổ quên đàn mà vội theo ai?
Gắng công lên có khi con Tạo cũng thua người,
Non cao trèo mãi cũng tới nơi, ta có ngại gì !
Ai về nhắn với bạn tương tri!

6. MONG CHỒNG

Anh mường vui đâu, vui mãi không về,

Để em mong đợi, hết hè rồi lại sang thu.
Anh mường vui đâu anh quên cả cơ đồ,
Trên vườn để bông hoa héo, dưới mặt hồ để con cá nó lội
ngẩn ngơ.

Việc cấy cấy ai kẻ toan lo,
Đồng cao nội trũng, lúc nắng mưa ai kẻ đoái hoài.
Em sợ phòng khi nước vỡ ngang trời,
Phận em nhi nữ, cuộc đời em biết tính làm sao?
Anh có thương, em xin anh chớ ngại lúc ba đào,
Ra tay đừng mũi chịu sào, xin anh chớ quản chi.
Anh ơi! Mau liệu mà về!

(Xem Bút Quan hoài, 1927.
Ký hiệu M15 - 5.100,TVQG)

I - LẤY CHỒNG GIÀ

Lá cây xanh tô điểm cái bông hoa đào,
Nhờn nhơ nghiêng ngả đón chào gió đông.
Anh tiếc cho em mặt phấn má hồng,
Gái tơ mon mồn đi lấy cụ chồng bảy mươi.
Em quá nghe ai nữ phí cả một đời,
Để đức anh đầu bạc sánh với người tóc xanh!
Ôi duyên! Ôi nợ! Ôi tình!
Sá chi em phạm hăm, ầu đành em duyên ôi.
Kìa vợ chồng người như đũa sổng đôi,
Chồng xinh vợ đẹp trẻ trai đương thời.
Mà cụ chồng em tóc bạc da mồi,
Mắt đưa hấp háy, miệng cười nhăn nheo.
Thẩn thờ trong cái chốn buồng điều,
Hỏi em có biết cái thú tình yêu nó thế nào?
Anh tiếc cho em hoài cặp má đào,
Để cho ông lão món phều phào hít hôn.
Bàn tay em như búp măng non,
Nhỏ tóc sâu dấm bóp có buồn hay không?
Những lúc canh khuya em trần trọc giấc nồng,
Tình xuân phơi phới, hỏi trong lòng em có khát khao?
Như đoá hoa xuân mong hạt móc dạt dào,

Cánh hoa thêm thắm, nhụy đào thêm tươi.
Hết ho sù sụ, lại thở khò khờ,
Em cứ bên lòng giam mãi cái xuân ư?
Chờ ông lão móm biết bao giờ quy tiên?
Để mà xa lại mới tơ duyên!

2. ANH HÀO

Anh thì hào,
Chúng anh xưa cũng mặt anh hào,
Cũng phường tai mắt, anh nào có chịu kém ai?
Mọi cách phong lưu anh đã trải mùi đời,
Chỉ còn thiếu nổi lên trời tróc tiên.
Kể từ ngày thế sự đảo điên,
Làm cho anh dờ cả mắt, cho nên anh mới hoá mù.
Ngược con người anh chỉ thấy cái bóng lù lù,
Cuộc đời xoay chuyển, anh vẫn ù ù minh minh.
Người ta thời tiến bộ cạnh tranh,
Mà anh đây chẳng biết ánh sáng văn minh nó thế nào?
Số phận nhá nhem, song le anh vẫn tự hào,
Nợ đời lo trả, há nào anh có thua ai?
Cái nghiệp xẩm xoan thế mà có ích cho đời,
Tay đàn miệng hát, anh giúp người mua vui.
Anh thẹn cho phường con mắt chẳng duì,
Ưu xương nặng thịt chỉ ngồi ăn dưng.
Anh lại thương cho phường con mắt tráo trung,

Thấy cửa đời tối mắt, chực lẫn lung vơ quàng.
Chúng anh đây danh lợi chẳng màng,
Suốt cả đời ca hát, sướng tràn hơn tiên.
Có ra có gì cái thời buổi bạc đen,
Anh chẳng buồn mở mắt để bon chen vì tiền.
Được cái thanh thoi, quan bất nhiều, dân bất phiền!

3. ÔNG HÀN NỔI

Ông thì hàn,
Kém chi ăi anh cũng tiếng ông Hàn,
Tuy rằng anh không chức trọng quan sang với đời.
Nói phăng ngay anh cóc sợ ai cười,
Anh chỉ hàn mâm, hàn chảo, hàn nồi, hàn xanh...
Đi khắp thôn quê đến chốn thị thành,
Vai đeo tay nải, một mình lang thang.
Anh chẳng phải khao trong họ ngoài làng,
Mà ai cũng gọi ông hàn, nào có kém chi?
Anh nghe tiếng dân gian ta thán rầm rì,
Rằng " xanh không có lỗ, cá đi đặng nào?"
Anh mới dừng chân lên tiếng thanh thao,
Nghe danh thiên hạ đón chào mừng vui.
Chốn cửa cao chễm chệ anh ngồi,
Người ta rộn rịp dọn nồi, soạn xanh.
Kẻ ít người nhiều anh thấu chút vì thành,'
Rồi ai muốn tốt muốn lành, anh cũng hàn cho.

Mở túi càn khôn anh lấy cái hồng lô ⁽¹⁾,
Ra tay anh hàn gắn khắp cho mọi người.
Anh thoả cái lương tâm giúp ích cho đời,
Được niêu cơm dẻo được nồi canh ngon.
Anh nghĩ cái hàn anh mới thực đáng tôn,
Bởi chung nó là hàn thực, chính môn gia truyền.
Còn hơn ai mà hàn hảo, hàn huyền,
Ra luôn vào cú, mất tiền mua cái hư danh.
Anh chẳng có thể ngà, chẳng có lọng xanh,
Nhưng một nghề anh tinh xảo cũng đủ vinh một đời.
Ôi chị em ơi! chớ coi rẻ ông Hàn nôi!

(Xem Dòng nước ngược,
tập 1 và tập 2, Hà Nội 1957)

4. TRUNG NHẬT CHIẾN TRANH

Tàu với Nhật bấy lâu hàn học,
Nay đã gây ra cuộc giết người.
Hẹn rằng đấu súng mà chơi,
Cấm ngoại quốc không ai can thiệp.
Lư Cầu kiều Nhật chơi nước hiếp,
Tàu uất căm diên tiết nổi lên.
Bắt đầu trò bắn chém đôi bên,
Kém khí giới Tàu liền chịu thoái.

⁽¹⁾ Hồng lô: lò than hồng, lại là tên một phẩm tước trong quan trường.

Nhật hạ Bắc Bình, Thiên Tân, Nam Kinh, Thượng Hải,
Tàu đành hy sinh mấy giải non sông.
Chiến trận thua, Tàu càng đánh càng hung,
Thề kháng Nhật đến kỳ cùng lực kiệt.
Nhật tuy thắng nhưng trong lòng cũng bức,
Tưởng Tàu mềm nước ực ngon ơ!
Nào đâu thật sự bất ngờ
Nước vào vương ngã ba ngã bảy.
Trót phải trét ầu đành liều vậy,
Đã đâm lao đành phải theo lao.
Hơn năm trời tướng tổn binh hao,
Tiếng rằng được nhưng nào có được !
Cố sống chết với non sông đất nước,
Tàu quyết theo chiến lược kéo dài.
Cho giặc phù tang tổn của hại người,
Khi kiệt lực ắt thời phải nhả,
Vừa cự địch Tàu vừa om ả,
Kêu xóm giếng khắp Á, Mỹ, Âu.
Nhưng xóm giếng "há đại gì đâu?"
Ăn tìm đến, đánh nhau thì lẩn
Tàu sang hội Quốc liên cầu khẩn,
Trừng trị phường xâm lấn tham ô,
Nhưng hội Quốc liên cũng khéo ồm ờ,
Chỉ đóng dả tầm phơ tầm phất,
Ý muốn dạy cho Tàu mở mắt:
Mình giúp mình, trời tất giúp cho.
Thử ngẫm xem chiến cuộc gay go,
Ai dám bảo ai thua ai thắng?

Song Tàu quyết mười mười chắc chắn,
Trận sau cùng phần được nắm trong tay.
Nhưng dù ai thua được sau này,
Cũng nhục xác nằm quay chết dở.
Chỉ có bọn đầu cơ kiếm bở,
Bán súng gươm phớn phở giàu to.
Chung quy đục nước béo cò!
Chiến tranh Tàu Nhật hoạ cho tổ tông⁽¹⁾.

5. QUAN LỚN - QUAN LỢN CÙNG CHUNG MỘT VẦN

Ninh thời Bình, Ninh thời Bình,
Vệ quốc quân ta tiến đánh Ninh Bình,
Vệ sĩ người mình ở vị trí Bến Xanh,
Tinh thần giác ngộ rất là nhanh,
Không một phát súng cũng khử ngay anh Trường đồn.
Còn bọn lính tây chưa kịp hoàn hồn,
Đã bị anh em sấn lại, chẳng còn "oong đơ".
Sấn thùng dè nghiêng trời gô,
Ở kia tam ông "quan lớn" ô hô rồ buồn!
Hoá ra tam "quan lợn" béo tròn,
Lốc nhốc một đàn, nộp bộ đội ta.
Quan lớn vừa hống hách hôm qua,
Quan hét ra lửa, quan la rất hùng.

⁽¹⁾ Câu cuối này do xẩm thêm vào.

Bài hát này do Nữ nghệ nhân Nguyễn Thị Hải (Hà Nội) hát theo điệu Chênh bong và đặt cho cái tên mới là "Chung quy đục nước béo cò".

Bây giờ một trận lung tung,
"Quan lớn" với "quan lợn" mới biết cùng chung một vắn.
Lần này kể đã mấy lần,
Anh em văng vào mặt lũ thực dân cáo già,
Rằng bao giờ ta cũng là ta,
Yêu nước, yêu nhà, thương xót đồng bang.
Có lẽ nào chịu theo bọn sai lang,
Người Nam lại đi giết người Nam sao đành?
Và rồi đây tất cả nguy binh,
Đều quay súng lại bắn tan thành bè lũ xâm lăng.
Lão Đờ Lát kia! có thấy hay chăng?

22-6-1951

6. VÀO BẦY

Tung thì giòi, tung thì giòi,
Cái con chim kia bay bỗng tung giòi.
Tham môi ngon ngọt nên mới chui vào lồng,
Cái cọn cá kia dưới nước vẫy vùng,
Tham môi béo bở, đại vô cùng nó mới cắn câu.
Anh tiếc cho ai kia là kẻ mầy râu,
Cũng vì miếng ăn cái mặc, đâm đầu vào chốn lao lung.
Năm sáu năm nay, kháng chiến oai hùng,
Ta như chim trời cá nước sống trong vùng tự do.
Vay mà còn có anh đầu óc mơ hồ,

Không bền gan chịu đựng nên mới diên rồ lén lút "dinh tề"⁽¹⁾,
Chẳng biết anh nghĩ sao rồi Việt sang Tề,
Bỏ nơi phóng khoáng, trở về với cảnh tối tăm !
Ngửi thấy mùi thơm, tưởng bờ anh đậm sẫm,
Vào trông quân giặc lỗ, sống âm thầm với lũ Việt gian.
Ăn sang mặc diện, anh lại cầu an,
Nhưng kiếp chìm lồng cá chậu, liệu có toàn được chăng?
Giặc thực dân nó lừa phỉnh dãi dằng,
Rồi sau nó thoát buộc, anh giằng nó cũng không tha.
Hiện nó đang bắt lính như bắt tà,
Để làm bia đỡ đạn đưa ra trận tiền.
Và lũ tay sai chó má bù nhìn,
Được dịp làm tiên, nhờ gió bẻ măng.
Thảm cái thân anh một cổ đôi ba trùng,
Dưới nanh vuốt giặc, nổi bất bằng anh biết kêu ai?
Chẳng qua là cái thân làm tội cái đời!

20-10-1951

7. QUÝT LÀM CAM CHỊU

Nước thì cờ, nước thì cờ,
Bởi Đờ Tátxinhi lắm lỗ nước cờ,
Cho nên giặc Pháp bây giờ rất đổi điêu linh.
Chúng loay hoay trong lưới sắt Hoà bình,

⁽¹⁾ Nguyên do tiếng Pháp "rentrer" nghĩa là lại trở vào. Trẻ con đánh bị, khi hòn bi vào vòng, thì nói "dinh tề". Ở đây nghĩa là vào thành (theo giặc)

Nhòai ra thì bỏ mẹ, thu hình cũng chết cha.
Cá đã vào lồng, khó quẫy mà thoát ra,
Cờ lâm nước bí, biết cầu cứu kêu ai?
Trong khi đợi giờ, ngày một ngày hai,
Lính địch khôi hài mai mả đấng cay.
Ngồi buồn chúng viết báo tay,
Một bài rao vặt hay hay, nghe lại thâm tình.
Rao rằng: "Ai lên trấn thủ Hoà Bình,
Một là may được gấn bội tinh chiến trường.
Hai là được thập ác huy chương,
Cắm lên trước mà con đường số Sáu chông gai.
Cố khi được mà cả hai,
Về nơi Địa phủ, muôn đời dăng lính Diêm Vương.
Hỏi lên Hoà Bình mấy kẻ được huân chương?
Hàng ngàn quân tình nguyện chết thương không mồi,
Hoà Bình nay là một trại tù,
Ao Trạch, Đồng Bền, nghĩa địa không lở vùi xác giặc Tây.
Sà - lăng sà lắc sa lầy,
Hắn đang "Sà lù mẹt" cố quan thầy Đờ Tátxinhi.
Quít làm cam chịu sáu bi!

23-2-1952

8. NHỮNG ANH HÙNG CỜ TRẮNG

Cay thì sè, cay thì sè,
Con cà cuống kia chết đến đít vẫn cay sè,

Giặc Tây lụn bại vẫn cứ khoe giỏi tài.
Giọng lưỡi thực dân quen thói bịp đời,
Trận Điện Biên phủ vừa rồi, nhục nhã thua cay.
Vậy mà chúng vẫn nói hay:
 Bao nhiêu tàu binh bại tướng toàn là tay "anh hùng"
 Anh hùng đâu có lạ lòng,
 Tướng chỉ huy là Đờ Cát, chỉ vì hồng thắm quan.
 Nên thoát đầu tuyên bố huyênh hoang,
 "Nhất định không hàng, đánh đến chết thôi."
 Té ra đến lúc hạ hồi,
 Chiến sĩ ta một tổ năm người xung phong.
 Mới ném cho một thù pháo nổ đùng,
 Quan tướng "anh hùng" hồn vía lên mây.
 Vãi cả cứt ra xám mặt xanh mày,
 Toàn bộ tham mưu tùy tướng giờ tay xin hàng.
 Lại còn ngót vạt "yêng hùng" vừa lính vừa quan,
 Phát tung cờ trắng biến thành đàn tù binh.
 Vậy mà bọn thực dân vẫn cố tình,
 Để cao binh tướng "quang vinh tuyệt vời",
 Chúng táng bốc nhau chẳng biết ngược lời.
 Khiến cho thiên hạ tức cười lộn ruột lộn gan.
 Nước người ta thời có chiến sĩ thép gang,
 Chúng nó thời "anh hùng cờ trắng" vênh vang nổi gì?
 Cái thứ "yêng hùng" kiểu Đờ Cát Tờ ri!

11-6-1954

MỘT SỐ LÀN ĐIỀU
HÁT XẨM

NGƯỜI HÁT

- NGUYỄN VĂN NGUYÊN
- NGUYỄN PHONG SẮC
- NGUYỄN VĂN KHOẢN
- TRẦN THỊ NHƠN
- TRẦN THỊ THÌN
- HÀ THỊ CẦU

GHI ÂM

- MẠC HY
- NGUYỄN TRỌNG ĐÁNH
- MINH VĂN
- PHẠM TRỌNG LỤC



Xẩm chợ

Người hát: NGUYỄN VĂN NGUYÊN

Hát nói - Nhịp vừa

Trùm Xẩm - Hà Nội



Nhạc dạo



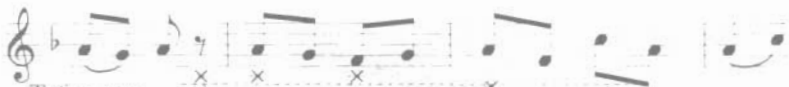
Khổ 1



Đại phu do thiên

Đại phu

Sách cổ chữ rành



Trống cơm

do thiên

Những

(Binh binh binh bập binh)



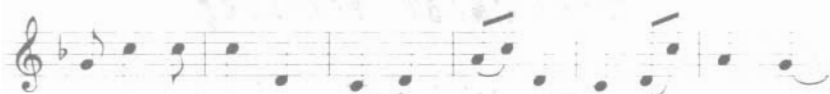
người

nghèo khổ

phải

chuyên

cho



cán Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân
Sách có chữ rằng

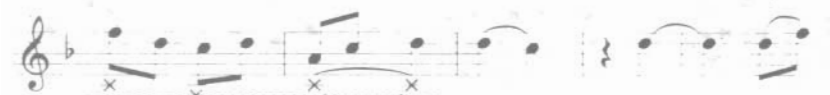


Khố 2

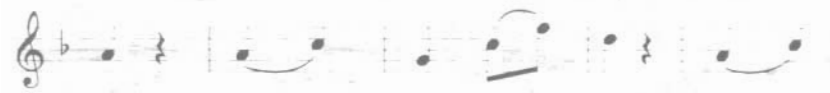
(Binh binh bập binh binh binh) Sách có



Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân
chữ rằng (Binh



binh bập binh) Qua con bī



cư tới mãn thân lại Chờn



nam xuân trên cho bách tước còn dài



(Binh binh bập binh binh binh)

Chênh bong

Người hát: NGUYỄN VĂN NGUYÊN

Trùm Xẩm - Hà Nội

Nhịp tung tẩy

Nhạc dạo

Vita phải

Quyết chí tu thân làm tài giai quyết

chí tu thân Công danh không vội. Nợ nần không lo lúc khi

nên khi nên giờ giúp công cho i

Lúc khi nên giờ giúp công

cho làm giai năm liệu bấy lo mơn hảo ông giờ

sinh giờ sinh giờ chẳng có phụ mào long vãn gặp

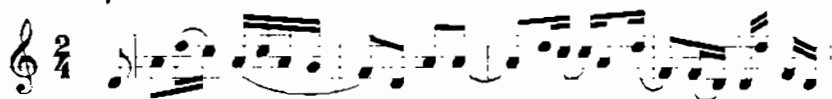
hồi anh hào tôi, tay một trăm trí khôn trí khôn xếp
 để da này 1 1
 ... Trăm trí khôn 1 xếp
 để da này Có công mài thép (ì) cũng có
 ngàn nên kim ở ai ở trăm sự (lã) nhờ
 giòn Hồi ai đã hần hơn ai ở đời Khó
 thời mà mắc khó (chứ) ta cứ vui chơi Gian nan phú
 troc mấy có hơn người bán thành

Riềm huê

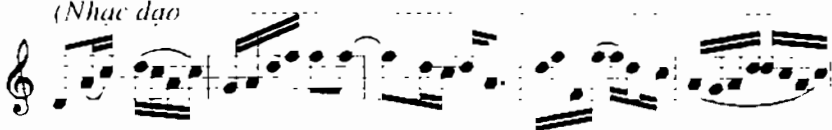
Người hát: NGUYỄN PHONG SẮC

Vừa phải - Tình cảm

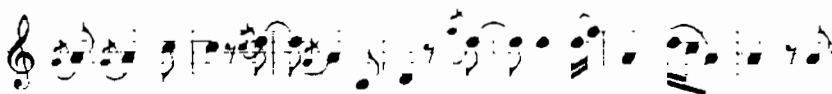
Trưởng Nhất xẩm Hải Dương



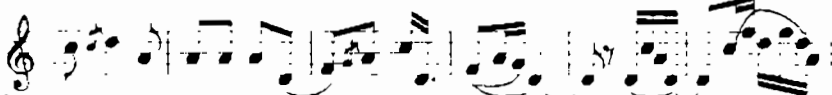
(Nhạc dạo)



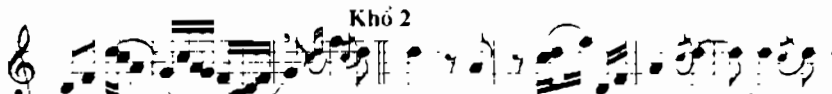
Tình mới gặp



tình ngày hôm nay tình mới gặp tình. Tình toán toán hỏi xem tình làm



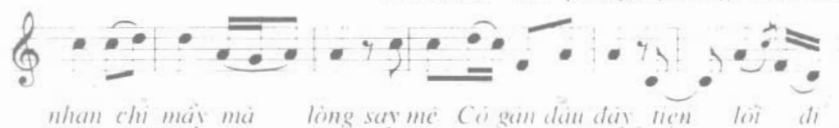
sao. Có ai đưa ai đưa liến đến hỏi dẫu 1 1 Nhạc dạo



Có ai đưa heo đến hỏi dẫu Ai mang duyên



ấy buộc vào tình đây Chả trăm năm duyên cũng một ngày cùng đàn



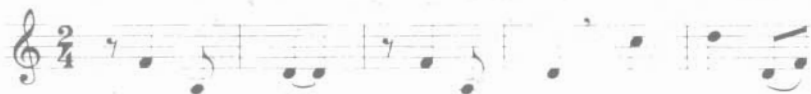
(Bính bính bập bập bính bính).

Ba bước nhịp bằng

Người hát: TRẦN THỊ NHƠN

Chậm kể tình cảm

Trương Như Xẩm Nam Định



Thanh thời nhân Thanh thời nhân Cái chén rượu



ngon ai giải lúc cơn thanh nhân i i i. Giải



lúc cơn ơ cơn thanh nhân Khi vui là



vui đèn sách với bạn ơ hiền làm vui chứ làm



vui. Ta quyết ăn chơi Ăn chơi cho



đủ ai ơ mọi mùi i i i. Cho

dù ư ư mọi mùa ở trên
 đời ai ai chả lấy chữ mấy cuộc
 vui i làm đâu so bề nhục vinh nào có y bao
 lâu i i i i i Nào
 có i mà bao lâu cứ vui chơi chẳng
 kẻ sang giàu mà chi Nay gặp cô
 em đây thiên tài nhất thì nên bán
 hậu phi lo gì mà nàng lo. Trôi yêu nhau nên
 anh phải hẹn hò i i i i i

Phồn huê

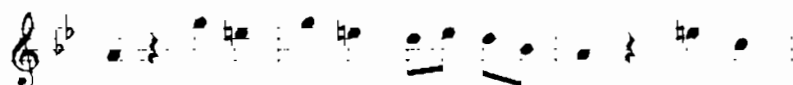
Người hát: TRẦN THỊ THÌN

Chăm buồn

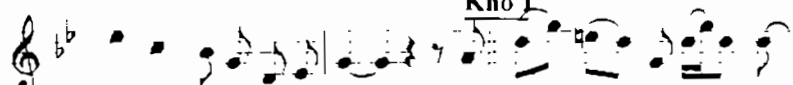
Xâm Sơn Tây



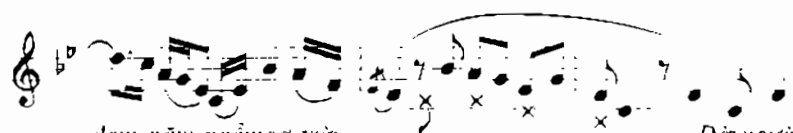
Nhạc đạo ---



Khô L



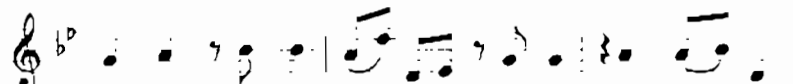
Năm năm có trời vất vả lên



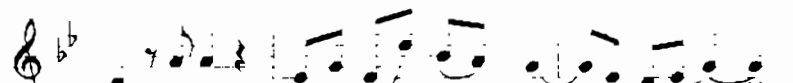
đem năm ngẫm cơ tròn

(Bình bình bập bình)

Đàn người

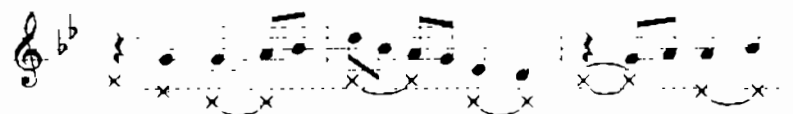


mấy lúc gian nan vất vả mà già lիếp chi hiềm



Ni ai oi heu bãy lo ha ho *a* *(Binh)*

(Binh



binh báp binh binh binh báp)

Khố 2



(bình bập bập bình bập bình bình)

Thiếp



chỉ hiếm vì ai ơi liệu bấy bấy lo ba tình



chông cũng nằng nghĩa cha i cao dầy nghĩa cha cao dầy Thế cho



nên một mình tôi lo lắng suốt đêm ngày Đấy với

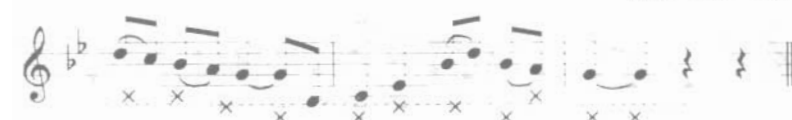


mướt mắt nước mắt chảy dài năm canh Ngồi một mình tôi riêng tôi



lại nghĩ một mình i một mình ở hơ ơ

(Bình bình bập



ơ ơ hơ ở hơ ơ hơ ơ hơ

bình bình bập bình bình bình bập bình bình).

Hát ai

Châm xốt xa ai oán

Người hát: NGUYỄN VĂN NGUYỄN

Nhạc đạo:

(Binh báp binh Binh báp binh Binh báp

binh binh bap binh bap binh binh bap binh binh bap

Khó 1:

Con riêng con

binh Binh bấp binh bấp binh bình)

riêng mẹ đi lấy chồng kiếm chút tiền nuôi con

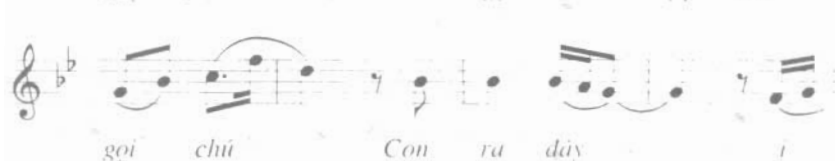
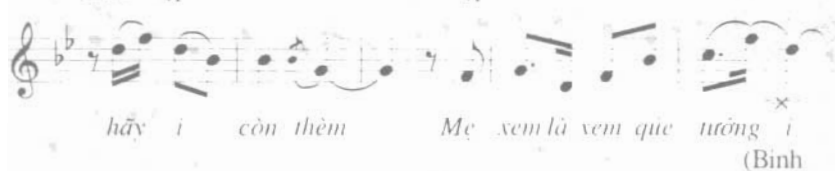
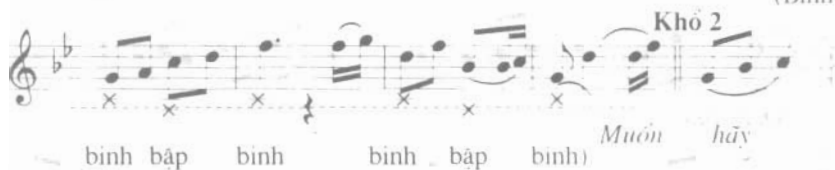
riêng i i i i Gia nư là nư diên

(Bình bập bình)

sản i i i i mà để bác tiên phó

già con riêng i Trong bụng mẹ đây

(Bình bình bập bình)



Xẩm thập ân

Kể lễ gọi nhắc

Người hát: TRƯỜNG KHOẢN



Nhạc dạo:



Con bư



con ăn Mẹ chăm cho đêm ngày con bư



con ăn đêm năm quán áo chiều chân mẹ



trời nhiều bé. Ba bốn năm công mẹ bư



mồm bư trì. Một con một của ai chē



bao giờ Mẹ nuôi con từ khi trứng nước còn

thơ ơ ơ ơ (Nhạc dạo)

Khô 2

Me nuôi con từ khi

trông nước còn thơ. Mong sao mà khôn lớn

chữ nường nhờ mà cây trồng Cho bồ câu công đường dục

âm bóng sinh con ai chả muốn chữ vụn trồng cho con

Me nuôi con trông chừng áo nài chữ da mòn

Nhạc dạo

Khô 3

Me nuôi con...

Đò đưa

Chậm vừa - Tình cảm

Người hát: NGUYỄN VĂN NGUYỄN

Nhạc dạo

Lặng vàng Lặng

vàng ai đem trăm kim

kim đôi lấy tơ lang

vàng. Ơi hôn nàng

Ơi i i i Trăm kim đôi

lấy ai ơi lặng vàng Mảnh nhang có

bên Tư Mã tơ tơ

mà để thiệp chàng chàng

thiếp soi chung Anh chàng đi chơi

dâu đi chơi dâu chẳng rủ thiếp ai

ơi theo cùng ơ ở ơ Ơi

hỡi chàng ơi! Đi chơi dâu chẳng rủ

thiếp ai ơi theo cùng năm canh cô bên

thiếp chịu i ời i mà để lạnh lòng da

diết cả năm canh Chàng trở ra về

em vắn hỏi thăm anh chàng trở ra

về cho em hỏi thăm ời i i

t. Nhạc dạo

Bông mại

Hát kể - Nhịp tự do

Người hát: NGUYỄN VĂN NGUYÊN

The musical score is written on a single staff in treble clef. It features a series of eighth and sixteenth notes, some beamed together, and rests. The melody is simple and expressive, with a final double bar line at the end. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes.

Này anh Khoá ơi! Em tiến chân
anh xuống tận bến i tàu. Mà đôi tay em
đỡ cái khăn trầu em lấy đưa anh Tay cầm
trầu mà giọt lệ chảy quanh. Anh xơi một miếng cho
bơ chút tình i em nhớ i thương i.

Hát ru

Nhịp tự do - Trữ tình

Người hát: TRƯỜNG THÌN

Ru hời hời hời i ầy mấy hời hời

Hời hời tình ru hời ru tình ru

Quét sạch i ầy mấy

i lá rừng Đò ai đò ai quét

sạch i ầy mấy lá i rừng

Nói rằng để ta để ta khuyen gió i

ầy mấy gió dưng gió dưng rung cây Ta

ru hời ru hời ru tình ru

Sa Mạc

Nhịp tự do - Ngâm

Người hát: TRẦN THỊ NHƠN.

Một vùng cỏ cây i i

bóng tà Gió hui i

hui thổi một và

bóng lau Rút tràn i

i i i sân giắt mái i

dầu Vạch

da i i cây vịnh bốn câu

ba

vân...

Sa mạc

Hát nói - Nhịp tự do

Người hát: HÀ THỊ CẦU

Rủ nhau xuống bể tìm
cua i. Đem về nấu quả mơ chua
trên i rừng Chừ em
ơi chua ngọt đã từng Mà non
xanh nước bạc ta i dưng
quên i nhau i.

Trống quân

Người hát: ĐÀO THỊ MẶN

Vui hoạt

Nghệ nhân Xẩm Hưng Yên



Đất thấp ông trời cao ở đây (thời) đất
thấp ông trời cao ngọn đèn (thời) sáng tỏ hơn
sao trên trời i i Mừng dân (thời) tôi
lại mừng đây Mừng chim (thời) loan
phượng mừng cây ngô đông i i Xứ
Bắc xứ Đông tôi mừng người xứ Bắc mừng
kẻ xứ Đông Mừng chim (thời) loan
phượng ngô đông sánh đôi i i

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Mấy nét về Hát xẩm

Tuyển văn

I - NHỮNG CÂU HÁT THEO CÁC ĐIỀU XẨM CHÍNH TÔNG

Xẩm chợ - Chênh bong

Riêm huê - Ba bực

Phồn huê - Hồ bốn mùa

Hát ai - Thập ân

II - NHỮNG CÂU XẨM HÁT THEO LÀN ĐIỀU KHÁC

Sa mạc - Trống quân

Đò đưa - Lý giao duyên

Cò lả - Hát ví - Hát Vần

Lưu thủy - Hành vân

Nam thương - Phù thủy

III - TRUYỆN XẨM

Trung Nữ vương - Đinh Tiên Hoàng

Bà Ba Cai Vàng - Ông Đội Cấn

Thất thủ Hà Nội - Bồi chung ta chẳng đồng lòng	181
Bắc tình ca - Về cụ Đề Thám	188
Bão năm Tỵ - Chợ Đồng Xuân	200
Vui nhất Hà Thành - Trương Chi	204
Kể Cá - Cá hoá rồng	209
Kể hoa - Sự tích hoa sen	213
Chuột tiết trinh	221
Lấy vợ trong tranh - Tô Vũ chăn dê	223
Truyện Trang Sinh - Thành Cuội	227
Bài thuốc hay	236
Biển Thước - Cô vợ hay quên	241
Miếng ăn miếng nhục - Ăn quà là bốn	248
Cô hàng chua ngoa - Giết chó khuyên chồng	254
Mài dao dạy vợ - Gà trọng hơn mẹ	260
Năm con chưa hết lòng chồng - Truyện cô gái diêm	265
Đồng tiền Vạn Lịch - Truyện bà Mục Liên	269
Việt Minh đến thật là tài	295

IV - NHỮNG BÀI HÁT XẨM CÓ TÊN TÁC GIẢ

Nguyễn Khuyến - Phan Bội Châu	297
Hoành Sơn - Trần Trung Viên	301
Tản Đà - Nguyễn Can Mộng	306
Trần Tuấn Khải - Tú Mỡ	312

V. MỘT SỐ LÀN ĐIỀU HÁT XẨM

Xẩm chợ	332
Chênh bong	334
Riềm huê	336

Ba bực nhịp bằng

Phồn huê

Hát Ai

Xâm Thập Ân

Đò đưa

Bồng mạc

Hát ru

Sa mạc 1

Sa mạc 2

Trống quân

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NHẠC SĨ TẠ TUẤN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGHIÊM BÁ HỒNG

Biên tập nội dung:

NGHIÊM BÁ HỒNG - VĂN TIẾN

Trình bày bìa: **THẾ ĐỨC**

Sửa bản in:

TRẦN VIỆT NGŨ - THU BÌNH

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 tại Nhà in KH và CN

Giấy phép xuất bản số: 21/XBÂN - TN.

Căn cứ giấy chấp nhận ĐKKHXB số 194XB - QLXB ngày 27-2-2002

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 - 2002.

TRẦN VIỆT NGŨ



- Sinh năm 1927
- Quê quán: Phú Ốc - Lộc Hoà - TP. Nam Định.
- Văn sử 58-60. Đại học Sư phạm Hà Nội
- Trưởng ban Sân khấu Dân tộc VSK từ 1982.
- Huy chương
- Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam.
- Vì sự nghiệp Văn Nghệ Dân gian Việt Nam.
- Vì sự nghiệp Văn Hoá Thông Tin.

SÁCH ĐÃ IN

- *Âm nhạc phổ thông* - Giáo trình - NXB Kuy Sơn 1958
- *Thoại Khanh Châu Tuấn* - Suu tập - NXB Phổ Thông 1962
- *Dân ca Nam Trung Bộ* - Suu tuyển - giới thiệu.
(Cùng Trương Đình Quang) - NXB Văn học 1963.
- *Dân ca Bình Trị Thiên* - Suu tuyển - giới thiệu.
(Cùng Thành Duy) - NXB Văn học 1967
- *Dân ca Nam Bộ* - Suu tuyển - giới thiệu - Hợp tuyển Văn học
Việt Nam tập I - NXB Văn Học 1972.
- *Mã Phùng Xuân Hương* - Suu tập - Giới thiệu.
(Cùng Thạch Giang) - NXB Thuận Hoá 1985.
- *Cải lương miền Bắc trước 1945* - Nghiên cứu lịch sử sân khấu Việt Nam tập 2
Viện Sân khấu 1985
- *Ba Văn trên sân khấu Cải lương* - Nghiên cứu giới thiệu.
NXB Văn hoá 1985 - NXB Tổng hợp TP. HCM 1986
- *Lệ Thi trên sân khấu Bài Chòi* - Nghiên cứu giới thiệu.
Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải xuất bản 1985.
- *Về nghệ thuật sân khấu* - Tập tiểu luận - NXB Sân khấu 1996.
- *Sân khấu Việt Nam* - Viết chung - NXB thế giới dịch ra tiếng pháp 1998.
- *Nửa thế kỷ sân khấu Hà Nội (1945 - 1995)* - Nghiên cứu
(cùng Tất Thắng) - NXB Sân Khẩu 2000
- *Bước đầu tìm hiểu nghệ thuật chèo* - Nghiên cứu (cùng Hoàng Kiếu).
NXB Văn hoá Nghệ thuật 1964
- *Bước đầu tìm hiểu Tiếng Cười trong Chèo cổ* - Nghiên cứu
(Cùng Hoàng Kiếu) - NXB Khoa học xã hội 1967.
- *Âm nhạc trong nghệ thuật chèo* - Nghiên cứu - Viện Sân khấu XB 1970.
- *Kịch bản chèo trước cách mạng sưu khảo* - Viện Sân khấu 1970
- *Nghệ sĩ chèo Hoa Tâm* - Nghiên cứu giới thiệu - NXB Văn
- *Tìm hiểu cách viết một vở chèo* - Nghiên cứu giới thiệu - N
- *Nguyễn Đình Nghi và phong trào chèo cải lương* - Nghiê
Viện sân khấu XB 1994.
- *Về nghệ thuật chèo* - Tổng luận - Viện Âm nhạc XB 1996
- *Chèo cổ Thái Bình* - Chủ biên - Sở Văn hoá TT Thái Bình XB 1999.
- *Lược thảo lịch sử xiếc Việt Nam* - Chủ biên - Trường xiếc VN XB 2000.
- *Nghìn năm sân khấu Thăng Long* - Tập chuyên luận - Viện sân khấu và trường Đại học
SK và Điện ảnh XB 2001.

Hát xẩm



10,000